TPBank

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/*No.*: 138 /2026/TPB.HĐQT

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2026
Hanoi, November 13, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
To: - State Securities Commission
- Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức / *Name of organization:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPBank) / *Tien Phong Commercial Joint Stock Bank (TPBank)*
   - Mã chứng khoán / *Stock code:* TPB
   - Địa chỉ / *Address:* Tòa nhà TPBank, Số 57, Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội / *TPBank Building, No. 57, Ly Thuong Kiet Street, Cua Nam Ward, Hanoi City*
   - Điện thoại liên hệ / *Telephone:* 024. 3768 8998 Fax: 024. 3768 8979
   - Email: cbtt@tpb.com.vn
2. Nội dung thông tin công bố / *Contents of disclosure:*
   Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 667/GCN-UBCK ngày 06/11/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, TPBank công bố thông tin về Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng – Đợt 1 và Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng.
   Pursuant to the Certificate of registration for public offering of bonds No. 667/GCN-UBCK dated November 6, 2026 from the State Securities Commission, TPBank discloses information regarding the Notice of public offering of bonds – Tranche 1 and the Prospectus for the public offering of bonds.
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của TPBank vào ngày 13/11/2026 tại đường dẫn: https://tpb.vn/nha-dau-tu / *This information was published on TPBank's website on November 13, 2026, as in the link https://tpb.vn/eng/nha-dau-tu*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố / *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Nơi nhận / *Recipients:*
- Như Kính gửi / *As above;*
- SGDCK Việt Nam / *Vietnam Exchange;*
- Lưu: VT / *Archived by VT.*

Tài liệu đính kèm / *Attachment:*
- Tài liệu liên quan đến nội dung công bố thông tin / *Documents on disclosed information*

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người UQ CBTT
Person authorized to disclose information
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT
VICE CHAIRMAN OF THE BOD

Lê Quang Tiến

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 667/GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2026

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 (sau đây gọi là Luật Chứng khoán);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 115/2025/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-BTC ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý chào bán chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng cho:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIÊN PHONG

– Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Tien Phong Commercial Joint Stock Bank;

– Tên giao dịch: TPBANK;

– Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà TPBank, số 57 phố Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;

– Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/GP-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 25 tháng 05 năm 2026 được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 49/QĐ-QLGS4 ngày 25 tháng 06 năm 2026 của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Quyết định số 2361/QĐ-NHNN ngày 27

tháng 10 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

– Vốn điều lệ: 31.901.348.960.000 đồng *(Ba mươi mốt nghìn chín trăm linh một tỷ ba trăm bốn mươi tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).*

Điều 2. Trái phiếu Ngân hàng TMCP Tiên Phong được chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại chứng khoán: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của tổ chức phát hành;

2. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu *(Một trăm nghìn đồng)*;

3. Tổng số lượng trái phiếu chào bán ra công chúng: 150.000.000 trái phiếu *(Một trăm năm mươi triệu trái phiếu)*, trong đó:

– Đợt 1: 30.000.000 Trái phiếu;

– Đợt 2: 30.000.000 Trái phiếu;

– Đợt 3: 30.000.000 Trái phiếu;

– Đợt 4: 30.000.000 Trái phiếu;

– Đợt 5: 30.000.000 Trái phiếu.

Số lượng trái phiếu đợt chào bán trước chưa bán hết được chuyển sang đợt chào bán liền sau. Sau khi hoàn tất từng đợt, Ngân hàng TMCP Tiên Phong phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả chào bán từng đợt, đồng thời bổ sung các tài liệu có liên quan đến đợt tiếp theo theo quy định.

4. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 15.000.000.000.000 đồng *(Mười lăm nghìn tỷ đồng)*;

5. Thời gian phân phối:

– Đợt 1: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;

– Đợt 2: dự kiến Quý IV/2026;

– Đợt 3: dự kiến Quý I – Quý II/2027;

– Đợt 4: dự kiến Quý II – Quý III/2027;

– Đợt 5: dự kiến Quý III/2027.

Thời gian chào bán dự kiến của từng đợt không được kéo dài quá 90 ngày. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng.

6. Phương thức phân phối: theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;

7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán Tiên Phong.

Điều 3. Ngân hàng TMCP Tiên Phong và các tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ tuân thủ quy định tại Điều 11a Luật Chứng khoán và khoản 1 Điều 6 Nghị

định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

Điều 4. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp nhận, xử lý hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 11a Luật Chứng khoán và điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành năm (05) bản gốc (trong đó: 01 bản cấp cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong, 02 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam) và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Hoàng Văn Thu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số: 858/2026/TB-TPB.FA
No.: 858/2026/TB-TPB.FA

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2026
Hanoi, 12 November 2026

THÔNG BÁO
Chào bán trái phiếu ra công chúng – Đợt 1
NOTICE
Of public offering of bonds – Tranche 1

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 667/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/11/2026)
(Certificate of registration for public offering of bonds No. 667/GCN-UBCK issued by the Chairman of the State Securities Commission on 06 November 2026)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH/*INTRODUCTION OF THE ISSUER*

1. **Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ)**: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIÊN PHONG
   Full name of the Issuer: *TIEN PHONG COMMERCIAL JOINT STOCK BANK*
2. **Tên viết tắt**: TPBank
   Abbreviated name: *TPBank*
3. **Địa chỉ trụ sở chính**: Tòa nhà TPBank, số 57 phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
   Head office address: *TPBank Building, No. 57 Ly Thuong Kiet Street, Cua Nam Ward, Hanoi City, Vietnam*
4. **Số điện thoại**: (84.24) 3768 8998
   Telephone: *(84.24) 3768 8998*
   Số fax: (84.24) 3768 8979
   Fax: (84.24) 3768 8979
   Website: www.tpb.vn
5. **Vốn điều lệ**: 31.901.348.960.000 đồng.
   Charter capital: *VND 31,901,348,960,000.*
6. **Mã cổ phiếu**: TPB
   Stock code: *TPB*
7. **Nơi mở tài khoản thanh toán**: Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Số hiệu tài khoản: 120103
   Payment account opened at: *the Operations Centre of the State Bank of Vietnam. Account No.: 120103*
8. **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương**: Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp đổi ngày 25/05/2026 (được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 49/QĐ-QLGS4 ngày 25/06/2026 và Quyết định số 2361/QĐ-NHNN ngày 27/10/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Theo khoản 2 Điều 27 Luật Các

tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, Giấy phép này đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

***Enterprise Registration Certificate or equivalent legal document**: Establishment and Operation Licence No. 23/GP-NHNN re-issued by the State Bank of Vietnam on 25 May 2026 (as amended and supplemented by Decision No. 49/QĐ-QLGS4 dated 25 June 2026 and Decision No. 2361/QĐ-NHNN dated 27 October 2026 of the State Bank of Vietnam). Pursuant to Clause 2, Article 27 of the Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15, this Licence also serves as the Enterprise Registration Certificate.*

- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác (huy động vốn, hoạt động tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, các hoạt động khác theo Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp). Mã ngành: 6419

Main business lines: Other monetary intermediation (capital mobilization, credit activities, payment and treasury services, and other activities under the Licence issued by the State Bank of Vietnam). Industry code: 6419

- Sản phẩm/dịch vụ chính: dịch vụ tài khoản; huy động vốn; cấp tín dụng; bảo lãnh; chiết khấu; thanh toán; chuyển tiền; thẻ; ngoại hối; bao thanh toán và các dịch vụ khác theo Giấy phép thành lập và hoạt động.

Main products/services: account services; capital mobilization; credit extension; guarantees; discounting; payment; money transfer; cards; foreign exchange; factoring and other services under the Establishment and Operation Licence.

9. **Giấy phép thành lập và hoạt động**: Số 23/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp đổi ngày 25/05/2026 (được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 49/QĐ-QLGS4 ngày 25/06/2026 và Quyết định số 2361/QĐ-NHNN ngày 27/10/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

***Establishment and Operation Licence**: No. 23/GP-NHNN re-issued by the State Bank of Vietnam on 25 May 2026 (as amended and supplemented by Decision No. 49/QĐ-QLGS4 dated 25 June 2026 and Decision No. 2361/QĐ-NHNN dated 27 October 2026 of the State Bank of Vietnam).*

II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN/*PURPOSE OF THE OFFERING*

Toàn bộ số tiền thực tế thu được từ chào bán trái phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện hệ số an toàn vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của TPBank, cụ thể là khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp, trên cơ sở bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của TPBank.

All proceeds actually received from the offering of the bonds will be used to supplement Tier 2 capital, improve the capital adequacy ratio in accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam and meet TPBank's customer lending needs, specifically for individual customers and corporate customers, in compliance with the law on credit institutions and TPBank's internal regulations.

III. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN ĐỢT 1/*OFFERING PLAN FOR TRANCHE 1*

1. **Tên trái phiếu**: Trái phiếu TPBank phát hành ra công chúng nhằm bổ sung vốn cấp 2 giai đoạn 2026–2027.

***Bond name**: TPBank's bonds publicly offered to supplement Tier 2 capital for 2026–2027.*

2. **Loại trái phiếu**: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, không có bảo lãnh thanh toán và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của TPBank. Trái phiếu là nợ thứ cấp được thiết kế nhằm đáp ứng các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo Thông tư số 14/2025/TT-NHNN.
***Bond type**: The bonds are non-convertible, have no warrants attached, are not secured by assets, have no payment guarantee and constitute direct repayment obligations of TPBank. The bonds are subordinated debt designed to satisfy the conditions for inclusion in Tier 2 capital under Circular No. 14/2025/TT-NHNN.*

3. **Mã trái phiếu**: TPBC12601 (mã trái phiếu trước khi niêm yết).
***Bond code**: TPBC12601 (pre-listing bond code).*

4. **Mệnh giá trái phiếu**: 100.000 đồng/trái phiếu.
***Par value**: VND 100,000 per bond.*

5. **Tổng số lượng trái phiếu chào bán**: 30.000.000 trái phiếu.
***Total number of bonds offered**: 30,000,000 bonds.*

6. **Tổng giá trị trái phiếu chào bán (theo mệnh giá)**: 3.000.000.000.000 đồng (Ba nghìn tỷ đồng).
***Total value of bonds offered (at par value)**: VND 3,000,000,000,000 (three trillion Vietnamese dong).*

7. **Giá chào bán**: 100.000 đồng/trái phiếu.
***Offering price**: VND 100,000 per bond.*

8. **Lãi suất hoặc nguyên tắc xác định**: Lãi suất thả nổi, bằng lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ 4,1%/năm; lãi suất tham chiếu xác định theo Mục 7 Phần VI Bản cáo bạch. Lãi suất tham chiếu tại ngày ban hành Thông báo này: 5,4%/năm. Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên: 9,5%/năm.
***Interest rate or principle for determining the interest rate**: Floating interest rate, equal to the reference rate plus (+) a margin of 4.1% per annum; the reference rate is determined in accordance with Section 7, Part VI of the Prospectus. Reference rate on the date of issuance of this Notice: 5.4% per annum. Interest rate applicable to the first interest period: 9.5% per annum.*

9. **Kỳ hạn trái phiếu**: 10 (mười) năm, tính từ ngày phát hành. Ngày phát hành là ngày kết thúc việc thu tiền mua trái phiếu nêu tại mục 15 Phần này.
***Bond tenor**: 10 (ten) years from the issue date. The issue date is the date on which the collection of bond subscription monies ends, as stated in item 15 of this Part.*

10. **Kỳ trả lãi**: Định kỳ 12 tháng một lần kể từ ngày phát hành, theo Mục 8 Phần VI Bản cáo bạch.
***Interest payment period**: Periodically every 12 months from the issue date, in accordance with Section 8, Part VI of the Prospectus.*

11. **Phương thức phân phối**: TPBank phân phối trực tiếp cho nhà đầu tư tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch của TPBank trên phạm vi toàn quốc. Không có tổ chức bảo lãnh phát hành, đại lý phân phối.
***Distribution method**: TPBank distributes the bonds directly to investors at TPBank's head office, branches and transaction offices nationwide. There is no underwriter and no distribution agent.*

12. **Số lượng đăng ký mua tối thiểu**: 1.000 trái phiếu.
***Minimum subscription amount**: 1,000 bonds.*

13. **Thời gian nhận đăng ký mua trái phiếu**: Từ ngày 16/11/2026 đến ngày 23/12/2026.
***Subscription period**: From 16 November 2026 to 23 December 2026.*

14. **Địa điểm nhận đăng ký mua trái phiếu**: Trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch của TPBank trên phạm vi toàn quốc (danh sách địa điểm đăng tải tại https://tpb.vn).
***Place for receipt of bond subscriptions**: TPBank's head office, branches and transaction offices nationwide (the list of locations is posted at https://tpb.vn).*

15. **Thời gian nhận tiền mua trái phiếu**: Từ ngày 16/11/2026 đến ngày 23/12/2026.
***Period for receipt of bond subscription monies**: From 16 November 2026 to 23 December 2026.*

16. **Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu**:
***Blocked account for receipt of bond subscription monies**:*
    - Tên chủ tài khoản: Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong
    Account holder: Tien Phong Commercial Joint Stock Bank
    - Số tài khoản: 80003951905
    Account number: 80003951905
    - Mở tại: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
    Opened at: Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank

17. **Các điều khoản về chuyển đổi trái phiếu**: Không có.
***Terms on conversion of bonds**: None.*

18. **Các điều khoản đối với chứng quyền kèm theo trái phiếu**: Không có.
***Terms applicable to warrants attached to bonds**: None.*

19. **Các thông tin liên quan đến trái phiếu có bảo đảm**: Không có.
***Information relating to secured bonds**: None.*

20. **Địa điểm công bố Bản cáo bạch**: Trụ sở chính TPBank (Tòa nhà TPBank, số 57 phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội) và trang thông tin điện tử https://tpb.vn.
***Place of disclosure of the Prospectus**: TPBank's head office (TPBank Building, No. 57 Ly Thuong Kiet Street, Cua Nam Ward, Hanoi City) and the website https://tpb.vn.*

IV. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN/*RELATED ORGANIZATIONS*

1. **Đại diện người sở hữu trái phiếu**: Công ty Cổ phần Chứng khoán UP
***Bondholders' Representative**: UP Securities Joint Stock Company*

    Trụ sở: Tầng 8, Tòa nhà Hapro, số 11B Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội
    Head office: 8th Floor, Hapro Building, No. 11B Cat Linh Street, O Cho Dua Ward, Hanoi City

    Điện thoại: (024) 3944 6666 Fax: (024) 3944 8071
    Telephone: (024) 3944 6666 Fax: (024) 3944 8071

2. **Tổ chức tư vấn**: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong
Advisory Organization: *Tien Phong Securities Corporation*

Trụ sở: Tầng 12, Tòa nhà Doji, số 5 Lê Duẩn, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Head office: 12th Floor, Doji Building, No. 5 Le Duan Street, Ba Dinh Ward, Hanoi City

Điện thoại: (028) 3911 8014 Fax: (028) 3911 8015
Telephone: (028) 3911 8014 Fax: (028) 3911 8015

3. **Tổ chức xếp hạng tín nhiệm**: Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Đầu tư Việt Nam
Credit rating agency: *Vietnam Investors Service and Credit Rating Agency Joint Stock Company*

Trụ sở: Phòng 2709, tầng 27 - Tháp Tây, tòa nhà Lotte Center Hà Nội, 54 Liễu Giai, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội
Head office: Room 2709, 27th Floor - West Tower, Lotte Center Hanoi, No. 54 Lieu Giai Street, Giang Vo Ward, Hanoi City

Điện thoại: (024) 3388 6000
Telephone: (024) 3388 6000

4. **Tổ chức kiểm toán**: Công ty TNHH KPMG
Auditor: *KPMG Limited*

Trụ sở: Tầng 46, Keangnam Landmark 72, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội
Head office: 46th Floor, Keangnam Landmark 72, Pham Hung Street, Yen Hoa Ward, Hanoi City

Điện thoại: (024) 3946 1600 Fax: (024) 3946 1601
Telephone: (024) 3946 1600 Fax: (024) 3946 1601

Nơi nhận/Recipients:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*State Securities Commission*;
- Lưu/*Archive*: VT.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIÊN PHONG
TIEN PHONG COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
UNDER AUTHORIZATION OF
THE LEGAL REPRESENTATIVE
TỔNG GIÁM ĐỐC
CHIEF EXECUTIVE OFFICER

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIÊN PHONG

Nguyễn Hưng

TPBank

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Số/*No.*: 35./2026/NQ-TPB.HĐQT

Hà Nội, ngày .23 tháng 09 năm 2026
Hanoi, September .23., 2026

NGHỊ QUYẾT / *RESOLUTION*[1]

V/v: Thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán và việc niêm yết Trái Phiếu phát hành ra công chúng
Re: Approval of the issuance plan, the plan for the use of proceeds and debt repayment from the offering, and the listing of the publicly offered Bonds

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP TIÊN PHONG
THE BOARD OF DIRECTORS

Căn cứ / Pursuant to:

- *Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành / the Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15 (as amended and supplemented) and guiding documents;*
- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành / the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 (as amended and supplemented) and guiding documents;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành / the Law on Securities No. 54/2019/QH14 (as amended and supplemented) and guiding documents;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành/ Government's Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated 31 December 2020 and its amending, supplementing and implementing documents;*
- *Điều lệ Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong ("**TPBank**") / Charter of Tien Phong Commercial Joint Stock Bank ("**TPBank**");*
- *Quy chế số 32/2026/QĐ-TPB.HĐQT ngày 24/04/2026 về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị ("**HĐQT**") / Statute No. 32/2026/QĐ-TPB.HĐQT dated April 24, 2026 on the organization and operation of the Board of Directors ("**BOD**");*
- *Ý kiến, biểu quyết của các Thành viên HĐQT tại Biên bản ngày .23./09/2026 / Opinions and votes of BOD's members as recorded in the Minutes dated September 23 , 2026;*
- *Xét đề xuất của Tổng Giám đốc / Considering the Proposal of the Chief Executive Officer.*

---

[1] Văn bản này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về cách hiểu giữa nội dung tiếng Anh và tiếng Việt thì nội dung tiếng Việt là căn cứ pháp lý và được ưu tiên áp dụng./ *This document is prepared in both Vietnamese and English. In case of any discrepancy in interpretation between them, the Vietnamese version shall be legal basis and shall prevail.*

QUYẾT NGHỊ / *RESOLVES*:

Điều 1. Phê duyệt các nội dung liên quan đến việc phát hành trái phiếu TPBank ra công chúng ("**Trái Phiếu**"), bao gồm:

1. Thông qua Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng ("**Phương án phát hành**") nhằm bổ sung vốn cấp 2 giai đoạn 2026–2027 của TPBank theo Phụ lục I đính kèm Nghị quyết này. Phương án phát hành có tổng số lượng tối đa 150.000.000 Trái Phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/Trái Phiếu, tổng mệnh giá tối đa 15.000.000.000.000 đồng (Mười lăm nghìn tỷ đồng); Trái Phiếu có kỳ hạn 10 năm và được chào bán thành tối đa 05 đợt.
2. Thông qua Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ("**Phương án sử dụng và trả nợ vốn**") theo Phụ lục II đính kèm Nghị quyết này.
3. Thông qua việc niêm yết toàn bộ Trái Phiếu được phân phối thành công trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("**HNX**") sau khi kết thúc từng đợt chào bán.

Article 1. *Approval of matters relating to the issuance of public TPBank's bonds ("**Bonds**"), including:*

1. *Approve the public bond issuance plan ("**The issuance plan**") to supplement Tier 2 capital for 2026–2027 of TPBank as set out in Appendix I attached to this Resolution. The issuance plan provides for a maximum of 150.000.000 Bonds, with a par value of VND 100.000 per Bond and a maximum aggregate par value of VND 15.000.000.000.000 (fifteen trillion Vietnamese dong); the Bonds have a tenor of 10 years and will be offered in a maximum of 05 tranches.*
2. *Approve the plan for the use of proceeds and debt repayment from the offering tranches ("**The plan for the use of proceeds and debt repayment**") as set out in Appendix II attached to this Resolution.*
3. *Approve the listing of all successfully distributed Bonds on the Hanoi Stock Exchange ("**HNX**") following the completion of each offering tranche.*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao, phân công, phân quyền và ủy quyền cho Tổng Giám đốc tổ chức triển khai Phương án phát hành và Phương án sử dụng và trả nợ vốn theo đúng nội dung đã được HĐQT thông qua tại Phụ lục I và Phụ lục II, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau (ngoại trừ công việc mà theo quy định của pháp luật HĐQT phải trực tiếp thực hiện, không được phép giao, phân công, phân quyền, ủy quyền):
   a) Xác định số lượng Trái Phiếu chào bán của từng đợt theo kế hoạch chào bán dự kiến và cơ chế chuyển tiếp, bảo đảm việc xác định không làm thay đổi tổng số lượng, tổng mệnh giá và số đợt tối đa đã được HĐQT thông qua; xác định mã Trái Phiếu và quyết định ngày bắt đầu, ngày kết thúc của từng đợt chào bán;
   b) Quyết định Biên Độ và mức lãi suất danh nghĩa cụ thể của từng đợt, từng mã Trái Phiếu. Việc quyết định nêu trên phải theo đúng công thức xác định lãi suất danh nghĩa, Cơ Sở Tham Chiếu và nguyên tắc xác định lãi suất đã được HĐQT phê duyệt;

c) Quyết định số lượng Trái Phiếu tối thiểu mà mỗi nhà đầu tư phải đăng ký mua trong từng đợt chào bán và phương thức xử lý khi không đạt mức tối thiểu;

d) Lựa chọn phương thức phân phối áp dụng cho từng đợt chào bán trong phạm vi các phương thức đã được HĐQT thông qua;

e) Lựa chọn và tổ chức triển khai việc ký hợp đồng với ngân hàng khác hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài phục vụ mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu, công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán, Đại diện người sở hữu Trái Phiếu và các tổ chức cung cấp dịch vụ khác theo quy định của pháp luật;

f) Tổ chức chuẩn bị, hoàn thiện và trình HĐQT xem xét, thông qua Bộ hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng trước khi nộp hồ sơ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("**UBCKNN**"). Sau khi được thông qua, tổ chức việc ký, nộp hồ sơ, công bố thông tin và thực hiện việc giải trình, cập nhật, sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của UBCKNN, HNX và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền khác (nếu cần), với điều kiện không làm thay đổi Phương án phát hành, Phương án sử dụng và trả nợ vốn đã được thông qua;

g) Quyết định việc phân bổ số tiền và thời gian giải ngân thực tế giữa cho vay khách hàng cá nhân và cho vay khách hàng doanh nghiệp trong phạm vi mục đích sử dụng vốn đã được phê duyệt;

h) Quyết định các nội dung khác thuộc tác nghiệp của từng đợt chào bán chưa được quy định tại các điểm từ a đến g khoản này, trong phạm vi phù hợp với Phương án phát hành và Phương án sử dụng và trả nợ vốn đã được thông qua.

2. Tổng Giám đốc được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác thực hiện các công việc được giao, phân công, phân quyền và ủy quyền tại khoản 1 Điều này, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và quy định nội bộ của TPBank. Việc ủy quyền lại không làm thay đổi trách nhiệm của Tổng Giám đốc trước HĐQT.

Article 2. Implementation

1. Assign tasks, delegate powers and authorize the Chief Executive Officer to organize the implementation of The issuance plan and The plan for the use of proceeds and debt repayment in accordance with the contents approved by the BOD in Appendix I and Appendix II, including but not limited to the following tasks (excluding tasks that, by law, must be performed directly by the BOD and may not be assigned, delegated or authorized):

a) Determine the number of Bonds to be offered in each tranche in accordance with the indicative offering schedule and the carry-forward mechanism, ensuring that such determination does not change the maximum total number of Bonds, aggregate par value and number of tranches approved by the BOD; determine the Bond codes and decide the commencement and closing dates of each offering tranche;

b) Decide the Margin and the specific nominal interest rate for each tranche and each Bond code. Such decisions must comply with the nominal interest rate formula, Reference Rate and interest rate determination principles approved by the BOD;

c) *Decide the minimum number of Bonds that each investor must subscribe for in each offering tranche and the method of handling subscriptions that do not meet that minimum;*

d) *Select the distribution method for each offering tranche from among the methods approved by the BOD;*

e) *Select and arrange the execution of contracts with another bank or a foreign bank branch for opening the blocked account to receive Bond subscription monies, a securities company providing advisory services for the offering registration dossier, the representative of the Bondholders and other service providers in accordance with law;*

f) *Arrange the preparation and completion of the bond offering registration dossier and submit to the BOD for consideration and approval before submission to the State Securities Commission ("**SSC**"). Following approval, arrange the signing and submission of the dossier, information disclosure, and the provision of explanations, updates, amendments and supplements as required by the SSC, HNX and other competent State authorities (if necessary), provided that these do not change The issuance plan and The plan for the use of proceeds and debt repayment approved;*

g) *Decide the allocation of funds and actual disbursement timing between lending to individual customers and lending to corporate customers within the approved purpose of use of proceeds;*

h) *Decide other operational matters for each offering tranche not specified in Points a to g of this Clause, within the scope consistent with The issuance plan and The plan for the use of proceeds and debt repayment approved.*

2. *The Chief Executive Officer may, in writing, further authorize another person to perform the tasks and exercise the powers assigned, delegated and authorized under Clause 1 of this Article, ensuring compliance with the law and TPBank's internal regulations. Such further authorization does not change the Chief Executive Officer's accountability to the BOD.*

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổng Giám đốc, Ban Điều hành và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

***Article 3**. This Resolution shall take effect from the date of signing. The Chief Executive Officer, the Board of Management and all relevant units, individuals are responsible for implementing this Resolution./.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
THE CHAIRMAN

Đỗ Minh Phú

Nơi nhận / Recipients:
- Như Điều 3 (để t/hiện) / *As per Article 3 (for implementation);*
- HĐQT, BKS / *BOD, Supervisory Board;*
- Lưu: VT / *Archived by: VT.*

PHỤ LỤC I

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG NHẰM BỔ SUNG VỐN CẤP 2 GIAI ĐOẠN 2026–2027

(Đính kèm Nghị quyết số 35/2026/NQ-TPB.HĐQT ngày 23/09/2026)

Phụ lục này là bộ phận cấu thành và không tách rời của Nghị quyết nêu trên.

APPENDIX I

THE PUBLIC BOND ISSUANCE PLAN TO SUPPLEMENT TIER 2 CAPITAL FOR 2026–2027

(Attached to Resolution No. 35/2026/NQ-TPB.HĐQT dated 23/09/2026)

This Appendix constitutes an integral and inseparable part of the above Resolution.

I. Căn cứ pháp lý

Phương án phát hành Trái Phiếu ra công chúng nhằm bổ sung vốn cấp 2 giai đoạn 2026–2027 của TPBank được xây dựng trên cơ sở các văn bản pháp lý sau đây:

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (đã được sửa đổi, bổ sung);
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng (đã được sửa đổi, bổ sung);
- Thông tư số 14/2025/TT-NHNN ngày 30/06/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông Tư 14").

I. Legal bases

TPBank's public bond issuance plan to supplement Tier 2 capital for 2026–2027 is prepared on the basis of the following legal instruments:

- *The Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15 (as amended and supplemented) and guiding documents;*
- *The Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 (as amended and supplemented) and guiding documents;*
- *The Law on Securities No. 54/2019/QH14 (as amended and supplemented) and guiding documents;*
- *The Government's Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated 31 December 2020 detailing the implementation of certain articles of the Law on Securities (as amended and supplemented);*

- *Circular No. 118/2020/TT-BTC dated 31 December 2020 of the Minister of Finance guiding certain matters relating to securities offerings and issuances, tender offers, share repurchases, registration of public companies and cancellation of public company status (as amended and supplemented);*
- *Circular No. 14/2025/TT-NHNN dated 30 June 2025 of the State Bank of Vietnam prescribing capital adequacy ratios for commercial banks and foreign bank branches ("Circular 14")*

II. Mục đích phát hành

TPBank dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ chào bán Trái Phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện hệ số an toàn vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của TPBank, trên cơ sở bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của TPBank.

II. Purpose of issuance

TPBank intends to use all proceeds from the offering of the Bonds to supplement its Tier 2 capital, improve its capital adequacy ratio in accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam, and meet TPBank's customer lending needs, while ensuring compliance with the laws on credit institutions and TPBank's internal regulations.

III. Điều kiện, điều khoản chính của Trái Phiếu

STT	Nội dung	Điều kiện, điều khoản
1	Tên trái phiếu	Trái phiếu TPBank phát hành ra công chúng nhằm bổ sung vốn cấp 2 giai đoạn 2026–2027 ("Trái Phiếu")
2	Loại trái phiếu	(1) Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, không được bảo lãnh và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của TPBank. (2) Trái Phiếu là nợ thứ cấp được thiết kế nhằm đáp ứng các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo Thông Tư 14. Trong trường hợp TPBank bị phá sản, giải thể hoặc thanh lý, tổ chức, cá nhân sở hữu Trái Phiếu ("Người Sở Hữu Trái Phiếu") chỉ được thanh toán sau khi TPBank đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác. (3) Toàn bộ 150.000.000 Trái Phiếu chào bán theo Phương án phát hành là một loại Trái Phiếu; số lượng của từng đợt, từng mã chỉ là phần phân bổ trong tổng số lượng của loại Trái Phiếu này.
3	Đồng tiền phát hành và thanh toán	Đồng Việt Nam (VND)
4	Hình thức	Trái Phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ.

STT	Nội dung	Điều kiện, điều khoản
5	Mệnh giá	100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu
6	Giá chào bán	Bằng mệnh giá
7	Tổng số lượng tối đa	150.000.000 Trái Phiếu
8	Tổng mệnh giá tối đa	15.000.000.000.000 đồng (Mười lăm nghìn tỷ đồng)
9	Kỳ hạn và Ngày Phát Hành	Trái Phiếu có kỳ hạn 10 năm, tính từ Ngày Phát Hành của mã Trái Phiếu tương ứng. Đối với từng mã Trái Phiếu, "Ngày Phát Hành" là ngày kết thúc việc thu tiền mua Trái Phiếu của đợt chào bán có mã đó. Ngày tròn 10 năm kể từ Ngày Phát Hành của một mã Trái Phiếu là "Ngày Đáo Hạn" của mã đó.
10	Số đợt chào bán	Tối đa 05 đợt chào bán. Số lượng chào bán dự kiến ban đầu của mỗi đợt là 30.000.000 Trái Phiếu, tương ứng 3.000.000.000.000 đồng theo mệnh giá. Kế hoạch chào bán từng đợt và cơ chế chuyển tiếp phần chưa phân phối hết thực hiện theo Mục IV Phụ lục này.
11	Thời gian chào bán	Theo các mốc thời gian được HĐQT thông qua tại Mục IV.
12	Đối tượng chào bán	Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định pháp luật
13	Phương thức phát hành	Phát hành ra công chúng
14	Phương thức phân phối	Bán trực tiếp cho nhà đầu tư tại trụ sở chính, các chi nhánh/phòng giao dịch của TPBank trên phạm vi toàn quốc và/hoặc qua kênh giao dịch điện tử của TPBank.

15	Lãi suất danh nghĩa	Lãi suất thả nổi. Lãi suất danh nghĩa của Trái Phiếu được xác định bằng: "Cơ Sở Tham Chiếu" + (cộng) "Biên Độ", theo đó: – "Cơ Sở Tham Chiếu" để xác định lãi suất danh nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Cơ Sở Tham Chiếu được lấy theo mức công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn ngân hàng nêu trên tại "Ngày Xác Định Lãi Suất", là ngày TPBank ban hành Bản thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng của đợt chào bán tương ứng đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và ngày làm việc thứ 07 trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo; kết quả xác định được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân. – Trường hợp một ngân hàng nêu trên công bố nhiều mức lãi suất cho cùng kỳ hạn 12 tháng, mức được sử dụng là mức thấp nhất được công bố. Trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất không lấy được mức công bố của một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) ngân hàng nêu trên, Cơ Sở Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng còn lại; trường hợp không lấy được của tất cả các ngân hàng nêu trên, Cơ Sở Tham Chiếu là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng do TPBank công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất. – Cơ Sở Tham Chiếu được xác định lại cho từng Kỳ Tính Lãi của từng mã Trái Phiếu. – "Biên Độ" được xác định trên cơ sở tình hình thị trường, khả năng chấp nhận và nhu cầu vốn của TPBank tại thời điểm phát hành, phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ. Biên Độ cụ thể của từng mã Trái Phiếu tại từng Đợt Chào Bán do Tổng Giám đốc quyết định trước khi triển

STT	Nội dung	Điều kiện, điều khoản
		khai Đợt Chào Bán đó và được công bố tại Bản thông báo phát hành của Đợt Chào Bán tương ứng. Công thức và Biên Độ của từng mã được xác định trước và không thay đổi trong suốt kỳ hạn của mã đó.
16	Kỳ trả lãi	Kỳ trả lãi tương ứng với Trái Phiếu của mỗi đợt chào bán theo định kỳ 12 tháng một lần được tính từ Ngày Phát Hành, trừ trường hợp TPBank được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo khi việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ theo Thông Tư 14; việc tính và thanh toán lãi tuân theo Bản cáo bạch. Tiền lãi được xác định trên số ngày thực tế của Kỳ Tính Lãi, trên cơ sở một năm có 365 ngày. "Kỳ Tính Lãi" là khoảng thời gian từ (và bao gồm) Ngày Phát Hành hoặc Ngày Thanh Toán Lãi liền trước đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi kế tiếp. Việc TPBank thực hiện quyền ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo không làm thay đổi các mốc Ngày Thanh Toán Lãi đã được xác định theo Ngày Phát Hành của mã Trái Phiếu tương ứng.
17	Phương thức thanh toán gốc, lãi	– Tiền gốc Trái Phiếu được thanh toán một lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc vào ngày mua lại trước hạn đối với phần Trái Phiếu được TPBank mua lại theo mục 18 Bảng này. – Tiền lãi Trái Phiếu được thanh toán theo Kỳ trả lãi quy định tại mục 16 Bảng này, vào "Ngày Thanh Toán Lãi", là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn của mã Trái Phiếu tương ứng, trừ trường hợp ngừng trả lãi quy định tại mục 16 Bảng này.

STT	Nội dung	Điều kiện, điều khoản
18	Mua lại trái phiếu trước hạn	a) Quyền mua lại định kỳ: TPBank có quyền, nhưng không có nghĩa vụ, mua lại trước hạn toàn bộ hoặc một phần Trái Phiếu đang lưu hành của từng mã tại mỗi Ngày Thanh Toán Lãi, với điều kiện đáp ứng điểm d Mục này. Khi TPBank thực hiện quyền mua lại định kỳ, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại phần Trái Phiếu được mua lại theo đề nghị của TPBank. b) Mua lại theo thỏa thuận: ngoài quyền mua lại định kỳ, TPBank được đề nghị mua lại theo thỏa thuận toàn bộ hoặc một phần tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành của từng mã vào bất kỳ thời điểm nào, với điều kiện đáp ứng điểm d Mục này; Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền chấp thuận hoặc từ chối đề nghị mua lại. c) Giá mua lại: (i) đối với mua lại định kỳ tại điểm a Mục này, giá mua lại bằng 100% mệnh giá cộng khoản lãi phải thanh toán đến ngày mua lại theo Bản cáo bạch; (ii) đối với mua lại theo thỏa thuận tại điểm b Mục này, giá hoặc nguyên tắc xác định giá do HĐQT phê duyệt tại phương án mua lại và được Người Sở Hữu Trái Phiếu tham gia chấp thuận, phù hợp với Bản cáo bạch và pháp luật áp dụng. d) Điều kiện TPBank thực hiện việc mua lại: TPBank chỉ thực hiện mua lại Trái Phiếu trước Ngày Đáo Hạn nếu sau giao dịch vẫn bảo đảm các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật. e) Trừ trường hợp xảy ra Sự Kiện Vi Phạm được quy định tại Bản cáo bạch và Trái Phiếu được tuyên bố đến hạn theo trình tự quy định tại Bản cáo bạch, Người Sở Hữu Trái Phiếu không có quyền yêu cầu TPBank mua lại hoặc thanh toán Trái Phiếu trước Ngày Đáo Hạn. Việc TPBank không thực hiện quyền mua lại trước hạn tại điểm a và điểm b Mục này không cấu thành vi phạm nghĩa vụ của TPBank theo Trái Phiếu.
19	Các đặc điểm pháp lý khác của Trái Phiếu	Người Sở Hữu Trái Phiếu không được sử dụng quyền yêu cầu thanh toán Trái Phiếu để bù trừ nghĩa vụ tài chính của chính mình đối với TPBank.

STT	Nội dung	Điều kiện, điều khoản
20	Đăng ký, lưu ký và niêm yết	TPBank thực hiện đăng ký, lưu ký toàn bộ Trái Phiếu được phân phối thành công tại VSDC và nộp, hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu trên HNX theo quy định của pháp luật. Trái Phiếu chỉ được chuyển nhượng sau khi được đăng ký tập trung tại VSDC và được đưa vào giao dịch trên HNX. Trong khoảng thời gian từ khi kết thúc mỗi đợt chào bán đến khi Trái Phiếu của đợt đó được đưa vào giao dịch trên HNX, Trái Phiếu không được chuyển nhượng, trừ các trường hợp chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật và quy chế của VSDC.

III. Principal terms and conditions of the Bonds

No.	*Item*	*Terms and conditions*
1	*Name of the bonds*	*TPBank's bonds publicly offered to supplement Tier 2 capital for 2026–2027 ("Bonds")*
2	*Type of bonds*	*(1) The Bonds are non-convertible, have no warrants attached, are not secured by assets, are not guaranteed and constitute direct repayment obligations of TPBank.* *(2) The Bonds are subordinated debt designed to meet the conditions for inclusion in Tier 2 capital under Circular 14. In the event of TPBank's bankruptcy, dissolution or liquidation, organizations and individuals holding the Bonds ("Bondholders") will be paid only after TPBank has paid all other creditors.* *(3) All 150.000.000 Bonds offered under the issuance plan constitute a single type of Bond; the number of Bonds in each tranche and under each bond code is only an allocation within the total number of Bonds of that type.*
3	*Currency of issuance and payment*	*Vietnamese dong (VND)*
4	*Form*	*The Bonds are issued in book-entry form.*
5	*Par value*	*VND 100.000 (one hundred thousand Vietnamese dong) per Bond*
6	*Offering price*	*At par value*

No.	Item	Terms and conditions
7	Maximum total number of Bonds	150.000.000 Bonds
8	Maximum aggregate par value	VND 15.000.000.000.000 (fifteen trillion Vietnamese dong)
9	Tenor and Issue Date	The Bonds have a tenor of 10 years from the Issue Date of the corresponding bond code. For each bond code, the "Issue Date" is the date on which the collection of Bond subscription monies for the offering tranche containing that code is completed. The date falling 10 years after the Issue Date of a bond code is the "Maturity Date" of that code.
10	Number of offering tranches	A maximum of 05 offering tranches. The initial indicative offering volume for each tranche is 30.000.000 Bonds, equivalent to VND 3.000.000.000.000 at par value. The offering schedule for each tranche and the mechanism for carrying forward undistributed Bonds are set out in Section IV of this Appendix.
11	Offering schedule	In accordance with the timing approved by the BOD in Section IV.
12	Target investors	Vietnamese organizations and individuals, and foreign organizations and individuals, in accordance with law
13	Issuance method	Public offering
14	Distribution method	Direct sales to investors at TPBank's head office, branches and transaction offices nationwide and/or through TPBank's electronic transaction channels.

15	*Nominal interest rate*	*Floating interest rate.* *The nominal interest rate of the Bonds is determined as the "Reference Rate" + (plus) the "Margin", where:* – *The "Reference Rate" for determining the nominal interest rate is the average interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for individuals, with interest paid in arrears, of Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade, Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam, Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development. The Reference Rate is based on the rates published on the official websites of those four banks on the "Interest Determination Date", being the date on which TPBank issues the public bond offering notice for the relevant tranche for the first Interest Period, and the 7th business day before the first day of each subsequent Interest Period; the resulting rate is rounded to two decimal places.* – *If any of the above banks publishes more than one rate for the same 12-month tenor, the lowest published rate will be used. If the published rate of one or more, but not all, of those banks is unavailable on the Interest Determination Date, the Reference Rate will be the average interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for individuals, with interest paid in arrears, of the remaining banks; if the rates of all those banks are unavailable, the Reference Rate will be the interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for individuals, with interest paid in arrears, published by TPBank on the Interest Determination Date.* – *The Reference Rate is reset for each Interest Period of each bond code.* – *The "Margin" is determined based on market conditions, the level acceptable to TPBank and its funding needs at the time of issuance, in line with the State Bank of Vietnam's interest rate regulations from*

No.	Item	Terms and conditions
		time to time. The specific Margin for each bond code in each Offering Tranche is decided by the Chief Executive Officer before the launch of that Offering Tranche and announced in the issuance notice of the relevant Offering Tranche. The formula and Margin for each code are specified in advance and remain unchanged throughout the tenor of that code.
16	*Interest payment frequency*	*Interest on the Bonds of each offering tranche is payable every 12 months from the Issue Date, except where TPBank is permitted under Circular 14 to suspend interest payments and carry accrued interest forward to the following year if payment of interest would cause TPBank to incur a loss for the year; interest calculation and payment are governed by the Prospectus. Interest is calculated on the actual number of days in the Interest Period on the basis of a 365-day year. An "Interest Period" is the period from (and including) the Issue Date or the immediately preceding Interest Payment Date to (but excluding) the next Interest Payment Date. TPBank's exercise of its right to suspend interest payments and carry accrued interest forward to the following year does not change the Interest Payment Dates determined by reference to the Issue Date of the corresponding bond code.*
17	*Method of principal and interest payment*	– *Bond principal is repaid in a single payment on the Maturity Date or on the early redemption date for the Bonds repurchased by TPBank under item 18 of this Table.* – *Bond interest is paid at the frequency specified in item 16 of this Table on each "Interest Payment Date", being each anniversary of the Issue Date up to the Maturity Date of the corresponding bond code, except where interest payments are suspended under item 16 of this Table.*

No.	Item	Terms and conditions
18	*Early redemption of the bonds*	*a) Periodic redemption right: TPBank has the right, but not the obligation, to redeem all or part of the outstanding Bonds under each bond code before maturity on each Interest Payment Date, subject to Point d of this item. When TPBank exercises its periodic redemption right, Bondholders are obliged to sell back the Bonds to be redeemed at TPBank's request.* *b) Redemption by agreement: in addition to its periodic redemption right, TPBank may offer to repurchase by agreement all or part of the aggregate par value of the outstanding Bonds under each bond code at any time, subject to Point d of this item; Bondholders have the right to accept or reject the repurchase offer.* *c) Redemption price: (i) for periodic redemption under Point a of this item, the redemption price equals 100% of par value plus interest payable up to the redemption date in accordance with the Prospectus; (ii) for redemption by agreement under Point b of this item, the price or pricing principles must be approved by the BOD in the repurchase plan and accepted by the participating Bondholders, in accordance with the Prospectus and applicable law.* *d) Conditions for redemption by TPBank: TPBank may repurchase Bonds before the Maturity Date only if, after the transaction, it continues to meet the prudential ratios and limits prescribed by law.* *e) Unless an Event of Default specified in the Prospectus occurs and the Bonds are declared due and payable in accordance with the procedures in the Prospectus, Bondholders have no right to require TPBank to repurchase or repay the Bonds before the Maturity Date. TPBank's decision not to exercise its early redemption rights under Points a and b of this item does not constitute a breach of TPBank's obligations under the Bonds.*
19	*Other legal features of the Bonds*	*Bondholders may not use their right to claim payment under the Bonds to set off their own financial obligations to TPBank.*

No.	*Item*	*Terms and conditions*
20	*Registration, depository and listing*	*TPBank will register and deposit all successfully distributed Bonds with VSDC and submit and complete the application dossier for listing the Bonds on HNX in accordance with law.* *The Bonds may only be transferred after they have been centrally registered with VSDC and admitted to trading on HNX. During the period from the completion of each offering tranche until the Bonds of that tranche are admitted to trading on HNX, the Bonds may not be transferred, except for transfers of ownership permitted by law and VSDC's regulations.*

IV. Kế hoạch chào bán dự kiến ban đầu và cơ chế chuyển tiếp giữa các đợt

Đợt	Kỳ hạn	Số lượng chào bán dự kiến ban đầu (Trái Phiếu)	Tổng mệnh giá chào bán dự kiến ban đầu (đồng)	Thời điểm dự kiến bắt đầu chào bán
1	10 năm	30.000.000	3.000.000.000.000	Dự kiến Quý IV/2026
2	10 năm	30.000.000	3.000.000.000.000	Dự kiến Quý IV/2026
3	10 năm	30.000.000	3.000.000.000.000	Dự kiến Quý I – Quý II/2027
4	10 năm	30.000.000	3.000.000.000.000	Dự kiến Quý II – Quý III/2027
5	10 năm	30.000.000	3.000.000.000.000	Dự kiến Quý III/2027
Tổng		**150.000.000**	**15.000.000.000.000**	

Nguyên tắc chuyển tiếp phần chưa phân phối hết: số lượng 30.000.000 Trái Phiếu và tổng mệnh giá 3.000.000.000.000 đồng tại mỗi dòng của Bảng là kế hoạch chào bán dự kiến ban đầu của từng đợt. Trường hợp một đợt không phân phối hết, phần chưa phân phối hết có thể được chuyển sang đợt chào bán liền sau và cộng vào kế hoạch chào bán dự kiến ban đầu của đợt đó, với điều kiện đáp ứng đồng thời các điều kiện (i) đến (iv) dưới đây; phần không đáp ứng điều kiện chuyển tiếp không được tự động chuyển sang đợt chào bán khác. Mỗi đợt chào bán sau chỉ được thực hiện sau khi đợt chào bán liền trước kết thúc.

Việc chuyển tiếp phải đồng thời đáp ứng: (i) số lượng Trái Phiếu chào bán của mỗi đợt không vượt quá phần chưa phát hành của tổng số lượng 150.000.000 Trái Phiếu đăng ký chào bán; (ii) giá trị Trái Phiếu dự kiến phát hành của từng đợt tính theo mệnh giá, sau khi cộng phần chuyển tiếp, không lớn hơn vốn chủ sở hữu của TPBank theo quy định của pháp luật; (iii) thời gian chào bán của từng đợt không kéo dài quá 90 ngày (chưa tính trường hợp được gia hạn thời gian phân phối theo quy định của pháp luật) và khoảng cách giữa hai đợt liền kề không quá 12

tháng; và (iv) không phát sinh quá 05 đợt, phần chưa phân phối hết sau đợt 5 không tự động chuyển sang một đợt mới.

IV. Initial indicative offering schedule and mechanism for carrying forward undistributed Bonds between tranches

Tranche	*Tenor*	*Initial indicative offering volume (Bonds)*	*Initial indicative aggregate offering par value (VND)*	*Expected offering commencement*
1	*10 years*	*30.000.000*	*3.000.000.000.000*	*Expected in Q4/2026*
2	*10 years*	*30.000.000*	*3.000.000.000.000*	*Expected in Q4/2026*
3	*10 years*	*30.000.000*	*3.000.000.000.000*	*Expected in Q1 – Q2/2027*
4	*10 years*	*30.000.000*	*3.000.000.000.000*	*Expected in Q2 – Q3/2027*
5	*10 years*	*30.000.000*	*3.000.000.000.000*	*Expected in Q3/2027*
Total		***150.000.000***	***15.000.000.000.000***	

Principles for carrying forward undistributed Bonds: the volume of 30.000.000 Bonds and the aggregate par value of VND 3.000.000.000.000 in each row of the Table represent the initial indicative offering plan for that tranche. If a tranche is not fully distributed, the undistributed portion may be carried forward to the immediately following offering tranche and added to that tranche's initial indicative offering plan, provided that all the conditions in (i) to (iv) below are satisfied; any portion that does not satisfy the carry-forward conditions may not automatically be transferred to another offering tranche. Each subsequent offering tranche may be conducted only after the immediately preceding tranche has been completed.

The carry-forward must satisfy all of the following conditions: (i) the number of Bonds offered in each tranche must not exceed the unissued balance of the total of 150,000,000 Bonds registered for offering; (ii) the proposed issue value of each tranche at par value, after including the carried-forward portion, must not exceed TPBank's owner's equity as prescribed by law; (iii) the offering period of each tranche must not exceed 90 days (excluding any extension of the distribution period permitted by law) and the interval between two consecutive tranches must not exceed 12 months; and (iv) there must be no more than 05 tranches, and any undistributed portion remaining after tranche 5 may not automatically be carried forward to a new tranche.

PHỤ LỤC II

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC

TỪ CÁC ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

(Đính kèm Nghị quyết số 35./2026/NQ-TPB.HĐQT ngày 23./09./2026)

Phụ lục này là bộ phận cấu thành và không tách rời của Nghị quyết nêu trên.

APPENDIX II

PLAN FOR THE USE OF PROCEEDS AND DEBT REPAYMENT

FROM THE BOND OFFERING TRANCHES

(Attached to Resolution No. 35./2026/NQ-TPB.HĐQT dated 23./09./2026)

This Appendix constitutes an integral and inseparable part of the above Resolution.

I. Phương án sử dụng vốn

1. Tổng số tiền chào bán dự kiến ban đầu của 05 đợt chào bán là 15.000.000.000.000 đồng. Số tiền đăng ký chào bán của từng đợt được xác định theo cơ chế chuyển tiếp tại Mục IV Phụ lục I. Số tiền thực tế sử dụng là số tiền thu được từ Trái Phiếu được phân phối thành công và được giải tỏa theo quy định pháp luật, nhưng tổng cộng không vượt 15.000.000.000.000 đồng.
2. Toàn bộ số tiền thực tế thu được từ chào bán Trái Phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện hệ số an toàn vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của TPBank cụ thể là khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp, trên cơ sở bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của TPBank.

Đợt	Kỳ hạn	Số tiền chào bán dự kiến ban đầu (đồng)	Mục đích sử dụng	Thời gian sử dụng dự kiến
1	10 năm	3.000.000.000.000	Cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp	Trong vòng 01 năm kể từ ngày số tiền của đợt chào bán tương ứng được giải tỏa theo quy định pháp luật
2	10 năm	3.000.000.000.000	Cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp	Trong vòng 01 năm kể từ ngày số tiền của đợt chào bán tương ứng được giải tỏa theo quy định pháp luật
3	10 năm	3.000.000.000.000	Cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp	Trong vòng 01 năm kể từ ngày số tiền của đợt chào bán tương ứng được giải tỏa theo quy định pháp luật

Đợt	Kỳ hạn	Số tiền chào bán dự kiến ban đầu (đồng)	Mục đích sử dụng	Thời gian sử dụng dự kiến
4	10 năm	3.000.000.000.000	Cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp	Trong vòng 01 năm kể từ ngày số tiền của đợt chào bán tương ứng được giải tỏa theo quy định pháp luật
5	10 năm	3.000.000.000.000	Cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp	Trong vòng 01 năm kể từ ngày số tiền của đợt chào bán tương ứng được giải tỏa theo quy định pháp luật

3. Việc phân bổ số tiền thu được giữa cho vay khách hàng cá nhân và cho vay khách hàng doanh nghiệp được thực hiện theo nhu cầu giải ngân thực tế trong từng thời kỳ, không xác lập thứ tự ưu tiên cố định giữa hai nhóm khách hàng; nguyên tắc này áp dụng cho cả trường hợp thu đủ số tiền dự kiến và trường hợp số tiền thực tế thu được thấp hơn dự kiến. Việc phân bổ nêu tại khoản này không làm thay đổi mục đích sử dụng vốn đã được HĐQT thông qua.
4. Trong thời gian chờ giải ngân và trong thời hạn sử dụng vốn nêu tại Bảng trên, số tiền tạm thời chưa sử dụng có thể được gửi tại Ngân hàng Nhà nước, gửi tại ngân hàng thương mại hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài, hoặc mua chứng chỉ tiền gửi do ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành, bảo đảm an toàn, hiệu quả và phù hợp nội dung công bố tại Bản Cáo Bạch. Việc bố trí tạm thời này không làm thay đổi mục đích cuối cùng là cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp.

I. Plan for the use of proceeds

1. The initial indicative total offering amount for the 05 offering tranches is VND 15.000.000.000.000. The amount registered for offering in each tranche is determined in accordance with the carry-forward mechanism in Section IV of Appendix I. The amount actually used is the proceeds from successfully distributed Bonds that have been released in accordance with law, subject to an aggregate maximum of VND 15.000.000.000.000.

2. All actual proceeds from the offering of the Bonds will be used to supplement Tier 2 capital, improve the capital adequacy ratio in accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam, and meet TPBank's customer lending needs, specifically lending to individual and corporate customers, while ensuring compliance with the laws on credit institutions and TPBank's internal regulations.

Tranche	*Tenor*	*Initial indicative offering amount (VND)*	*Purpose of use*	*Expected period of use*
1	*10 years*	*3.000.000.000.000*	*Lending to individual and corporate customers*	*Within 01 year from the date on which the proceeds of the corresponding offering tranche are released in accordance with law*
2	*10 years*	*3.000.000.000.000*	*Lending to individual and corporate customers*	*Within 01 year from the date on which the proceeds of the corresponding offering tranche are released in accordance with law*
3	*10 years*	*3.000.000.000.000*	*Lending to individual and corporate customers*	*Within 01 year from the date on which the proceeds of the corresponding offering tranche are released in accordance with law*
4	*10 years*	*3.000.000.000.000*	*Lending to individual and corporate customers*	*Within 01 year from the date on which the proceeds of the corresponding offering tranche are released in accordance with law*
5	*10 years*	*3.000.000.000.000*	*Lending to individual and corporate customers*	*Within 01 year from the date on which the proceeds of the corresponding offering tranche are released in accordance with law*

3. *Proceeds will be allocated between lending to individual customers and lending to corporate customers based on actual disbursement needs from time to time, without establishing a fixed order of priority between the two customer groups; this principle applies both where the full expected amount is raised and where actual proceeds are lower than expected. The allocation described in this Clause does not change the purpose of use of proceeds approved by the BOD.*
4. *Pending disbursement and within the period of use stated in the Table above, temporarily unused proceeds may be deposited with the State Bank of Vietnam, deposited with a commercial bank or a foreign bank branch, or used to purchase certificates of deposit*

issued by commercial banks or foreign bank branches, ensuring safety, efficiency and consistency with the disclosures in the Prospectus. These temporary placements do not change the ultimate purpose of lending to individual and corporate customers.

II. Phương án trả nợ gốc và lãi

1. Nguồn thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu gồm dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, thu hồi gốc và lãi các khoản cho vay và các nguồn vốn hợp pháp khác của TPBank.
2. Lãi Trái Phiếu được thanh toán định kỳ 12 tháng một lần theo quy định tại Phụ lục I đính kèm Nghị quyết này và Bản cáo bạch, trừ trường hợp ngừng trả lãi quy định tại tiểu mục 16 Mục III Phụ lục I. Gốc Trái Phiếu đang lưu hành được thanh toán 100% tại Ngày Đáo Hạn của từng mã Trái Phiếu. Đối với Trái Phiếu được mua lại trước hạn, việc thanh toán thực hiện theo phương án mua lại được HĐQT phê duyệt.

II. Plan for principal and interest repayment

1. *Sources for the payment of Bond principal and interest include cash flows from business operations, collections of loan principal and interest, and other lawful sources of funds of TPBank.*
2. *Bond interest is payable every 12 months in accordance with Appendix I attached to this Resolution and the Prospectus, except where interest payments are suspended under item 16, Section III of Appendix I. The principal of the outstanding Bonds is repayable in full on the Maturity Date of each bond code. For Bonds repurchased before maturity, payment will be made in accordance with the repurchase plan approved by the BOD.*

TPBank

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Số/*No.*: 38../2026/NQ-TPB.HĐQT

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2026
Hanoi, September 29, 2026

NGHỊ QUYẾT / *RESOLUTION*[1]

V/v: Thông qua sửa đổi, bổ sung một số nội dung về đợt phát hành Trái Phiếu TPBank ra công chúng
Re: Approval of amendments and supplements to certain contents of the issuance for the public offering of TPBank's Bonds

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP TIÊN PHONG
THE BOARD OF DIRECTORS

Căn cứ / Pursuant to:

- *Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành / the Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15 dated January 18, 2024 (as amended and supplemented) and guiding documents;*
- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành / the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 (as amended and supplemented) and guiding documents;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành / the Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 (as amended and supplemented) and guiding documents;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung) / the Government's Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020 (as amended and supplemented);*
- *Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("**TPBank**") / the Charter of Tien Phong Commercial Joint Stock Bank ("**TPBank**");*
- *Quy chế số 32/2026/QĐ-TPB.HĐQT ngày 24/04/2026 về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị ("**HĐQT**") / Statute No. 32/2026/QĐ-TPB.HĐQT dated April 24, 2026 on the organization and operation of the Board of Directors ("**BOD**");*
- *Nghị quyết số 35/2026/NQ-TPB.HĐQT ngày 23/09/2026 về việc thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán và việc niêm yết Trái Phiếu phát hành ra công chúng ("**Nghị Quyết 35**") / Resolution No. 35/2026/NQ-TPB.HĐQT dated September 23, 2026 approving the issuance plan, the plan for the use of proceeds and debt repayment from the offering, and the listing of the publicly offered Bonds ("**Resolution 35**");*
- *Ý kiến, biểu quyết của các Thành viên HĐQT tại Biên bản ngày 29/09/2026 / Opinions and votes of BOD's members recorded in the Minutes dated September 29, 2026;*
- *Xét đề xuất của Tổng Giám đốc / Considering the Proposal of the Chief Executive Officer.*

[1] Văn bản này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về cách hiểu giữa nội dung tiếng Anh và tiếng Việt thì nội dung tiếng Việt là căn cứ pháp lý và được ưu tiên áp dụng / *This document is prepared in both Vietnamese and English. In case of any discrepancy in interpretation between them, the Vietnamese version shall be the legal basis and shall prevail.*

QUYẾT NGHỊ / *RESOLVES:*

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Nghị Quyết 35, cụ thể như sau:

Hạng mục	Nội dung tại Nghị Quyết 35	Nội dung sửa đổi, bổ sung
Điểm b Khoản 1 Điều 2. Tổ chức thực hiện	Quyết định Biên Độ và mức lãi suất danh nghĩa cụ thể của từng đợt, từng mã Trái Phiếu. Việc quyết định nêu trên phải theo đúng công thức xác định lãi suất danh nghĩa, Cơ Sở Tham Chiếu và nguyên tắc xác định lãi suất đã được HĐQT phê duyệt	Quyết định Biên Độ lãi suất cụ thể với từng đợt phát hành đảm bảo không vượt quá biên độ lãi suất tối đa đã được HĐQT phê duyệt
Tiểu mục 15 – Lãi suất danh nghĩa - Mục III, Phụ lục I - Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng nhằm bổ sung vốn cấp 2 giai đoạn 2026-2027	Lãi suất thả nổi. Lãi suất danh nghĩa của Trái Phiếu được xác định bằng: "Cơ Sở Tham Chiếu" + (cộng) "Biên Độ", theo đó: - "Cơ Sở Tham Chiếu" để xác định lãi suất danh nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Cơ Sở Tham Chiếu được lấy theo mức công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn ngân hàng nêu trên tại "Ngày Xác Định Lãi Suất", là ngày TPBank ban hành Bản thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng của đợt chào bán tương ứng đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và ngày làm việc thứ 07 trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo; kết quả xác định được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân. - Trường hợp một ngân hàng nêu trên công bố nhiều mức lãi suất cho cùng kỳ hạn 12 tháng, mức được sử dụng là mức thấp nhất được công bố. Trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất không lấy được mức công bố của một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) ngân hàng nêu trên, Cơ Sở Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng còn lại; trường hợp không lấy được của tất cả các ngân hàng nêu trên, Cơ Sở Tham Chiếu là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng do TPBank công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất. - Cơ Sở Tham Chiếu được xác định lại cho từng Kỳ Tính Lãi của từng mã Trái Phiếu.	Lãi suất thả nổi. Lãi suất danh nghĩa của Trái Phiếu được xác định bằng: "Lãi Suất Tham Chiếu" + (cộng) "Biên Độ", theo đó: - "Lãi Suất Tham Chiếu" để xác định lãi suất danh nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Lãi Suất Tham Chiếu được lấy theo mức công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn ngân hàng nêu trên tại "Ngày Xác Định Lãi Suất", là ngày TPBank ban hành Bản thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng của đợt chào bán tương ứng đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và ngày làm việc thứ 07 trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo; kết quả xác định được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân. - Trường hợp một ngân hàng nêu trên công bố nhiều mức lãi suất cho cùng kỳ hạn 12 tháng, mức được sử dụng là mức thấp nhất được công bố. Trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất không lấy được mức công bố của một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) ngân hàng nêu trên, Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng còn lại; trường hợp không lấy được của tất cả các ngân hàng nêu trên, Lãi Suất Tham Chiếu là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng do TPBank công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất. - Lãi Suất Tham Chiếu được xác định lại cho từng Kỳ Tính Lãi của từng mã Trái Phiếu.

Hạng mục	Nội dung tại Nghị Quyết 35	Nội dung sửa đổi, bổ sung
	- "Biên Độ" được xác định trên cơ sở tình hình thị trường, khả năng chấp nhận và nhu cầu vốn của TPBank tại thời điểm phát hành, phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ. Biên Độ cụ thể của từng mã Trái Phiếu tại từng Đợt Chào Bán do Tổng Giám đốc quyết định trước khi triển khai Đợt Chào Bán đó và được công bố tại Bản thông báo phát hành của Đợt Chào Bán tương ứng. Công thức và Biên Độ của từng mã được xác định trước và không thay đổi trong suốt kỳ hạn của mã đó.	- "Biên Độ" được xác định trên cơ sở tình hình thị trường, khả năng chấp nhận và nhu cầu vốn của TPBank tại thời điểm phát hành, phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ. Biên Độ lãi suất tối đa theo Phương án phát hành là 4,1%/năm. Biên Độ cụ thể của từng mã Trái Phiếu tại từng đợt chào bán do Tổng Giám đốc quyết định trước khi triển khai đợt chào bán đó và được công bố tại Bản thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng của đợt chào bán tương ứng, đảm bảo không vượt quá biên độ lãi suất tối đa theo Phương án phát hành đã được HĐQT phê duyệt.

Các thông tin khác tại Nghị Quyết 35: Không thay đổi.

(Kèm theo Nghị quyết này là toàn văn Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng nhằm bổ sung vốn cấp 2 giai đoạn 2026-2027 sau khi được sửa đổi, bổ sung như trên).

***Article 1.** Approve the amendments and supplements to certain contents of Resolution 35 as follows:*

Items	*Contents in Resolution 35*	*Amended and supplemented contents*
Point b, Clause 1, Article 2. Implementation	*Decide the Margin and the specific nominal interest rate for each tranche and each Bond code. Such decisions must comply with the nominal interest rate formula, Reference Rate and interest rate determination principles approved by the BOD*	*Decide the specific Margin for each issuance tranche, ensuring that it does not exceed the maximum Margin approved by the BOD*
Item 15 – Nominal interest rate – Section III of Appendix I – The public bond issuance plan to supplement Tier 2 capital for 2026–2027	*Floating interest rate.* *The nominal interest rate of the Bonds is determined as the "Reference Rate" + (plus) the "Margin", where:* *- The "Reference Rate" for determining the nominal interest rate is the average interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for individuals, with interest paid in arrears, of Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade, Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam, Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development. The Reference Rate is based on the rates published on the official websites of those four banks on the "Interest Determination Date", being the date on which TPBank issues the public bond offering notice for the relevant tranche for the first Interest Period, and the 7th business day before the first*	*Floating interest rate.* *The nominal interest rate of the Bonds is determined as the "Reference Rate" + (plus) the "Margin", where:* *- The "Reference Rate" for determining the nominal interest rate is the average interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for individuals, with interest paid in arrears, of Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade, Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam, Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development. The Reference Rate is based on the rates published on the official websites of those four banks on the "Interest Determination Date", being the date on which TPBank issues the public bond offering notice for the relevant tranche for the first Interest Period, and the 7th business day before the first*

Items	*Contents in Resolution 35*	*Amended and supplemented contents*
	day of each subsequent Interest Period; the resulting rate is rounded to two decimal places. - *If any of the above banks publishes more than one rate for the same 12-month tenor, the lowest published rate will be used. If the published rate of one or more, but not all, of those banks is unavailable on the Interest Determination Date, the Reference Rate will be the average interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for individuals, with interest paid in arrears, of the remaining banks; if the rates of all those banks are unavailable, the Reference Rate will be the interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for individuals, with interest paid in arrears, published by TPBank on the Interest Determination Date.* - *The Reference Rate is reset for each Interest Period of each bond code.* - *The "Margin" is determined based on market conditions, the level acceptable to TPBank and its funding needs at the time of issuance, in line with the State Bank of Vietnam's interest rate regulations from time to time. The specific Margin for each bond code in each Offering Tranche is decided by the Chief Executive Officer before the launch of that Offering Tranche and announced in the issuance notice of the relevant Offering Tranche. The formula and Margin for each code are specified in advance and remain unchanged throughout the tenor of that code.*	*day of each subsequent Interest Period; the resulting rate is rounded to two decimal places.* - *If any of the above banks publishes more than one rate for the same 12-month tenor, the lowest published rate will be used. If the published rate of one or more, but not all, of those banks is unavailable on the Interest Determination Date, the Reference Rate will be the average interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for individuals, with interest paid in arrears, of the remaining banks; if the rates of all those banks are unavailable, the Reference Rate will be the interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for individuals, with interest paid in arrears, published by TPBank on the Interest Determination Date.* - *The Reference Rate is reset for each Interest Period of each bond code.* - *The "Margin" is determined based on market conditions, the level acceptable to TPBank and its funding needs at the time of issuance, in line with the State Bank of Vietnam's interest rate regulations from time to time. The maximum Margin under the issuance plan is 4,1% per annum. The specific Margin for each bond code in each offering tranche is decided by the Chief Executive Officer before the launch of that offering tranche and announced in the public bond offering notice of the relevant offering tranche, ensuring that it does not exceed the maximum Margin under the issuance plan approved by the BOD.*

Other information in Resolution 35: Unchanged.
(Attached to this Resolution is the full text of the public bond issuance plan to supplement Tier 2 capital for 2026–2027, as amended and supplemented above).

Điều 2. Các nội dung khác (bao gồm nội dung giao, phân công, phân quyền và ủy quyền) tiếp tục thực hiện theo Nghị Quyết 35.

Article 2. *Other contents (including the assignment, delegation and authorization) shall continue to be implemented in accordance with Resolution 35.*

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổng Giám đốc, Ban Điều hành và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Article 3. This Resolution shall take effect from the date of signing. The Chief Executive Officer, the Board of Management and all relevant units and individuals are responsible for implementing this Resolution./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
THE CHAIRMAN

Đỗ Minh Phú

Nơi nhận / Recipients:
- Như Điều 3 (để t/hiện) / *As per Article 3 (for implementation);*
- HĐQT, BKS / *BOD, Supervisory Board;*
- Lưu: VT / *Archived by: VT.*

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
NHẰM BỔ SUNG VỐN CẤP 2 GIAI ĐOẠN 2026–2027
(Kèm theo Nghị quyết số 32/2026/NQ-TPB.HĐQT ngày 25/09/2026 của HĐQT)
THE PUBLIC BOND ISSUANCE PLAN
TO SUPPLEMENT TIER 2 CAPITAL FOR 2026–2027
(Attached to Resolution No. 32/2026/NQ-TPB.HĐQT dated September 25, 2026 of the BOD)

I. Căn cứ pháp lý

Phương án phát hành Trái Phiếu ra công chúng nhằm bổ sung vốn cấp 2 giai đoạn 2026–2027 của TPBank được xây dựng trên cơ sở các văn bản pháp lý sau đây:

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (đã được sửa đổi, bổ sung);
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng (đã được sửa đổi, bổ sung);
- Thông tư số 14/2025/TT-NHNN ngày 30/06/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông Tư 14").

I. Legal basis

TPBank's public bond issuance plan to supplement Tier 2 capital for 2026–2027 is prepared on the basis of the following legal instruments:

- *The Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15 dated 18 January 2024 (as amended and supplemented) and guiding documents;*
- *The Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated 17 June 2020 (as amended and supplemented) and guiding documents;*
- *The Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated 26 November 2019 (as amended and supplemented) and guiding documents;*
- *The Government's Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated 31 December 2020 detailing the implementation of certain articles of the Law on Securities (as amended and supplemented);*
- *Circular No. 118/2020/TT-BTC dated 31 December 2020 of the Ministry of Finance guiding certain matters relating to securities offerings and issuances, tender offers, share repurchases, registration of public companies and cancellation of public company status (as amended and supplemented);*
- *Circular No. 14/2025/TT-NHNN dated 30 June 2025 of the State Bank of Vietnam prescribing capital adequacy ratios for commercial banks and foreign bank branches ("Circular 14").*

II. Mục đích phát hành

TPBank dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ chào bán Trái Phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện hệ số an toàn vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

và phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của TPBank, trên cơ sở bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của TPBank.

II. Purpose of issuance

TPBank intends to use all proceeds from the offering of the Bonds to supplement its Tier 2 capital, improve its capital adequacy ratio in accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam, and meet TPBank's customer lending needs, while ensuring compliance with the laws on credit institutions and TPBank's internal regulations.

III. Điều kiện, điều khoản chính của Trái Phiếu

STT	Nội dung	Điều kiện, điều khoản
1	Tên trái phiếu	Trái phiếu TPBank phát hành ra công chúng nhằm bổ sung vốn cấp 2 giai đoạn 2026–2027 ("Trái Phiếu")
2	Loại trái phiếu	(1) Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, không được bảo lãnh và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của TPBank. (2) Trái Phiếu là nợ thứ cấp được thiết kế nhằm đáp ứng các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo Thông Tư 14. Trong trường hợp TPBank bị phá sản, giải thể hoặc thanh lý, tổ chức, cá nhân sở hữu Trái Phiếu ("Người Sở Hữu Trái Phiếu") chỉ được thanh toán sau khi TPBank đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác. (3) Toàn bộ 150.000.000 Trái Phiếu chào bán theo Phương án phát hành là một loại Trái Phiếu; số lượng của từng đợt, từng mã chỉ là phần phân bổ trong tổng số lượng của loại Trái Phiếu này.
3	Đồng tiền phát hành và thanh toán	Đồng Việt Nam (VND)
4	Hình thức	Trái Phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ.
5	Mệnh giá	100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu
6	Giá chào bán	Bằng mệnh giá
7	Tổng số lượng tối đa	150.000.000 Trái Phiếu
8	Tổng mệnh giá tối đa	15.000.000.000.000 đồng (Mười lăm nghìn tỷ đồng)
9	Kỳ hạn và Ngày Phát Hành	Trái Phiếu có kỳ hạn 10 năm, tính từ Ngày Phát Hành của mã Trái Phiếu tương ứng. Đối với từng mã Trái Phiếu, "Ngày Phát Hành" là ngày kết thúc việc thu tiền mua Trái Phiếu của đợt chào bán có mã đó. Ngày tròn 10 năm kể từ Ngày Phát Hành của một mã Trái Phiếu là "Ngày Đáo Hạn" của mã đó.
10	Số đợt chào bán	Tối đa 05 đợt chào bán. Số lượng chào bán dự kiến ban đầu của mỗi đợt là 30.000.000 Trái Phiếu, tương ứng 3.000.000.000.000 đồng theo mệnh giá. Kế hoạch chào bán từng đợt và cơ chế chuyển tiếp phần chưa phân phối hết thực hiện theo Mục IV Phụ lục này.
11	Thời gian chào bán	Theo các mốc thời gian được HĐQT thông qua tại Mục IV.
12	Đối tượng chào bán	Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định pháp luật
13	Phương thức phát hành	Phát hành ra công chúng

STT	Nội dung	Điều kiện, điều khoản
14	Phương thức phân phối	Bán trực tiếp cho nhà đầu tư tại trụ sở chính, các chi nhánh/phòng giao dịch của TPBank trên phạm vi toàn quốc và/hoặc qua kênh giao dịch điện tử của TPBank.
15	Lãi suất danh nghĩa	Lãi suất thả nổi. Lãi suất danh nghĩa của Trái Phiếu được xác định bằng: "Lãi Suất Tham Chiếu" + (cộng) "Biên Độ", theo đó: - "Lãi Suất Tham Chiếu" để xác định lãi suất danh nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Lãi Suất Tham Chiếu được lấy theo mức công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn ngân hàng nêu trên tại "Ngày Xác Định Lãi Suất", là ngày TPBank ban hành Bản thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng của đợt chào bán tương ứng đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và ngày làm việc thứ 07 trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo; kết quả xác định được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân. - Trường hợp một ngân hàng nêu trên công bố nhiều mức lãi suất cho cùng kỳ hạn 12 tháng, mức được sử dụng là mức thấp nhất được công bố. Trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất không lấy được mức công bố của một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) ngân hàng nêu trên, Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng còn lại; trường hợp không lấy được của tất cả các ngân hàng nêu trên, Lãi Suất Tham Chiếu là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng do TPBank công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất. - Lãi Suất Tham Chiếu được xác định lại cho từng Kỳ Tính Lãi của từng mã Trái Phiếu. - "Biên Độ" được xác định trên cơ sở tình hình thị trường, khả năng chấp nhận và nhu cầu vốn của TPBank tại thời điểm phát hành, phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ. Biên Độ lãi suất tối đa theo Phương án phát hành là 4,1%/năm. Biên Độ cụ thể của từng mã Trái Phiếu tại từng đợt chào bán do Tổng Giám đốc quyết định trước khi triển khai đợt chào bán đó và được công bố tại Bản thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng của đợt chào bán tương ứng, đảm bảo không vượt quá biên độ lãi suất tối đa theo Phương án phát hành đã được HĐQT phê duyệt.

STT	Nội dung	Điều kiện, điều khoản
16	Kỳ trả lãi	Kỳ trả lãi tương ứng với Trái Phiếu của mỗi đợt chào bán theo định kỳ 12 tháng một lần được tính từ Ngày Phát Hành, trừ trường hợp TPBank được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo khi việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ theo Thông Tư 14; việc tính và thanh toán lãi tuân theo Bản cáo bạch. Tiền lãi được xác định trên số ngày thực tế của Kỳ Tính Lãi, trên cơ sở một năm có 365 ngày. "Kỳ Tính Lãi" là khoảng thời gian từ (và bao gồm) Ngày Phát Hành hoặc Ngày Thanh Toán Lãi liền trước đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi kế tiếp. Việc TPBank thực hiện quyền ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo không làm thay đổi các mốc Ngày Thanh Toán Lãi đã được xác định theo Ngày Phát Hành của mã Trái Phiếu tương ứng.
17	Phương thức thanh toán gốc, lãi	- Tiền gốc Trái Phiếu được thanh toán một lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc vào ngày mua lại trước hạn đối với phần Trái Phiếu được TPBank mua lại theo mục 18 Bảng này. - Tiền lãi Trái Phiếu được thanh toán theo Kỳ trả lãi quy định tại mục 16 Bảng này, vào "Ngày Thanh Toán Lãi", là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn của mã Trái Phiếu tương ứng, trừ trường hợp ngừng trả lãi quy định tại mục 16 Bảng này.
18	Mua lại trái phiếu trước hạn	a) Quyền mua lại định kỳ: TPBank có quyền, nhưng không có nghĩa vụ, mua lại trước hạn toàn bộ hoặc một phần Trái Phiếu đang lưu hành của từng mã tại mỗi Ngày Thanh Toán Lãi, với điều kiện đáp ứng điểm d Mục này. Khi TPBank thực hiện quyền mua lại định kỳ, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại phần Trái Phiếu được mua lại theo đề nghị của TPBank. b) Mua lại theo thỏa thuận: ngoài quyền mua lại định kỳ, TPBank được đề nghị mua lại theo thỏa thuận toàn bộ hoặc một phần tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành của từng mã vào bất kỳ thời điểm nào, với điều kiện đáp ứng điểm d Mục này; Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền chấp thuận hoặc từ chối đề nghị mua lại. c) Giá mua lại: (i) đối với mua lại định kỳ tại điểm a Mục này, giá mua lại bằng 100% mệnh giá cộng khoản lãi phải thanh toán đến ngày mua lại theo Bản cáo bạch; (ii) đối với mua lại theo thỏa thuận tại điểm b Mục này, giá hoặc nguyên tắc xác định giá do HĐQT phê duyệt tại phương án mua lại và được Người Sở Hữu Trái Phiếu tham gia chấp thuận, phù hợp với Bản cáo bạch và pháp luật áp dụng. d) Điều kiện TPBank thực hiện việc mua lại: TPBank chỉ thực hiện mua lại Trái Phiếu trước Ngày Đáo Hạn nếu sau giao dịch vẫn bảo đảm các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật.

STT	Nội dung	Điều kiện, điều khoản
		e) Trừ trường hợp xảy ra Sự Kiện Vi Phạm được quy định tại Bản cáo bạch và Trái Phiếu được tuyên bố đến hạn theo trình tự quy định tại Bản cáo bạch, Người Sở Hữu Trái Phiếu không có quyền yêu cầu TPBank mua lại hoặc thanh toán Trái Phiếu trước Ngày Đáo Hạn. Việc TPBank không thực hiện quyền mua lại trước hạn tại điểm a và điểm b Mục này không cấu thành vi phạm nghĩa vụ của TPBank theo Trái Phiếu.
19	Các đặc điểm pháp lý khác của Trái Phiếu	Người Sở Hữu Trái Phiếu không được sử dụng quyền yêu cầu thanh toán Trái Phiếu để bù trừ nghĩa vụ tài chính của chính mình đối với TPBank.
20	Đăng ký, lưu ký và niêm yết	TPBank thực hiện đăng ký, lưu ký toàn bộ Trái Phiếu được phân phối thành công tại VSDC và nộp, hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu trên HNX theo quy định của pháp luật. Trái Phiếu chỉ được chuyển nhượng sau khi được đăng ký tập trung tại VSDC và được đưa vào giao dịch trên HNX. Trong khoảng thời gian từ khi kết thúc mỗi đợt chào bán đến khi Trái Phiếu của đợt đó được đưa vào giao dịch trên HNX, Trái Phiếu không được chuyển nhượng, trừ các trường hợp chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật và quy chế của VSDC.

III. Principal terms and conditions of the Bonds

No.	*Item*	*Terms and conditions*
1	*Name of the bonds*	*TPBank's bonds publicly offered to supplement Tier 2 capital for 2026–2027 ("Bonds")*
2	*Type of bonds*	*(1) The Bonds are non-convertible, have no warrants attached, are not secured by assets, are not guaranteed and constitute direct repayment obligations of TPBank.* *(2) The Bonds are subordinated debt designed to meet the conditions for inclusion in Tier 2 capital under Circular 14. In the event of TPBank's bankruptcy, dissolution or liquidation, organizations and individuals holding the Bonds ("Bondholders") will be paid only after TPBank has paid all other creditors.* *(3) All 150.000.000 Bonds offered under the issuance plan constitute a single type of Bond; the number of Bonds in each tranche and under each bond code is only an allocation within the total number of Bonds of that type.*
3	*Currency of issuance and payment*	*Vietnamese dong (VND)*
4	*Form*	*The Bonds are issued in book-entry form.*
5	*Par value*	*VND 100.000 (one hundred thousand Vietnamese dong) per Bond*
6	*Offering price*	*At par value*
7	*Maximum total number of Bonds*	*150.000.000 Bonds*

No.	Item	Terms and conditions
8	*Maximum aggregate par value*	*VND 15.000.000.000.000 (fifteen trillion Vietnamese dong)*
9	*Tenor and Issue Date*	*The Bonds have a tenor of 10 years from the Issue Date of the corresponding bond code.* *For each bond code, the "Issue Date" is the date on which the collection of Bond subscription monies for the offering tranche containing that code is completed. The date falling 10 years after the Issue Date of a bond code is the "Maturity Date" of that code.*
10	*Number of offering tranches*	*A maximum of 05 offering tranches. The initial indicative offering volume for each tranche is 30.000.000 Bonds, equivalent to VND 3.000.000.000.000 at par value. The offering schedule for each tranche and the mechanism for carrying forward undistributed Bonds are set out in Section IV of this Appendix.*
11	*Offering schedule*	*In accordance with the timing approved by the BOD in Section IV.*
12	*Target investors*	*Vietnamese organizations and individuals, and foreign organizations and individuals, in accordance with law*
13	*Issuance method*	*Public offering*
14	*Distribution method*	*Direct sales to investors at TPBank's head office, branches and transaction offices nationwide and/or through TPBank's electronic transaction channels.*
15	*Nominal interest rate*	*Floating interest rate.* *The nominal interest rate of the Bonds is determined as the "Reference Rate" + (plus) the "Margin", where:* *- The "Reference Rate" for determining the nominal interest rate is the average interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for individuals, with interest paid in arrears, of Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade, Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam, Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development. The Reference Rate is based on the rates published on the official websites of those four banks on the "Interest Determination Date", being the date on which TPBank issues the public bond offering notice for the relevant tranche for the first Interest Period, and the 7th business day before the first day of each subsequent Interest Period; the resulting rate is rounded to two decimal places.* *- If any of the above banks publishes more than one rate for the same 12-month tenor, the lowest published rate will be used. If the published rate of one or more, but not all, of those banks is unavailable on the Interest Determination Date, the Reference Rate will be the average interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for individuals, with interest paid in arrears, of the remaining banks; if the rates of all those banks are unavailable, the Reference Rate will be the interest rate on standard 12-month Vietnamese dong savings deposits for*

No.	Item	Terms and conditions
		individuals, with interest paid in arrears, published by TPBank on the Interest Determination Date. *- The Reference Rate is reset for each Interest Period of each bond code.* *- The "Margin" is determined based on market conditions, the level acceptable to TPBank and its funding needs at the time of issuance, in line with the State Bank of Vietnam's interest rate regulations from time to time. The maximum Margin under the issuance plan is 4,1% per annum. The specific Margin for each bond code in each offering tranche is decided by the Chief Executive Officer before the launch of that offering tranche and announced in the public bond offering notice of the relevant offering tranche, ensuring that it does not exceed the maximum Margin under the issuance plan approved by the BOD.*
16	*Interest payment frequency*	*Interest on the Bonds of each offering tranche is payable every 12 months from the Issue Date, except where TPBank is permitted under Circular 14 to suspend interest payments and carry accrued interest forward to the following year if payment of interest would cause TPBank to incur a loss for the year; interest calculation and payment are governed by the Prospectus. Interest is calculated on the actual number of days in the Interest Period on the basis of a 365-day year. An "Interest Period" is the period from (and including) the Issue Date or the immediately preceding Interest Payment Date to (but excluding) the next Interest Payment Date. TPBank's exercise of its right to suspend interest payments and carry accrued interest forward to the following year does not change the Interest Payment Dates determined by reference to the Issue Date of the corresponding bond code.*
17	*Method of principal and interest payment*	*- Bond principal is repaid in a single payment on the Maturity Date or on the early redemption date for the Bonds repurchased by TPBank under item 18 of this Table.* *- Bond interest is paid at the frequency specified in item 16 of this Table on each "Interest Payment Date", being each anniversary of the Issue Date up to the Maturity Date of the corresponding bond code, except where interest payments are suspended under item 16 of this Table.*
18	*Early redemption of the bonds*	*a) Periodic redemption right: TPBank has the right, but not the obligation, to redeem all or part of the outstanding Bonds under each bond code before maturity on each Interest Payment Date, subject to Point d of this item. When TPBank exercises its periodic redemption right, Bondholders are obliged to sell back the Bonds to be redeemed at TPBank's request.* *b) Redemption by agreement: in addition to its periodic redemption right, TPBank may offer to repurchase by agreement all or part of the aggregate par value of the outstanding Bonds under each bond*

No.	Item	Terms and conditions
		code at any time, subject to Point d of this item; Bondholders have the right to accept or reject the repurchase offer. *c) Redemption price: (i) for periodic redemption under Point a of this item, the redemption price equals 100% of par value plus interest payable up to the redemption date in accordance with the Prospectus; (ii) for redemption by agreement under Point b of this item, the price or pricing principles must be approved by the BOD in the repurchase plan and accepted by the participating Bondholders, in accordance with the Prospectus and applicable law.* *d) Conditions for redemption by TPBank: TPBank may repurchase Bonds before the Maturity Date only if, after the transaction, it continues to meet the prudential ratios and limits prescribed by law.* *e) Unless an Event of Default specified in the Prospectus occurs and the Bonds are declared due and payable in accordance with the procedures in the Prospectus, Bondholders have no right to require TPBank to repurchase or repay the Bonds before the Maturity Date. TPBank's decision not to exercise its early redemption rights under Points a and b of this item does not constitute a breach of TPBank's obligations under the Bonds.*
19	*Other legal features of the Bonds*	*Bondholders may not use their right to claim payment under the Bonds to set off their own financial obligations to TPBank.*
20	*Registration, depository and listing*	*TPBank will register and deposit all successfully distributed Bonds with VSDC and submit and complete the application dossier for listing the Bonds on HNX in accordance with law.* *The Bonds may only be transferred after they have been centrally registered with VSDC and admitted to trading on HNX. During the period from the completion of each offering tranche until the Bonds of that tranche are admitted to trading on HNX, the Bonds may not be transferred, except for transfers of ownership permitted by law and VSDC's regulations.*

IV. Kế hoạch chào bán dự kiến ban đầu và cơ chế chuyển tiếp giữa các đợt

Đợt	Kỳ hạn	Số lượng chào bán dự kiến ban đầu (Trái Phiếu)	Tổng mệnh giá chào bán dự kiến ban đầu (đồng)	Thời điểm dự kiến bắt đầu chào bán
1	10 năm	30.000.000	3.000.000.000.000	Dự kiến Quý IV/2026
2	10 năm	30.000.000	3.000.000.000.000	Dự kiến Quý IV/2026
3	10 năm	30.000.000	3.000.000.000.000	Dự kiến Quý I – Quý II/2027
4	10 năm	30.000.000	3.000.000.000.000	Dự kiến Quý II – Quý III/2027
5	10 năm	30.000.000	3.000.000.000.000	Dự kiến Quý III/2027
Tổng		**150.000.000**	**15.000.000.000.000**	

Nguyên tắc chuyển tiếp phần chưa phân phối hết: số lượng 30.000.000 Trái Phiếu và tổng mệnh giá 3.000.000.000.000 đồng tại mỗi dòng của Bảng là kế hoạch chào bán dự kiến ban đầu của từng đợt. Trường hợp một đợt không phân phối hết, phần chưa phân phối hết có thể được

chuyển sang đợt chào bán liền sau và cộng vào kế hoạch chào bán dự kiến ban đầu của đợt đó, với điều kiện đáp ứng đồng thời các điều kiện (i) đến (iv) dưới đây; phần không đáp ứng điều kiện chuyển tiếp không được tự động chuyển sang đợt chào bán khác. Mỗi đợt chào bán sau chỉ được thực hiện sau khi đợt chào bán liền trước kết thúc.

Việc chuyển tiếp phải đồng thời đáp ứng: (i) số lượng Trái Phiếu chào bán của mỗi đợt không vượt quá phần chưa phát hành của tổng số lượng 150.000.000 Trái Phiếu đăng ký chào bán; (ii) giá trị Trái Phiếu dự kiến phát hành của từng đợt tính theo mệnh giá, sau khi cộng phần chuyển tiếp, không lớn hơn vốn chủ sở hữu của TPBank theo quy định của pháp luật; (iii) thời gian chào bán của từng đợt không kéo dài quá 90 ngày (chưa tính trường hợp được gia hạn thời gian phân phối theo quy định của pháp luật) và khoảng cách giữa hai đợt liền kề không quá 12 tháng; và (iv) không phát sinh quá 05 đợt, phần chưa phân phối hết sau đợt 5 không tự động chuyển sang một đợt mới.

IV. Initial indicative offering schedule and mechanism for carrying forward undistributed Bonds between tranches

Tranche	***Tenor***	***Initial indicative offering volume (Bonds)***	***Initial indicative aggregate offering par value (VND)***	***Expected offering commencement***
1	*10 years*	*30.000.000*	*3.000.000.000.000*	*Expected in Q4/2026*
2	*10 years*	*30.000.000*	*3.000.000.000.000*	*Expected in Q4/2026*
3	*10 years*	*30.000.000*	*3.000.000.000.000*	*Expected in Q1 – Q2/2027*
4	*10 years*	*30.000.000*	*3.000.000.000.000*	*Expected in Q2 – Q3/2027*
5	*10 years*	*30.000.000*	*3.000.000.000.000*	*Expected in Q3/2027*
Total		***150.000.000***	***15.000.000.000.000***	

Principles for carrying forward undistributed Bonds: the volume of 30.000.000 Bonds and the aggregate par value of VND 3.000.000.000.000 in each row of the Table represent the initial indicative offering plan for that tranche. If a tranche is not fully distributed, the undistributed portion may be carried forward to the immediately following offering tranche and added to that tranche's initial indicative offering plan, provided that all the conditions in (i) to (iv) below are satisfied; any portion that does not satisfy the carry-forward conditions may not automatically be transferred to another offering tranche. Each subsequent offering tranche may be conducted only after the immediately preceding tranche has been completed.

The carry-forward must satisfy all of the following conditions: (i) the number of Bonds offered in each tranche must not exceed the unissued balance of the total of 150.000.000 Bonds registered for offering; (ii) the proposed issue value of each tranche at par value, after including the carried-forward portion, must not exceed TPBank's owner's equity as prescribed by law; (iii) the offering period of each tranche must not exceed 90 days (excluding any extension of the distribution period permitted by law) and the interval between two consecutive tranches must not exceed 12 months; and (iv) there must be no more than 05 tranches, and any undistributed portion remaining after tranche 5 may not automatically be carried forward to a new tranche.

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

TPBank

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIÊN PHONG

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp đổi ngày 25/05/2026 (được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 49/QĐ-QLGS4 ngày 25/06/2026 và Quyết định số 2361/QĐ-NHNN ngày 27/10/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam))

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 667/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 11 năm 2026

Bản Cáo Bạch này và các phụ lục của Bản Cáo Bạch sẽ được cung cấp tại: trụ sở Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (Tòa nhà TPBank, Số 57, Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội) và trang thông tin điện tử https://tpb.vn/ từ ngày: ...../...../.....

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Đỗ Minh Phú

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Tiên Phong

Số điện thoại: (024) 3768 8998

QUYỂN 1/2

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIÊN PHONG

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp đổi ngày 25/05/2026 (được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 49/QĐ-QLGS4 ngày 25/06/2026 và Quyết định số 2361/QĐ-NHNN ngày 27/10/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam))

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên trái phiếu	:	Trái phiếu TPBank phát hành ra công chúng nhằm bổ sung vốn cấp 2 giai đoạn 2026–2027.
Loại trái phiếu	:	Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, không được bảo lãnh và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của TPBank. Trái Phiếu là nợ thứ cấp được thiết kế nhằm đáp ứng các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo Thông tư số 14/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
Mệnh giá	:	100.000 VND/trái phiếu.
Tổng số lượng trái phiếu chào bán	:	Tối đa 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) trái phiếu.
Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá	:	Tối đa 15.000.000.000.000 (Mười lăm nghìn tỷ) đồng.
Kỳ hạn trái phiếu	:	10 (mười) năm
Lãi suất hoặc nguyên tắc xác định	:	Trái Phiếu có lãi suất thả nổi, Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên Độ (tối đa 4,1%/năm). Chi tiết được quy định tại Mục 7 Phần VI của Bản Cáo Bạch này.

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KPMG

Trụ sở: Tầng 46, Keangnam Landmark 72, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3946 1600 Fax: (024) 3946 1601

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Trụ sở: Tầng 12, Tòa nhà Doji, số 5 Lê Duẩn, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (028) 3911 8014 Fax: (028) 3911 8015

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

Trụ sở: Tầng 8, Tòa nhà Hapro, số 11B Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 6666 Fax: (024) 3944 8071

TỔ CHỨC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM:

CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP HẠNG TÍN NHIỆM ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Trụ sở: Phòng 2709, tầng 27 - Tháp Tây, tòa nhà Lotte Center Hà Nội, 54 Liễu Giai, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3388 6000

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH ---- 4
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ---- 4
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC TỪ HOẶC NHÓM TỪ VIẾT TẮT ---- 14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ---- 16
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ---- 109
VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN ---- 130
VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN ---- 151
VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN ---- 151
IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN ---- 158
X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ---- 159
XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN ---- 160
XII. PHỤ LỤC ---- 161

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Phát Hành

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIÊN PHONG

Ông **Đỗ Minh Phú** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông **Nguyễn Hưng** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà **Lê Cẩm Tú** Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản Cáo Bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Đại diện được ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Thanh

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Theo Văn bản ủy quyền số 21A/2026/TPS-UQ ngày 01/10/2026 của Người đại diện theo pháp luật.

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán Tiên Phong ("TPS") tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng và tư vấn đăng ký, niêm yết Trái Phiếu số 2409/2026/HĐTV/TPB-TPS ngày 24/09/2026 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/sự kiện không chắc chắn được mô tả bên dưới, cùng với các thông tin trong Bản Cáo Bạch này. Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ nhân tố nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hoặc Trái Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn khác mà Tổ Chức Phát Hành hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

1. Rủi ro về kinh tế

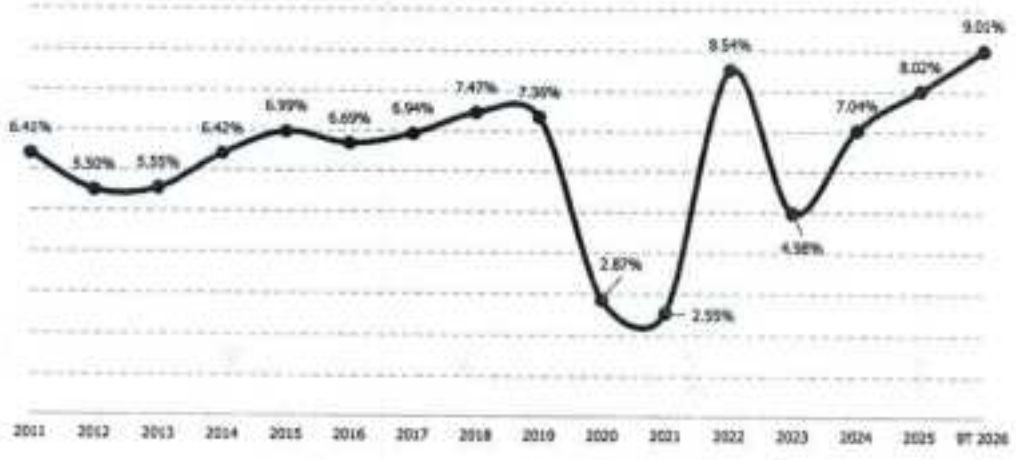
Thay đổi về điều kiện kinh tế, chính trị, pháp luật và chính sách tại Việt Nam có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

Diễn biến của môi trường kinh doanh và tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực. Khi nền kinh tế duy trì đà tăng trưởng ổn định và môi trường kinh doanh thuận lợi, các doanh nghiệp có nhiều cơ hội mở rộng hoạt động và nâng cao hiệu quả kinh doanh; ngược lại, những biến động bất lợi của nền kinh tế có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của doanh nghiệp.

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều bất ổn do các xung đột địa chính trị kéo dài tại một số khu vực, xu hướng gia tăng các biện pháp bảo hộ thương mại, chính sách thuế quan của các nền kinh tế lớn và biến động của giá năng lượng, nguyên vật liệu. Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực nhờ nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, hoạt động xuất khẩu phục hồi, đầu tư công được đẩy mạnh và nhu cầu trong nước cải thiện. GDP năm 2025 tăng khoảng 8,02%[1] so với năm trước; trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, khu vực dịch vụ tăng 8,62%.

[2]Tính chung 9 tháng đầu năm 2026, GDP tăng 9,01% so với cùng kỳ năm trước; trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,02%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11,21%, khu vực dịch vụ tăng 8,69%.

Tốc độ tăng GDP của Việt Nam (%)



(Nguồn: Cục Thống kê, Báo cáo kinh tế – xã hội năm 2025 và 9 tháng đầu năm 2026. Số liệu 9T2026 so với cùng kỳ năm trước.)

Mặc dù kinh tế Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, Tổ Chức Phát Hành không thể bảo đảm về sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Những biến động bất lợi của môi trường kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế có thể tác động đến nhu cầu tín dụng, khả năng huy động vốn, chất lượng tài sản, thanh khoản và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Mức độ lạm phát cao ở Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

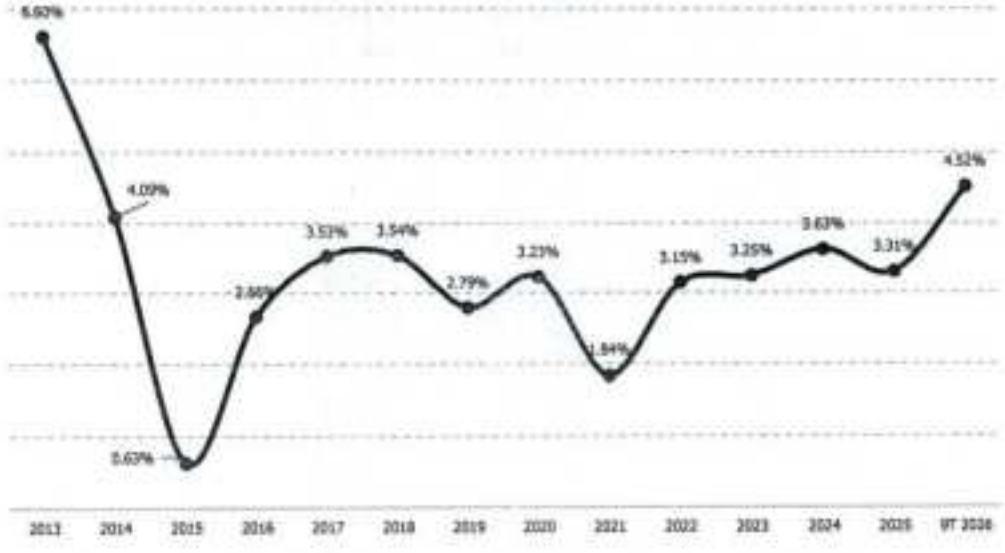
Theo Cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 tăng 3,31% so với năm 2024, thấp hơn ngưỡng mục tiêu kiểm soát lạm phát.

Theo số liệu của Cục Thống kê, CPI bình quân quý III năm 2026 tăng 4,80% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh áp lực lạm phát tiếp tục duy trì ở mức cao trong bối cảnh chi phí đầu vào và giá một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu tăng. Tính chung 9 tháng đầu năm 2026, CPI bình quân tăng 4,52% so với cùng kỳ năm trước, trong khi lạm phát cơ bản tăng 4,26%. Áp lực lạm phát chủ yếu đến từ biến động giá của các nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống, nhóm nhà ở, điện, nước, chất

[1] *Nguồn: Cục Thống kê tại: https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2026/01/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/*
[2] *Nguồn: Cục Thống kê tại: https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2026/10/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iii-va-9-thang-nam-2026/*

đốt và vật liệu xây dựng, nhóm giao thông, cùng với tác động của chi phí nguyên, nhiên vật liệu và năng lượng trên thị trường thế giới.

Tốc độ tăng CPI bình quân (%)



(Nguồn: Cục Thống kê. Số liệu năm là mức tăng CPI bình quân so với năm trước; 9T2026 so với cùng kỳ năm trước.)

Trong bối cảnh đó, mặc dù các cơ quan quản lý đang triển khai nhiều biện pháp nhằm kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô, Tổ Chức Phát Hành không thể bảo đảm rằng áp lực lạm phát sẽ không tiếp tục gia tăng trong tương lai. Việc lạm phát tăng cao có thể dẫn đến sự điều chỉnh của mặt bằng lãi suất, ảnh hưởng đến chi phí huy động vốn, nhu cầu tín dụng và khả năng trả nợ của khách hàng. Điều này có thể tác động bất lợi đến chất lượng tài sản, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và khả năng sinh lời của Tổ Chức Phát Hành.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là rủi ro phát sinh từ sự thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách quản lý nhà nước hoặc từ việc áp dụng, giải thích và thực thi các quy định pháp luật trong thực tiễn hoạt động kinh doanh. Đối với các tổ chức tín dụng nói chung và TPBank nói riêng, rủi ro pháp lý có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh, khả năng sinh lời, uy tín thương hiệu cũng như chiến lược phát triển dài hạn của Ngân hàng.

Trong những năm gần đây, cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, Việt Nam đã không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường và tiệm cận các chuẩn mực quốc tế trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Nhiều văn bản pháp luật quan trọng đã được ban hành, sửa đổi hoặc bổ sung như Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Phòng, chống rửa tiền và các quy định liên quan đến quản trị rủi ro, an toàn vốn, bảo vệ dữ liệu khách hàng và chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng. Mặc dù những thay đổi này góp phần tạo dựng môi trường kinh doanh minh bạch và an toàn hơn, việc điều chỉnh liên tục của khung pháp lý cũng làm gia tăng áp lực tuân thủ đối với các tổ chức tín dụng.

Là một ngân hàng thương mại hoạt động trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, TPBank chịu sự giám sát chặt chẽ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan quản lý có liên quan. Các hoạt động huy động vốn, cấp tín dụng, đầu tư, thanh toán, kinh doanh ngoại hối, cung cấp dịch

vụ ngân hàng số và các hoạt động khác của TPBank đều phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Do đó, bất kỳ sự thay đổi nào trong chính sách điều hành tiền tệ, quy định về giới hạn tăng trưởng tín dụng, tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ dự trữ bắt buộc, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro hoặc các quy định liên quan đến quản trị ngân hàng đều có thể tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh của Ngân hàng.

Bên cạnh đó, TPBank là một trong những ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực ngân hàng số tại Việt Nam. Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, khai thác dữ liệu khách hàng và phát triển các sản phẩm tài chính số cũng khiến Ngân hàng phải đối mặt với những yêu cầu pháp lý ngày càng cao liên quan đến bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu, phòng chống tội phạm công nghệ cao, phòng chống rửa tiền và xác thực giao dịch điện tử. Trong trường hợp các quy định pháp luật liên quan đến những lĩnh vực này được sửa đổi hoặc ban hành theo hướng chặt chẽ hơn, TPBank có thể phải đầu tư thêm nguồn lực tài chính, công nghệ và nhân sự nhằm đáp ứng các yêu cầu mới, từ đó làm gia tăng chi phí hoạt động.

Tại TPBank, công tác quản lý rủi ro pháp lý được thực hiện như sau:

- TPBank thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ theo 03 tuyến bảo vệ độc lập.
- Khối Pháp chế và Tuân thủ tư vấn pháp lý cho Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các đơn vị; tư vấn, thẩm định hợp đồng, giao dịch; đại diện tham gia tố tụng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng; kiểm soát hệ thống văn bản nội bộ; tổ chức công tác tuân thủ, quản lý rủi ro tuân thủ và kiểm soát hoạt động phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trên toàn hệ thống.
- Trung tâm Kiểm soát nội bộ và Tuân thủ xây dựng và triển khai khung kiểm soát nội bộ, chính sách và quy định tuân thủ trong toàn hệ thống; giám sát, kiểm tra việc tuân thủ quy định nội bộ và quy định của pháp luật; phát hiện, cảnh báo và kiến nghị xử lý các sai phạm, rủi ro phát sinh.

Mặc dù TPBank đã triển khai nhiều biện pháp nhằm kiểm soát và hạn chế rủi ro pháp lý, không có sự đảm bảo tuyệt đối rằng những thay đổi trong chính sách pháp luật, cơ chế quản lý của cơ quan nhà nước hoặc các tranh chấp phát sinh trong tương lai sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động cũng như triển vọng phát triển của Ngân hàng.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với TPBank.

Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ các yếu tố chủ quan như khách hàng cung cấp thông tin không đầy đủ, sử dụng vốn sai mục đích hoặc tình hình tài chính suy giảm. Bên cạnh đó, các yếu tố khách quan như biến động của nền kinh tế, thị trường hoặc ngành nghề kinh doanh của khách hàng cũng có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ. Các rủi ro này có thể làm gia tăng nợ quá hạn, nợ xấu của TPBank và khiến Ngân hàng phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, qua đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh.

Để quản lý rủi ro tín dụng, TPBank duy trì chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau: thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp; hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh; duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng. TPBank thực hiện xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; việc phê

duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền, với sự tham gia của Hội đồng Tín dụng. Khối Giám sát tín dụng và Phân luồng nợ thực hiện giám sát tuân thủ điều kiện phê duyệt, kiểm tra, giám sát tín dụng sau giải ngân, cảnh báo sớm và phân luồng các khoản nợ trên toàn hệ thống. Ngân hàng thực hiện phân loại nợ theo Thông tư số 31/2024/TT-NHNN; trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro theo Nghị định số 86/2024/NĐ-CP.

3.2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường, có thể ảnh hưởng đến giá trị tài sản, nguồn vốn, thu nhập và kết quả hoạt động kinh doanh của TPBank. Rủi ro thị trường bao gồm:

- Rủi ro lãi suất là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của Ngân hàng;
- Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá, giá vàng trên thị trường khi Ngân hàng có trạng thái ngoại tệ, trạng thái vàng;
- Rủi ro giá chứng khoán phát sinh từ chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán vốn kinh doanh của TPBank. Tại ngày 30/9/2026 và ngày 31/12/2025, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán của TPBank là không đáng kể do TPBank nắm giữ danh mục chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết không đáng kể.
- Rủi ro giá hàng hóa là rủi ro do biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị của sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của Ngân hàng.

Để quản lý rủi ro thị trường, TPBank đã đưa ra hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được TPBank sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Ban Tổng Giám đốc định kỳ rà soát rủi ro tiềm tàng của TPBank trong bối cảnh kinh tế và điều kiện kinh doanh hiện hành, tập trung vào rủi ro lãi suất và rủi ro thị trường, đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu, hạn mức và quy định đặt ra.

3.3. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro phát sinh từ những biến động bất lợi của lãi suất thị trường đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và các cam kết ngoại bảng của TPBank. Rủi ro này có thể phát sinh do sự chênh lệch về thời điểm định giá lại lãi suất giữa tài sản và nguồn vốn, sự thay đổi trong mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính có cùng kỳ hạn hoặc khác kỳ hạn, cũng như tác động từ các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Khi lãi suất thị trường biến động, thu nhập lãi thuần (NII) và giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (EVE) của TPBank có thể bị ảnh hưởng do sự mất cân đối giữa tài sản nhạy cảm với lãi suất và nguồn vốn nhạy cảm với lãi suất. Trong trường hợp lãi suất tăng hoặc giảm mạnh ngoài dự kiến, Ngân hàng có thể phải đối mặt với sự suy giảm về lợi nhuận hoặc giá trị kinh tế của vốn.

Để kiểm soát rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, Ủy ban Giám sát Tài sản/Nợ phải trả trực thuộc Hội đồng Quản trị giám sát việc quản lý và điều hành cơ cấu bảng cân đối tài sản phù hợp với chính sách quản lý rủi ro; giám sát việc tuân thủ các hạn mức rủi ro, bao gồm hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng và tổng tài sản tính theo rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng; giám sát việc xây dựng và phê duyệt khung lãi suất huy động – cho vay, khung giá các sản phẩm khác, kế hoạch huy động và sử dụng vốn và nguyên tắc định giá nội bộ. Khối Tài chính quản lý cơ cấu vốn,

tài sản, công nợ của TPBank; Khối Quản trị rủi ro thực hiện chức năng quản lý rủi ro độc lập thuộc tuyến bảo vệ thứ hai, giám sát việc tuân thủ các giới hạn rủi ro.

3.4. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với TPBank.

Trong bối cảnh TPBank đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng số, đồng thời mở rộng hợp tác với các đối tác công nghệ và bên thứ ba, các rủi ro hoạt động liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin, an toàn bảo mật dữ liệu, gian lận nội bộ, sai sót tác nghiệp hoặc gián đoạn dịch vụ có thể gia tăng. Ngoài ra, các yếu tố khách quan như thiên tai, dịch bệnh, sự cố hạ tầng kỹ thuật hoặc các cuộc tấn công mạng cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng.

Trong năm 2025, Ủy ban Quản lý rủi ro trực thuộc Hội đồng Quản trị giám sát việc tuân thủ các chỉ số rủi ro hoạt động, đặc biệt chú ý tới rủi ro công nghệ thông tin, rủi ro không gian mạng, rủi ro gian lận và rủi ro ngân hàng số. Khối Quản trị rủi ro thực hiện nhận diện, đo lường, giám sát, cảnh báo sớm và kiểm soát các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động của Ngân hàng.

3.5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do TPBank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường.

Rủi ro thanh khoản có thể phát sinh từ sự mất cân đối về kỳ hạn giữa tài sản và nguồn vốn, biến động bất thường của thị trường tài chính, sự thay đổi trong hành vi gửi tiền của khách hàng hoặc các yếu tố kinh tế vĩ mô tác động đến khả năng huy động vốn và thanh khoản của Ngân hàng. Ngoài ra, rủi ro thanh khoản cũng có thể phát sinh từ các sự kiện bất thường trên thị trường hoặc là hệ quả của các loại rủi ro khác như rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động.

TPBank đã ban hành các quy định và quy trình về quản lý rủi ro thanh khoản, trong đó thiết lập quy định về việc quản lý khe hở thanh khoản theo các thang kỳ hạn, các chỉ số đo lường rủi ro thanh khoản, các kịch bản căng thẳng thanh khoản và kế hoạch dự phòng thanh khoản để chủ động các biện pháp xử lý trong tình huống thị trường có biến động. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, TPBank đa dạng hóa nguồn vốn huy động; xây dựng hệ thống báo cáo cân đối vốn để tính toán trạng thái thanh khoản hằng ngày; thường xuyên phân tích, dự báo tình hình thanh khoản trong tương lai; thiết lập khẩu vị và hạn mức rủi ro thanh khoản. Ngoài ra, TPBank duy trì danh mục tài sản dự trữ thứ cấp là trái phiếu Chính phủ, có thể bán hoặc repo với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để đề phòng trường hợp căng thẳng thanh khoản. Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Giám sát Tài sản/Nợ phải trả trực thuộc Hội đồng Quản trị giám sát công tác quản lý rủi ro thanh khoản và việc tuân thủ các hạn mức rủi ro thanh khoản.

3.6. Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro phát sinh khi TPBank có mức độ tập trung đáng kể đối với một hoặc một nhóm khách hàng, khách hàng có liên quan, ngành nghề kinh tế, khu vực địa lý, loại tài sản bảo đảm hoặc sản phẩm tín dụng. Khi các đối tượng hoặc lĩnh vực này gặp khó khăn do biến động kinh tế, thay đổi chính sách, suy giảm thị trường hoặc các yếu tố bất lợi khác, hoạt động kinh doanh, chất lượng tài sản và khả năng thu hồi nợ của Ngân hàng có thể bị ảnh hưởng.

Tại ngày 30/9/2026, tổng dư nợ cho vay khách hàng hợp nhất của TPBank là 334.160 tỷ đồng, được phân bổ cho nhiều ngành, lĩnh vực, trong đó: hoạt động làm thuê các công việc trong các

hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình (chiếm 44,98%); hoạt động kinh doanh bất động sản (15,91%); bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (9,42%); công nghiệp chế biến, chế tạo (7,56%); xây dựng (7,31%); vận tải kho bãi (4,05%) và các ngành, lĩnh vực khác.

Để phòng ngừa rủi ro tập trung, TPBank tuân thủ các giới hạn cấp tín dụng theo quy định của pháp luật; Khối Tín dụng xây dựng và triển khai chính sách, quy trình quản lý tín dụng phù hợp với chiến lược kinh doanh và khẩu vị rủi ro của Ngân hàng và quản lý danh mục tín dụng.

3.7. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, TPBank thực hiện nhiều nghiệp vụ được ghi nhận ngoại bảng như phát hành bảo lãnh, thư tín dụng (L/C), các cam kết cấp tín dụng, cam kết thanh toán và các giao dịch tài chính khác cho khách hàng. Các nghiệp vụ này tạo ra nghĩa vụ tiềm ẩn đối với Ngân hàng và có thể làm phát sinh rủi ro tín dụng khi khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết.

Tại ngày 30/9/2026, tổng các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra theo số liệu hợp nhất của TPBank (đã trừ tiền gửi ký quỹ) là 336.247 tỷ đồng, trong đó: các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn (gồm bảo lãnh vay vốn, cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng và bảo lãnh khác) là 140.199 tỷ đồng (chiếm 41,7%) và các cam kết đưa ra (gồm cam kết giao dịch hối đoái và cam kết khác) là 196.048 tỷ đồng (chiếm 58,3%).

Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng phát sinh khi TPBank phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho khách hàng đối với các cam kết bảo lãnh, thư tín dụng hoặc các cam kết tín dụng khác. Khi đó, các nghĩa vụ ngoại bảng có thể được chuyển thành các khoản phải thu hoặc khoản cấp tín dụng nội bảng và tiềm ẩn nguy cơ phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu nếu khách hàng không hoàn trả đầy đủ cho Ngân hàng. Điều này có thể ảnh hưởng đến chất lượng tài sản, làm gia tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và tác động bất lợi đến kết quả hoạt động kinh doanh của TPBank.

Bảo lãnh ngân hàng và thư tín dụng là nghiệp vụ cấp tín dụng, được TPBank thẩm định, phê duyệt và quản lý theo chính sách, quy trình tín dụng của Ngân hàng; đồng thời TPBank áp dụng yêu cầu ký quỹ đối với các khoản bảo lãnh và cam kết thư tín dụng.

3.8. Rủi ro đặc thù khác

Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) đóng vai trò nền tảng trong toàn bộ hoạt động của một ngân hàng hiện đại, từ xử lý giao dịch, quản trị rủi ro, kế toán, báo cáo cho đến cung cấp dịch vụ trực tiếp tới khách hàng. Hoạt động của TPBank phụ thuộc vào hệ thống CNTT do nhiều giao dịch và dịch vụ khách hàng được thực hiện qua các kênh số.

Rủi ro hệ thống CNTT có thể phát sinh từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm: sự cố kỹ thuật hoặc gián đoạn hạ tầng hệ thống; lỗi trong quá trình vận hành, nâng cấp hoặc tích hợp hệ thống; các cuộc tấn công mạng, xâm nhập trái phép hoặc mã độc nhằm vào hệ thống ngân hàng; rủi ro rò rỉ, mất mát hoặc truy cập trái phép dữ liệu khách hàng; và rủi ro phát sinh từ việc phụ thuộc vào các đối tác công nghệ, nhà cung cấp dịch vụ bên thứ ba trong quá trình phát triển và vận hành các sản phẩm ngân hàng số. Bên cạnh đó, các yếu tố khách quan như thiên tai, hỏa hoạn hoặc sự cố hạ tầng viễn thông cũng có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của hệ thống.

Trong trường hợp hệ thống CNTT gặp sự cố nghiêm trọng hoặc bị tấn công mạng, TPBank có thể phải đối mặt với gián đoạn hoạt động kinh doanh, tổn thất tài chính, vi phạm nghĩa vụ bảo mật

dữ liệu khách hàng theo quy định pháp luật, cũng như ảnh hưởng bất lợi đến uy tín và niềm tin của khách hàng đối với Ngân hàng.

Để quản lý rủi ro hệ thống công nghệ thông tin, TPBank thực hiện các quy định của Ngân hàng Nhà nước về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng. Khối Công nghệ thông tin thực hiện kiểm soát an ninh, an toàn của hệ thống, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và tính liên tục của hệ thống công nghệ trên toàn hệ thống. Năm 2022, TPBank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam đạt Chứng nhận ISO 22301 do Bureau Veritas (Vương quốc Anh) cấp. Năm 2025, TPBank triển khai thành công giải pháp cập nhật không dừng (EBR) trên hệ thống corebanking, cho phép cập nhật hệ thống mà không gây gián đoạn hoạt động; thời gian gián đoạn dịch vụ giảm 40%, thời gian dừng chủ động giảm 20% và từ tháng 02/2025 không phát sinh sự cố dừng dịch vụ eBank.

Mặc dù TPBank đã triển khai nhiều biện pháp nhằm đảm bảo an toàn, an ninh hệ thống CNTT, không có sự đảm bảo tuyệt đối rằng hệ thống sẽ không gặp sự cố hoặc bị tấn công trong tương lai, từ đó có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, uy tín và kết quả tài chính của Ngân hàng.

Rủi ro cạnh tranh

Thị trường tài chính - ngân hàng Việt Nam ngày càng có mức độ cạnh tranh gay gắt, không chỉ giữa các ngân hàng thương mại trong nước và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, mà còn từ sự phát triển nhanh chóng của các công ty công nghệ tài chính (Fintech), ví điện tử, và các mô hình ngân hàng số mới gia nhập thị trường. Xu hướng chuyển đổi số trong ngành ngân hàng, cùng với sự thay đổi trong hành vi và kỳ vọng của khách hàng, đòi hỏi các tổ chức tín dụng phải liên tục đổi mới sản phẩm, dịch vụ và trải nghiệm khách hàng để duy trì và mở rộng thị phần.

Là một trong những ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực ngân hàng số tại Việt Nam, TPBank đã xây dựng được vị thế cạnh tranh nhất định thông qua các sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ hiện đại. Tuy nhiên, TPBank cũng phải đối mặt với áp lực cạnh tranh từ nhiều phía: (i) các ngân hàng thương mại lớn có lợi thế về quy mô vốn, mạng lưới và tệp khách hàng truyền thống; (ii) các ngân hàng khác cũng đang đẩy mạnh đầu tư vào chuyển đổi số, thu hẹp khoảng cách công nghệ; và (iii) các công ty Fintech, tổ chức trung gian thanh toán cạnh tranh trực tiếp ở một số phân khúc dịch vụ như thanh toán, chuyển tiền và cho vay tiêu dùng.

Áp lực cạnh tranh có thể ảnh hưởng đến khả năng duy trì thị phần, biên lợi nhuận, chi phí huy động vốn và cho vay, cũng như tốc độ tăng trưởng của TPBank trong các phân khúc kinh doanh trọng yếu. Việc thu hút và giữ chân khách hàng trong bối cảnh chi phí chuyển đổi giữa các nhà cung cấp dịch vụ tài chính ngày càng thấp (do số hóa) cũng đặt ra thách thức đối với chiến lược phát triển dài hạn của Ngân hàng.

Để ứng phó với rủi ro cạnh tranh, TPBank tiếp tục mở rộng các nền tảng ngân hàng số; năm 2025, eBankX đạt 971 tính năng (tăng 22%) và eBankBiz đạt 626 tính năng (tăng 14%), tập trung chuẩn hóa quy trình, mở rộng kết nối đối tác và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Mặc dù TPBank đã triển khai nhiều biện pháp nhằm củng cố vị thế cạnh tranh, không có sự đảm bảo rằng Ngân hàng sẽ duy trì được thị phần và khả năng sinh lời hiện tại trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gia tăng, điều này có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và kết quả hoạt động của TPBank.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro của việc chào bán

Đối với đợt phát hành trái phiếu ra công chúng này, TPBank không có tổ chức bảo lãnh phát hành. Vì vậy, Ngân hàng có thể đối mặt với rủi ro không phân phối hết số lượng trái phiếu chào bán theo kế hoạch do ảnh hưởng của điều kiện thị trường hoặc nhu cầu đầu tư thực tế. Trong trường hợp không hoàn thành việc phân phối toàn bộ khối lượng trái phiếu dự kiến phát hành, TPBank sẽ chủ động điều chỉnh kế hoạch huy động vốn và cân đối các nguồn vốn thay thế nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh và đảm bảo các chỉ tiêu an toàn theo quy định hiện hành.

4.2. Rủi ro của việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện hệ số an toàn vốn và phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp theo Phương án phát hành. Do đó, việc sử dụng vốn này gắn với rủi ro tín dụng và rủi ro lãi suất đã được trình bày tại phần rủi ro đặc thù của Ngân hàng.

4.3. Rủi ro trái phiếu không được bảo đảm và là nợ thứ cấp

Trái Phiếu là nghĩa vụ nợ trực tiếp, không có tài sản bảo đảm và là nợ thứ cấp của TPBank, có thứ tự ưu tiên thanh toán theo Mục 10 Phần VI Bản Cáo Bạch này. TPBank được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó bị lỗ theo Mục 8 Phần VI, nên Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể không nhận được lãi đúng kỳ dự kiến. Mua lại trước hạn là quyền, không phải nghĩa vụ của TPBank. Trừ trường hợp xảy ra Sự Kiện Vi Phạm và Trái Phiếu được tuyên bố đến hạn theo Bản Cáo Bạch, Người Sở Hữu Trái Phiếu không có quyền yêu cầu TPBank mua lại hoặc thanh toán Trái Phiếu trước Ngày Đáo Hạn; Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại phần Trái Phiếu được TPBank mua lại khi TPBank thực hiện quyền mua lại định kỳ theo Mục 14 Phần VI.

4.4. Tính thanh khoản của trái phiếu trên thị trường thứ cấp

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp và không có gì bảo đảm rằng một thị trường giao dịch cho Trái Phiếu sẽ phát triển. Trên thị trường thứ cấp, Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động của TPBank và thị trường của các loại chứng khoán tương tự.

4.5. Hạn chế quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu

Đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định tập thể theo Các Điều Kiện Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện quyền theo nghị quyết được thông qua hợp lệ.

Đồng thời, Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện quyền đối với Trái Phiếu thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong phạm vi quy định tại Văn Kiện Trái Phiếu, và mặc nhiên chấp thuận các nhiệm vụ, quyền hạn được thực hiện bởi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Văn Kiện Trái Phiếu và nghị quyết của Những Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua hợp lệ.

5. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty là rủi ro phát sinh từ việc xây dựng và thực hiện các cơ chế quản trị, kiểm soát và giám sát hoạt động không hiệu quả, hoặc từ xung đột lợi ích, sự thiếu minh bạch trong việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và các bên liên quan, có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và uy tín của TPBank.

TPBank ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng trên cơ sở các nguyên tắc: tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ TPBank; bảo đảm cơ chế bộ máy quản trị, điều hành hợp lý,

hiệu quả; đối xử công bằng giữa các cổ đông; tôn trọng và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, TPBank và những người có liên quan; công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch; ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với bên liên quan. Hội đồng Quản trị thành lập 06 Ủy ban tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị. Giao dịch với bên liên quan được phê duyệt, thông qua theo quy định và tiến hành theo cách thức bảo đảm các xung đột lợi ích được quản lý hợp lý.

Thông tin của TPBank được công bố bằng tiếng Việt và tiếng Anh trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và trên hệ thống của cơ quan quản lý theo quy định. Mặc dù đã áp dụng nhiều biện pháp quản trị và kiểm soát, không có sự đảm bảo rằng các rủi ro liên quan đến quản trị công ty sẽ không ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng trong tương lai.

6. Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro trên, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng còn có thể phải chịu những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, động đất, dịch bệnh, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh,... Các rủi ro này khó lường, ít xảy ra nhưng khi xảy ra có thể gây thiệt hại lớn về người và tài sản, tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Để chủ động ứng phó với các sự kiện này, TPBank xây dựng và duy trì kế hoạch kinh doanh liên tục.

DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU. NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC TỪ HOẶC NHÓM TỪ VIẾT TẮT

Những từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản Cáo Bạch này được hiểu như sau:

Ngân hàng hoặc **TPBank** hoặc **Tổ Chức Phát Hành**	:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong
Bản Cáo Bạch	:	Bản Cáo Bạch này
Luật Doanh nghiệp	:	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được ban hành ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 được ban hành ngày 11/01/2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 được ban hành ngày 17/06/2025; Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15 được ban hành ngày 11/12/2025; và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
Luật Chứng khoán	:	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được ban hành ngày 26/11/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 được ban hành ngày 29/11/2024; Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15 được ban hành ngày 11/12/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
Luật Các tổ chức tín dụng	:	Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được ban hành ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ban hành ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 96/2025/QH15 được ban hành ngày 27/06/2025; Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15 được ban hành ngày 11/12/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
Tổ Chức Tư Vấn	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong ("TPS")
TCTD	:	Tổ chức tín dụng
NHNN	:	Ngân hàng Nhà nước
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
TGĐ	:	Tổng Giám đốc
BKS	:	Ban kiểm soát

ĐKDN	:	Đăng ký doanh nghiệp
BCTC	:	Báo cáo tài chính
VĐL	:	Vốn điều lệ
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
HOSE	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
HNX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
UPCoM	:	Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức, vận hành
VSDC	:	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
TMCP	:	Thương mại cổ phần
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
VND	:	Đồng Việt Nam
TCKT	:	Tổ chức kinh tế
TSCĐ	:	Tài sản cố định
LNTT	:	Lợi nhuận trước thuế
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
TNDN	:	Thu nhập doanh nghiệp
NIM	:	Thu nhập lãi cận biên
ROA	:	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân
ROE	:	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các thuật ngữ viết hoa liên quan đến Trái Phiếu được định nghĩa tại Phần VI Bản Cáo Bạch này.

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

Tên đầy đủ	:	**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIÊN PHONG**
Tên Công ty viết bằng tiếng Anh	:	TIEN PHONG COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
Tên giao dịch	:	TPBank
Tên viết tắt	:	TPBank
Logo	:	TPBank
Giấy phép thành lập và hoạt động	:	Số 23/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp đổi ngày 25/05/2026 (được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 49/QĐ-QLGS4 ngày 25/06/2026 và Quyết định số 2361/QĐ-NHNN ngày 27/10/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Theo khoản 2 Điều 27 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, Giấy phép này đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
Vốn điều lệ	:	31.901.348.960.000 VND (Ba mươi mốt nghìn, chín trăm linh một tỷ, ba trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng).
Địa chỉ trụ sở chính	:	Tòa nhà TPBank, 57 Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.
Số điện thoại	:	(84.24) 3768.8998
Số fax	:	(84.24) 3768.8979
Website	:	www.tpb.vn
Người đại diện theo pháp luật	:	Ông Đỗ Minh Phú – Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Mã cổ phiếu	:	TPB
Sàn niêm yết	:	HOSE

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

Ngành nghề kinh doanh chính :
- Dịch vụ tài khoản;
- Dịch vụ huy động vốn (tiền gửi tiết kiệm, trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi);
- Dịch vụ cho vay (ngắn, trung, dài hạn);
- Dịch vụ bảo lãnh;
- Dịch vụ chiết khấu chứng từ;
- Dịch vụ thanh toán quốc tế;
- Dịch vụ chuyển tiền;
- Dịch vụ thẻ;
- Dịch vụ nhờ thu;
- Dịch vụ mua bán ngoại tệ;
- Dịch vụ bao thanh toán; và
- Các dịch vụ khác theo Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời là Giấy chứng nhận ĐKDN của TPBank.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành

Ngày 05/05/2008 đã trở thành một cột mốc trong lịch sử hình thành và phát triển của TPBank khi dự án Ngân hàng đã được nhận Giấy phép chính thức từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với mức vốn Điều lệ ban đầu là 1.000 tỷ đồng. TPBank được kế thừa những thế mạnh về công nghệ hiện đại, kinh nghiệm thị trường cùng tiềm lực tài chính của các cổ đông chiến lược bao gồm: Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI, Tập đoàn Công nghệ FPT, Công ty Tài chính quốc tế (IFC), Tổng công ty Tái bảo hiểm Việt Nam (Vinare) và Tập đoàn Tài chính SBI Ven Holding Pte. Ltd., Singapore.

Những cột mốc phát triển quan trọng của TPBank cho đến nay:

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng của Tổ Chức Phát Hành
Tháng 5/2008	• TPBank nhận Giấy phép thành lập của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và bằng nỗ lực không ngừng từ khi còn là Dự án, TPBank đã hoàn tất việc triển khai hệ thống ngân hàng lõi Flexcube.
Tháng 6/2008	• Sau một tháng được cấp phép, TPBank chính thức khai trương hoạt động. Để mở rộng quan hệ hợp tác, TPBank đã ký kết hợp tác chiến lược toàn diện với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và khung hợp tác chung với Ngân hàng Citigroup.
Tháng 8/2008	• TPBank khai trương TPBank chi nhánh Hà Nội, đồng thời gia nhập chính thức liên minh mạng thanh toán lớn nhất Việt Nam – Smartlink. Cho ra mắt hệ thống ngân hàng tự động MiniBank 24/7.
Tháng 9/2008	• TPBank chính thức đăng ký với UBCK hoạt động dưới hình thức Công ty đại chúng.
Tháng 10/2008	• TPBank khai trương TPBank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và ra mắt dịch vụ Internet Banking dành cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng của Tổ Chức Phát Hành
Tháng 12/2008	• Sau hơn năm tháng đi vào hoạt động, TPBank nhận chứng chỉ ISO 9001:2000 cho toàn bộ hoạt động, sản phẩm, dịch vụ của TPBank. Đây là cột mốc quan trọng góp phần thúc đẩy hoạt động quản trị, quản lý toàn diện theo chuẩn mực quản lý của quốc tế đối với hoạt động Ngân hàng.
Năm 2009	• Sau một năm hoạt động, Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất của TPBank được tổ chức vào tháng 3/2009 với việc thông qua các báo cáo, nghị quyết quan trọng là định hướng phát triển cho TPBank trong năm 2009 và các năm tiếp theo. Trong năm này TPBank khai trương các chi nhánh tại Cần Thơ, Hải Phòng, Đà Nẵng.
Năm 2010	• TPBank chính thức được kết nối liên thông với hệ thống 1.100 máy ATM của Ngân hàng Đông Á (thuộc liên minh thẻ VNBC). Bằng việc kết nối này, ngoài việc giao dịch tại toàn bộ ATM của các ngân hàng trong liên minh thẻ Smartlink, Banknet, chủ thẻ ATM của TPBank có thể giao dịch thêm tại 1.100 ATM của Ngân hàng Đông Á. • Tháng 7/2010, TPBank nhận Giải thưởng về tỷ lệ điện chuẩn trong Thanh toán Quốc tế năm 2009 do Ngân hàng Wells Fargo (Mỹ) trao tặng. • Tháng 8/2010, TPBank tiến hành tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng. Và trong năm 2010 Ngân hàng khai trương TPBank - Sở giao dịch tại Hà Nội và Chi nhánh Sài Gòn.
Năm 2011	• TPBank khai trương Chi nhánh tại Đồng Nai, An Giang, Quỹ tiết kiệm Khâm Thiên và Quỹ tiết kiệm Nguyễn Trãi.
Năm 2012	• Khai trương các Phòng giao dịch Lê Ngọc Hân, Phú Xuyên, Đinh Tiên Hoàng. Tháng 11/2012, TPBank đạt Giải thưởng "Tin và Dùng" 2013 cho Dịch vụ Ngân hàng điện tử do độc giả Thời báo Kinh tế Việt Nam - Tạp chí Tư vấn Tiêu & Dùng bình chọn.
Năm 2013	• Ngân hàng chính thức tham gia thị trường vàng vào tháng 1/2013; đạt giải "Thương hiệu mạnh Việt Nam 2012" vào tháng 3/2013; ra mắt giải pháp công nghệ eCounter - eGold và Thẻ tiêu dùng Đa tiện ích - các giải pháp công nghệ thông minh lần đầu tiên tại Việt Nam vào tháng 7/2013; đạt giải "Ngân hàng sáng tạo tiêu biểu" năm 2013 vào tháng 11/2013; ra mắt nhận diện thương hiệu mới với tên viết tắt là TPBank và đón nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích xuất sắc trong công tác tái cơ cấu vào tháng 12/2013. Đồng thời, trong năm 2013, TPBank khai trương rất nhiều Chi nhánh và phòng giao dịch.
Năm 2014	• TPBank trở thành Ngân hàng đầu tiên trên cả nước ra mắt phiên bản eBank trên nền công nghệ HTML5 có tính năng nhất thể hóa cả hai phiên bản Mobile Banking và Internet Banking vào tháng 9/2014 và vào tháng 12/2014, TPBank khai trương trụ sở mới tại 57 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Đồng thời, trong năm 2014, Ngân hàng đã khai trương rất nhiều Chi nhánh trên toàn quốc.
Năm 2015	• Trong năm này, TPBank đẩy mạnh việc khai trương ở nhiều địa điểm trên các địa bàn trên toàn quốc.

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng của Tổ Chức Phát Hành
Năm 2016	• TPBank ra mắt phiên bản Ebank v.7.0 – tự do cá nhân hóa & Ebank Biz – HTML5 cho doanh nghiệp vào tháng 6/2016 và ra mắt thẻ tín dụng TPBank World MasterCard vào tháng 8/2016. Ngân hàng cũng đã đưa vào hoạt động hơn 10 điểm giao dịch mới trong cả nước theo phê duyệt của NHNN Việt Nam
Năm 2017	• Gia nhập "Club 1000": TPBank trở thành một trong những ngân hàng đạt lợi nhuận trên 1.000 tỷ đồng, đánh dấu bước tiến quan trọng trong quá trình mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả hoạt động. • TPBank đưa LiveBank – điểm giao dịch tự động 24/7 vào vận hành trên diện rộng. • Tiên phong ứng dụng Fintech như Savy, QuickPay và ePIN vào dịch vụ ngân hàng.
Năm 2018	• Chính thức đưa cổ phiếu lên niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). • Tăng vốn điều lệ lên 8.566 tỷ đồng. • Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm dài hạn của TPBank lên B1, triển vọng Ổn định.
Năm 2019	• Hoàn tất xử lý và tất toán toàn bộ nợ xấu tại VAMC. • Hợp tác với Sun Life (Canada) - phân phối bảo hiểm với thỏa thuận hợp tác kéo dài 15 năm. • TPBank mở rộng mạng lưới với 114 điểm giao dịch mới, bao gồm chi nhánh, phòng giao dịch và LiveBank. • Đạt mốc 3 triệu khách hàng bán lẻ. • Hoàn thành triển khai Basel II trước thời hạn quy định, trở thành ngân hàng thứ 5 tại Việt Nam đạt chuẩn này.
Năm 2020	• Duy trì triển vọng ổn định bởi Moody's trong bối cảnh đại dịch COVID-19 khiến triển vọng của nhiều ngân hàng bị hạ thấp. • Được HR Asia – tạp chí nhân sự hàng đầu châu Á – vinh danh trong danh sách "Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2020". • TPBank trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai công nghệ nhận diện khuôn mặt (Face ID) ứng dụng AI. • TPBank được IFC bình chọn là Đối tác hàng đầu khu vực Đông Á Thái Bình Dương về tài trợ các giao dịch cho phụ nữ năm 2019. • Nâng vốn điều lệ lên 10.717 tỷ đồng.
Năm 2021	• TPBank công bố hoàn tất triển khai Basel III và IFRS 9. • TPBank được NHNN chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 15.818 tỷ đồng thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng của Tổ Chức Phát Hành
Năm 2022	• Moody's công bố nâng xếp hạng tiền gửi ngân hàng và nhà phát hành dài hạn của TPBank lên mức Ba3. • TPBank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam đạt Chứng nhận ISO 22301 do Tổ chức chứng nhận hàng đầu thế giới Bureau Veritas (Vương quốc Anh) cấp. • Ra mắt hệ thống ngân hàng tiện lợi đầu tiên và duy nhất TPBank LiveBank+. • Ra mắt Nền tảng Ngân hàng số hoàn toàn mới dành cho Doanh nghiệp TPBank Biz. • Được Cục Xúc tiến Thương mại, Bộ Công Thương công nhận là Thương hiệu Quốc gia Việt Nam.
Năm 2023	• Năm thứ hai liên tiếp giữ vị trí đứng đầu trong danh sách "Ngân hàng vững mạnh nhất châu Á Thái Bình Dương" của The Asian Banker. • Công ty định giá thương hiệu hàng đầu thế giới Brand Finance định giá thương hiệu TPBank trị giá 424,8 triệu USD, Top 5 Ngân hàng tư nhân giá trị nhất Việt Nam. • Nâng cấp toàn diện LiveBank 24/7: Tăng tốc độ xử lý và đổi mới giao diện theo xu hướng Glassmorphism. • Ra mắt sản phẩm Siêu Shop lần đầu tiên trên thị trường thiết kế riêng cho phân khúc chủ hộ kinh doanh. • Tăng vốn điều lệ lên 22.016 tỷ VND.
Năm 2024	• Lần đầu tiên dư nợ cho vay của TPBank vượt 250.000 tỷ đồng. • Lần đầu tiên, TPBank công bố Báo cáo Phát triển bền vững độc lập theo 4 tiêu chuẩn quốc tế (GRI, TCFD, IFC, SDG), được KPMG bảo đảm, khẳng định cam kết minh bạch và trách nhiệm với cộng đồng, môi trường. • Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên 26.420 tỷ VND trong năm 2024. • TPBank chính thức ra mắt dịch vụ Bảo lãnh Dự thầu điện tử kết nối Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (e-GP), đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc số hóa và hiện đại hóa quy trình đấu thầu Việt Nam. • TPBank lần đầu ra mắt thẻ TPBank Visa Flash 2in1 Nickname – Phát hành duy nhất tại TPBank LiveBank 24/7.

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng của Tổ Chức Phát Hành
Năm 2025	• TPBank vượt toàn bộ chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao, với tổng tài sản và lợi nhuận trước thuế riêng lẻ lần lượt vượt 497 nghìn tỷ đồng và 9,1 nghìn tỷ đồng. • TPBank thu xếp thành công khoản vay hợp vốn dài hạn trị giá 220 triệu USD với sự hợp tác của DFC và JICA, củng cố chiến lược tăng trưởng bền vững. • Ra mắt ứng dụng TPBank GenAI, đánh dấu bước tiến mới trong việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào dịch vụ ngân hàng số. • ChatPay trên ứng dụng TPBank được vinh danh là "Sản phẩm Ngân hàng số đổi mới sáng tạo nhất khu vực Châu Á – Thái Bình Dương" bởi The Asian Banker 2025. • Ngân hàng tiếp tục tăng vốn điều lệ trong năm 2025, lên 27.740 tỷ VNĐ.
Năm 2026	• Ngân hàng được The Asian Banker trao 03 giải thưởng công nghệ năm 2026. • Ngân hàng tiếp tục tăng vốn điều lệ trong năm 2026, lên 31.901 tỷ VNĐ. • TPBank chính thức ra mắt T'AioX: Chuyên gia Ngân hàng số trên App TPBank có thể hỗ trợ khách hàng 24/7, đánh dấu bước tiến mới trong việc ứng dụng AI để thấu hiểu khách hàng qua từng điểm chạm. • TPBank được Moody's nâng triển vọng từ "Ổn định" lên "Tích cực".

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

Các giải thưởng và thành tựu đạt được

Bảng: Các giải thưởng, danh hiệu TPBank đạt được từ năm 2020 đến nay

STT	Tên giải thưởng	Đơn vị trao	Thời điểm nhận giải/vinh danh
Năm 2026			
1	– Top 10 Ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân uy tín Việt Nam – Top 50 Công ty đại chúng uy tín năm 2026	Vietnam Report	Tháng 08/2026
2	– Doanh nghiệp triển khai AI toàn diện nhất Việt Nam (Best Enterprise Wide AI Technology Implementation in Vietnam) – Ứng dụng AI tạo sinh (GenAI) xuất sắc nhất Việt Nam (Best GenAI Application in Vietnam) – Ứng dụng Ngân hàng số trên thiết bị di động dành cho khách hàng doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam (Best Corporate Mobile Initiative in Vietnam)	The Asian Banker	Tháng 06/2026
3	Chứng chỉ International Customer Experience Standard 2024 (ICXS2024), đồng thời đạt bậc xếp hạng cao nhất "International Excellence" (cập nhật từ ICXS2019)	Viện Tiêu chuẩn Anh Quốc (BSI)	07/04/2026
4	"Outstanding GTFP Issuing Bank - Gender Finance 2026" - "Ngân hàng xuất sắc trong tài chính hỗ trợ bình đẳng giới 2026"	IFC	03/04/2026
5	Global SME Banking Innovation Awards 2026 - hạng mục "Online Account Opening for Corporate Customers" – Giải thưởng "Ngân hàng SME Đổi mới Sáng tạo Toàn cầu 2026" – hạng mục Giải pháp Mở tài khoản Doanh nghiệp trực tuyến	The Digital Banker	Tháng 03/2026
Năm 2025			
1	– Ngân hàng vững mạnh hàng đầu Việt Nam (The Strongest Banks – Rank #1 in Vietnam) – ChatPay – Sản phẩm sáng tạo ngân hàng số tốt nhất khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (Best Social Banking Initiative in Asia Pacific 2025) – "Best Corporate Banking and Payment Initiative in Vietnam" – tạm dịch: Ứng dụng ngân hàng số và giải pháp thanh toán tốt nhất dành cho doanh nghiệp	The Asian Banker	20/02/2025 27/03/2025 20/11/2025

STT	Tên giải thưởng	Đơn vị trao	Thời điểm nhận giải/vinh danh
2	– Sản phẩm tín dụng tốt nhất dành cho doanh nghiệp siêu nhỏ (Micro finance product of the year). – Giải pháp thẩm định tín dụng tốt nhất dành cho doanh nghiệp nhỏ (Best credit assessment initiative).	The Digital Banker	20/3/2025
3	– Ngân hàng đối tác hàng đầu tại Việt Nam (Leading Partner Bank in Vietnam) – Ngân hàng tài trợ thương mại hàng đầu cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (Leading SME Trade Bank)	ADB (Asian Development Bank)	02/09/2025
4	Ứng dụng tài chính - tiêu dùng được giới trẻ yêu thích nhất - Hạng mục WeYoung - Giải thưởng Z First-Rate – WeChoice Award	Bình chọn trên hệ thống We Choice Award – VCCorp	12/1/2025
5	– Top 10 Ngân hàng tư nhân uy tín năm 2025 – Top 50 Công ty Đại chúng uy tín và Hiệu quả	VNR500 / Vietnam Report	01/08/2025
6	Top 10 Doanh nghiệp thực thi ESG toàn diện nổi bật	Báo Dân trí	22/12/2025
Năm 2024			
1	Top 100 Nơi làm việc Tốt Nhất Việt Nam 2024 – Đứng thứ 6 ngành ngân hàng khối Doanh nghiệp lớn	Anphabe	Tháng 12/2024
2	Giải thưởng Employer of Choice – Top 10 Nhà Tuyển dụng được yêu thích nhất ngành Tài chính – Ngân hàng – Chứng khoán, khối Doanh nghiệp lớn	CareerViet	Tháng 12/2024
3	Thương hiệu quốc gia Việt Nam	Cục Xúc tiến Thương mại – Bộ Công Thương	04/11/2024
4	Top 100 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam 2024 (Top 30)	Brand Finance	11/10/2024
5	Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam (Vietnam Digital Awards – VDA) 2024 - Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc	Hội Truyền thông số Việt Nam	5/10/2024
6	Leading SME Trade Bank - Ngân hàng dẫn đầu về hỗ trợ doanh nghiệp SME	ADB	3/9/2024

STT	Tên giải thưởng	Đơn vị trao	Thời điểm nhận giải/vinh danh
7	– Top 10 ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín (đứng thứ 10) – Top 5 ngân hàng tư nhân Việt Nam uy tín – Top 50 công ty đại chúng uy tín và hiệu quả (đứng thứ 19)	VNR500	15/8/2024
8	Best Omnichannel Implementation (Giải pháp Trải nghiệm số xuyên kênh tốt nhất) – khu vực Asia Pacific	The Asian Banker	18/7/2024
9	Bảng xếp hạng: Forbes 2024 World Best Bank List (Top 8 Vietnam)	Forbes	14/6/2024
10	"Best Trade Partner Bank – Gender Finance 2024" (Ngân hàng Đối tác Tài trợ Thương mại Tốt nhất – Hạng mục Tài chính hỗ trợ bình đẳng giới 2024).	IFC	23/5/2024
11	Giải thưởng Sao Khuê: – Ứng dụng Ngân hàng số – Bảo lãnh dự thầu online trên nền tảng TPBank Biz – Bio Center - Hệ thống kho dữ liệu công dân và xác thực sinh trắc học tập trung	Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam	13/4/2024
12	Bảng xếp hạng Top 500 ngân hàng toàn cầu có giá trị thương hiệu cao nhất	Brand Finance	3/2024
13	Top 3 - Đơn vị vươn mình rực rỡ	Wechoice Award	27/1/2024
Năm 2023			
1	Bảng xếp hạng The Strongest banks – Ngân hàng vững mạnh hàng đầu – vị trí thứ 1 tại Việt Nam	The Asian Banker	14/12/2023
2	Nơi làm việc Tốt Nhất Việt Nam 2023 – Đứng thứ 01 trong ngành Ngân Hàng khối Doanh nghiệp vừa – Đứng thứ 11 trong Top 100 Nơi Làm Việc Tốt Nhất Việt Nam (NLVTNVN) khối Doanh nghiệp vừa	Anphabe	23/11/2023
3	Giải thưởng Innovative Choice Awards - hạng mục đề cử Thương hiệu bền vững nhờ đổi mới sáng tạo	VCCorp	29/10/2023
4	ADB's Leading SME Trade Bank Award	ADB	5/9/2023

STT	Tên giải thưởng	Đơn vị trao	Thời điểm nhận giải/vinh danh
5	– Top 30 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam – Brand Finance – Top 5 ngân hàng thương mại tư nhân – Brand Finance	Brand Finance	15/8/2023
6	– Top 50 Công ty đại chúng uy tín và hiệu quả – Top 10 Ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín năm 2023 (xếp thứ 9) – Top 10 Ngân hàng Thương mại cổ phần tư nhân uy tín năm 2023 (xếp thứ 4)	VNR500	4/8/2023
7	– Top 20 doanh nghiệp có chỉ số phát triển bền vững tốt nhất thị trường chứng khoán (VNSI - Vietnam Sustainability Index) cho kỳ từ tháng 7/2023 - tháng 7/2024 – Top 15 Large Cap Doanh nghiệp niêm yết đạt Chuẩn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán năm 2023 thuộc khuôn khổ Giải thưởng IR Awards 2023		Tháng 8/2023
8	Nơi làm việc tốt nhất Châu Á	HR Asia	3/8/2023
9	Giải thưởng Sao Khuê: – Bộ sưu tập 5 tính năng Banking đậm chất TÔI trên app TPBank mobile	Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam	28/4/2023
10	Moody's nâng xếp hạng nhà phát hành và tiền gửi nội tệ, ngoại tệ dài hạn của TPBank lên một bậc	Moody's	Năm 2023
11	– Best Digital Banking Service and Best Digital Ecosystem Initiative – Best Productivity, Efficiency and Automation Initiative (Global and Vietnam)	The Asian Banker	16/3/2023
Năm 2022			
1	Bảng xếp hạng The strongest bank - Top 1 Việt Nam	The Asian Banker	24/11/2022
2	Đứng thứ 26/Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, trong đó là Top 4 ngành Ngân hàng	Anphabe	9/11/2022
3	Highest International Standards in Risk Management and Financial Management Vietnam 2022 – Áp dụng chuẩn mực quốc tế cao nhất về quản trị rủi ro và quản trị tài chính Việt Nam 2022	IBM - International Business Magazines	Năm 2022

STT	Tên giải thưởng	Đơn vị trao	Thời điểm nhận giải/vinh danh
4	Thương hiệu Quốc gia Việt Nam	Cục Xúc tiến Thương mại, Bộ Công Thương	2/11/2022
5	Top 25 Thương hiệu tài chính dẫn đầu	Forbes	27/10/2022
6	Top 50 Doanh nghiệp lợi nhuận xuất sắc Việt Nam	VNR500	25/10/2022
7	Thương hiệu mạnh Việt Nam	Vneconomy	12/10/2022
8	Nơi làm việc tốt nhất Châu Á	HR Asia	11/8/2022
9	– Best Digital Banking Vietnam 2022 - Ngân hàng số xuất sắc – Most Innovative Mobile Savings App Vietnam 2022 - Sản phẩm ngân hàng số sáng tạo nhất - dành cho Savy	Global Banking and Finance Review	Năm 2022
10	– Best Digital Bank for Corporate Vietnam 2022 - Ngân hàng số tốt nhất dành cho Khách hàng Doanh nghiệp – Best Mobile Banking Application - Ứng dụng ngân hàng số xuất sắc nhất	Global Brands Magazine	Năm 2022
11	Top 50 công ty niêm yết tốt nhất	Forbes	4/8/2022
12	– Top 50 công ty đại chúng uy tín – Top 10 ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín	VNR500	3/8/2022
13	Sao Khuê – Ứng dụng Ngân hàng số TPBank dành cho nhóm Doanh nghiệp - Digital Corporate Banking (Digital CB) – *Giải thưởng được đánh giá 5 sao – đứng đầu trong nhóm ngành* – Ứng dụng Tự động hóa Thông minh (Intelligent Automation – Áp dụng AI cho RPA)	Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam	Cuối tháng 4
14	– Ngân hàng bán lẻ tiêu biểu – Ngân hàng chuyển đổi số tiêu biểu – Ngân hàng có sản phẩm/dịch vụ tiêu biểu (Nickname/Shopname)	IDG Việt Nam	25/3/2022
15	Best Digital Banking & Customer Ecosystem Initiative	The Asian Banker	24/3/2022
16	Vietnam Enterprise Innovation Awards	AIBP	24/3/2022

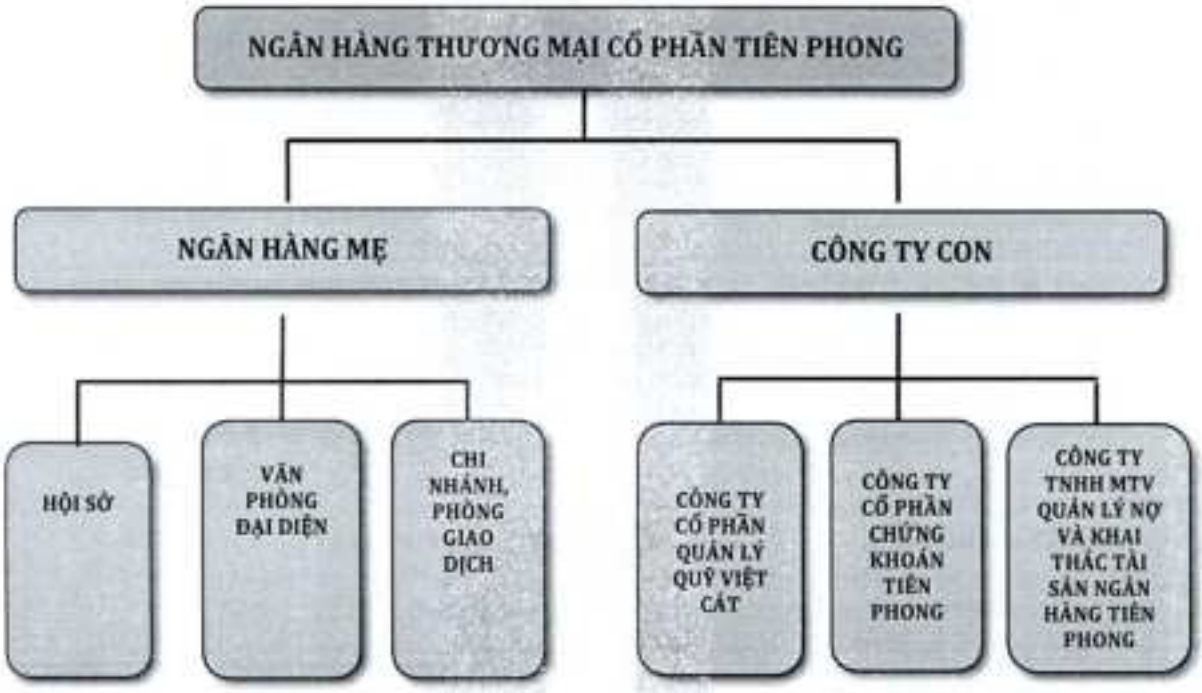
STT	Tên giải thưởng	Đơn vị trao	Thời điểm nhận giải/vinh danh
17	Best Bank	The Asset	23/3/2022
Năm 2021			
1	Top 50 Doanh nghiệp Việt có Thương hiệu tuyển dụng hấp dẫn	Anphabe	22/12/2021
2	Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam	Anphabe	22/12/2021
3	Doanh nghiệp đổi mới số	Hội Truyền thông số Việt Nam	9/12/2021
4	Inspirational Brand Award – "Thương hiệu truyền cảm hứng"	APEA	30/11/2021, công bố tháng 2/2022
5	Corporate Excellence Award – "Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á"	APEA	30/11/2021, công bố tháng 2/2022
6	Innovation Leadership Achievement Awards - Lãnh đạo có nhiều thành tựu trong đổi mới	The Asian Banker	29/7/2021
7	– Best Customer Service Banking Brand - Ngân hàng có chất lượng dịch vụ tốt nhất – Best Mobile Banking Application - Ứng dụng ngân hàng số xuất sắc nhất	Global Brands Magazine	10/8/2021
8	– Best Bank for Auto Loans Vietnam 2021 - Ngân hàng có sản phẩm cho vay mua xe tốt nhất. – Best Bancassurance Provider Vietnam 2021 - Đơn vị cung cấp sản phẩm bảo hiểm tốt nhất. – Most Innovative Mobile Savings App Vietnam 2021 - Ứng dụng tiết kiệm trên di động sáng tạo nhất.	Global Banking and Finance Review	25/7/2021
9	– Top 50 công ty đại chúng uy tín – Top 10 ngân hàng uy tín	VNR500	10/2021
10	Nhà tuyển dụng được yêu thích nhất 2020	CareerBuilder Việt Nam	21/4/2021
11	– Best Digital Bank - Ngân hàng số xuất sắc nhất Việt Nam – Best Process Automation Implementation in Vietnam - Ngân hàng tự động hóa quy trình tốt nhất Việt Nam	The Asian Banker	8/4/2021

STT	Tên giải thưởng	Đơn vị trao	Thời điểm nhận giải/vinh danh
12	Giải thưởng Sao Khuê: - Ứng dụng Ngân hàng số TPBank - Ngân Hàng Tự Động – TPBank LiveBank 24/7	Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam	2/4/2021
	Moody's nâng triển vọng tích cực cho TPBank		22/03/2021
Năm 2020			
1	Nhận cờ thi đua	Chính phủ	28/12/2020
2	- Ngân hàng có tốc độ tăng trưởng doanh số giao dịch thẻ Debit tốt nhất thị trường Việt Nam; - Ngân hàng có tốc độ tăng trưởng doanh số giao dịch thẻ tại nước ngoài tốt nhất thị trường; - Ngân hàng đầu tiên ra mắt thẻ tín dụng kim loại.	Tổ chức thẻ Quốc tế Visa (Visa)	16/12/2020
3	Bằng khen về cải cách hành chính cho TPBank	Thống đốc Ngân hàng Nhà nước	5/12/2020
4	- Ngân hàng dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng số lượng giao dịch; - Ngân hàng có tập khách hàng năng động nhất với số lượng giao dịch trên mỗi thẻ ghi nợ nội địa; - Ngân hàng năng động nhất trong việc hợp tác, triển khai các dự án với Napas.	Napas	23/11/2020
5	Top 5 ngân hàng bán lẻ tốt nhất	Bảng xếp hạng độc lập The Asian Banker	Năm 2020
6	- Ngân hàng chuyển đổi số xuất sắc - Ngân hàng có sản phẩm tiêu biểu: Super Zero	IDG Việt Nam	26/11
7	- The Next 100 Global Awards 2020 – Digital Banking - Top 100 Ngân hàng số hàng đầu thế giới - Best Bank for Auto Loans Vietnam 2020 - Ngân hàng có sản phẩm cho vay mua xe tốt nhất	Global Banking and Finance Review	Năm 2020
8	TPBank Mobile lọt top 1 ứng dụng tài chính ngân hàng được tải nhiều nhất tại Việt Nam trên cả App Store và Google Play		26/10/2020

STT	Tên giải thưởng	Đơn vị trao	Thời điểm nhận giải/vinh danh
9	– Top 5 ngành ngân hàng có Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam – Top 50 Doanh nghiệp Việt có Thương hiệu tuyển dụng hấp dẫn.	Anphabe – đơn vị tư vấn tiên phong về các giải pháp Thương hiệu Nhà tuyển dụng và Môi trường làm việc	22/10/2020
10	Chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc (Straight Through Processing Award)	Ngân hàng Bank of New York Mellon của Mỹ	Năm 2020
11	Đối tác có tầm ảnh hưởng Customer Impact Award	Ripple	Năm 2020
12	– Best Digital Banking - Ngân hàng số xuất sắc – Best Customer Service Banking Brand - Ngân hàng có chất lượng dịch vụ tốt nhất – Best Bank for Corporate Payroll Service and Solutions, Vietnam 2020 - Ngân hàng có giải pháp và dịch vụ trả lương tốt nhất	Global Brands Magazine	Năm 2020
13	– Top 10 Ngân hàng Thương mại VN uy tín năm 2020 – Top 4 Ngân hàng TMCP tư nhân uy tín 2020 – Xếp hạng 73/500 Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2020 (FAST500)	VNR500	14/7/2020
14	Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2020	HR Asia	1/7/2020
15	TPBank được Moody's xếp hạng B1 và giữ triển vọng ổn định		26/6/2020
16	Đối tác hàng đầu khu vực Đông Á Thái Bình Dương về tài trợ các giao dịch cho phụ nữ năm 2019	Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC	6/2020
17	– Best Digital Banking – Best Savings Account – Best Branch Innovation	The Asian Banker	9/4/2020

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành



Nguồn: TPBank

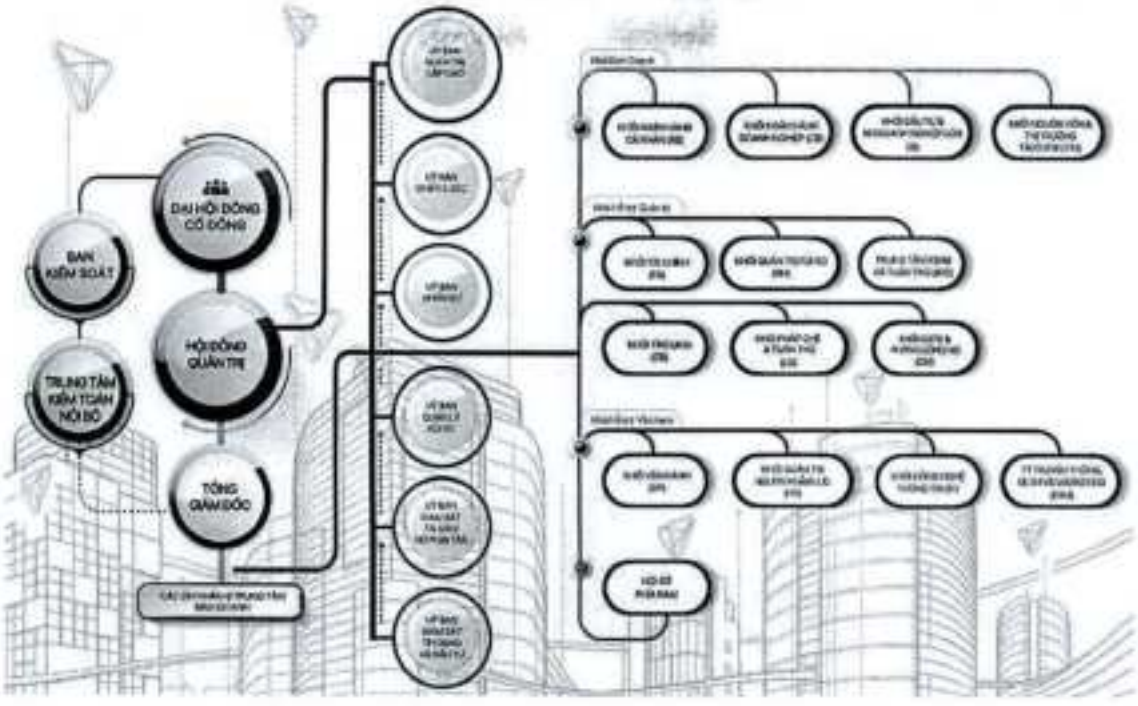
a. Tổ Chức Phát Hành (Ngân hàng mẹ):

- 01 Hội sở đặt tại: Tòa nhà TPBank, Số 57, Phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội. Ngoài các cơ quan quản trị, giám sát và điều hành Ngân hàng (như HĐQT, Ban kiểm soát và Ban TGĐ), các Đơn vị thuộc Hội sở chính của TPBank bao gồm 14 Khối, Trung tâm nghiệp vụ tương đương và các Đơn vị chức năng khác.
- Tại ngày 30/9/2026, TPBank có 01 văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, 63 chi nhánh và 77 phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

b. Công ty con:

STT	Tên công ty con/ Ngân hàng con	Tỷ lệ sở hữu của TPBank
1	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát	99,90%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	51%
3	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Tiên Phong	100%

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành



Nguồn: TPBank

Cấp quản trị	Cơ quan / Đơn vị
Cơ quan quyền lực cao nhất	Đại hội đồng cổ đông
Trực thuộc Đại hội đồng cổ đông	Hội đồng Quản trị Ban Kiểm soát
Trực thuộc Ban Kiểm soát	Trung tâm Kiểm toán nội bộ
Trực thuộc Hội đồng Quản trị	Ủy ban Quản trị cấp cao Ủy ban Chiến lược Ủy ban Nhân sự Ủy ban Quản lý rủi ro Ủy ban Giám sát tài sản/nợ phải trả Ủy ban Giám sát tín dụng và đầu tư
Cấp điều hành	Tổng Giám đốc
Khối Kinh doanh	Khối Ngân hàng cá nhân (RB) Khối Ngân hàng doanh nghiệp (CB) Khối Đầu tư & Khách hàng doanh nghiệp lớn (IB) Khối Nguồn vốn & Thị trường tài chính (FM)
Khối Hỗ trợ Quản trị	Khối Tài chính (FA) Khối Quản trị rủi ro (RM) Trung tâm KSNB và Tuân thủ (ICC) Khối Tín dụng (CR) Khối Pháp chế & Tuân thủ (LC) Khối GSTD & Phân luồng nợ (CM)
Khối Hỗ trợ Vận hành	Khối Vận hành (OP) Khối Quản trị nguồn nhân lực (HR) Khối Công nghệ thông tin (IT) Trung tâm Truyền thông, QLTH và Marketing (PRM) Hội sở phía Nam
Mạng lưới kinh doanh	Các Chi nhánh / Trung tâm kinh doanh

Nguồn: TPBank

4.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của TPBank, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Đại hội đồng Cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ, thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ của Ngân hàng, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

4.2. Hội Đồng Quản Trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị của TPBank, có toàn quyền nhân danh TPBank để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của TPBank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định pháp luật và Điều lệ TPBank. HĐQT tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của TPBank. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ, quy định nội bộ của TPBank và ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông.

Hội đồng Quản trị TPBank nhiệm kỳ 2023 - 2028 hiện có 06 thành viên như sau:

Họ tên	Chức vụ
Ông **Đỗ Minh Phú**	Chủ tịch HĐQT
Ông **Lê Quang Tiến**	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông **Shuzo Shikata**	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà **Đỗ Quỳnh Anh**	Thành viên HĐQT
Bà **Võ Bích Hà**	Thành viên HĐQT độc lập
Bà **Nguyễn Thị Hương Trang**	Thành viên HĐQT độc lập

HĐQT thành lập các đơn vị để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đảm bảo Ngân hàng phát triển hiệu quả, an toàn, bền vững theo mục tiêu đề ra, bao gồm:

- **Ủy ban Quản trị cấp cao**: Tham mưu cho HĐQT triển khai kế hoạch hoạt động của HĐQT, thực hiện vai trò giám sát cấp cao và kịp thời định hướng cho TGĐ, Ban Điều hành đưa ra các quyết sách đúng đắn, kịp thời, giải pháp thiết thực, hiệu quả để hoạch định kế hoạch kinh doanh hợp lý, có các giải pháp điều hành linh hoạt, kiểm soát nâng cao chất lượng tài sản và đảm bảo an toàn cho cả hệ thống.
- **Ủy ban Chiến lược:** Tham mưu cho HĐQT tiếp tục triển khai "Chiến lược phát triển TPBank giai đoạn 2023 - 2028 và tầm nhìn đến 2035", bám sát "Chiến lược phát triển kinh doanh giai đoạn 2026 – 2030" và chỉ đạo kịp thời điều chỉnh các chỉ tiêu kinh doanh để phù hợp với biến động của thị trường (nếu cần thiết); Chỉ đạo triển khai các giải pháp giữ vững vị thế trong cuộc cách mạng chuyển đổi số của ngành ngân hàng.
- **Ủy ban Nhân sự:** Tham mưu cho HĐQT phê duyệt các văn bản về cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đơn vị; Tăng cường hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

- **Ủy ban Quản lý rủi ro**: Tham mưu cho HĐQT phê duyệt các văn bản liên quan đến quản lý rủi ro thuộc thẩm quyền của HĐQT; Giám sát công tác ban hành văn bản liên quan đến quản lý rủi ro thuộc thẩm quyền của TGĐ; Giám sát công tác quản lý rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng nhằm đảm bảo tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ an toàn, thanh khoản theo quy định.
- **Ủy ban Giám sát Tài sản/Nợ phải trả**: Thực hiện hiệu quả công tác tham mưu cho HĐQT, giám sát việc quản lý và điều hành cơ cấu bảng cân đối tài sản, phù hợp với chính sách quản lý rủi ro; Giám sát việc kiểm soát hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo tuân thủ các hạn mức rủi ro (hạn mức rủi ro thanh khoản, hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng và tổng tài sản tính theo rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng); Giám sát việc xây dựng và phê duyệt khung lãi suất huy động – cho vay, khung giá các sản phẩm khác, kế hoạch huy động và sử dụng vốn, nguyên tắc định giá nội bộ và các nội dung khác liên quan đến công tác quản lý Tài sản/Nợ phải trả của TPBank.
- **Ủy ban Giám sát Tín dụng và Đầu tư**: Tham mưu cho HĐQT thông qua các hợp đồng, giao dịch thuộc nghiệp vụ tín dụng cho các đối tượng khách hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của TPBank; Tham mưu cho HĐQT phê duyệt ban hành một số văn bản liên quan đến hoạt động tín dụng, tài sản bảo đảm và đầu tư mua, bán giấy tờ có giá; Giám sát chặt chẽ các hoạt động phê duyệt của Hội đồng Tín dụng và Đầu tư cấp cao, TGĐ; Giám sát liên quan đến hoạt động cấp và điều chỉnh thẩm quyền phê duyệt của các cấp phê duyệt tín dụng trực thuộc TGĐ; Giám sát TGĐ trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định/chỉ đạo liên quan đến tín dụng và đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4.3. Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát giám sát TPBank trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ TPBank và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Ban Kiểm soát có trách nhiệm hỗ trợ Đại hội đồng Cổ đông trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Ngân hàng và phối hợp với các đơn vị liên quan nhằm nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ.

Ban Kiểm soát TPBank nhiệm kỳ 2023 – 2028 hiện có 03 thành viên như sau:

Họ tên	Chức vụ
Bà **Nguyễn Thị Thu Hương**	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông **Thái Duy Nghĩa**	Thành viên
Bà **Nguyễn Thị Thu Nguyệt**	Thành viên

4.4. Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc của TPBank gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm.

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng hiện tại như sau:

Họ tên	Chức vụ
Ông **Nguyễn Hưng**	Tổng Giám đốc
Ông **Phạm Đông Anh**	Phó Tổng Giám đốc
Ông **Nguyễn Việt Anh**	Phó Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông **Khúc Văn Họa**	Phó Tổng Giám đốc
Ông **Đinh Văn Chiến**	Phó Tổng Giám đốc
Ông **Bùi Quang Cương**	Phó Tổng Giám đốc
Bà **Lê Cẩm Tú**	Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ TPBank. Ban Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng Cổ đông và chịu trách nhiệm về việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng.

4.5. Các khối chức năng thuộc trụ sở chính

- **Khối Ngân hàng Cá nhân**

Chủ trì xây dựng chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh doanh và mô hình kinh doanh đối với phân khúc khách hàng cá nhân của TPBank; nghiên cứu, phát triển và quản trị danh mục sản phẩm, dịch vụ, giải pháp tài chính; xây dựng chính sách khách hàng, chính sách giá và chính sách bán hàng đối với khách hàng cá nhân.

Tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, phát triển khách hàng, nâng cao năng suất bán và hiệu quả danh mục; thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng dữ liệu và AI trong hoạt động kinh doanh khách hàng cá nhân trên toàn hệ thống.

- **Khối Ngân hàng Doanh nghiệp**

Chủ trì xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh và chính sách phát triển phân khúc khách hàng doanh nghiệp trên toàn hệ thống.

Phát triển danh mục sản phẩm, dịch vụ và giải pháp tài chính, chuẩn hóa mô hình bán hàng và trải nghiệm khách hàng. Phát triển và quản lý các hoạt động kinh doanh của TPBank đối với phân khúc khách hàng doanh nghiệp trên toàn hệ thống. Tạo lập doanh thu trong phạm vi rủi ro cho phép thông qua việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng và giải pháp tài chính phù hợp với nhu cầu của từng nhóm khách hàng doanh nghiệp.

- **Khối Đầu tư và Khách hàng Doanh nghiệp lớn**

Xây dựng chiến lược, chính sách, định hướng phát triển hoạt động đầu tư tài chính, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh đối với phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn.

Quản lý tập trung và trực tiếp kinh doanh/đầu tư trái phiếu doanh nghiệp với vai trò đơn vị đề xuất đầu tư và quản lý vốn đầu tư; phát triển, cung ứng các sản phẩm huy động, tín dụng, tài trợ thương mại, quản lý dòng tiền và giải pháp thị trường vốn cho từng phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn.

- **Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính**

Xây dựng và triển khai chiến lược quản lý nguồn vốn, thanh khoản và các hoạt động kinh doanh trên thị trường tài chính của TPBank.

Chịu trách nhiệm quản lý danh mục đầu tư giấy tờ có giá, phát hành giấy tờ có giá, kinh doanh tiền tệ, giấy tờ có giá, ngoại hối, vàng, các sản phẩm phái sinh và các sản phẩm thị trường tài

chính khác; thiết lập và quản lý, phát triển quan hệ với các định chế tài chính trong và ngoài nước nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng vốn và bảo đảm an toàn thanh khoản.

- **Khối Tài chính**

Xây dựng, triển khai và giám sát các hoạt động kế toán tài chính của TPBank: chính sách, hướng dẫn về kế toán, hạch toán kế toán, báo cáo kế toán.

Quản lý công tác xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm, theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch tài chính.

Quản lý để tối ưu hóa các nguồn lực của TPBank bao gồm việc quản lý cơ cấu vốn, tài sản, công nợ của TPBank.

Quản lý công tác kế toán, thuế, tài sản và cung cấp thông tin tài chính phục vụ công tác điều hành, quản trị và ra quyết định.

Cung cấp thông tin quản trị và tham mưu cho Ban Điều hành về chiến lược, kế hoạch tài chính phục vụ điều hành và ra quyết định.

- **Khối Quản trị rủi ro**

Xây dựng và triển khai chính sách, khung quản trị rủi ro phù hợp với chiến lược kinh doanh và khẩu vị rủi ro của Ngân hàng.

Thực hiện chức năng quản lý rủi ro độc lập thuộc tuyến bảo vệ thứ hai.

Thực hiện nhận diện, đo lường, giám sát, cảnh báo sớm và kiểm soát các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động của Ngân hàng.

Giám sát việc tuân thủ các giới hạn rủi ro, quy định nội bộ và quy định của pháp luật nhằm đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả.

- **Trung tâm Kiểm soát nội bộ và Tuân thủ**

Xây dựng và triển khai khung kiểm soát nội bộ, chính sách và quy định tuân thủ trong toàn hệ thống Ngân hàng.

Thực hiện giám sát, kiểm tra việc tuân thủ quy định nội bộ và quy định của pháp luật; phát hiện, cảnh báo và kiến nghị xử lý các sai phạm, rủi ro phát sinh.

Tham mưu cho Ban Điều hành các giải pháp tăng cường kiểm soát nội bộ và quản lý tuân thủ nhằm đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả.

- **Khối Tín dụng**

Xây dựng và triển khai chính sách, quy trình quản lý tín dụng phù hợp với chiến lược kinh doanh và khẩu vị rủi ro của Ngân hàng.

Thực hiện thẩm định, phê duyệt tín dụng theo thẩm quyền và quản lý chất lượng tín dụng trên toàn hệ thống; thực hiện định giá tài sản bảo đảm trong phạm vi được chỉ định; quản lý, theo dõi, kiểm tra việc thẩm định của các đơn vị kinh doanh và/hoặc các đơn vị thuê ngoài.

Quản lý danh mục tín dụng; quản lý hoạt động liên kết bảo hiểm giữa TPBank và công ty bảo hiểm.

- **Khối Pháp chế và Tuân thủ**

Tư vấn pháp lý cho Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các đơn vị; tư vấn, thẩm định hợp đồng, giao dịch; đại diện tham gia tố tụng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Kiểm soát hệ thống văn bản nội bộ; tổ chức công tác tuân thủ, quản lý rủi ro tuân thủ và kiểm soát hoạt động phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trên toàn hệ thống.

- **Khối Giám sát tín dụng và Phân luồng nợ**

  Thực hiện giám sát tuân thủ điều kiện phê duyệt và kiểm tra, giám sát tín dụng sau giải ngân; cảnh báo sớm và phân luồng các khoản nợ trên toàn hệ thống. Thực hiện chuyển nhóm, phân loại nợ, trích lập dự phòng và triển khai các giải pháp xử lý, thu hồi nợ, xử lý tài sản bảo đảm và tố tụng nhằm nâng cao chất lượng tài sản của Ngân hàng.

- **Khối Vận hành**

  Là đơn vị đầu mối tổ chức, quản lý và vận hành tập trung các nghiệp vụ trên toàn hệ thống, bao gồm: thanh toán trong nước và quốc tế, hỗ trợ tín dụng, vận hành thẻ, điều phối và kiểm soát an toàn kho quỹ, kiểm soát sau và mua sắm tập trung. Quản lý dịch vụ khách hàng 24/7 (Call Center), phát triển và vận hành mạng lưới, trải nghiệm khách hàng, cải tiến quy trình và kiểm soát chất lượng văn bản, dịch vụ nội bộ nhằm bảo đảm hoạt động thông suốt, an toàn, hiệu quả.

- **Khối Quản trị Nguồn nhân lực**

  Hoạch định và triển khai chiến lược, chính sách quản trị nguồn nhân lực; thiết kế và tối ưu cơ cấu tổ chức, mô hình vận hành và năng lực tổ chức phù hợp với định hướng phát triển của Ngân hàng.

  Tổ chức tuyển dụng, đào tạo, thu hút và phát triển nhân tài, quản trị hiệu suất, lương thưởng và đãi ngộ.

  Xây dựng và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp; phát triển môi trường làm việc và nâng cao gắn kết nhân viên.

- **Khối Công nghệ Thông tin**

  Xây dựng và triển khai chiến lược công nghệ thông tin, chuyển đổi số, chiến lược dữ liệu, quản trị dữ liệu và AI của Ngân hàng.

  Phát triển, vận hành các nền tảng công nghệ, hệ thống lõi và giải pháp số phục vụ hoạt động kinh doanh và quản trị.

  Kiểm soát an ninh, an toàn của hệ thống, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và tính liên tục của hệ thống công nghệ trên toàn hệ thống.

- **Trung tâm Truyền thông, Quản lý Thương hiệu và Marketing**

  Xây dựng và triển khai chiến lược truyền thông, thương hiệu và marketing nhằm nâng cao hình ảnh, uy tín và giá trị thương hiệu TPBank.

  Xây dựng và triển khai các chiến dịch Marketing và marketing số hỗ trợ kinh doanh.

  Quản lý và phát triển hệ thống nhận diện thương hiệu, truyền thông nội bộ và quan hệ công chúng của Ngân hàng; quản lý quan hệ báo chí, quản trị danh tiếng và xử lý rủi ro truyền thông.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Danh sách Công ty mẹ của TPBank, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với TPBank trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm đăng ký chào bán

Không có.

5.2. Danh sách Công ty con của TPBank, những công ty mà TPBank nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm đăng ký chào bán

STT	Danh sách Công ty con	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2024	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2025	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 30/06/2026	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 30/09/2026
1	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát	99,90%	99,90%	99,90%	99,90%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	9,01%	51,00%	51,00%	51,00%
3	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Tiên Phong	0%	0%	100%	100%

❖ **Công ty cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát**

Trụ sở chính : Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội (nay là Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội)

Ngày thành lập : 25/01/2008

Giấy phép thành lập và hoạt động : 28/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 01 năm 2008, được điều chỉnh theo Giấy phép điều chỉnh số 103/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 12 năm 2024

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 0102636355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 18/03/2025

Vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng

Hoạt động kinh doanh chính : Quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; và thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật

Tỷ lệ sở hữu của Công ty này tại TPBank : 0%

❖ **Công ty cổ phần Chứng khoán Tiên Phong**

Trụ sở chính : Tầng 12, Tòa nhà Doji, số 5 Lê Duẩn, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Ngày thành lập : 29/12/2006

Giấy phép thành lập và hoạt động	:	Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 29/12/2006 và các giấy phép điều chỉnh, bổ sung, trong đó có Giấy phép điều chỉnh số 95/GPĐC-UBCK ngày 12/08/2026.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	0304814339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 15/09/2026 tại Sở Tài chính Thành phố Hà Nội
Vốn điều lệ	:	6.239.309.040.000 đồng
Hoạt động kinh doanh chính	:	+ Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán *Chi tiết: Môi giới chứng khoán* + Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) *Chi tiết: Tự doanh chứng khoán* + Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán* + Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán*
Tỷ lệ sở hữu của Công ty này tại TPBank	:	0%

❖ **Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Tiên Phong**

Trụ sở chính	:	Số 44 Lê Ngọc Hân, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Ngày thành lập	:	30/01/2026
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	0111373448 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/01/2026
Vốn điều lệ	:	100.000.000.000 đồng
Hoạt động kinh doanh chính	:	Quản lý nợ, khai thác tài sản theo ủy quyền của TPBank; Mua bán nợ; Các hoạt động xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm khác.
Tỷ lệ sở hữu của Công ty này tại TPBank	:	0%

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Vốn điều lệ ban đầu tại thời điểm thành lập Ngân hàng là 1.000 tỷ đồng. Trải qua quá trình hoạt động, vốn điều lệ của Ngân hàng thay đổi chi tiết như sau:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Ngân hàng

Thời điểm tăng vốn	VĐL trước khi tăng *(nghìn đồng)*	VĐL tăng *(nghìn đồng)*	VĐL sau khi tăng *(nghìn đồng)*	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến kiểm toán
2008	1.000.000.000	0	1.000.000.000	Thành lập Ngân hàng	NHNN	Không có
2009	1.000.000.000	250.000.000	1.250.000.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	NHNN, UBCKNN	Không có
2010 (Đợt 1)	1.250.000.000	500.000.000	1.750.000.000	Chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	NHNN, UBCKNN	Không có
2010 (Đợt 2)	1.750.000.000	250.000.000	2.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN, UBCKNN	Không có
2010 (Đợt 3)	2.000.000.000	1.000.000.000	3.000.000.000	Chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	NHNN, UBCKNN	Không có
2012	3.000.000.000	2.550.000.000	5.550.000.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	NHNN, UBCKNN	Không có
2016	5.550.000.000	292.105.000	5.842.105.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	NHNN, UBCKNN	Không có
2018 (Đợt 1)	5.842.105.000	876.315.750	6.718.420.750	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	NHNN, UBCKNN	Không có

Thời điểm tăng vốn	VĐL trước khi tăng *(nghìn đồng)*	VĐL tăng *(nghìn đồng)*	VĐL sau khi tăng *(nghìn đồng)*	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến kiểm toán
2018 (Đợt 2)	6.718.420.750	1.847.471.310	8.565.892.060	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	NHNN, UBCKNN	Không có
2020	8.565.892.060	2.150.825.160	10.716.717.220	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ nhân viên	NHNN, UBCKNN	Không có
2021 (Đợt 1)	10.716.717.220	1.000.000.000	11.716.717.220	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	NHNN, UBCKNN	Không có
2021 (Đợt 2)	11.716.717.220	4.100.837.730	15.817.554.950	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	NHNN, UBCKNN	Không có
2023	15.817.554.950	6.198.795.140	22.016.350.090	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	NHNN, UBCKNN	Không có
2024	22.016.350.090	4.403.211.870	26.419.561.960	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	NHNN, UBCKNN	Không có
2025	26.419.561.960	1.320.906.770	27.740.468.730	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	NHNN, UBCKNN	Không có
2026	27.740.468.730	4.160.880.230	31.901.348.960	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	NHNN, UBCKNN	Không có

Nguồn: TPBank

- Kể từ khi thành lập đến nay, Ngân hàng không có đợt giảm vốn điều lệ nào.

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

7.1. Cổ phiếu phổ thông

- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 3.190.134.896 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.190.134.896 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông sở hữu của Ngân hàng (chốt tại ngày 05/10/2026):

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông sở hữu của Ngân hàng

STT	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	**Tổ chức**	**192**	**1.391.941.621**	**43,63%**
1.1	Trong nước	141	697.995.641	21,88%
1.2	Nước ngoài	51	693.945.980	21,75%
	Trong đó: tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	*8*	*510.582.306*	*16,01%*
2	**Cá nhân**	**74.251**	**1.798.193.275**	**56,37%**
2.1	Trong nước	73.919	1.795.345.164	56,28%
2.2	Nước ngoài	332	2.848.111	0,09%
	Tổng cộng	**74.443**	**3.190.134.896**	**100%**

(Nguồn: Danh sách người sở hữu chứng khoán ngày 05/10/2026 do VSDC cung cấp)

7.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

7.3. Các loại chứng khoán khác

Tính đến hết ngày 26/10/2026, TPBank có 80 mã trái phiếu phát hành riêng lẻ đang lưu hành, với tổng dư nợ theo mệnh giá 21.073,7 tỷ đồng. TPBank không có trái phiếu phát hành ra công chúng đang lưu hành. Danh mục chi tiết như sau:

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

Danh mục trái phiếu chưa đáo hạn tại thời điểm 26/10/2026

TT	Mã TP	Mệnh giá (Triệu VND)	Số lượng trái phiếu đang lưu hành	Tổng mệnh giá TP đang lưu hành (Triệu VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (Năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu (*)
Trái phiếu phát hành riêng lẻ								
1	TPBANKBOND_A2_28112019_07	100	22	2.200	7,2	28/11/2019	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
2	TPBANKBOND_A2_19122019_07	100	171	17.100	7,2	19/12/2019	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
3	TPBANKBOND_A2_26122019_07	100	327	32.700	7,2	26/12/2019	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
4	TPBANKBOND_A2_16012020_07	100	886	88.600	7,2	16/01/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
5	TPBANKBOND_A2_13022020_07	100	703	70.300	7,8	13/02/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
6	TPBANKBOND_A2_05032020_07	100	352	35.200	7,8	05/03/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
7	TPBANKBOND_A2_12032020_07	100	93	9.300	7,8	12/03/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
8	TPBANKBOND_A2_26032020_07	100	128	12.800	7,8	26/03/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
9	TPBANKBOND_A2_09042020_07	100	77	7.700	8,5	09/04/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
10	TPBANKBOND_A2_23042020_07	100	137	13.700	8,5	23/04/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
11	TPBANKBOND_A2_07052020_07	100	459	45.900	8,5	07/05/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
12	TPBANKBOND_A2_21052020_07	100	89	8.900	7,9	21/05/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2

TT	Mã TP	Mệnh giá (Triệu VND)	Số lượng trái phiếu đang lưu hành	Tổng mệnh giá TP đang lưu hành (Triệu VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (Năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu (*)
13	TPBANKBOND_A2_18062020_07	100	95	9.500	7,9	18/06/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
14	TPBANKBOND_A2_02072020_07	100	49	4.900	7,9	02/07/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
15	TPBANKBOND_A2_16072020_07	100	137	13.700	7,9	16/07/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
16	TPBH2027013	100	680	68.000	7,9	27/08/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
17	TPBH2027014	100	134	13.400	7,9	10/09/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
18	TPBH2027015	100	60	6.000	7,9	24/09/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
19	TPBH2027016	100	166	16.600	7,9	08/10/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
20	TPBH2027017	100	11	1.100	7,9	22/10/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
21	TPBH2027020	100	82	8.200	6,7	05/11/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
22	TPBH2027021	100	275	27.500	6,7	12/11/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
23	TPBH2027022	100	1.500	150.000	6,7	16/11/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
24	TPBH2027023	100	27	2.700	6,6	19/11/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
25	TPBH2030023	100	100	10.000	6,7	19/11/2020	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2

TT	Mã TP	Mệnh giá (Triệu VND)	Số lượng trái phiếu đang lưu hành	Tổng mệnh giá TP đang lưu hành (Triệu VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (Năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu (*)
26	TPBH2027024	100	290	29.000	7,5	23/11/2020	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
27	TPBL2333005	100	10	1.000	6,48	17/11/2023	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
28	TPBL2333010	100	180	18.000	6,48	24/11/2023	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
29	TPBL2333017	100	22	2.200	6,48	05/12/2023	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
30	TPBL2333020	100	12	1.200	6,48	08/12/2023	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
31	TPBL2333024	100	70	7.000	6,48	15/12/2023	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
32	TPBL2434009	100	76	7.600	7,9	23/08/2024	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
33	TPBL2434023	100	45	4.500	6,88	01/11/2024	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
34	TPBL2427024	100	10.000	1.000.000	5,3	11/11/2024	3	Trái phiếu thường
35	TPBL2427028	100	10.000	1.000.000	5,3	04/12/2024	3	Trái phiếu thường
36	TPBL2434030	100	5	500	7,08	10/12/2024	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
37	TPBL2434033	100	1.095	109.500	7	18/12/2024	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
38	TPBL2427035	100	20.000	2.000.000	5,8	20/12/2024	3	Trái phiếu thường

TT	Mã TP	Mệnh giá (Triệu VND)	Số lượng trái phiếu đang lưu hành	Tổng mệnh giá TP đang lưu hành (Triệu VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (Năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu (*)
39	TPB12501	100	30	3.000	8,5	23/05/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
40	TPB12506	100	165	16.500	8,5	04/06/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
41	TPB12507	100	65	6.500	8,5	10/06/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
42	TPB12508	100	10.000	1.000.000	8,5	12/06/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
43	TPB12511	100	265	26.500	8,5	17/06/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
44	TPB12513	100	10	1.000	8,5	20/06/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
45	TPB12515	100	62	6.200	8,5	24/06/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
46	TPB12519	100	100	10.000	8,5	27/06/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
47	TPB12521	100	23	2.300	8,5	30/06/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
48	TPB12523	100	74	7.400	8,5	19/08/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
49	TPB12528	100	105	10.500	8,5	26/08/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
50	TPB12532	100	6	600	8,5	09/09/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
51	TPB12535	100	6	600	8,5	30/09/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2

TT	Mã TP	Mệnh giá (Triệu VND)	Số lượng trái phiếu đang lưu hành	Tổng mệnh giá TP đang lưu hành (Triệu VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (Năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu (*)
52	TPB12537	100	20.000	2.000.000	7,9	16/10/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
53	TPB12538	100	1.200	120.000	8	22/10/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
54	TPB12539	100	20	2.000	8,5	23/10/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
55	TPB12540	100	4.083	408.300	7,28	03/11/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
56	TPB12541	100	591	59.100	7,38	11/11/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
57	TPB12542	100	1.800	180.000	6,78	12/11/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
58	TPB12543	100	5.000	500.000	6,68	14/11/2025	7	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
59	TPB12544	100	165	16.500	7,98	21/11/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
60	TPB12545	100	1.500	150.000	7,68	28/11/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
61	TPB12546	100	465	46.500	7,98	02/12/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
62	TPB12547	100	157	15.700	8,18	10/12/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
63	TPB12548	100	3.000	300.000	7,68	19/12/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
64	TPB12549	100	14.580	1.458.000	8,18	23/12/2025	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2

TT	Mã TP	Mệnh giá (Triệu VND)	Số lượng trái phiếu đang lưu hành	Tổng mệnh giá TP đang lưu hành (Triệu VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (Năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu (*)
65	TPB12601	100	2.000	200.000	9	17/06/2026	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
66	TPB12602	100	3.200	320.000	9,3	18/06/2026	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
67	TPB12603	100	3.500	350.000	9,4	29/06/2026	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
68	TPB12604	100	500	50.000	9	30/06/2026	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
69	TPB12605	100	2.000	200.000	8,85	21/07/2026	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
70	TPB12606	100	10.000	1.000.000	9,1	30/07/2026	3	Trái phiếu thường
71	TPB12607	100	20.000	2.000.000	9,1	03/08/2026	3	Trái phiếu thường
72	TPBL12608	100	20.000	2.000.000	9,1	24/08/2026	3	Trái phiếu thường
73	TPBL12609	100	5.000	500.000	9,7	24/08/2026	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
74	TPBL12610	100	5.000	500.000	9,7	26/08/2026	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
75	TPBL12612	100	4.500	450.000	9,1	15/09/2026	3	Trái phiếu thường
76	TPBL12613	100	3.500	350.000	9,7	16/09/2026	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
77	TPBL12614	100	5.500	550.000	9	18/09/2026	3	Trái phiếu thường

TT	Mã TP	Mệnh giá (Triệu VND)	Số lượng trái phiếu đang lưu hành	Tổng mệnh giá TP đang lưu hành (Triệu VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (Năm)	Đặc điểm, loại trái phiếu (*)
78	TPBL12615	100	10.000	1.000.000	9,1	18/09/2026	3	Trái phiếu thường
79	TPBL12616	100	1.000	100.000	9,5	23/09/2026	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
80	TPBL12617	100	3.000	300.000	9,9	23/10/2026	10	Trái phiếu tăng vốn cấp 2
	Tổng cộng		**210.737**	**21.073.700**				

Nguồn: TPBank

(*) Các trái phiếu nêu trên là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm.

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

8.1.1. Loại sản phẩm, dịch vụ

TPBank là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, chịu sự quản lý, giám sát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. TPBank cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng cho khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, bao gồm hoạt động huy động vốn, cấp tín dụng, dịch vụ thanh toán, kinh doanh ngoại hối, đầu tư, dịch vụ thẻ, ngân hàng điện tử và các dịch vụ ngân hàng khác theo quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

a. Sản phẩm dịch vụ cho khách hàng cá nhân

a1. Ngân hàng số

Ngân hàng số là một trong những lĩnh vực hoạt động trọng tâm của TPBank, được phát triển trên nền tảng công nghệ nhằm cung cấp cho khách hàng cá nhân các sản phẩm, dịch vụ tài chính thuận tiện, an toàn và liên tục. Thông qua hệ sinh thái ngân hàng số, khách hàng có thể tiếp cận và sử dụng nhiều sản phẩm, dịch vụ ngân hàng trên môi trường trực tuyến mà không phụ thuộc vào thời gian và địa điểm giao dịch.

Các dịch vụ ngân hàng số của TPBank được cung cấp thông qua các nền tảng như TPBank Mobile, ứng dụng quản lý tài chính và tiết kiệm TPBank Savy, hệ thống ngân hàng tự động LiveBank 24/7 cùng các giải pháp công nghệ khác do Ngân hàng phát triển trong từng thời kỳ. Khách hàng có thể thực hiện nhiều giao dịch và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng như mở tài khoản bằng phương thức định danh điện tử (eKYC), quản lý tài khoản thanh toán, gửi tiết kiệm trực tuyến, chuyển tiền, thanh toán hóa đơn, thanh toán trực tuyến, đăng ký và sử dụng các sản phẩm thẻ, tín dụng cùng nhiều tiện ích tài chính khác thông qua các kênh số của Ngân hàng.

Bên cạnh việc số hóa các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng truyền thống, TPBank còn phát triển mô hình ngân hàng tự động LiveBank 24/7 cho phép khách hàng thực hiện nhiều giao dịch ngân hàng ngoài giờ hành chính. Việc ứng dụng công nghệ số góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, tối ưu hóa quy trình giao dịch, gia tăng trải nghiệm khách hàng và mở rộng khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính của Ngân hàng.

a2. Thẻ

Thẻ thanh toán: Là sản phẩm thẻ được liên kết với tài khoản thanh toán của khách hàng tại TPBank, cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ, rút tiền mặt, chuyển khoản và các giao dịch tài chính khác thông qua hệ thống ATM, POS, các kênh thanh toán trực tuyến và nền tảng ngân hàng số của TPBank. Sản phẩm được thiết kế nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán và quản lý tài chính hằng ngày của khách hàng.

Thẻ tín dụng: Là sản phẩm thẻ cho phép khách hàng thực hiện chi tiêu, thanh toán hàng hóa, dịch vụ trong phạm vi hạn mức tín dụng do TPBank cấp. Khách hàng có thể sử dụng thẻ tại các đơn vị chấp nhận thẻ trong nước và quốc tế, thanh toán trực tuyến, thanh toán qua ứng dụng ngân hàng số và sử dụng các tiện ích, chương trình ưu đãi do TPBank triển khai trong từng thời kỳ. TPBank hiện cung cấp nhiều dòng thẻ tín dụng phù hợp với nhu cầu và khả năng tài chính của từng nhóm khách hàng.

Thẻ đa năng: Là sản phẩm thẻ tích hợp nhiều tính năng thanh toán và dịch vụ ngân hàng trên cùng một phương tiện giao dịch, giúp khách hàng thực hiện các giao dịch tài chính một cách thuận tiện thông qua hệ thống giao dịch của TPBank. Tùy theo từng sản phẩm cụ thể, khách hàng có

thể sử dụng thẻ để thanh toán, rút tiền, chuyển khoản và tiếp cận các tiện ích ngân hàng khác theo quy định của TPBank trong từng thời kỳ.

a3. Tài khoản

Tài khoản App TPBank: Là tài khoản thanh toán được mở và quản lý thông qua các nền tảng ngân hàng số của TPBank, cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch ngân hàng và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ do TPBank cung cấp theo quy định trong từng thời kỳ.

Tài khoản số đẹp: Là sản phẩm tài khoản thanh toán cho phép khách hàng lựa chọn số tài khoản theo nhu cầu và theo các chương trình, chính sách do TPBank triển khai trong từng thời kỳ.

Tài khoản hộ kinh doanh: Là sản phẩm tài khoản thanh toán dành cho hộ kinh doanh nhằm phục vụ nhu cầu quản lý dòng tiền, nhận và thực hiện thanh toán trong quá trình hoạt động kinh doanh thông qua mạng lưới giao dịch và các kênh ngân hàng số của TPBank.

Tài khoản Con Yêu: Là sản phẩm tài khoản thanh toán dành cho trẻ em dưới sự quản lý của cha mẹ hoặc người giám hộ theo quy định của TPBank và pháp luật hiện hành, hỗ trợ thực hiện các giao dịch tài chính phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

a4. Tín dụng

Cho vay có tài sản bảo đảm: TPBank cung cấp các sản phẩm cho vay có tài sản bảo đảm nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, mua, xây dựng và sửa chữa nhà ở, mua ô tô, sản xuất kinh doanh, du học và các nhu cầu vốn hợp pháp khác của khách hàng. Tài sản bảo đảm có thể bao gồm bất động sản, phương tiện vận tải, tiền gửi, giấy tờ có giá và các loại tài sản khác theo quy định của TPBank và pháp luật hiện hành.

Cho vay tín chấp: TPBank cung cấp các sản phẩm cho vay tín chấp dành cho khách hàng cá nhân có nhu cầu bổ sung nguồn tài chính phục vụ mục đích tiêu dùng, học tập, sinh hoạt và các nhu cầu hợp pháp khác. Việc cấp tín dụng được thực hiện trên cơ sở đánh giá năng lực tài chính, khả năng trả nợ, lịch sử tín dụng và các điều kiện khác theo quy định của TPBank trong từng thời kỳ.

a5. Tiền gửi

Tiết kiệm: Là sản phẩm nhận tiền gửi của khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu tích lũy và sinh lời từ nguồn vốn nhàn rỗi. Khách hàng được lựa chọn các hình thức gửi tiền, kỳ hạn, phương thức nhận lãi và các tiện ích khác theo quy định của TPBank trong từng thời kỳ.

Tiền gửi có kỳ hạn: Là hình thức nhận tiền gửi của khách hàng với kỳ hạn xác định, theo đó khách hàng được hưởng lãi suất tương ứng với thời hạn gửi tiền theo biểu lãi suất do TPBank công bố từng thời kỳ. Sản phẩm được triển khai đối với đồng Việt Nam và các loại ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Tiết kiệm điện tử: Là hình thức tiền gửi có kỳ hạn được khách hàng thực hiện thông qua các kênh ngân hàng số của TPBank. Khách hàng có thể mở, quản lý và tất toán khoản tiền gửi theo quy định của TPBank thông qua các nền tảng giao dịch điện tử và được hưởng mức lãi suất áp dụng đối với sản phẩm tiết kiệm điện tử trong từng thời kỳ.

a6. Bảo hiểm

TPBank cung cấp các sản phẩm bảo hiểm thông qua hợp tác với các doanh nghiệp bảo hiểm nhằm đáp ứng nhu cầu bảo vệ sức khỏe, tính mạng, tài sản và tích lũy tài chính của khách hàng cá nhân. Các sản phẩm bảo hiểm chủ yếu bao gồm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe, bảo hiểm nhà và các sản phẩm bảo hiểm khác theo từng thời kỳ.

Hoạt động phân phối bảo hiểm được TPBank triển khai thông qua mạng lưới điểm giao dịch và các kênh ngân hàng số của Ngân hàng, giúp khách hàng tiếp cận các giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu tài chính và bảo vệ cá nhân.

a7. Dịch vụ thanh toán/Chuyển tiền

TPBank cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ thanh toán cho khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu thanh toán, chuyển tiền và quản lý dòng tiền trong nước và quốc tế. Các dịch vụ chủ yếu bao gồm dịch vụ tài khoản thanh toán, chuyển tiền, thanh toán hóa đơn, thanh toán trực tuyến, thu hộ, chi hộ, dịch vụ thanh toán thẻ và các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của pháp luật.

Khách hàng có thể thực hiện giao dịch thông qua mạng lưới điểm giao dịch của TPBank và các kênh giao dịch điện tử do Ngân hàng cung cấp như TPBank Mobile, Internet Banking, ATM, LiveBank và các kênh thanh toán điện tử khác. Bên cạnh đó, TPBank liên tục mở rộng hệ sinh thái thanh toán thông qua việc kết nối với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, đối tác công nghệ, đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ và các nền tảng số nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng và thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt.

TPBank cung cấp các dịch vụ chuyển tiền trong nước và quốc tế dành cho khách hàng cá nhân nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán, hỗ trợ tài chính và chuyển tiền cho người thân, đối tác. Khách hàng có thể thực hiện giao dịch thông qua mạng lưới điểm giao dịch của TPBank hoặc các kênh ngân hàng số như TPBank Mobile, Internet Banking, LiveBank 24/7 và các kênh giao dịch khác do Ngân hàng triển khai trong từng thời kỳ.

b. Sản phẩm dịch vụ cho khách hàng tổ chức

b1. Ngân hàng số

TPBank cung cấp các giải pháp ngân hàng số dành cho khách hàng doanh nghiệp thông qua nền tảng TPBank Biz và các giải pháp kết nối số khác do Ngân hàng phát triển trong từng thời kỳ. Thông qua các nền tảng này, doanh nghiệp có thể quản trị tài chính một cách toàn diện và thực hiện các giao dịch tài chính, quản lý tài khoản, chuyển tiền, thanh toán, quản lý dòng tiền, tiền gửi, giải ngân, đề xuất khoản vay, trả nợ, mở L/C, mua bán ngoại tệ, chuyển tiền quốc tế và nhiều sản phẩm, dịch vụ tiện ích khác trên môi trường trực tuyến.

Bên cạnh đó, TPBank triển khai bộ giải pháp kết nối TPBank Biz Connex dựa trên mô hình Ngân hàng mở (Open Banking) thông qua kết nối API và Host-to-Host. Giải pháp hỗ trợ kết nối trực tiếp hai chiều giữa hệ thống quản trị, phần mềm kế toán, phần mềm bán hàng với hệ thống ngân hàng TPBank, giúp tự động hóa toàn bộ quy trình giao dịch, trao đổi dữ liệu tài chính theo thời gian thực và tự động đối soát, hạch toán. Trong thời gian tới, TPBank dự kiến tiếp tục tiên phong qua việc đưa các giải pháp tài chính vào hệ sinh thái của đối tác và doanh nghiệp theo mô hình Tài chính nhúng (Embedded Banking), góp phần hoàn thiện hệ sinh thái ngân hàng số toàn diện và bền vững cho phân khúc khách hàng doanh nghiệp.

b2. Tài khoản

TPBank cung cấp đa dạng các sản phẩm tài khoản dành cho khách hàng doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu quản lý nguồn vốn, thực hiện giao dịch và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các sản phẩm chủ yếu bao gồm tài khoản thanh toán, tài khoản ưu việt, tài khoản ký quỹ, tài khoản đồng chủ sở hữu, tài khoản vốn chuyên dụng và các loại tài khoản khác theo quy định của TPBank trong từng thời kỳ.

Thông qua các sản phẩm tài khoản, khách hàng doanh nghiệp có thể thực hiện các giao dịch thu, chi, thanh toán và quản lý dòng tiền phục vụ hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, TPBank cung cấp các giải pháp quản lý dòng tiền, hỗ trợ doanh nghiệp quản lý tập trung các khoản thu, chi và sử dụng nguồn vốn phù hợp với nhu cầu hoạt động.

Các sản phẩm, dịch vụ tài khoản và giải pháp quản lý dòng tiền được cung cấp thông qua mạng lưới giao dịch và các nền tảng ngân hàng số của TPBank, tạo điều kiện để khách hàng thực hiện giao dịch và quản lý tài chính theo nhu cầu trong từng thời kỳ.

b3. Bảo lãnh

TPBank cung cấp các sản phẩm bảo lãnh dành cho khách hàng doanh nghiệp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ hợp đồng và nâng cao uy tín trong quá trình giao dịch với đối tác. Các sản phẩm chủ yếu bao gồm phát hành bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh vay vốn và các loại bảo lãnh khác theo quy định của TPBank trong từng thời kỳ; đồng thời cung cấp đa dạng hình thức phát hành như thư bảo lãnh giấy, bảo lãnh điện tử và các hình thức phù hợp khác theo nhu cầu giao dịch của khách hàng và yêu cầu của bên nhận bảo lãnh.

Các sản phẩm bảo lãnh được triển khai qua mạng lưới giao dịch và các nền tảng số của TPBank, giúp doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ bảo lãnh một cách thuận tiện, an toàn và hiệu quả.

Thông qua các sản phẩm và phương thức cung cấp dịch vụ bảo lãnh phù hợp, TPBank hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo đảm của đối tác, chủ động thực hiện các giao dịch và hợp đồng, nâng cao uy tín trong quan hệ kinh doanh, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại và đầu tư trong từng giai đoạn phát triển.

b4. Tiền gửi

TPBank cung cấp các sản phẩm tiền gửi dành cho khách hàng doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý nguồn vốn nhàn rỗi. Các sản phẩm chủ yếu bao gồm tiền gửi có kỳ hạn với các phương thức trả lãi khác nhau, tiền gửi Trường An Lộc, tiền gửi có kỳ hạn điện tử lĩnh lãi cuối kỳ và các sản phẩm tiền gửi khác theo quy định của TPBank trong từng thời kỳ.

Các sản phẩm tiền gửi được thiết kế với các lựa chọn về kỳ hạn, phương thức trả lãi và hình thức giao dịch, phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn và quản lý dòng tiền của khách hàng doanh nghiệp. Khách hàng có thể thực hiện giao dịch thông qua mạng lưới điểm giao dịch hoặc các nền tảng ngân hàng số của TPBank.

Lãi suất và các điều kiện liên quan đến sản phẩm tiền gửi được thực hiện theo quy định của TPBank trong từng thời kỳ.

b5. Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại

TPBank cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại nhằm hỗ trợ khách hàng doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu, giao thương quốc tế và quản lý dòng tiền. Các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu bao gồm thư tín dụng nhập khẩu (L/C), UPAS L/C, nhờ thu nhập khẩu, nhờ thu xuất khẩu, chuyển tiền quốc tế và các sản phẩm, dịch vụ thanh toán quốc tế khác theo quy định của TPBank trong từng thời kỳ.

Bên cạnh các dịch vụ thanh toán quốc tế, TPBank còn cung cấp các giải pháp tài trợ thương mại nhằm đáp ứng nhu cầu vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp. Các sản phẩm tài trợ thương mại bao gồm chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu theo các phương thức thanh toán quốc tế như L/C, D/P, CAD, TTR và các hình thức tài trợ khác phù hợp với nhu cầu của khách hàng và quy định của TPBank trong từng thời kỳ.

Nhằm nâng cao năng lực xử lý giao dịch tự động, TPBank đã triển khai các giải pháp Thanh toán quốc tế qua API, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các giao dịch chuyển tiền quốc tế trực tuyến, tự động hóa luồng đẩy chứng từ và tra cứu tỷ giá ngoại tệ theo thời gian thực ngay trên hệ thống quản trị của doanh nghiệp.

Các sản phẩm, dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại được triển khai thông qua mạng lưới giao dịch của TPBank kết hợp với các nền tảng ngân hàng số dành cho doanh nghiệp như TPBank Biz và Biz Connex, cho phép khách hàng thực hiện giao dịch, tra cứu thông tin thư tín dụng, quản lý hồ sơ và theo dõi các giao dịch tài chính trên môi trường trực tuyến. Việc cung cấp các giải pháp thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại góp phần hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu giao thương trong nước và quốc tế.

b6. Thẻ

TPBank cung cấp đa dạng các sản phẩm thẻ dành cho khách hàng doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán, quản lý chi tiêu và hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các sản phẩm đang phát hành bao gồm thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp, thẻ ghi nợ quốc tế doanh nghiệp, thẻ đa năng quốc tế doanh nghiệp và các sản phẩm thẻ khác theo quy định của TPBank trong từng thời kỳ.

Các sản phẩm thẻ cho phép doanh nghiệp thực hiện các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ, rút tiền mặt, thanh toán trực tuyến và các giao dịch tài chính khác thông qua hệ thống ATM, POS, các kênh thanh toán điện tử tại Việt Nam và nước ngoài. Bên cạnh đó, các sản phẩm thẻ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý chi tiêu, tối ưu hóa quy trình thanh toán, kiểm soát chi phí và đáp ứng nhu cầu giao dịch tài chính khác thông qua nền tảng Ngân hàng số của TPBank.

Các sản phẩm thẻ được thiết kế với các tính năng và giải pháp bảo mật phù hợp với nhu cầu của từng nhóm khách hàng doanh nghiệp, đồng thời được tích hợp với hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ ngân hàng của TPBank nhằm mang lại sự thuận tiện trong quá trình sử dụng và quản lý tài chính doanh nghiệp.

b7. Cho vay và tài trợ

TPBank cung cấp đa dạng các sản phẩm tín dụng dành cho khách hàng doanh nghiệp. Danh mục sản phẩm chủ yếu bao gồm cho vay bổ sung vốn lưu động, cho vay đầu tư tài sản cố định, tài trợ thương mại, tài trợ xuất nhập khẩu, tài trợ chuỗi cung ứng và các sản phẩm cho vay khác theo quy định của TPBank trong từng thời kỳ.

Bên cạnh các sản phẩm tín dụng phục vụ nhu cầu vốn lưu động và đầu tư, TPBank triển khai các chương trình, sản phẩm tài trợ chuyên biệt theo ngành, lĩnh vực và nhu cầu hoạt động của doanh nghiệp, phù hợp với đặc thù của dự án, tiến độ thực hiện và chu kỳ dòng tiền. Các giải pháp này góp phần đáp ứng nhu cầu vốn trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư và thương mại của khách hàng doanh nghiệp.

Các sản phẩm được triển khai với nhiều phương thức cấp tín dụng, thời hạn cấp tín dụng và phương thức giải ngân nhằm đáp ứng nhu cầu và đặc thù hoạt động của doanh nghiệp. Qua đó, TPBank hỗ trợ khách hàng doanh nghiệp chủ động nguồn vốn, kịp thời đầu tư máy móc, thiết bị, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện các giao dịch thương mại trong nước và quốc tế, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và năng lực cạnh tranh trong từng giai đoạn phát triển.

b8. Sản phẩm khác

Bên cạnh các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng truyền thống, TPBank cung cấp các giải pháp tài chính chuyên biệt dành cho từng nhóm khách hàng doanh nghiệp theo định hướng phát triển trong từng thời kỳ. Các giải pháp được thiết kế nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng về tiếp cận vốn, quản lý tài chính và hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong đó, TPBank triển khai đồng bộ nhóm giải pháp Hỗ trợ thu hộ và gạch nợ tự động, bao gồm thu hộ qua mã QR (Biz QR, QR Vạn Năng), dịch vụ Tài khoản định danh/Tiểu khoản (Biz Virtual) và giải pháp thu hộ qua file Excel (ezCollect). Các giải pháp này hỗ trợ doanh nghiệp kiểm soát chặt chẽ luồng tiền về, tự động hóa khâu đối soát và hạch toán tức thì, đồng thời tạo điều kiện cho khách hàng cuối thực hiện thanh toán một cách nhanh chóng và thuận tiện. Song song với đó, TPBank còn cung cấp đa dạng các giải pháp hỗ trợ Chấp nhận thanh toán, giúp doanh nghiệp mở rộng kênh thu tiền và tối ưu trải nghiệm giao dịch tại các điểm bán.

Đồng thời, TPBank mở rộng kết nối và hỗ trợ khách hàng qua nền tảng của đối tác thứ ba, bao gồm các phần mềm kế toán, phần mềm quản lý bán hàng và thiết bị thông báo biến động số dư bằng giọng nói (Loa Ting Ting). Thông qua việc đồng bộ dữ liệu giao dịch hai chiều giữa TPBank và đối tác thứ ba, doanh nghiệp có thể quản lý tài chính trực tiếp trên phần mềm đang sử dụng mà vẫn đảm bảo tính chính xác, giúp tinh gọn quy trình vận hành, giảm thiểu sai sót nhập liệu và tiết kiệm nguồn lực nhân sự.

Ngoài ra, TPBank cung cấp Giải pháp Phân bổ dòng tiền tự động và Quản lý tài khoản tập trung (Cash Management) dành riêng cho các khách hàng doanh nghiệp quy mô lớn có mô hình hoạt động phức tạp. Giải pháp cho phép tự động điều chuyển, phân bổ dòng tiền giữa tài khoản công ty mẹ và các công ty con/chi nhánh theo quy tắc thiết lập trước, đảm bảo an toàn, minh bạch và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn vốn của toàn hệ thống.

Bên cạnh đó, TPBank tiếp tục duy trì sản phẩm WSMEs dành cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Sản phẩm được thiết kế nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao khả năng tiếp cận các giải pháp tài chính và chủ động nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển bền vững trong từng giai đoạn hoạt động.

c. Sản phẩm dịch vụ cho khách hàng cao cấp (TPBank Premier)

TPBank cung cấp các sản phẩm, dịch vụ và giải pháp tài chính chuyên biệt dành cho phân khúc khách hàng cao cấp thông qua thương hiệu TPBank Premier, bao gồm:

- Quản lý dòng tiền và tiền gửi: các gói sản phẩm tiền gửi, tiết kiệm linh hoạt, tài khoản số đẹp và chính sách ưu đãi tỷ giá hối đoái;
- Tín dụng và thẻ: các giải pháp tài trợ vốn, hạn mức thấu chi, tín dụng phê duyệt trước và thẻ tín dụng TPBank Visa Signature;
- Đầu tư và quản lý tài sản: phối hợp cùng các đối tác thuộc hệ sinh thái tài chính (TPS, DOJI...) cung cấp chứng chỉ quỹ, trái phiếu và sản phẩm cấu trúc;
- Bảo vệ tài chính: các giải pháp bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ.

Khách hàng TPBank Premier được phục vụ tại không gian giao dịch ưu tiên, bởi đội ngũ Chuyên viên Quản lý Tài sản (Premier Relationship Manager) và qua ứng dụng App TPBank Premier. Năm 2025, tổng thu nhập hoạt động (TOI) từ phân khúc khách hàng cao cấp đạt 1.864 tỷ đồng, tăng 114% so với năm 2024, chiếm 23% TOI của Khối Ngân hàng Bán lẻ.

d. Cơ cấu thu nhập hoạt động kinh doanh trong doanh thu, lợi nhuận của TPBank trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Do đặc thù hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của TPBank được trình bày theo cơ cấu doanh thu và cơ cấu thu nhập thuần theo từng hoạt động như sau:

Cơ cấu doanh thu của TPBank – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25.949	74,03%	30.751	77,15%	19.965	80,07%	31.697	79,58%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	4.386	12,51%	5.519	13,85%	3.392	13,60%	5.635	14,15%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.812	5,17%	1.590	3,99%	755	3,03%	1.206	3,03%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	1	0,00%	5	0,01%	99	0,40%	206	0,52%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.676	4,78%	729	1,83%	73	0,29%	84	0,21%
Thu nhập từ hoạt động khác	1.229	3,51%	1.139	2,86%	650	2,61%	1.001	2,51%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	0,00%	128	0,32%	0	0,00%	1	0,00%
Tổng cộng	**35.053**	**100%**	**39.861**	**100%**	**24.934**	**100%**	**39.830**	**100%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Hợp nhất quý III/2026

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

Cơ cấu doanh thu của TPBank – Riêng lẻ

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25.945	74,03%	30.748	77,41%	19.783	80,91%	31.241	80,52%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	4.383	12,51%	5.517	13,89%	3.189	13,04%	5.264	13,57%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.812	5,17%	1.589	4,00%	755	3,09%	1.206	3,11%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.676	4,78%	729	1,84%	73	0,30%	84	0,22%
Thu nhập từ hoạt động khác	1.229	3,51%	1.139	2,87%	650	2,66%	1.001	2,58%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Tổng cộng	**35.045**	**100%**	**39.722**	**100%**	**24.450**	**100%**	**38.796**	**100%**

Nguồn: BCTC Riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Riêng lẻ giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Riêng lẻ quý III/2026

Cơ cấu thu nhập của TPBank trong giai đoạn 2024–2025 duy trì theo hướng tập trung chủ yếu vào hoạt động ngân hàng cốt lõi. Năm 2025, tổng doanh thu hợp nhất đạt 39.861 tỷ đồng, tăng 13,7% so với mức 35.053 tỷ đồng của năm 2024. Trong đó, thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự tiếp tục là nguồn thu chủ đạo với giá trị đạt 30.751 tỷ đồng, chiếm 77,1% tổng doanh thu, tăng so với mức 74,0% của năm trước.

Năm 2025, thu nhập từ hoạt động dịch vụ đạt 5.519 tỷ đồng, tăng 25,8% so với năm 2024 và chiếm 13,85% tổng doanh thu hợp nhất.

Các nguồn thu khác như kinh doanh ngoại hối, mua bán chứng khoán đầu tư và hoạt động khác tiếp tục đóng góp vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng. Mặc dù thu nhập từ kinh doanh ngoại hối và mua bán chứng khoán đầu tư có sự sụt giảm so với năm trước, các khoản thu này vẫn duy trì tỷ trọng hợp lý trong

cơ cấu thu nhập. Đáng chú ý, năm 2025 TPBank ghi nhận thêm 128 tỷ đồng thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần, góp phần bổ sung nguồn thu cho Ngân hàng. Đây là khoản chênh lệch đánh giá lại khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong.

Xét trên cơ sở riêng lẻ, cơ cấu thu nhập có xu hướng tương đồng với báo cáo hợp nhất. Tổng doanh thu năm 2025 đạt 39.722 tỷ đồng, tăng 13,3% so với năm 2024. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất với 77,4% tổng doanh thu, trong khi thu nhập từ hoạt động dịch vụ chiếm 13,9%. Điều này cho thấy kết quả kinh doanh của TPBank chủ yếu được tạo ra từ hoạt động ngân hàng cốt lõi, đồng thời từng bước gia tăng đóng góp của các nguồn thu dịch vụ nhằm nâng cao tính bền vững trong hoạt động kinh doanh.

Cơ cấu thu nhập thuần của TPBank – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	12.907	71,55%	13.371	70,39%	7.094	70,27%	11.518	72,90%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.363	18,65%	4.158	21,89%	2.384	23,62%	3.559	22,53%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	319	1,77%	694	3,65%	221	2,18%	213	1,35%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	0	0,00%	3	0,02%	(209)	(2,07%)	(226)	(1,43%)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.095	6,07%	179	0,94%	151	1,50%	113	0,71%
Lãi thuần từ hoạt động khác	354	1,96%	462	2,43%	454	4,50%	621	3,93%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	0,00%	128	0,67%	0	0,00%	1	0,01%
Tổng cộng	**18.038**	**100%**	**18.995**	**100%**	**10.095**	**100%**	**15.799**	**100%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Hợp nhất quý III/2026

Cơ cấu thu nhập thuần của TPBank -- Riêng lẻ

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	12.903	71,55%	13.368	70,88%	7.155	70,38%	11.425	73,32%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.362	18,64%	4.158	22,05%	2.180	21,44%	3.201	20,54%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	319	1,77%	694	3,68%	221	2,17%	213	1,37%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.095	6,07%	179	0,95%	151	1,49%	116	0,74%
Lãi thuần từ hoạt động khác	354	1,96%	462	2,45%	460	4,53%	627	4,02%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Tổng cộng	**18.033**	**100%**	**18.861**	**100%**	**10.167**	**100%**	**15.582**	**100%**

Nguồn: BCTC Riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Riêng lẻ giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Riêng lẻ quý III/2026

8.1.2. Hoạt động huy động vốn

Huy động vốn nhằm tạo lập nguồn vốn phục vụ hoạt động cấp tín dụng, đầu tư và các hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng. TPBank thực hiện huy động vốn trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và định hướng điều hành của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ, đồng thời đa dạng hóa các nguồn vốn nhằm đảm bảo cân đối thanh khoản, tối ưu chi phí vốn và đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh.

Nguồn vốn huy động của TPBank được hình thành từ nhiều kênh khác nhau, bao gồm tiền gửi khách hàng, tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác, phát hành giấy tờ có giá, các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, vốn tài trợ, vốn ủy thác đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Trên cơ sở hợp nhất, tổng nguồn vốn huy động của TPBank đạt 451.736 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025, tăng 20,7% so với cuối năm 2024. Đến ngày 30/6/2026, tổng nguồn vốn huy động tiếp tục tăng lên 486.288 tỷ đồng, tăng 7,6% so với đầu năm và đạt 529.504 tỷ đồng tại ngày 30/9/2026, tăng 17,2% so với đầu năm. Trên cơ sở riêng lẻ, tổng nguồn vốn huy động đạt 447.173 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025, tăng lên 481.666 tỷ đồng tại ngày 30/6/2026 và 523.423 tỷ đồng tại ngày 30/9/2026.

Tình hình huy động vốn của TPBank – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	238	0,06%	1.642	0,36%	148	0,03%	136	0,03%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	94.514	25,25%	112.055	24,81%	143.344	29,48%	170.611	32,22%
Tiền gửi của khách hàng	242.806	64,87%	279.050	61,77%	288.478	59,32%	301.634	56,97%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	94	0,03%	141	0,03%	161	0,03%	170	0,03%
Phát hành giấy tờ có giá	36.632	9,79%	58.848	13,03%	54.157	11,14%	56.953	10,76%
Tổng vốn huy động	**374.284**	**100%**	**451.736**	**100%**	**486.288**	**100%**	**529.504**	**100%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Hợp nhất quý III/2026. Số liệu hợp nhất tại ngày 31/12/2025 là số liệu trình bày lại trong BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét.

Tình hình huy động vốn của TPBank – Riêng lẻ

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	238	0,06%	1.642	0,37%	148	0,03%	136	0,03%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	94.514	25,25%	110.141	24,63%	141.154	29,31%	167.027	31,91%
Tiền gửi của khách hàng	242.808	64,87%	280.752	62,78%	289.378	60,08%	302.301	57,75%

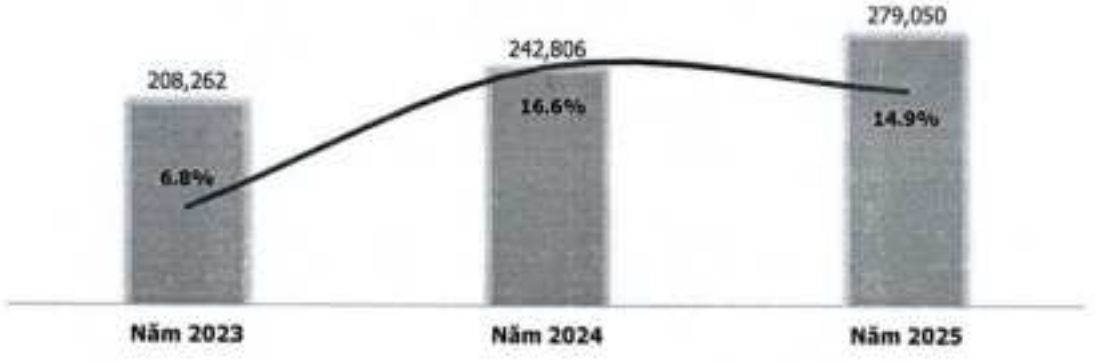
Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	94	0,03%	141	0,03%	162	0,03%	170	0,03%
Phát hành giấy tờ có giá	36.632	9,79%	54.497	12,19%	50.824	10,55%	53.789	10,28%
Tổng vốn huy động	**374.286**	**100%**	**447.173**	**100%**	**481.666**	**100%**	**523.423**	**100%**

Nguồn: BCTC Riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Riêng lẻ giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Riêng lẻ quý III/2026

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

Tình hình tiền gửi của khách hàng tại TPBank qua các năm – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng



Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và 2025

Tiền gửi của khách hàng tiếp tục là nguồn vốn huy động chủ yếu của TPBank và duy trì xu hướng tăng trưởng ổn định qua các năm. Tại ngày 31/12/2025, tiền gửi khách hàng đạt 279.050 tỷ đồng, tăng 14,9% so với cuối năm 2024; trước đó, năm 2024 ghi nhận mức tăng trưởng 16,6% so với năm 2023. Đến ngày 30/6/2026, số dư tiền gửi khách hàng tiếp tục tăng lên 288.478 tỷ đồng và đạt 301.634 tỷ đồng tại ngày 30/9/2026.

Mặc dù quy mô tiền gửi khách hàng tiếp tục gia tăng, tỷ trọng của khoản mục này trong tổng nguồn vốn huy động có xu hướng giảm, từ 64,9% tại ngày 31/12/2024 xuống 61,8% tại ngày 31/12/2025, 59,3% tại ngày 30/6/2026 và 57,0% tại ngày 30/9/2026. Tuy nhiên, tiền gửi khách hàng vẫn duy trì là nguồn vốn huy động lớn nhất, đóng vai trò nền tảng trong cơ cấu nguồn vốn của TPBank.

Cơ cấu tiền gửi của khách hàng – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	**Phân theo kỳ hạn**								
	Không kỳ hạn	50.724	20,89%	55.598	19,92%	52.849	18,32%	49.323	16,35%
	Tiền gửi có kỳ hạn	188.873	77,79%	216.124	77,45%	227.954	79,02%	241.051	79,91%
	Tiền gửi vốn chuyên dụng	27	0,01%	13	0,00%	26	0,01%	28	0,01%
	Tiền gửi ký quỹ	3.182	1,31%	7.315	2,62%	7.649	2,65%	11.232	3,72%
2	**Phân theo loại tiền**								
	VND	232.655	95,82%	267.517	95,87%	280.174	97,12%	293.995	97,47%

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
	Ngoại tệ	10.151	4,18%	11.533	4,13%	8.304	2,88%	7.639	2,53%
Tổng tiền gửi khách hàng		**242.806**	**100%**	**279.050**	**100%**	**288.478**	**100%**	**301.634**	**100%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Hợp nhất quý III/2026

Xét theo kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi khách hàng. Tại ngày 31/12/2025, tiền gửi có kỳ hạn đạt 216.124 tỷ đồng, chiếm 77,4% tổng tiền gửi khách hàng và tăng lên 227.954 tỷ đồng tại ngày 30/6/2026 (79,0% tổng tiền gửi) và 241.051 tỷ đồng tại ngày 30/9/2026, tương ứng 79,9% tổng tiền gửi. Trong khi đó, tiền gửi không kỳ hạn (CASA) đạt 55.598 tỷ đồng tại cuối năm 2025, chiếm 19,9%, trước khi giảm xuống 18,3% tại ngày 30/6/2026 và 16,4% tại ngày 30/9/2026. Bên cạnh đó, tiền gửi ký quỹ đạt 7.315 tỷ đồng tại cuối năm 2025 và tiếp tục tăng lên 7.649 tỷ đồng vào cuối quý II/2026 và 11.232 tỷ đồng vào cuối quý III/2026, chiếm khoảng 3,72% tổng tiền gửi khách hàng.

Xét theo loại tiền, tiền gửi bằng đồng Việt Nam (VND) tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu tiền gửi khách hàng. Tại ngày 31/12/2025, tiền gửi bằng VND đạt 267.517 tỷ đồng, chiếm 95,87% tổng tiền gửi khách hàng và tăng lên 280.174 tỷ đồng tại ngày 30/6/2026 (97,12%) và 293.995 tỷ đồng tại ngày 30/9/2026, tương ứng 97,47%. Trong khi đó, tiền gửi bằng ngoại tệ duy trì tỷ trọng ở mức thấp, đạt 11.533 tỷ đồng tại cuối năm 2025, 8.304 tỷ đồng tại ngày 30/6/2026 và 7.639 tỷ đồng tại ngày 30/9/2026, chiếm lần lượt 4,13%, 2,88% và 2,53% tổng tiền gửi khách hàng.

Cơ cấu nguồn huy động vốn trong nước và ngoài nước – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Trong nước	358.049	95,66%	422.312	93,49%	456.697	93,91%
Ngoài nước	16.235	4,34%	29.424	6,51%	29.591	6,09%
Tổng cộng	**374.284**	**100%**	**451.736**	**100%**	**486.288**	**100%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và thông tin do TPBank cung cấp. Số liệu hợp nhất tại ngày 31/12/2025 là số liệu trình bày lại trong BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét.

Nguồn vốn huy động của TPBank chủ yếu được hình thành từ thị trường trong nước. Tại ngày 31/12/2025, nguồn vốn huy động trong nước đạt 422.312 tỷ đồng, chiếm 93,49% tổng nguồn vốn huy động và tăng lên 456.697 tỷ đồng tại ngày 30/06/2026, tương ứng 93,91%. Nguồn vốn huy động từ nước ngoài tại hai thời điểm lần lượt đạt 29.424 tỷ đồng và 29.591 tỷ đồng, chiếm 6,51% và 6,09% tổng nguồn vốn huy động.

Nguồn vốn huy động từ nước ngoài trong bảng bao gồm tiền gửi và các khoản vay thuộc khu vực nước ngoài theo thuyết minh báo cáo tài chính.

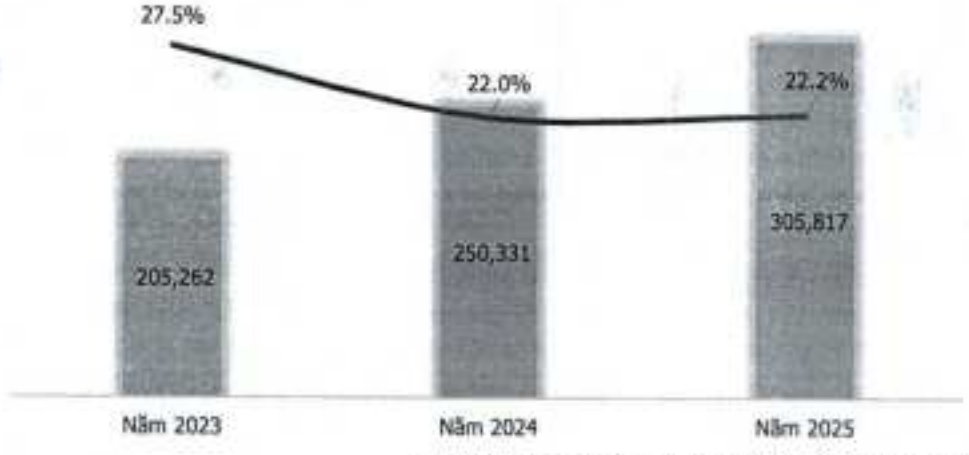
8.1.3. Hoạt động tín dụng

a. Hoạt động cho vay khách hàng

Hoạt động cấp tín dụng là hoạt động kinh doanh cốt lõi của TPBank, được triển khai theo định hướng tăng trưởng gắn với kiểm soát chất lượng tài sản và đa dạng hóa danh mục tín dụng. Ngân hàng tập trung phát triển dư nợ đối với khách hàng cá nhân, hộ kinh doanh và doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), đồng thời ưu tiên cấp tín dụng cho các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, phù hợp với định hướng điều hành của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ. Bên cạnh đó, TPBank tiếp tục thúc đẩy các chương trình tín dụng xanh, tài trợ các dự án phát triển bền vững và triển khai các gói tín dụng chuyên biệt đối với từng nhóm khách hàng nhằm đa dạng hóa danh mục cho vay và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Quy mô dư nợ cho vay khách hàng của TPBank ghi nhận mức tăng trưởng tích cực trong giai đoạn 2023–2025. Tại ngày 31/12/2025, dư nợ cho vay khách hàng đạt 305.817 tỷ đồng, tăng 22,2% so với cuối năm 2024. Trong giai đoạn này, tốc độ tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao, lần lượt đạt 27,5% trong năm 2023, 22,0% trong năm 2024 và 22,2% trong năm 2025, phản ánh khả năng mở rộng hoạt động tín dụng của Ngân hàng trong bối cảnh nhu cầu vốn của nền kinh tế từng bước phục hồi.

Tình hình cho vay khách hàng của TPBank qua các năm – Hợp nhất



Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025

Chi tiết cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn như sau:

Dư nợ cho vay theo kỳ hạn của TPBank – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	100.728	40,24%	116.845	38,21%	117.840	34,85%	110.075	32,94%
Nợ trung hạn	42.581	17,01%	61.106	19,98%	76.033	22,49%	78.164	23,39%

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
Nợ dài hạn	107.022	42,75%	126.406	41,33%	142.390	42,11%	143.131	42,83%
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán khách hàng	0	0,00%	1.460	0,48%	1.885	0,56%	2.790	0,83%
Tổng cộng	**250.331**	**100%**	**305.817**	**100%**	**338.148**	**100%**	**334.160**	**100%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Hợp nhất quý III/2026

(Phần còn lại của trang được chú ý để trống)

Dư nợ cho vay theo kỳ hạn của TPBank – Riêng lẻ

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	100.728	40,24%	116.845	38,39%	117.840	35,04%	110.075	33,22%
Nợ trung hạn	42.581	17,01%	61.106	20,08%	76.033	22,61%	78.164	23,59%
Nợ dài hạn	107.022	42,75%	126.406	41,53%	142.391	42,34%	143.131	43,19%
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán khách hàng	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Tổng cộng	**250.331**	**100%**	**304.357**	**100%**	**336.264**	**100%**	**331.370**	**100%**

Nguồn: BCTC Riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Riêng lẻ giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Riêng lẻ quý III/2026

Tại ngày 31/12/2025, dư nợ cho vay khách hàng hợp nhất đạt 305.817 tỷ đồng, tăng 22,2% so với cuối năm 2024. Trong đó, dư nợ ngắn hạn đạt 116.845 tỷ đồng, chiếm 38,2% tổng dư nợ; dư nợ trung hạn đạt 61.106 tỷ đồng, chiếm 20,0%; và dư nợ dài hạn đạt 126.406 tỷ đồng, chiếm 41,3%. Ngoài ra, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán khách hàng đạt 1.460 tỷ đồng, chiếm khoảng 0,5% tổng dư nợ.

Đến ngày 30/6/2026, tổng dư nợ cho vay khách hàng hợp nhất tiếp tục tăng lên 338.148 tỷ đồng, tương ứng tăng khoảng 10,6% so với thời điểm cuối năm 2025. Trong đó, dư nợ ngắn hạn đạt 117.840 tỷ đồng (chiếm 34,8%), dư nợ trung hạn đạt 76.033 tỷ đồng (chiếm 22,5%) và dư nợ dài hạn đạt 142.390 tỷ đồng (chiếm 42,1%). So với cuối năm 2025, tỷ trọng dư nợ trung hạn tăng từ 20,0% lên 22,5%, trong khi tỷ trọng dư nợ ngắn hạn giảm từ 38,2% xuống 34,8%; tỷ trọng dư nợ dài hạn tăng từ 41,3% lên 42,1% tổng dư nợ. Đến ngày 30/9/2026, tổng dư nợ cho vay khách hàng hợp nhất đạt 334.160 tỷ đồng, tăng khoảng 9,3% so với cuối năm 2025; dư nợ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn lần lượt chiếm 32,9%, 23,4% và 42,8% tổng dư nợ. Cơ cấu này cho thấy danh mục tín dụng của TPBank tiếp tục được phân bổ tương đối cân đối giữa các kỳ hạn, đáp ứng nhu cầu vốn đa dạng của khách hàng.

Trên cơ sở riêng lẻ, dư nợ cho vay khách hàng tại ngày 31/12/2025 đạt 304.357 tỷ đồng, tăng 21,6% so với cuối năm 2024. Đến ngày 30/6/2026, dư nợ tiếp tục tăng lên 336.264 tỷ đồng; tại ngày 30/9/2026 đạt 331.370 tỷ đồng. Cơ cấu cho vay theo kỳ hạn trên cơ sở riêng lẻ có xu hướng tương đồng với báo cáo hợp nhất, trong đó dư nợ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn lần lượt chiếm 35,0%, 22,6% và 42,3% tổng dư nợ tại thời điểm 30/6/2026; 33,2%, 23,6% và 43,2% tại thời điểm 30/9/2026.

Tại ngày 30/06/2026 và ngày 30/09/2026, dư nợ trung và dài hạn chiếm khoảng 64,6% và 66,2% tổng dư nợ cho vay khách hàng hợp nhất, so với 61,3% tại ngày 31/12/2025.

b. Chất lượng tín dụng và tỷ lệ nợ xấu

TPBank đặt mục tiêu kiểm soát tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp hơn ngưỡng 3% theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước.

Chất lượng tín dụng của TPBank – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	242.098	96,71%	295.385	96,59%	323.595	95,70%	315.581	94,44%
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	4.430	1,77%	5.034	1,65%	6.390	1,89%	8.760	2,62%
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	1.503	0,60%	1.158	0,38%	2.119	0,63%	2.609	0,78%
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	1.186	0,47%	1.406	0,46%	1.800	0,53%	1.936	0,58%
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	1.112	0,44%	1.374	0,45%	2.359	0,70%	2.484	0,74%
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán khách hàng	0	0,00%	1.460	0,48%	1.885	0,56%	2.790	0,83%
Tổng cộng	**250.331**	**100%**	**305.817**	**100%**	**338.148**	**100%**	**334.160**	**100%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Hợp nhất quý III/2026

Tại ngày 31/12/2025, tổng dư nợ cho vay hợp nhất của TPBank đạt 305.817 tỷ đồng, tăng 22,2% so với cuối năm 2024. Trong cơ cấu dư nợ, nợ đủ tiêu chuẩn (Nhóm 1) đạt 295.385 tỷ đồng, chiếm 96,6% tổng dư nợ, gần tương đương mức 96,7% tại cuối năm 2024. Các khoản nợ cần chú ý (Nhóm 2) chiếm 1,6%, trong khi tổng nợ xấu (Nhóm 3, Nhóm 4 và Nhóm 5) là 3.938 tỷ đồng, tương ứng 1,29% tổng dư nợ, giảm so với mức 1,52% tại ngày 31/12/2024.

Đến ngày 30/6/2026, tổng dư nợ cho vay hợp nhất tăng lên 338.148 tỷ đồng. Trong đó, nợ đủ tiêu chuẩn đạt 323.595 tỷ đồng, chiếm 95,7% tổng dư nợ; nợ cần chú ý chiếm 1,9%; tổng nợ xấu (Nhóm 3, Nhóm 4 và Nhóm 5) là 6.278 tỷ đồng, tương ứng khoảng 1,86% tổng dư nợ. Tại ngày 30/9/2026, tổng dư nợ cho vay hợp nhất là 334.160 tỷ đồng; nợ đủ tiêu chuẩn đạt 315.581 tỷ đồng, chiếm 94,4% tổng dư nợ; nợ cần chú ý chiếm 2,6%; tổng nợ xấu là 7.029 tỷ đồng, tương ứng khoảng 2,10% tổng dư nợ.

Khoản mục "Cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán khách hàng" ghi nhận 1.460 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025, 1.885 tỷ đồng tại ngày 30/6/2026 và 2.790 tỷ đồng tại ngày 30/9/2026. Đây là các khoản cho vay phát sinh tại công ty con hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản mục này được phân loại và trích lập dự phòng theo quy định pháp luật áp dụng đối với công ty chứng khoán và không thuộc phạm vi phân loại nợ theo 05 nhóm quy định tại Thông tư số 31/2024/TT-NHNN. Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất trong Bản Cáo Bạch này được tính trên tổng dư nợ cho vay khách hàng hợp nhất, bao gồm các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán khách hàng.

Chất lượng tín dụng của TPBank – Riêng lẻ

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	242.098	96,71%	295.385	97,05%	323.595	96,23%	315.581	95,24%
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	4.430	1,77%	5.034	1,65%	6.390	1,90%	8.760	2,64%
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	1.503	0,60%	1.158	0,38%	2.119	0,63%	2.609	0,79%
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	1.188	0,47%	1.406	0,46%	1.800	0,54%	1.936	0,58%
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	1.112	0,44%	1.374	0,45%	2.360	0,70%	2.484	0,75%
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán khách hàng	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Tổng cộng	**250.331**	**100%**	**304.357**	**100%**	**336.264**	**100%**	**331.370**	**100%**

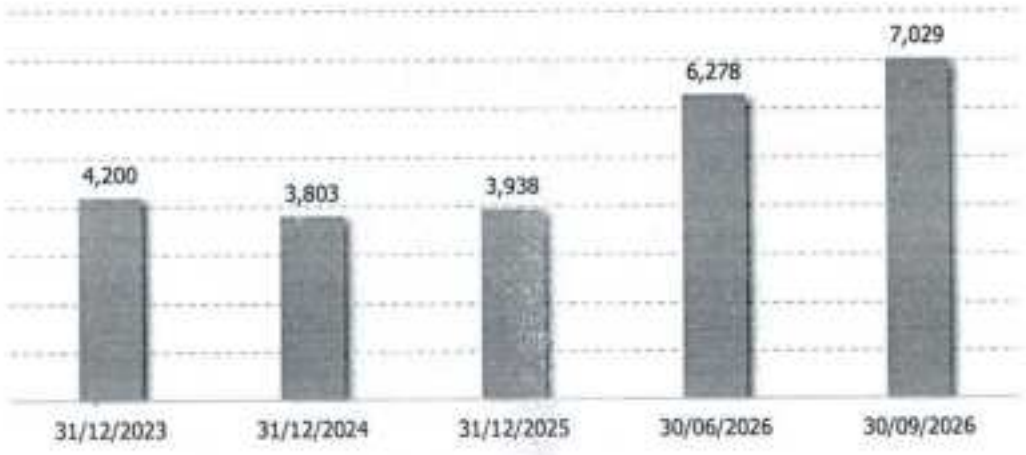
Nguồn: BCTC Riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Riêng lẻ giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Riêng lẻ quý III/2026

Trên cơ sở riêng lẻ, cơ cấu chất lượng tín dụng có xu hướng tương đồng với báo cáo hợp nhất. Tại ngày 31/12/2025, dư nợ đủ tiêu chuẩn chiếm 97,1% tổng dư nợ, trong khi tổng tỷ trọng các khoản nợ từ Nhóm 3 đến Nhóm 5 ở mức 1,29%. Đến ngày 30/6/2026, nợ đủ tiêu chuẩn chiếm 96,2% tổng dư nợ, còn tổng tỷ trọng nợ xấu ở mức khoảng 1,87%; tại ngày 30/9/2026, các tỷ lệ tương ứng là 95,2% và 2,12%. Cơ cấu này phản ánh phần lớn dư nợ trên cơ sở riêng lẻ vẫn tập trung ở nhóm nợ đủ tiêu chuẩn.

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

Tình hình Nợ xấu của TPBank qua các năm – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng



Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Hợp nhất quý III/2026

Xét về giá trị tuyệt đối, quy mô nợ xấu của TPBank có sự biến động trong giai đoạn 2023–30/9/2026. Tổng nợ xấu hợp nhất giảm từ 4.200 tỷ đồng tại ngày 31/12/2023 xuống 3.803 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024, sau đó tăng nhẹ lên 3.938 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025, đạt 6.278 tỷ đồng tại ngày 30/6/2026 và 7.029 tỷ đồng tại ngày 30/9/2026.

Mặc dù quy mô nợ xấu tăng trong 9 tháng đầu năm 2026, tổng dư nợ cho vay của TPBank cũng tiếp tục mở rộng, đạt 334.160 tỷ đồng tại ngày 30/9/2026 so với 305.817 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025. Theo đó, tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 30/9/2026 ở mức khoảng 2,10% (30/6/2026: 1,86%).

Dư nợ Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn) vẫn chiếm khoảng 94,4% tổng dư nợ tại ngày 30/9/2026, cho thấy phần lớn danh mục tín dụng của TPBank vẫn tập trung ở các khoản vay được phân loại có chất lượng tốt theo quy định hiện hành.

c. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất đối với hoạt động tín dụng phát sinh khi có chênh lệch về thời điểm định giá lại lãi suất giữa các khoản cho vay và nguồn vốn huy động. TPBank kiểm soát rủi ro này thông qua khung lãi suất huy động – cho vay, kế hoạch huy động và sử dụng vốn, nguyên tắc định giá nội bộ và các hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng do Ủy ban Giám sát Tài sản/Nợ phải trả trực thuộc Hội đồng Quản trị giám sát. Nội dung chi tiết được trình bày tại Phần II của Bản Cáo Bạch này.

d. Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

TPBank thực hiện phân loại nợ theo Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024; trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/7/2024 và các văn bản pháp luật có liên quan.

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

Số dư dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng của TPBank – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
Dự phòng cụ thể	1.224	1.358	1.674	1.541
Dự phòng chung	1.869	2.272	2.504	2.467
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	**3.093**	**3.630**	**4.178**	**4.008**

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Hợp nhất quý III/2026

Số dư dự phòng rủi ro tín dụng của TPBank tăng tương ứng với sự gia tăng quy mô danh mục cho vay khách hàng. Tại ngày 31/12/2025, tổng dự phòng rủi ro cho vay khách hàng đạt 3.630 tỷ đồng, tăng 17,4% so với cuối năm 2024. Trong đó, dự phòng cụ thể đạt 1.358 tỷ đồng, tăng 11,0%, còn dự phòng chung đạt 2.272 tỷ đồng, tăng 21,6% so với cuối năm 2024.

Đến ngày 30/6/2026, tổng dự phòng rủi ro cho vay khách hàng tiếp tục tăng lên 4.178 tỷ đồng, tăng 15,1% so với cuối năm 2025. Trong đó, dự phòng cụ thể đạt 1.674 tỷ đồng, còn dự phòng chung đạt 2.504 tỷ đồng. Tại ngày 30/9/2026, tổng dự phòng rủi ro cho vay khách hàng là 4.008 tỷ đồng, tăng 10,4% so với cuối năm 2025, gồm dự phòng cụ thể 1.541 tỷ đồng và dự phòng chung 2.467 tỷ đồng.

Xét về cơ cấu, dự phòng chung tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dự phòng rủi ro tín dụng, lần lượt chiếm khoảng 60,4% tại ngày 31/12/2024, 62,6% tại ngày 31/12/2025, 59,9% tại ngày 30/6/2026 và 61,5% tại ngày 30/9/2026.

Tại ngày 31/12/2025, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (dự phòng rủi ro tín dụng trên tổng nợ xấu) đạt khoảng 92,2%; tại ngày 30/6/2026 và ngày 30/9/2026, tỷ lệ này lần lượt ở mức khoảng 66,5% và 57,0%.

e. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)

Tỷ lệ an toàn vốn của TPBank

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất	Riêng lẻ	Hợp nhất
Tổng tài sản có điều chỉnh theo rủi ro	336.218	336.301	382.984	392.592	423.886	435.432	449.872	463.414
Vốn tự có	44.124	44.225	49.066	56.342	51.477	58.019	52.555	59.165
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	13,12%	13,15%	12,81%	14,35%	12,14%	13,32%	11,68%	12,77%

Nguồn: TPBank. CAR tại ngày 31/12/2024 được xác định theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN; từ ngày 15/9/2025 được xác định theo Thông tư số 14/2025/TT-NHNN.

Từ ngày 15/9/2025, TPBank áp dụng phương pháp tiêu chuẩn để xác định tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 14/2025/TT-NHNN. Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản có điều chỉnh theo rủi ro đạt 382.984 tỷ đồng trên cơ sở riêng lẻ và 392.592 tỷ đồng trên cơ sở hợp nhất. Vốn tự có đạt tương ứng 49.066 tỷ đồng và 56.342 tỷ đồng.

Trên cơ sở đó, CAR riêng lẻ tại ngày 31/12/2025 đạt 12,81%, trong khi CAR hợp nhất đạt 14,35%.

Xét trên cơ sở hợp nhất, CAR tại ngày 31/12/2025 cao hơn mức ghi nhận tại ngày 31/12/2024; trong khi trên cơ sở riêng lẻ, CAR giảm từ 13,12% xuống 12,81%. Tuy nhiên, số liệu giữa hai thời điểm không hoàn toàn tương đồng về cơ sở tính toán, do CAR năm 2024 được xác định theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, trong khi CAR tại ngày 31/12/2025 được xác định theo Thông tư số 14/2025/TT-NHNN với các quy định mới về vốn tự có, tài sản có điều chỉnh theo rủi ro và yêu cầu vốn đối với các loại rủi ro. Do đó, việc so sánh biến động CAR giữa hai kỳ cần được xem xét trong bối cảnh thay đổi của khung pháp lý và phương pháp tính toán.

Tại ngày 31/12/2024, tỷ lệ an toàn vốn của TPBank được xác định theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN. Tổng tài sản có điều chỉnh theo rủi ro đạt 336.218 tỷ đồng trên cơ sở riêng lẻ và 336.301 tỷ đồng trên cơ sở hợp nhất; vốn tự có tương ứng đạt 44.124 tỷ đồng và 44.225 tỷ đồng. Theo đó, CAR riêng lẻ đạt 13,12% và CAR hợp nhất đạt 13,15%. Tỷ lệ vốn cấp 1 lần lượt đạt 11,19% và 11,18%.

Tại ngày 30/6/2026, tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ và hợp nhất của TPBank lần lượt đạt 12,14% và 13,32%; tại ngày 30/9/2026, lần lượt đạt 11,68% và 12,77%.

8.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

a. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Hoạt động kinh doanh ngoại hối là một trong những hoạt động dịch vụ của TPBank, được triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu mua bán ngoại tệ, thanh toán quốc tế và phòng ngừa rủi ro tỷ giá của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Ngân hàng cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ ngoại hối bao gồm giao dịch giao ngay (Spot), kỳ hạn (Forward), hoán đổi (Swap) và các sản phẩm ngoại hối khác theo quy định của pháp luật.

Năm 2025, lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối hợp nhất đạt 694 tỷ đồng, tăng 117,6% so với năm 2024 (319 tỷ đồng), chiếm 3,65% tổng thu nhập hoạt động (năm 2024: 1,77%). Trong 6 tháng đầu năm 2026, lãi thuần từ hoạt động này đạt 221 tỷ đồng, giảm 37,3% so với cùng kỳ năm 2025 (351 tỷ đồng), chiếm 2,18% tổng thu nhập hoạt động. Trong 9 tháng đầu năm 2026, lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối đạt 213 tỷ đồng, giảm 30,3% so với cùng kỳ năm 2025 (306 tỷ đồng), chiếm 1,35% tổng thu nhập hoạt động.

b. Hoạt động thanh toán

Hoạt động dịch vụ thanh toán của TPBank bao gồm các dịch vụ thanh toán trong nước, thanh toán quốc tế, chuyển tiền, thu hộ, chi hộ, thanh toán hóa đơn, thanh toán qua mã QR, dịch vụ ngân hàng điện tử và các dịch vụ thanh toán dành cho khách hàng doanh nghiệp.

Tình hình dịch vụ thanh toán của TPBank – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	9 tháng đầu năm 2026
Thu từ dịch vụ thanh toán	1.656	1.720	278	434
Chi về dịch vụ thanh toán	651	788	399	613
Lãi/(lỗ) thuần từ dịch vụ thanh toán	**1.005**	**932**	**(121)**	**(179)**

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Hợp nhất quý III/2026

Trong năm 2025, thu từ dịch vụ thanh toán đạt 1.720 tỷ đồng, tăng 3,9% so với năm 2024; trong khi chi phí dịch vụ thanh toán là 788 tỷ đồng, tăng 21,0% so với năm 2024. Theo đó, lãi thuần từ dịch vụ thanh toán đạt 932 tỷ đồng, giảm 7,3% so với năm 2024.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, thu từ dịch vụ thanh toán đạt 278 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2025: 553 tỷ đồng), chi phí dịch vụ thanh toán là 399 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2025: 379 tỷ đồng), tương ứng lỗ thuần 121 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2025: lãi thuần 174 tỷ đồng). Trong 9 tháng đầu năm 2026, thu từ dịch vụ thanh toán đạt 434 tỷ đồng, chi phí dịch vụ thanh toán là 613 tỷ đồng, tương ứng lỗ thuần 179 tỷ đồng.

(i) Hoạt động thanh toán trong nước

TPBank cung cấp các dịch vụ thanh toán trong nước thông qua hệ thống ngân hàng số, mạng lưới LiveBank 24/7, chi nhánh và phòng giao dịch trên toàn quốc. Các dịch vụ bao gồm chuyển tiền, thanh toán hóa đơn, nộp ngân sách nhà nước, thanh toán bằng mã QR, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán điện tử khác dành cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.

Đối với khách hàng doanh nghiệp, TPBank phát triển các giải pháp thanh toán và quản lý dòng tiền trên nền tảng ngân hàng số, đáp ứng nhu cầu thanh toán, thu hộ, chi hộ và quản lý tài khoản của doanh nghiệp. Đồng thời, Ngân hàng triển khai các giải pháp xác thực giao dịch điện tử theo quy định của Ngân hàng Nhà nước nhằm tăng cường an toàn, bảo mật trong hoạt động thanh toán.

Đến cuối năm 2025, TPBank có khoảng 16 triệu khách hàng, với khoảng 99% số lượng giao dịch được thực hiện qua các kênh số.

(ii) Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại

TPBank cung cấp các dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán, xuất nhập khẩu và quản trị dòng tiền của khách hàng doanh nghiệp. Các sản phẩm, dịch vụ bao gồm mở và thanh toán thư tín dụng (L/C), thư tín dụng trả chậm có điều khoản thanh toán ngay (UPAS L/C), chuyển tiền quốc tế, nhờ thu, phát hành bảo lãnh và các sản phẩm tài trợ thương mại khác theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng triển khai các dịch vụ này thông qua nền tảng ngân hàng số dành cho khách hàng doanh nghiệp (TPBank Biz), cho phép khách hàng thực hiện nhiều giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại trực tuyến. TPBank ứng dụng dịch vụ SWIFT GPI (dịch vụ theo dõi chuyển

tiền quốc tế của Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu – SWIFT) để hỗ trợ khách hàng tra cứu trạng thái và theo dõi giao dịch chuyển tiền quốc tế theo thời gian thực.

8.1.5. Hoạt động hợp tác quốc tế và ngân hàng đối tác

TPBank duy trì quan hệ hợp tác với mạng lưới gần 300 ngân hàng đối tác tại hơn 115 quốc gia và vùng lãnh thổ, bao gồm nhiều định chế tài chính quốc tế hàng đầu thế giới như JPMorgan Chase, Citibank, MUFG Bank, Mizuho Bank, Standard Chartered Bank, United Overseas Bank (UOB) và các ngân hàng khác. Trong nước, TPBank cũng thiết lập quan hệ đại lý với nhiều ngân hàng thương mại nhằm hỗ trợ hoạt động thanh toán, chuyển tiền và các giao dịch ngân hàng.

Mạng lưới ngân hàng đối tác là cơ sở để TPBank triển khai các dịch vụ thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại, chuyển tiền xuyên biên giới, kinh doanh ngoại hối và các dịch vụ ngân hàng khác đối với khách hàng có hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế.

Bên cạnh đó, TPBank là thành viên của các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, bao gồm SWIFT và Hiệp hội Ngân hàng Châu Á (Asian Bankers Association – ABA). Đồng thời, Ngân hàng hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế trong việc triển khai các chương trình tài trợ thương mại và tiếp cận các nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

8.1.6. Hoạt động đầu tư

a. Hoạt động đầu tư chứng khoán

Bên cạnh hoạt động tín dụng, TPBank thực hiện đầu tư vào các loại chứng khoán nhằm quản lý nguồn vốn, đáp ứng yêu cầu về thanh khoản và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn theo quy định của pháp luật và định hướng quản trị tài sản của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Danh mục đầu tư của TPBank chủ yếu bao gồm các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ, trong đó có trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc Nhà nước, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các công cụ nợ do tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế phát hành.

Danh mục chứng khoán đầu tư của TPBank – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	**59.549**	**99,9%**	**52.051**	**100,0%**	**59.589**	**100,0%**	**64.726**	**100,0%**
Chứng khoán nợ	59.279		52.051		59.589		64.726	
Trái phiếu chính phủ, Tín phiếu kho bạc, Tín phiếu NHNN	*15.574*		*21.361*		*25.834*		*25.783*	
Do các TCTD khác phát hành	*33.395*		*26.041*		*31.405*		*34.469*	

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Do các TCKT phát hành	*10.310*		*4.649*		*2.350*		*4.474*	
Chứng khoán vốn	270		0		0		0	
Do các TCTD khác phát hành	*0*		*0*		*0*		*0*	
Do các TCKT phát hành	*270*		*0*		*0*		*0*	
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	**45**	**0,1%**	**0**	**0,0%**	0	**0,0%**	0	**0,0%**
Do các TCKT phát hành	*45*		*0*		*0*		*0*	
Tổng cộng	**59.594**	**100,0%**	**52.051**	**100,0%**	**59.589**	**100,0%**	**64.726**	**100,0%**
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	***122***		***438***		*307*		*343*	
Cho chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	*77*		*438*		*307*		*343*	
Cho chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	*45*		*0*		*0*		*0*	

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Hợp nhất quý III/2026

Tại ngày 31/12/2025, tổng giá trị danh mục đầu tư chứng khoán của TPBank đạt 52.051 tỷ đồng, giảm 12,7% so với mức 59.594 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024. Toàn bộ danh mục đầu tư tại thời điểm cuối năm 2025 là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán, trong khi Ngân hàng không còn ghi nhận các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán vốn.

Trong cơ cấu danh mục đầu tư năm 2025, chứng khoán nợ chiếm toàn bộ danh mục đầu tư, bao gồm 21.361 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc và tín phiếu Ngân hàng Nhà nước; 26.041 tỷ đồng công cụ nợ do các tổ chức tín dụng phát hành và 4.649 tỷ đồng công cụ nợ do các tổ chức kinh tế phát hành.

Đến ngày 30/6/2026, tổng giá trị danh mục đầu tư tăng lên 59.589 tỷ đồng, tương đương mức cuối năm 2024. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ việc tăng giá trị đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc và tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, từ 21.361 tỷ đồng tại cuối năm 2025 lên 25.834 tỷ đồng, đồng thời giá trị đầu tư vào các công cụ nợ do tổ chức tín dụng phát hành cũng tăng từ 26.041 tỷ đồng lên 31.405 tỷ đồng. Ngược lại, giá trị đầu tư vào công cụ nợ do các tổ chức kinh tế phát hành giảm xuống còn 2.350 tỷ đồng. Tại ngày 30/9/2026, tổng giá trị danh mục đầu tư đạt 64.726 tỷ đồng, trong đó trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc và tín phiếu Ngân hàng Nhà nước đạt 25.783 tỷ đồng, công cụ nợ do các tổ chức tín dụng phát hành đạt 34.469 tỷ đồng và công cụ nợ do các tổ chức kinh tế phát hành đạt 4.474 tỷ đồng.

b. Hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn

TPBank thực hiện góp vốn, đầu tư vào các công ty con nhằm phát triển và mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ tài chính, đồng thời hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và chiến lược phát triển trong từng thời kỳ.

Đầu tư vào công ty con của TPBank – Riêng lẻ

Đơn vị: Tỷ đồng

Công ty con	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát	122	99,90%	122	99,90%	122	99,90%	122	99,90%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	-	-	3.870	51,00%	3.870	51,00%	3.870	51,00%
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Tiên Phong	-	-	-	-	100	100,00%	100	100,00%
Tổng cộng	**122**		**3.992**		**4.092**		**4.092**	

Nguồn: BCTC Riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Riêng lẻ giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Riêng lẻ quý III/2026

Tại ngày 31/12/2024, tổng giá trị đầu tư vào công ty con của TPBank là 122 tỷ đồng, bao gồm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát, với tỷ lệ sở hữu 99,90%. Tại ngày 31/12/2024, khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong chưa được phân loại là khoản đầu tư vào công ty con.

Đến ngày 31/12/2025, tổng giá trị đầu tư vào công ty con tăng lên 3.992 tỷ đồng, chủ yếu do TPBank nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (TPS) lên 51,00%, qua đó TPS trở thành công ty con của Ngân hàng. Giá trị khoản đầu tư tại TPS được ghi nhận là 3.870

tỷ đồng, trong khi khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát tiếp tục được duy trì ở mức 122 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ sở hữu 99,90%.

Tại ngày 30/6/2026 và ngày 30/9/2026, tổng giá trị đầu tư vào công ty con đạt 4.092 tỷ đồng. Ngoài các khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát và Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong, TPBank đã ghi nhận khoản đầu tư 100 tỷ đồng vào Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Tiên Phong (TPBank AMC), tương ứng 100% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (TPS)

Trên cơ sở chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phương án đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, ngày 31/12/2025, TPBank mua thêm 287.931.161 cổ phiếu từ đợt phát hành riêng lẻ của TPS, nâng tỷ lệ sở hữu từ 9,01% lên 51,00%, giá gốc khoản đầu tư là 3.870 tỷ đồng. Từ ngày 31/12/2025, TPS là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính của TPBank.

Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Tiên Phong (TPBank AMC)

Ngày 20/10/2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Văn bản số 2802/QLGS4 chấp thuận việc TPBank góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Tiên Phong với số vốn tối đa 100 tỷ đồng, tương đương 100% vốn điều lệ. Ngày 25/02/2026, TPBank đã chuyển tiền góp vốn 100 tỷ đồng vào công ty này.

Tóm lại, trong giai đoạn 2025–30/9/2026, danh mục đầu tư dài hạn của TPBank có sự gia tăng đáng kể về quy mô, chủ yếu do việc nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong và thành lập Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Tiên Phong. Các khoản đầu tư này góp phần hoàn thiện hệ sinh thái hoạt động của TPBank trong các lĩnh vực chứng khoán, quản lý quỹ và xử lý nợ, đồng thời mở rộng phạm vi cung cấp các dịch vụ tài chính của Ngân hàng.

8.2. Tài sản

Tài sản cố định của TPBank chủ yếu là máy móc, thiết bị và phần mềm máy vi tính; TPBank không ghi nhận tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc hoặc quyền sử dụng đất. Chi tiết tài sản cố định tại ngày 30/6/2026 và ngày 30/9/2026 như sau:

Chi tiết các tài sản cố định của TPBank tại thời điểm 30/06/2026 – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao/ Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
1. TSCĐ hữu hình	**2.274**	**1.597**	**677**	**29,77%**
Máy móc, thiết bị	1.436	890	546	38,03%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	716	624	92	12,79%
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	110	72	38	34,74%
TSCĐ hữu hình khác	12	11	1	9,68%

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao/ Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
2. TSCĐ vô hình	**1.692**	**795**	**897**	**53,01%**
Phần mềm máy vi tính	1.230	788	442	35,92%
Giấy phép kinh doanh chứng khoán	365	0	365	100,00%
Tệp khách hàng	97	7	90	92,86%
Tổng	**3.966**	**2.392**	**1.574**	**39,69%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét

Chi tiết các tài sản cố định của TPBank tại thời điểm 30/09/2026 – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao/ Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
1. TSCĐ hữu hình	**2.244**	**1.620**	**624**	**27,80%**
Máy móc, thiết bị	1.413	909	504	35,64%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	706	626	80	11,38%
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	113	74	39	34,54%
TSCĐ hữu hình khác	12	11	1	7,67%
2. TSCĐ vô hình	**1.781**	**823**	**958**	**53,80%**
Phần mềm máy vi tính	1.319	813	506	38,40%
Giấy phép kinh doanh chứng khoán	365	0	365	100,00%
Tệp khách hàng	97	10	87	89,29%
Tổng	**4.025**	**2.443**	**1.582**	**39,31%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất quý III/2026

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

Chi tiết các tài sản cố định của TPBank tại thời điểm 30/06/2026 – Riêng lẻ

Đơn vị: Tỷ đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao/ Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
1. TSCĐ hữu hình	**2.252**	**1.579**	**673**	**29,89%**
Máy móc, thiết bị	1.417	875	542	38,27%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	714	622	92	12,83%
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	109	71	38	35,04%
TSCĐ hữu hình khác	12	11	1	9,68%
2. TSCĐ vô hình	**1.177**	**752**	**425**	**36,09%**
Phần mềm máy vi tính	1.177	752	425	36,09%
Tổng	**3.429**	**2.331**	**1.098**	**32,02%**

Nguồn: BCTC Riêng lẻ giữa niên độ năm 2026 đã soát xét

Chi tiết các tài sản cố định của TPBank tại thời điểm 30/09/2026 – Riêng lẻ

Đơn vị: Tỷ đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao/ Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
1. TSCĐ hữu hình	**2.222**	**1.601**	**621**	**27,93%**
Máy móc, thiết bị	1.394	894	500	35,89%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	704	623	81	11,42%
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	112	73	39	34,83%
TSCĐ hữu hình khác	12	11	1	7,67%
2. TSCĐ vô hình	**1.259**	**775**	**484**	**38,47%**
Phần mềm máy vi tính	1.259	775	484	38,47%
Tổng	**3.481**	**2.376**	**1.105**	**31,74%**

Nguồn: BCTC Riêng lẻ quý III/2026

8.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

8.3.1 Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng

TPBank thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ theo 03 tuyến bảo vệ độc lập; thiết lập khẩu vị rủi ro và công bố chính sách quản lý rủi ro với khung và cơ cấu quản lý rủi ro rõ ràng, tuân thủ quy định của pháp luật. Ủy ban Quản lý rủi ro trực thuộc Hội đồng Quản trị tham mưu cho Hội đồng Quản trị phê duyệt các văn bản liên quan đến quản lý rủi ro thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị; giám sát việc tuân thủ các chỉ số rủi ro hoạt động; giám sát về góc độ quản lý rủi ro thị trường đối với sản phẩm, hạn mức rủi ro, khoản đầu tư, giao dịch có liên quan; giám sát công tác quản lý rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng nhằm đảm bảo tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ thanh khoản theo quy định. Chính sách và biện pháp quản lý rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản và rủi ro hệ thống công nghệ thông tin của TPBank được trình bày tại Mục 3 Phần II của Bản Cáo Bạch này.

TPBank tuân thủ sớm quy định về an toàn vốn theo Thông tư số 14/2025/TT-NHNN, áp dụng các chuẩn mực Basel III theo phương pháp tiêu chuẩn và đang triển khai lộ trình hướng đến phương pháp nâng cao. Ủy ban Quản lý rủi ro tham mưu ban hành văn bản về vốn tự có và tỷ lệ an toàn vốn theo phương pháp tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 14/2025/TT-NHNN; giám sát việc tính toán, kiểm soát và công bố thông tin về vốn, tỷ lệ an toàn vốn. Số liệu tỷ lệ an toàn vốn của TPBank được trình bày tại Mục 8.1 Phần IV của Bản Cáo Bạch này.

8.3.2 Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế

Tình hình thực hiện: Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất của TPBank tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025, 30/6/2026 và 30/9/2026 lần lượt là 1,52%, 1,29%, 1,86% và 2,10%; tỷ lệ bao phủ nợ xấu tại ngày 31/12/2025, 30/6/2026 và 30/9/2026 lần lượt là 92,2%, 66,5% và 57,0%. Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất tại các thời điểm tương ứng lần lượt là 13,15%, 14,35%, 13,32% và 12,77%; từ ngày 15/9/2025, tỷ lệ an toàn vốn được xác định theo Thông tư số 14/2025/TT-NHNN. Chi tiết được trình bày tại Mục 8.1 Phần IV của Bản Cáo Bạch này.

Giải pháp: Năm 2026, TPBank tiếp tục nâng cao năng lực quản trị theo chuẩn Basel III, nâng cao năng lực cảnh báo sớm và giám sát danh mục tín dụng, đồng thời phát triển các mô hình đo lường rủi ro.

8.4. Thị trường hoạt động

8.4.1. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện

Tính đến ngày 30/9/2026, mạng lưới của TPBank gồm 01 Trụ sở chính, 01 Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, 63 chi nhánh và 77 phòng giao dịch tại các tỉnh, thành phố trên cả nước; tại ngày 30/6/2026, TPBank có hơn 551 điểm ATM+ tại 26 tỉnh/thành phố trên toàn quốc.

8.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Tính đến ngày 30/6/2026, Ngân hàng phục vụ hơn 17 triệu khách hàng trên toàn quốc, bao gồm khách hàng cá nhân (trong đó có khách hàng cao cấp – Premier Banking), khách hàng doanh nghiệp và khách hàng là các định chế tài chính.

Khách hàng cá nhân

Khách hàng cá nhân là phân khúc trọng tâm của Ngân hàng, bao gồm các khách hàng có nhu cầu sử dụng các sản phẩm, dịch vụ như tiền gửi, tín dụng, thẻ, thanh toán, ngân hàng điện tử, bảo hiểm và đầu tư. Thông qua hệ thống chi nhánh, phòng giao dịch, LiveBank, ATM+ và các nền tảng

ngân hàng số, Ngân hàng không ngừng mở rộng khả năng tiếp cận khách hàng trên phạm vi toàn quốc.

Quy mô khách hàng cá nhân tính đến ngày 30/06/2026 đạt khoảng 17 triệu khách hàng, chiếm khoảng 99,2% tổng số khách hàng của Ngân hàng.

Các sản phẩm dịch vụ phục vụ cho khách hàng cá nhân là: Ngân hàng số, Thẻ, Tài khoản, Tín dụng, Tiền gửi, Bảo hiểm, Thanh toán/Chuyển khoản.

Khách hàng doanh nghiệp

Ngân hàng phát triển cơ sở khách hàng doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực kinh tế khác nhau, trong đó tập trung vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu và các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng các giải pháp tài chính số. Các sản phẩm dịch vụ cung cấp bao gồm tín dụng, huy động vốn, quản lý dòng tiền, thanh toán trong nước và quốc tế, tài trợ thương mại, ngoại hối và ngân hàng điện tử dành cho doanh nghiệp.

Quy mô khách hàng doanh nghiệp tính đến ngày 30/06/2026 đạt gần 131 nghìn khách hàng.

Các sản phẩm dịch vụ phục vụ cho khách hàng doanh nghiệp là: Ngân hàng số, Tài khoản, Bảo lãnh, Tiền gửi, Thanh toán, Thẻ, Cho vay và tài trợ và các sản phẩm khác.

Khách hàng cao cấp (Premier Banking)

Ngân hàng tiếp tục phát triển phân khúc khách hàng cao cấp thông qua các giải pháp tài chính chuyên biệt, dịch vụ tư vấn cá nhân hóa và hệ sinh thái ưu đãi dành riêng cho khách hàng ưu tiên.

Số lượng khách hàng cao cấp tính đến ngày 30/06/2026 đạt khoảng 111 nghìn khách hàng.

Các sản phẩm dịch vụ phục vụ cho khách hàng cao cấp là: Tài khoản, Tiết kiệm, Thẻ ghi nợ, Tín dụng, Bảo hiểm, Đầu tư, Chuyển tiền, Thẻ tín dụng.

Khách hàng là các định chế tài chính

Ngân hàng duy trì quan hệ hợp tác với các tổ chức tín dụng, định chế tài chính trong nước và quốc tế nhằm hỗ trợ các hoạt động thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại, kinh doanh ngoại hối và các hoạt động ngân hàng khác.

Số lượng ngân hàng và tổ chức tài chính quốc tế có quan hệ hợp tác với TPBank tính đến ngày 30/06/2026 đạt gần 300 tổ chức.

8.4.3. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

a. Về thương hiệu TPBank

Đến cuối năm 2025, 99% giao dịch của khách hàng TPBank được thực hiện trên các nền tảng số, tương đương hơn 2 tỷ giao dịch mỗi năm; TPBank đã phát hành trực tuyến trên 200.000 thẻ tín dụng và gần 10 triệu tài khoản, thẻ thanh toán.

Bên cạnh chuyển đổi số, TPBank chú trọng phát triển hoạt động kinh doanh gắn với các tiêu chí về môi trường, xã hội và quản trị (ESG). Từ tháng 8/2023, Ngân hàng triển khai Dự án ESG toàn diện, bao gồm xây dựng Báo cáo Phát triển bền vững, Khung Quản trị ESG, Khung và Chiến lược tín dụng xanh.

TPBank cũng duy trì quan hệ hợp tác với nhiều định chế tài chính quốc tế lớn, uy tín hàng đầu thế giới như Ngân hàng Phát triển Châu Á (Asian Development Bank – ADB), Tổ chức Tài chính Quốc tế (International Finance Corporation – IFC, thuộc Nhóm Ngân hàng Thế giới), Công ty Đầu tư và

Phát triển Đức (Deutsche Investitions- und Entwicklungsgesellschaft – DEG), Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (Japan International Cooperation Agency – JICA, Nhật Bản) và Tập đoàn Tài chính Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (U.S. International Development Finance Corporation – DFC, Hoa Kỳ). Tháng 12/2024, Ngân hàng ký kết hợp đồng vay dài hạn trị giá 220 triệu USD với DFC và JICA, trong đó 100 triệu USD từ DFC và 120 triệu USD từ JICA, nhằm bổ sung nguồn vốn cho các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và khách hàng có thu nhập thấp. Thông qua chương trình "Banking on Women", Ngân hàng đã huy động gần 300 triệu USD phục vụ hoạt động tài trợ thương mại, tận dụng các cơ chế bảo lãnh và hỗ trợ từ IFC để mở rộng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp nữ.

b. Về quy mô và hiệu quả hoạt động

Tại ngày 30/6/2026, dư nợ cho vay khách hàng hợp nhất của TPBank đạt 338.148 tỷ đồng, tăng 10,6% so với cuối năm 2025; lợi nhuận trước thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026 đạt 4.483 tỷ đồng. Chất lượng tài sản tiếp tục được kiểm soát với tỷ lệ nợ xấu hợp nhất ở mức khoảng 1,86%.

Tại ngày 30/9/2026, dư nợ cho vay khách hàng hợp nhất của TPBank đạt 334.160 tỷ đồng, tăng 9,3% so với cuối năm 2025; lợi nhuận trước thuế hợp nhất 9 tháng đầu năm 2026 đạt 7.464 tỷ đồng. Chất lượng tài sản tiếp tục được kiểm soát với tỷ lệ nợ xấu hợp nhất ở mức khoảng 2,10%.

Bảng so sánh một số chỉ tiêu của TPBank với một số ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết tại 30/06/2026:

Đơn vị: Tỷ đồng

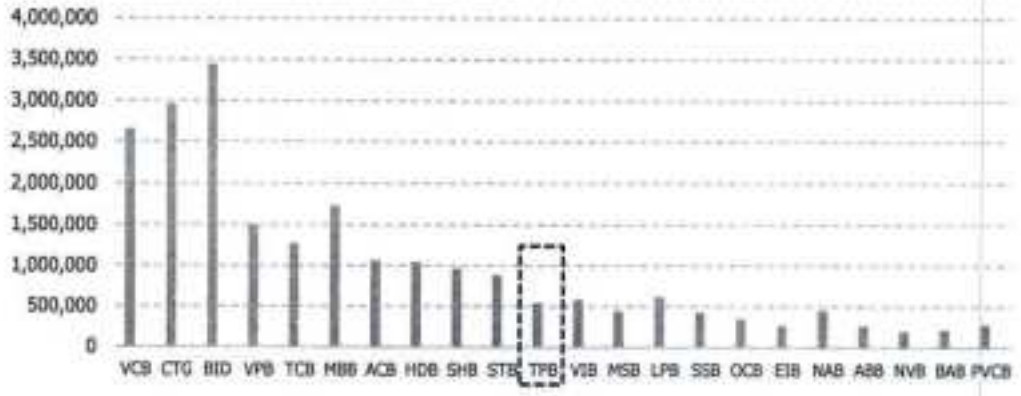
Chỉ tiêu	TPBank	VIB	OCB	MSB	SeABank	LPBank
Tổng tài sản	547.664	580.998	351.741	440.999	427.108	615.502
Vốn chủ sở hữu	49.566	47.838	35.822	45.247	42.195	43.030
Dư nợ cho vay	338.148	397.083	220.345	230.420	253.860	429.465
Tiền gửi khách hàng	288.478	317.452	159.695	204.674	199.777	353.513
LNTT	4.483	2.383	1.246	1.532	1.237	3.147
LNST	3.573	1.905	973	1.251	991	2.521
NIM	2,83%	3,04%	3,00%	3,17%	2,40%	2,92%
ROA	1,33%(*)	1,32%	1,34%	1,46%	0,74%	1,93%
ROE	14,64%(*)	15,69%	12,97%	13,68%	7,27%	24,66%
Tỷ lệ nợ xấu	1,86%	2,93%	3,49%	2,53%	2,25%	1,85%

Nguồn: BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 của một số ngân hàng niêm yết

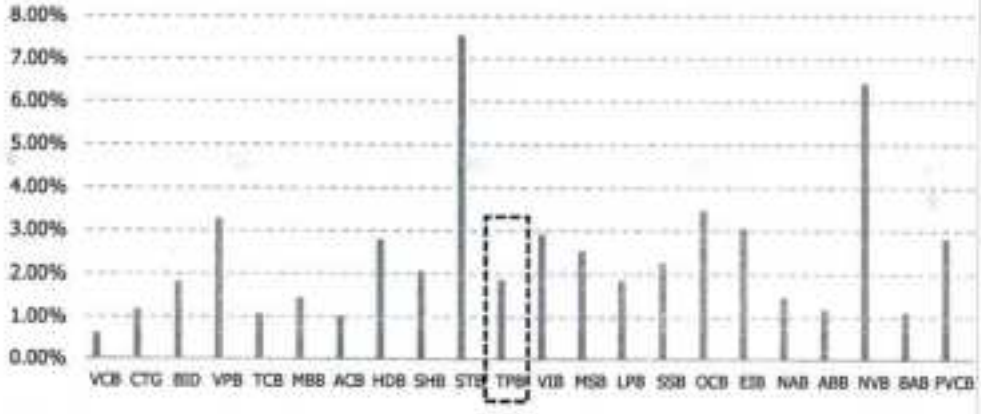
(*) NIM, ROA và ROE của TPBank tại 30/06/2026 được cập nhật theo số liệu của TPBank. Các tỷ lệ của những ngân hàng trong bảng có thể khác kỳ, phạm vi và phương pháp tính; việc so sánh cần được xem xét trên cùng cơ sở.

Tại ngày 30/6/2026, tổng tài sản hợp nhất của TPBank đạt 547.664 tỷ đồng; vốn chủ sở hữu đạt 49.566 tỷ đồng, cao nhất trong 06 ngân hàng tại bảng trên; tỷ lệ nợ xấu hợp nhất ở mức 1,86%.

Quy mô tổng tài sản hợp nhất tại thời điểm 30/06/2026 (tỷ đồng)



Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất tại thời điểm 30/06/2026



Nguồn: BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 của các ngân hàng

c. *Thị phần và khả năng cạnh tranh*

- So sánh các chỉ tiêu hợp nhất của TPBank với nhóm ngân hàng niêm yết/đăng ký giao dịch được thống kê tại ngày 30/06/2026:

Chỉ tiêu	**Nhóm ngân hàng thống kê** (tỷ đồng)	**TPBank** (tỷ đồng)	**Tỷ trọng trong nhóm** (%)
Tổng tài sản	22.906.562	547.664	2,39%
Dư nợ cho vay	15.580.385	338.148	2,17%
Tiền gửi khách hàng	13.702.850	288.478	2,11%

Nguồn: Số liệu được tổng hợp từ BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 của các ngân hàng thương mại niêm yết/đăng ký giao dịch trên HOSE, HNX và UPCoM; dư nợ cho vay là số trước dự phòng rủi ro.

Tại ngày 30/06/2026, TPBank chiếm khoảng 2,39% tổng tài sản, 2,17% dư nợ cho vay và 2,11% tiền gửi khách hàng trong nhóm ngân hàng thống kê.

d. Quy mô hoạt động của TPBank – Hợp nhất

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
Tổng tài sản (tỷ đồng)	418.028	505.927	547.664	596.512
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	37.594	45.958	49.566	52.133
Vốn điều lệ (tỷ đồng) (*)	26.420	27.740	27.740	27.740
Dư nợ cho vay khách hàng (tỷ đồng)	250.331	305.817	338.148	334.160
Tiền gửi khách hàng (tỷ đồng)	242.806	279.050	288.478	301.634

Nguồn: BCTC hợp nhất của TPBank (số liệu tại ngày 30/09/2026 theo BCTC hợp nhất quý III/2026); số liệu tại ngày 31/12/2025 là số liệu trình bày lại trong BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét.

(*) Tại ngày 30/9/2026, vốn điều lệ của TPBank là 27.740.468.730.000 đồng. Ngày 05/10/2026, TPBank hoàn tất phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết số 28/2026/NQ-TPB.HĐQT ngày 12/8/2026; vốn điều lệ của TPBank tăng lên 31.901.348.960.000 đồng.

- So với cuối năm 2025, tổng tài sản hợp nhất của TPBank tại ngày 30/9/2026 tăng 17,9% và tiền gửi khách hàng tăng 8,1%.

8.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Các dự án lớn TPBank triển khai trong năm 2024, năm 2025 và đến thời điểm hiện tại như sau:

- Năm 2024: hoàn thành dự án nâng cấp hệ thống corebanking, thời gian phản hồi giao dịch giảm 67%, tăng khả năng xử lý trên 100 triệu giao dịch mỗi tháng; hoàn thành kết nối, tích hợp dịch vụ với ứng dụng VNeID của Bộ Công an.
- Năm 2025: triển khai giải pháp cập nhật không dừng (EBR) trên hệ thống corebanking, cho phép cập nhật hệ thống mà không gây gián đoạn hoạt động; nâng cấp hệ thống trục tích hợp dịch vụ (ESB) và giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API); hoàn thành chuyển đổi dịch vụ theo kiến trúc vi dịch vụ (Microservice) đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật 2.0 của Napas; triển khai các dự án ứng dụng trí tuệ nhân tạo và hoàn thành giai đoạn 1 nền tảng trí tuệ nhân tạo tạo sinh (GenAI Platform). Năm 2025, thời gian gián đoạn dịch vụ giảm 40% và thời gian dừng chủ động giảm 20%.
- Năm 2025–2026: mua thêm cổ phần phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong, nâng tỷ lệ sở hữu lên 51,00% (ngày 31/12/2025); góp 100 tỷ đồng thành lập Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Tiên Phong (ngày 25/02/2026). Chi tiết được trình bày tại mục Hoạt động đầu tư.

Tháng 02/2026, Trung tâm Tài chính Quốc tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh (VIFC-HCMC) chính thức ra mắt, trong đó TPBank là một trong các thành viên sáng lập. Thời gian tới, TPBank có định hướng thành lập ngân hàng con 100% vốn của TPBank tại VIFC-HCMC.

8.6. Chiến lược kinh doanh

TPBank triển khai Chiến lược phát triển giai đoạn 2023–2028 và tầm nhìn đến năm 2035, bám sát Chiến lược phát triển kinh doanh giai đoạn 2026–2030. Năm 2026, TPBank tập trung thúc đẩy tăng trưởng bền vững thông qua mở rộng nguồn thu và nâng cao hiệu quả hoạt động; ưu tiên cải thiện biên lãi ròng bằng việc tối ưu chi phí vốn và định hướng tín dụng vào các lĩnh vực trọng tâm, đồng thời kiểm soát chặt chẽ chất lượng tài sản, giảm nợ xấu và chi phí dự phòng; đẩy mạnh nguồn thu ngoài lãi từ dịch vụ và tối ưu chi phí vận hành thông qua chuyển đổi số và tinh gọn bộ máy.

Nguồn vốn thực hiện kế hoạch gồm vốn chủ sở hữu, tiền gửi của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá, tiền gửi và tiền vay của các tổ chức tín dụng khác, trong đó có nguồn vốn từ đợt chào bán trái phiếu theo Bản Cáo Bạch này (chi tiết tại Phần VII). Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026 và các giải pháp về quản lý rủi ro, nhân sự, ngân hàng số, mạng lưới, hệ sinh thái công ty con và tối ưu chi phí để thực hiện kế hoạch được trình bày tại Mục 5 Phần V của Bản Cáo Bạch này.

9. Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của Tổ Chức Phát Hành

Không có.

10. Thông tin về thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
Hội Đồng Quản Trị		
1	Ông Đỗ Minh Phú	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lê Quang Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Shuzo Shikata	Phó Chủ tịch HĐQT
4	Bà Đỗ Quỳnh Anh	Thành viên HĐQT
5	Bà Võ Bích Hà	Thành viên HĐQT độc lập
6	Bà Nguyễn Thị Hương Trang	Thành viên HĐQT độc lập
Ban Kiểm Soát		
1	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Thái Duy Nghĩa	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt	Thành viên Ban Kiểm soát
Ban Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng		
1	Ông Nguyễn Hưng	Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
2	Ông Phạm Đông Anh	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Khúc Văn Họa	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Đinh Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Bùi Quang Cương	Phó Tổng Giám đốc
7	Bà Lê Cẩm Tú	Kế toán trưởng

10.1. Hội Đồng Quản Trị

a. Ông ĐỖ MINH PHÚ - Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

- Năm sinh : 1953
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Cử nhân Kỹ thuật Vô tuyến điện tại Đại học Bách Khoa Hà Nội.
- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại TPBank	Tại các tổ chức khác
Từ tháng 04/2012 đến nay	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Chủ tịch Hội đồng sáng lập Công ty cổ phần Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI (chuyển đổi từ Công ty TNHH Phát triển Công nghệ và Thương mại TTD)
Từ tháng 12/2007 đến tháng 04/2012	Không	Chủ tịch Hội đồng sáng lập Công ty cổ phần Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI (chuyển đổi từ Công ty TNHH Phát triển Công nghệ và Thương mại TTD)
Từ tháng 07/1994 đến tháng 12/2007	Không	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Công nghệ và Thương mại TTD
Từ tháng 04/1992 đến tháng 07/1994	Không	Tổng Giám đốc Công ty liên doanh Đá quý VIGEMTEC

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 381.369.399 cổ phần, tương ứng 11,95% vốn cổ phần, bao gồm:

  (i) Đỗ Minh Đức (Con trai): 35.480.883 cổ phần, tương ứng 1,11% vốn cổ phần;

  (ii) Đỗ Vũ Phương Anh (Con gái): 35.480.883 cổ phần, tương ứng 1,11% vốn cổ phần;

  (iii) Bùi Quang Tuyến (Con rể): 58.487 cổ phần, tương ứng 0,002% vốn cổ phần;

  (iv) Nguyễn Thị Nguyệt Nga (Em dâu): 93 cổ phần, tương ứng 0,000003% vốn cổ phần;

  (v) Đỗ Anh Tú (Em trai): 118.269.634 cổ phần, tương ứng 3,71% vốn cổ phần;

  (vi) Trung Thị Lâm Ngọc (Em dâu): 2.847.999 cổ phần, tương ứng 0,09% vốn cổ phần;

  (vii) Công ty Cổ phần Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI (Tổ chức có liên quan): 189.231.420 cổ phần, tương ứng 5,93% vốn cổ phần.

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành :

Thù lao			Lợi ích khác
Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	Cổ tức
6.408 triệu VND	6.862 triệu VND	3.584 triệu VND	Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

b. Ông LÊ QUANG TIẾN - Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

- Năm sinh : 1958
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Cử nhân Vật lý tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Kishinev V.I.Lenin

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại TPBank	Tại các tổ chức khác
Từ tháng 07/2019 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Chủ tịch Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng; Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư FPT
Từ tháng 06/2017 đến tháng 07/2019	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng; Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư FPT
Từ tháng 04/2012 đến tháng 06/2017	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư FPT
Từ tháng 01/2011 đến tháng 04/2012	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư FPT
Từ tháng 05/2008 đến tháng 01/2011	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 115.073.158 cổ phần, tương ứng 3,61% vốn cổ phần

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 3.711 cổ phần, tương ứng 0,0001% vốn cổ phần, bao gồm:

  (i) Nguyễn Ngọc Hường (Em rể): 3.711 cổ phần, tương ứng 0,0001% vốn cổ phần.

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành :

Thù lao			Lợi ích khác
Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	Cổ tức
5.813 triệu VND	6.230 triệu VND	3.240 triệu VND	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

c. Ông SHUZO SHIKATA – Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

- Năm sinh : 1980
- Quốc tịch : Nhật Bản
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Cử nhân Kinh tế tại Trường Đại học Ritsumeikan

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại TPBank	Tại các tổ chức khác
Từ tháng 03/2023 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Đại diện phần vốn góp SBI Ven Holdings Pte. Ltd; Chủ tịch HĐQT SBI LY HOUR Bank PLC.; Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ UTOP
Từ tháng 12/2020 đến tháng 03/2023	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Đại diện phần vốn góp SBI Ven Holdings Pte. Ltd; Chủ tịch HĐQT SBI LY HOUR Bank PLC.; Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ UTOP; Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT
Từ tháng 03/2020 đến tháng 12/2020	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Chủ tịch HĐQT SBI LY HOUR Bank PLC.; Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ UTOP; Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT
Từ tháng 11/2019 đến tháng 03/2020	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ UTOP; Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT
Từ tháng 04/2016 đến tháng 11/2019	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT
Từ tháng 10/2015 đến tháng 04/2016	Không	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 143.922.761 cổ phần, tương ứng 4,51% vốn cổ phần (đại diện phần vốn góp của SBI Ven Holdings Pte. Ltd)

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 143.922.761 cổ phần, tương ứng 4,51% vốn cổ phần, bao gồm:

  (i) SBI Ven Holdings Pte. Ltd (Tổ chức có liên quan): 143.922.761 cổ phần, tương ứng 4,51% vốn cổ phần (là số cổ phần ông Shuzo Shikata đại diện theo ủy quyền nêu trên).

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành :

Thù lao			Lợi ích khác
Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	Cổ tức
1.279 triệu VND	1.366 triệu VND	723 triệu VND	Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có

d. Bà ĐỖ QUỲNH ANH - Thành viên Hội Đồng Quản Trị

- Năm sinh : 1995
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Cử nhân tại trường Vassar College
- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại TPBank	Tại các tổ chức khác
Từ tháng 04/2026 đến nay	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ tháng 09/2021 đến tháng 05/2025	Không	Chuyên viên Công ty TNHH PwC (Việt Nam) - Chi nhánh tại Hà Nội

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 97.921.145 cổ phần, tương ứng 3,07% vốn cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 227.666.855 cổ phần, tương ứng 7,14% vốn cổ phần, bao gồm:

  (i) Đỗ Anh Tú (Bố đẻ): 118.269.634 cổ phần, tương ứng 3,71% vốn cổ phần;

  (ii) Trung Thị Lâm Ngọc (Mẹ đẻ): 2.847.999 cổ phần, tương ứng 0,09% vốn cổ phần;

  (iii) Đỗ Minh Quân (Em ruột): 106.549.222 cổ phần, tương ứng 3,34% vốn cổ phần.

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành :

Thù lao			Lợi ích khác
Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	Cổ tức
Không phát sinh	Không phát sinh	150 triệu VND	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ

(được bầu làm Thành viên HĐQT từ ngày 24/04/2026)

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

e. Bà VÕ BÍCH HÀ - Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập

- Năm sinh : 1967
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Cử nhân Kinh tế tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại TPBank	Tại các tổ chức khác
Từ tháng 04/2023 đến nay	Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ tháng 04/2015 đến tháng 11/2022	Không	Trưởng Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Từ tháng 10/2006 đến tháng 04/2015	Không	Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Từ tháng 05/2002 đến tháng 09/2006	Không	Trưởng phòng Quản lý vốn góp – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành :

Thù lao			Lợi ích khác
Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	Cổ tức
840 triệu VND	1.297 triệu VND	907 triệu VND	Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

f. Bà NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRANG - Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập

- Năm sinh : 1978
- Quốc tịch : Việt Nam

- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Thạc sĩ tại Học viện Tài chính

- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại TPBank	Tại các tổ chức khác
Từ tháng 04/2026 đến nay	Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Trưởng phòng - Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Diana Unicharm
Từ tháng 07/2023 đến tháng 04/2026	Không	Trưởng phòng - Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Diana Unicharm
Từ tháng 01/2019 đến tháng 06/2023	Không	Trưởng phòng kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Diana Unicharm
Từ tháng 10/2018 đến tháng 12/2018	Không	Quyền Trưởng phòng Kế toán Công ty Cổ phần Diana Unicharm

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 851.143 cổ phần, tương ứng 0,03% vốn cổ phần

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành :

Thù lao			Lợi ích khác
Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	Cổ tức
Không phát sinh	Không phát sinh	150 triệu VND	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ

(được bầu làm Thành viên HĐQT từ ngày 24/04/2026)

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.2. Ban Kiểm soát

a. Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG - Trưởng Ban Kiểm Soát

- Năm sinh : 1967
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Cử nhân Kinh tế tại Học viện Ngân hàng.
- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại TPBank	Tại các tổ chức khác
Từ tháng 04/2023 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ tháng 04/2019 đến tháng 10/2022	Không	Ủy viên HĐQT, đại diện 30% vốn nhà nước tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Từ tháng 05/2011 đến tháng 04/2019	Không	Vụ trưởng Vụ Thanh tra, giám sát các TCTD nước ngoài - Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Từ tháng 06/2010 đến tháng 04/2011	Không	Quyền Vụ trưởng Vụ Thanh tra, giám sát các TCTD nước ngoài - Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành :

Thù lao			Lợi ích khác
Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	Cổ tức
1.589 triệu VND	1.928 triệu VND	1.119 triệu VND	Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

b. Ông THÁI DUY NGHĨA - Thành viên Ban Kiểm Soát

- Năm sinh : 1964
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Cử nhân kinh tế tại Học viện Ngân hàng.
- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại TPBank	Tại các tổ chức khác
Từ tháng 04/2013 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ tháng 01/2013 đến tháng 03/2013	Phó Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ tháng 06/2012 đến tháng 12/2012	Phó trưởng ban Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ tháng 02/2011 đến tháng 05/2012	Trưởng phòng Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 48.701 cổ phần, tương ứng 0,002% vốn cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành :

Thù lao			Lợi ích khác
Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	Cổ tức
820 triệu VND	938 triệu VND	532 triệu VND	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có

c. Bà NGUYỄN THỊ THU NGUYỆT - Thành viên Ban Kiểm Soát

- Năm sinh : 1984
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Thạc sĩ Luật Kinh tế Quốc tế tại Trường Đại học Luật Hà Nội.

(Phần còn lại của trang được chú ý để trống)

- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại TPBank	Tại các tổ chức khác
Từ tháng 04/2018 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Chủ tịch Công ty TNHH VG; Chủ tịch Công ty TNHH FD; Chủ tịch Công ty TNHH SP; Chủ tịch Công ty TNHH JB; Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT
Từ tháng 01/2018 đến tháng 04/2018	Không	Chủ tịch Công ty TNHH VG; Chủ tịch Công ty TNHH FD; Chủ tịch Công ty TNHH SP; Chủ tịch Công ty TNHH JB; Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT
Từ tháng 05/2008 đến tháng 01/2018	Không	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 494.108.017 cổ phần, tương ứng 15,49% vốn cổ phần, bao gồm:

  (i) Công ty TNHH VG (Tổ chức có liên quan): 122.409.064 cổ phần, tương ứng 3,84% vốn cổ phần;

  (ii) Công ty TNHH FD (Tổ chức có liên quan): 111.280.157 cổ phần, tương ứng 3,49% vốn cổ phần;

  (iii) Công ty TNHH JB (Tổ chức có liên quan): 130.178.740 cổ phần, tương ứng 4,08% vốn cổ phần;

  (iv) Công ty TNHH SP (Tổ chức có liên quan): 130.240.056 cổ phần, tương ứng 4,08% vốn cổ phần.

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành :

Thù lao			Lợi ích khác
Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	Cổ tức
455 triệu VND	501 triệu VND	271 triệu VND	Không có

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

10.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Tổng tiền lương của Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác năm 2024, năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 lần lượt là 55.533 triệu VND, 47.320 triệu VND và 21.110 triệu VND (Nguồn: TPBank).

a. Ông NGUYỄN HƯNG - Tổng Giám Đốc

- Năm sinh : 1966
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Tốt nghiệp Học viện Ngân hàng; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Thương mại điện tử, North Central University (Hoa Kỳ)
- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại TPBank	Tại các tổ chức khác
Từ tháng 06/2012 đến nay	Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ tháng 04/2009 đến tháng 06/2012	Không	Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
Từ năm 2003 đến năm 2009	Không	Giám đốc Chi nhánh Techcombank Đống Đa (nay là Đông Đô)
Từ năm 2001 đến năm 2003	Không	Phó Giám đốc Chi nhánh Techcombank Thăng Long
Từ năm 2000 đến năm 2001	Không	Chánh Văn phòng Hội sở, Techcombank
Từ tháng 06/1997 đến năm 1999	Không	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
Từ tháng 04/1997 đến tháng 06/1997	Không	Quyền Tổng Giám đốc, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng; Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
Từ năm 1996 đến tháng 04/1997	Không	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
Từ tháng 01/1994 đến tháng 01/1996	Không	Trưởng phòng Kế toán Tài chính, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
Từ tháng 01/1993 đến tháng 01/1994	Không	Trưởng phòng Kế toán giao dịch và Ngân quỹ, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
Từ tháng 01/1991 đến tháng 01/1993	Không	Nhân viên Phòng Kế toán, Ngân hàng Công thương Việt Nam
Từ tháng 01/1988 đến tháng 01/1990	Không	Nhân viên kế toán, Phòng Tài chính, Bộ Tư lệnh Đặc công

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 1.633.657 cổ phần, tương ứng 0,05% vốn cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành : Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác theo quy định nội bộ của TPBank; hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ.
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có

b. Ông PHẠM ĐỒNG ANH - Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận hành

- Năm sinh : 1971
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Cử nhân Tài chính - Ngân hàng - Đại học Kinh tế Quốc dân
  Cử nhân Anh ngữ - Đại học Hà Nội

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại TPBank	Tại các tổ chức khác
Từ tháng 08/2012 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận hành Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ tháng 04/2011 đến tháng 08/2012	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc cao cấp Khối Nghiệp vụ, Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ 09/2010 đến 04/2011	Giám đốc cao cấp phụ trách Nghiệp vụ, Ngân hàng Tiên Phong	Không
Từ năm 2007 đến 09/2010	Giám đốc Trung tâm Thanh toán, Ngân hàng Tiên Phong	Không
Từ năm 2004 đến năm 2007	Không	Phó Giám đốc, Giám đốc Sở Giao dịch VID Public Bank, Sở Giao dịch Hà Nội
Từ năm 2001 đến năm 2002	Không	Giám đốc Chi nhánh VID Public Bank Hải Phòng
Từ năm 1997 đến năm 2001	Không	Trưởng phòng Thanh toán quốc tế, Quan hệ đại lý, Nguồn vốn, SWIFT - VID Public Bank Hội sở chính Hà Nội
Từ năm 1993 đến năm 1997	Không	Chuyên viên Thanh toán quốc tế, VID Public Bank Hà Nội

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 493.626 cổ phần, tương ứng 0,02% vốn cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành : Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác theo quy định nội bộ của TPBank; hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ.
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có

c. Ông NGUYỄN VIỆT ANH - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Chiến lược và Quản trị Ngân hàng

- Năm sinh : 1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Đại học Tổng hợp bang Washington - Hoa Kỳ
  - Cử nhân Quan hệ Quốc tế - Đại học Ngoại giao
  - Cử nhân Kinh tế quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội
- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại TPBank	Tại các tổ chức khác
Từ tháng 11/2025 đến nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Chiến lược và Quản trị Ngân hàng	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát (từ tháng 04/2024)
Từ tháng 03/2011 đến tháng 11/2025	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính, Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Từ tháng 04/2024: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát
Từ tháng 08/2000 đến tháng 02/2011	Không	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank): Quyền Giám đốc Khối Nguồn vốn và Giao dịch Thị trường Tài chính; Giám đốc Trung tâm Ngoại hối và Sản phẩm Phái sinh; Giám đốc Trung tâm Giao dịch Hàng hóa và Quản lý Sàn Giao dịch; Trưởng phòng Quản lý và Kinh doanh Tiền tệ, Ngoại hối

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 680.689 cổ phần, tương ứng 0,02% vốn cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành : Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác theo quy định nội bộ của TPBank; hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ.
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

d. Ông KHÚC VĂN HỌA - Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Đầu tư & Khách hàng Doanh nghiệp lớn

- Năm sinh : 1973
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Đại học Kinh tế Quốc dân - Trung tâm Đào tạo về Quản lý Pháp-Việt (CFVG)

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại TPBank	Tại các tổ chức khác
Từ ngày 26/06/2025 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Đầu tư & Khách hàng Doanh nghiệp lớn Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ 04/2015 đến 06/2025	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ 04/2013 đến 04/2015	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ 15/09/2012 đến 04/2013	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tín dụng Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ 04/2012 đến 09/2012	Không	Phó Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn, Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)
Từ 05/2010 đến 03/2012	Không	Giám đốc Vùng, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
Từ 01/2010 đến 05/2010	Không	Giám đốc Trung tâm tín dụng SME, Techcombank
Từ 07/2009 đến 01/2010	Không	Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro, Techcombank
Từ 01/2003 đến 07/2009	Không	Giám đốc Chi nhánh Tân Bình, Techcombank
Từ 10/1996 đến 01/2003	Không	Cán bộ tại Hội sở, Techcombank

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 567.675 cổ phần, tương ứng 0,02% vốn cổ phần

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành : Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác theo quy định nội bộ của TPBank; hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ.
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

e. Ông ĐINH VĂN CHIẾN - Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Khối Ngân hàng cá nhân

- Năm sinh : 1973
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Cử nhân Đại học Ngoại thương Hà Nội
  Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng tại trường ĐH Notre Dame, Indiana, Hoa Kỳ
- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại TPBank	Tại các tổ chức khác
Từ tháng 04/2016 đến nay	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Khối Ngân hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ tháng 12/2013 đến tháng 04/2016	Giám đốc Khối Ngân hàng Cá nhân, Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ 09/2011 đến 11/2012	Không	Giám đốc Khối Bán lẻ, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
Từ 08/2010 đến 08/2011	Phó Giám đốc Khối Phát triển Sản phẩm, Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ 06/2004 đến 09/2007	Không	Phó Giám đốc, Johnson & Johnson Medical S.A. Inc (Vietnam)
Từ 01/1995 đến 01/2002	Không	Phó Giám đốc, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 544.551 cổ phần, tương ứng 0,02% vốn cổ phần

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 21.252 cổ phần, tương ứng 0,001% vốn cổ phần, bao gồm:
  (i) Lê Thị Tậu (Mẹ vợ): 21.252 cổ phần, tương ứng 0,001% vốn cổ phần.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành : Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác theo quy định nội bộ của TPBank; hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ.
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có các khoản nợ khác ngoài sản phẩm – dịch vụ cá nhân là thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng theo quy định của sản phẩm.

f. Ông BÙI QUANG CƯƠNG - Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc CNTT Tập đoàn

- Năm sinh : 1967
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Cử nhân Khoa học, Đại học Tổng hợp Hà Nội
- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại TPBank	Tại các tổ chức khác
Từ tháng 09/2026 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công nghệ thông tin Tập đoàn, Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ tháng 11/2021 đến tháng 08/2026	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Công nghệ thông tin Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ tháng 05/2011 đến tháng 11/2021	Giám đốc Khối Công nghệ thông tin Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ tháng 05/2007 đến tháng 04/2011	Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ 01/1997 đến 01/2007	Không	Trưởng phòng Công nghệ thông tin, VID Public Bank
Từ 01/1992 đến 01/1997	Không	Giám đốc Trung tâm phần mềm 3C

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 272.275 cổ phần, tương ứng 0,01% vốn cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành : Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác theo quy định nội bộ của TPBank; hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ.
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có

g. Bà LÊ CẨM TÚ - Kế toán trưởng kiêm Thành viên Ban Giám đốc Khối Tài chính

- Năm sinh : 1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Đại học chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

- Kinh nghiệm công tác :

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại TPBank	Tại các tổ chức khác
Từ tháng 11/2025 đến nay	Kế toán trưởng kiêm Thành viên Ban Giám đốc Khối Tài chính Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ tháng 06/2016 đến tháng 11/2025	Phó Giám đốc Khối Tài chính kiêm Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ 26/04/2013 đến tháng 06/2016	Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Không
Từ 08/2012 đến 04/2013	Không	Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán 2 - Ban Tài chính Kế toán, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)
Từ 05/2011 đến 08/2012	Không	Phó Giám đốc Khối Tài chính Kế toán kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank)
Từ 04/2001 đến 05/2011	Không	Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank)
Từ 10/1996 đến 04/2001	Không	Nhân viên Phòng Kế toán, Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank)

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 476.482 cổ phần, tương ứng 0,01% vốn cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan tại Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 05/10/2026 : 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành : Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác theo quy định nội bộ của TPBank; hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ.
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không có

11. Chính sách trả cổ tức

Theo Điều lệ TPBank, Hội đồng Quản trị kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả và quyết định thời hạn, thủ tục trả cổ tức; Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau khi Ngân hàng đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác. TPBank chỉ trả cổ tức khi đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp; cổ tức được chi trả bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu.

Tình hình trả cổ tức của TPBank từ năm 2024 đến thời điểm hiện tại như sau:

Năm chi trả	Cổ tức bằng tiền	Cổ tức bằng cổ phiếu
Năm 2024 (Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2024/NQ-TPB.ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024; từ lợi nhuận chưa phân phối đến 31/12/2023)	Tỷ lệ 5%/mệnh giá (500 đồng/cổ phiếu); tổng số tiền 1.100.818 triệu đồng; ngày thanh toán 11/07/2024	- Tỷ lệ 20% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu nhận 20 cổ phiếu mới); 440.321.187 cổ phiếu, tương ứng 4.403.212 triệu đồng theo mệnh giá
Năm 2025 (Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2025/NQ-TPB.ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025)	Tỷ lệ 10%/mệnh giá (1.000 đồng/cổ phiếu); tổng số tiền 2.641.956 triệu đồng; ngày thanh toán 23/05/2025	- Tỷ lệ 5% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu nhận 5 cổ phiếu mới), từ lợi nhuận chưa phân phối sau trích lập các quỹ đến 31/12/2024; 132.090.677 cổ phiếu, tương ứng 1.320.907 triệu đồng theo mệnh giá
Năm 2026 (Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2026/NQ-TPB.ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026)	Tỷ lệ 5%/mệnh giá (500 đồng/cổ phiếu); tổng số tiền 1.387.023 triệu đồng; ngày thanh toán 14/10/2026	- Tỷ lệ 15% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu nhận 15 cổ phiếu mới), từ lợi nhuận chưa phân phối đến 31/12/2025; 416.088.023 cổ phiếu, tương ứng 4.160.880 triệu đồng theo mệnh giá

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán; TPBank (năm 2026)

12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 (ba) năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Các trái phiếu do TPBank phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán (từ năm 2023 đến năm 2025) và đến thời điểm hiện tại đều đã được TPBank thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc, lãi trái phiếu theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

13.1. Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn

Tính đến hết ngày 26/10/2026, tổng số dư trái phiếu do TPBank đã phát hành nhưng chưa đáo hạn là 21.073.700.000.000 đồng (tính theo mệnh giá). Trong đó:

- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 21.073.700.000.000 đồng, chiếm 100% tổng dư nợ trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn.
- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 0 đồng, chiếm 0% tổng dư nợ trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn.

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn này, TPBank thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà đầu tư, bảo đảm thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan (nếu có) theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu.

13.2. Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất và cam kết thuê hoạt động

Tại ngày 30/6/2026, TPBank không có quyền sử dụng đất và không ghi nhận tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang của TPBank (hợp nhất) như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (triệu đồng)
1	Đến một năm	347.938
2	Trên một năm đến năm năm	574.606
3	Trên năm năm	6.841
	Tổng cộng	**929.385**

Nguồn: BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét của TPBank (Thuyết minh 51)

13.3. Các cam kết chưa thực hiện khác

Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra của TPBank tại ngày 30/6/2026 và ngày 30/9/2026 như sau:

STT	Nội dung	Tại 30/06/2026 (tỷ đồng)	Tại 30/09/2026 (tỷ đồng)
I	Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	114.481	140.199
1	Bảo lãnh vay vốn	8.977	12.422
2	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	21.054	28.164
3	Bảo lãnh khác	84.450	99.613
II	Các cam kết đưa ra	120.644	196.048
4	Cam kết giao dịch hối đoái	97.924	180.772
5	Cam kết khác	22.720	15.276
	Tổng cộng	235.125	336.247

Nguồn: BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét của TPBank (Thuyết minh 41) và BCTC hợp nhất quý III/2026 của TPBank; đã trừ tiền gửi ký quỹ lần lượt là 6.910 tỷ đồng và 6.464 tỷ đồng.

TPBank không có cổ phần ưu đãi nên không phát sinh quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan đến Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Ngoài các thông tin về nghĩa vụ nợ tiềm ẩn đã nêu tại Mục 13 Phần IV nêu trên, theo đánh giá và tin tưởng tốt nhất của mình tại thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành không

có phát sinh vụ việc tranh chấp, kiện tụng nào có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán và dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của TPBank trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

1.1.1. Các chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh

Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm 2025/2024	6 tháng đầu năm 2026	9 tháng đầu năm 2026
Tổng giá trị tài sản	418.028	505.927	21,0%	547.664	596.512
Thu nhập lãi thuần	12.907	13.371	3,6%	7.094	11.518
Tổng thu nhập hoạt động	18.038	18.995	5,3%	10.095	15.799
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	11.759	12.421	5,6%	5.805	9.691
Lợi nhuận trước thuế	7.600	9.231	21,5%	4.483	7.464
Lợi nhuận sau thuế	6.072	7.402	21,9%	3.573	5.924
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức	25% (*)	15% (**)	-	- (***)	- (***)

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Hợp nhất quý III/2026. Tổng tài sản hợp nhất tại ngày 31/12/2025 là số liệu trình bày lại tại BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét.

(*) Tỷ lệ cổ tức thực hiện trong năm 2024 gồm 5% bằng tiền mặt và 20% bằng cổ phiếu, từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối tính đến ngày 31/12/2023.

(**) Tỷ lệ cổ tức thực hiện trong năm 2025 gồm 10% bằng tiền mặt và 5% bằng cổ phiếu, từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối tính đến ngày 31/12/2024.

(***) Ngày 24/4/2026, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua phương án chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 5% và phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức với tỷ lệ 15% (Nghị quyết

số 01/2026/NQ-TPB.ĐHĐCĐ); trong 9 tháng đầu năm 2026, TPBank chưa thực hiện chi trả cổ tức. Ngày 05/10/2026, TPBank hoàn tất phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức với tỷ lệ 15%; ngày 14/10/2026, TPBank thanh toán cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 5%.

Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính – Riêng lẻ

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm 2025/2024	6 tháng đầu năm 2026	9 tháng đầu năm 2026
Tổng giá trị tài sản	418.051	497.055	18,9%	537.357	583.939
Thu nhập lãi thuần	12.903	13.368	3,6%	7.155	11.425
Tổng thu nhập hoạt động	18.033	18.861	4,6%	10.167	15.582
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	11.759	12.293	4,5%	5.989	9.646
Lợi nhuận trước thuế	7.599	9.102	19,8%	4.668	7.418
Lợi nhuận sau thuế	6.071	7.273	19,8%	3.732	5.895

Nguồn: BCTC Riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Riêng lẻ giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Riêng lẻ quý III/2026

Trên cơ sở hợp nhất, tổng tài sản tại ngày 31/12/2025 đạt 505.927 tỷ đồng (số liệu trình bày lại), tăng 21,0% so với cuối năm 2024. Thu nhập lãi thuần đạt 13.371 tỷ đồng, tăng 3,6%; tổng thu nhập hoạt động đạt 18.995 tỷ đồng, tăng 5,3% so với năm 2024.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đạt 12.421 tỷ đồng, tăng 5,6% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt 9.231 tỷ đồng, tăng 21,5% và lợi nhuận sau thuế đạt 7.402 tỷ đồng, tăng 21,9% so với năm trước.

Trên cơ sở riêng lẻ, tổng tài sản của TPBank tại ngày 31/12/2025 đạt 497.055 tỷ đồng, tăng 18,9% so với cuối năm 2024. Thu nhập lãi thuần đạt 13.368 tỷ đồng, tăng 3,6%; tổng thu nhập hoạt động đạt 18.861 tỷ đồng, tăng 4,6% và lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đạt 12.293 tỷ đồng, tăng 4,5% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 9.102 tỷ đồng và 7.273 tỷ đồng, cùng tăng 19,8% so với năm trước.

Trên cơ sở hợp nhất, tổng tài sản tại ngày 30/6/2026 đạt 547.664 tỷ đồng, tăng 8,2% so với ngày 31/12/2025 (số liệu trình bày lại). Trong 6 tháng đầu năm 2026, thu nhập lãi thuần đạt 7.094 tỷ đồng, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2025 (6.535 tỷ đồng); tổng thu nhập hoạt động đạt 10.095 tỷ đồng, tăng 11,0% (cùng kỳ: 9.098 tỷ đồng); lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đạt 5.805 tỷ đồng, tăng 6,3% (cùng kỳ: 5.461 tỷ đồng). Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 4.483 tỷ đồng và 3.573 tỷ đồng, tăng 8,1% và 7,7% so với cùng kỳ năm 2025 (4.146 tỷ đồng và 3.316 tỷ đồng).

Trên cơ sở hợp nhất, tại ngày 30/9/2026, tổng tài sản đạt 596.512 tỷ đồng, tăng 17,9% so với ngày 31/12/2025 (số liệu trình bày lại). Trong 9 tháng đầu năm 2026, thu nhập lãi thuần đạt 11.518 tỷ đồng, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm 2025 (9.773 tỷ đồng); tổng thu nhập hoạt động

đạt 15.799 tỷ đồng, tăng 16,0% (cùng kỳ: 13.623 tỷ đồng); lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đạt 9.691 tỷ đồng, tăng 17,2% (cùng kỳ: 8.272 tỷ đồng). Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 7.464 tỷ đồng và 5.924 tỷ đồng, tăng 23,4% và 22,5% so với cùng kỳ năm 2025 (6.048 tỷ đồng và 4.837 tỷ đồng).

Trên cơ sở riêng lẻ, tại ngày 30/6/2026, tổng tài sản của TPBank đạt 537.357 tỷ đồng, tăng 8,1% so với ngày 31/12/2025. Trong 6 tháng đầu năm 2026, thu nhập lãi thuần đạt 7.155 tỷ đồng, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2025 (6.533 tỷ đồng); tổng thu nhập hoạt động đạt 10.167 tỷ đồng, tăng 11,8% (cùng kỳ: 9.097 tỷ đồng); lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đạt 5.989 tỷ đồng, tăng 9,7% (cùng kỳ: 5.462 tỷ đồng). Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 4.668 tỷ đồng và 3.732 tỷ đồng, tăng 12,6% và 12,5% so với cùng kỳ năm 2025 (4.148 tỷ đồng và 3.318 tỷ đồng).

Trên cơ sở riêng lẻ, tại ngày 30/9/2026, tổng tài sản của TPBank đạt 583.939 tỷ đồng, tăng 17,5% so với ngày 31/12/2025. Trong 9 tháng đầu năm 2026, thu nhập lãi thuần đạt 11.425 tỷ đồng, tăng 16,9% so với cùng kỳ năm 2025 (9.770 tỷ đồng); tổng thu nhập hoạt động đạt 15.582 tỷ đồng, tăng 14,4% (cùng kỳ: 13.621 tỷ đồng); lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đạt 9.646 tỷ đồng, tăng 16,6% (cùng kỳ: 8.273 tỷ đồng). Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 7.418 tỷ đồng và 5.895 tỷ đồng, tăng 22,6% và 21,8% so với cùng kỳ năm 2025 (6.049 tỷ đồng và 4.838 tỷ đồng).

1.1.2. Các chỉ tiêu khác

a. Cơ cấu thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự của TPBank – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập từ lãi cho vay	20.426	78,72%	24.473	79,59%	15.949	79,89%	25.187	79,46%
Thu nhập từ lãi tiền gửi	286	1,10%	1.067	3,47%	1.393	6,97%	2.034	6,42%
Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư chứng khoán nợ	3.202	12,34%	2.829	9,20%	1.482	7,42%	2.530	7,98%
Thu nhập lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ	53	0,20%	64	0,21%	41	0,21%	94	0,30%
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	893	3,44%	1.068	3,47%	638	3,20%	1.106	3,49%
Thu khác từ hoạt động tín dụng	1.089	4,20%	1.250	4,07%	462	2,31%	746	2,35%
Tổng cộng	**25.949**	**100%**	**30.751**	**100%**	**19.965**	**100%**	**31.697**	**100%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Hợp nhất quý III/2026

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự của TPBank – Riêng lẻ

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập từ lãi cho vay	20.426	78,73%	24.473	79,59%	15.860	80,17%	25.032	80,13%
Thu nhập từ lãi tiền gửi	284	1,10%	1.064	3,46%	1.350	6,82%	1.945	6,23%
Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư chứng khoán nợ	3.200	12,33%	2.829	9,20%	1.432	7,24%	2.318	7,42%
Thu nhập lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ	53	0,20%	64	0,21%	41	0,21%	94	0,30%
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	893	3,44%	1.068	3,47%	638	3,22%	1.106	3,54%
Thu khác từ hoạt động tín dụng	1.089	4,20%	1.250	4,07%	462	2,34%	746	2,39%
Tổng cộng	**25.945**	**100%**	**30.748**	**100%**	**19.783**	**100%**	**31.241**	**100%**

Nguồn: BCTC Riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Riêng lẻ giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Riêng lẻ quý III/2026

b. Cơ cấu tổng thu nhập hoạt động

Tổng thu nhập hoạt động của TPBank – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	12.907	71,55%	13.371	70,39%	7.094	70,27%	11.518	72,90%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.363	18,65%	4.158	21,89%	2.384	23,62%	3.559	22,53%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	319	1,77%	694	3,65%	221	2,18%	213	1,35%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	0	0,00%	3	0,02%	(209)	(2,07%)	(226)	(1,43%)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.095	6,07%	179	0,94%	151	1,50%	113	0,71%
Lãi thuần từ hoạt động khác	354	1,96%	462	2,43%	454	4,50%	621	3,93%

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	0,00%	128	0,67%	0	0,00%	1	0,01%
Tổng cộng	**18.038**	**100%**	**18.995**	**100%**	**10.095**	**100%**	**15.799**	**100%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Hợp nhất quý III/2026

Tổng thu nhập hoạt động của TPBank – Riêng lẻ

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	12.903	71,55%	13.368	70,88%	7.155	70,38%	11.425	73,32%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.362	18,64%	4.158	22,05%	2.180	21,44%	3.201	20,54%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	319	1,77%	694	3,68%	221	2,17%	213	1,37%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.095	6,07%	179	0,95%	151	1,49%	116	0,74%
Lãi thuần từ hoạt động khác	354	1,96%	462	2,45%	460	4,53%	627	4,02%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Tổng cộng	**18.033**	**100%**	**18.861**	**100%**	**10.167**	**100%**	**15.582**	**100%**

Nguồn: BCTC Riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Riêng lẻ giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Riêng lẻ quý III/2026

c. *Cơ cấu chi phí hoạt động*

Tổng chi phí hoạt động của TPBank – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	1	0,02%	3	0,05%	0	0,00%	3	0,05%
Chi phí cho nhân viên	3.507	55,85%	3.669	55,81%	2.814	65,59%	3.902	63,88%

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi về tài sản	1.159	18,46%	1.236	18,79%	619	14,42%	959	15,70%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	1.439	22,91%	1.458	22,17%	731	17,04%	1.071	17,53%
Chi nộp phí bảo hiểm cho các khoản tiền gửi của khách hàng	173	2,75%	208	3,17%	112	2,62%	173	2,84%
Chi khấu hao lợi thế thương mại	0	0,00%	0	0,00%	14	0,33%	(*)	(*)
Tổng cộng	**6.279**	**100%**	**6.574**	**100%**	**4.290**	**100%**	**6.108**	**100%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Hợp nhất quý III/2026

(*) Chi khấu hao lợi thế thương mại 9 tháng đầu năm 2026 là 21 tỷ đồng, được trình bày trong các khoản mục chi phí hoạt động nêu trên.

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

Tổng chi phí hoạt động của TPBank – Riêng lẻ

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	1	0,02%	3	0,05%	0	0,00%	3	0,05%
Chi phí cho nhân viên	3.504	55,85%	3.665	55,80%	2.752	65,87%	3.808	64,15%
Chi về tài sản	1.159	18,47%	1.235	18,80%	598	14,30%	926	15,60%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	1.437	22,91%	1.457	22,18%	716	17,13%	1.026	17,28%
Chi nộp phí bảo hiểm cho các khoản tiền gửi của khách hàng	173	2,75%	208	3,17%	112	2,69%	173	2,92%
Tổng cộng	**6.274**	**100%**	**6.568**	**100%**	**4.178**	**100%**	**5.936**	**100%**

Nguồn: BCTC Riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Riêng lẻ giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Riêng lẻ quý III/2026

d. Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi Vốn chủ sở hữu – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Vốn của TCTD	26.420	70,28%	27.740	60,36%	27.740	55,97%	27.740	53,21%
- Vốn điều lệ	*26.420*	*70,28%*	*27.740*	*60,36%*	*27.740*	*55,97%*	*27.740*	*53,21%*
Quỹ của TCTD	3.722	9,90%	4.936	10,74%	6.318	12,75%	6.318	12,12%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	161	0,31%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.452	19,83%	9.630	20,95%	11.756	23,72%	14.093	27,03%
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	0	0,00%	3.652	7,95%	3.752	7,57%	3.821	7,33%
Tổng cộng	**37.594**	**100%**	**45.958**	**100%**	**49.566**	**100%**	**52.133**	**100%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Hợp nhất quý III/2026. Số liệu hợp nhất tại ngày 31/12/2025 là số liệu trình bày lại tại BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét.

Tình hình thay đổi Vốn chủ sở hữu – Riêng lẻ

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Vốn của TCTD	26.420	70,24%	27.740	65,74%	27.740	60,40%	27.740	57,49%
- Vốn điều lệ	*26.420*	*70,24%*	*27.740*	*65,74%*	*27.740*	*60,40%*	*27.740*	*57,49%*
Quỹ của TCTD	3.722	9,89%	4.936	11,70%	6.318	13,76%	6.318	13,09%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	161	0,33%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.474	19,87%	9.523	22,57%	11.868	25,84%	14.031	29,08%
Tổng cộng	**37.616**	**100%**	**42.199**	**100%**	**45.926**	**100%**	**48.250**	**100%**

Nguồn: BCTC Riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024, 2025,
BCTC Riêng lẻ giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Riêng lẻ quý III/2026

1.1.3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với kết quả hoạt động kinh doanh

Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm 2024, năm 2025 và kết luận soát xét đối với báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2026 của TPBank được trình bày tại Mục 3 Phần V của Bản Cáo Bạch này.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

1.2.1. Những nhân tố tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

- Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp với căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự leo thang ở một số quốc gia, thiên tai và thời tiết cực đoan. Trong nước, tăng trưởng kinh tế đạt 7,09%, chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng 3,63% so với năm 2023; diễn biến trên các thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp và giá vàng tác động tới thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Trong bối cảnh đó, lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2024 của TPBank đạt 7.600 tỷ đồng, bằng 101,33% kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro và bất định do căng thẳng địa chính trị, chính sách thuế quan gia tăng và cạnh tranh chiến lược giữa các nền kinh tế lớn. Trong nước, GDP tăng 8,02%, chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng khoảng 3,31%; mặt bằng lãi suất giảm nhẹ so với năm 2024, tín dụng toàn ngành tăng khoảng 19,01%; thị trường tài chính ghi nhận biến động của giá vàng và việc siết chặt quản lý lĩnh vực bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2025 của TPBank đạt 9.231 tỷ đồng, tăng 21,5% so với năm 2024 và bằng 102,57% kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao; trong đó lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng 662 tỷ đồng (5,6%) và chi phí dự phòng rủi ro tín dụng giảm 969 tỷ đồng (23,3%), từ 4.159 tỷ đồng xuống 3.190 tỷ

đồng. Ngày 31/12/2025, TPBank nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong từ 9,01% lên 51,00%; từ ngày này, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong được hợp nhất vào báo cáo tài chính của TPBank.

1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.

Từ ngày 31/12/2025, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính của TPBank; do đó, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ năm 2026 bao gồm kết quả hoạt động của công ty này. Ngoài nội dung trên, kể từ ngày 31/12/2025 đến thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, TPBank không có biến động lớn nào khác có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Tình hình công nợ

Tình hình công nợ phải thu, phải trả của TPBank được trình bày theo các khoản mục Tài sản Có khác và Các khoản nợ khác trên báo cáo tình hình tài chính như sau:

Tình hình Nợ phải thu, Nợ phải trả – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm 2025/2024	30/06/2026	30/09/2026
Các khoản phải thu	7.034	12.055	71,4%	21.574	28.060
Các khoản lãi, phí phải thu	3.285	4.021	22,4%	5.828	6.710
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	0	139	—	196	165
Tài sản Có khác	4.518	5.781	28,0%	6.359	6.496
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(30)	(18)	-39,5%	(18)	(18)
Tổng nợ phải thu (Tài sản Có khác)	**14.807**	**21.978**	**48,4%**	**33.939**	**41.413**

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm 2025/2024	30/06/2026	30/09/2026
Các khoản lãi, phí phải trả	3.520	5.113	45,3%	7.226	8.637
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	97	—	98	98
Các khoản phải trả và công nợ khác	2.499	3.023	21,0%	4.486	6.140
Tổng nợ phải trả (Các khoản nợ khác)	**6.019**	**8.233**	**36,8%**	**11.810**	**14.875**

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Hợp nhất quý III/2026. Số liệu hợp nhất tại ngày 31/12/2025 là số liệu trình bày lại tại BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét.

Tình hình Nợ phải thu, Nợ phải trả – Riêng lẻ

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm 2025/2024	30/06/2026	30/09/2026
Các khoản phải thu	7.033	8.630	22,7%	16.429	23.075
Các khoản lãi, phí phải thu	3.283	3.961	20,7%	5.769	6.577
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	0	0	—	0	0
Tài sản Có khác	4.518	5.578	23,5%	6.169	6.312
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(30)	0	-100,0%	0	0

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm 2025/2024	30/06/2026	30/09/2026
Tổng nợ phải thu (Tài sản Có khác)	**14.804**	**18.169**	**22,7%**	**28.367**	**35.964**
Các khoản lãi, phí phải trả	3.520	5.080	44,3%	7.186	8.596
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	—	0	0
Các khoản phải trả và công nợ khác	2.498	2.603	4,2%	2.579	3.669
Tổng nợ phải trả (Các khoản nợ khác)	**6.018**	**7.683**	**27,7%**	**9.765**	**12.265**

Nguồn: BCTC Riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Riêng lẻ giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Riêng lẻ quý III/2026

2.1.2. Trái phiếu chưa đáo hạn

Thông tin về các trái phiếu chưa đáo hạn của TPBank (giá trị, lãi suất, thời điểm phát hành, kỳ hạn, đặc điểm, loại trái phiếu) được trình bày tại Mục 7.3 Phần IV của Bản Cáo Bạch này.

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

2.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

TPBank thực hiện kê khai, nộp đầy đủ các khoản thuế và nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật. Số dư thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước tại các thời điểm như sau:

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	Tăng/giảm 2025/2024	30/06/2026
Thuế Giá trị gia tăng	34	54	61,2%	49
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.309	1.599	22,1%	1.087
Các loại thuế khác	49	56	15,6%	115
Tổng cộng	**1.392**	**1.709**	**22,8%**	**1.251**

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã soát xét

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước – Riêng lẻ

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	Tăng/giảm 2025/2024	30/06/2026
Thuế Giá trị gia tăng	34	53	57,0%	45
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.309	1.587	21,2%	1.059
Các loại thuế khác	48	44	-7,9%	106
Tổng cộng	**1.391**	**1.684**	**21,0%**	**1.210**

Nguồn: BCTC Riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC Riêng lẻ giữa niên độ năm 2026 đã soát xét

2.1.4. Trích lập các quỹ

TPBank trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm trước theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, cụ thể: năm 2024 từ lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-TPB.ĐHĐCĐ ngày 23/4/2024; năm 2025 từ lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-TPB.ĐHĐCĐ ngày 24/4/2025; 6 tháng đầu năm 2026 và 9 tháng đầu năm 2026 từ lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-TPB.ĐHĐCĐ ngày 24/4/2026.

Tình hình trích lập các quỹ – Riêng lẻ

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm 2025/2024	6 tháng đầu năm 2026	9 tháng đầu năm 2026
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	223	607	172,0%	727	727
Quỹ dự phòng tài chính	446	607	36,0%	655	655
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5	5	0,0%	5	5

Nguồn: BCTC Riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Riêng lẻ giữa niên độ năm 2026 đã soát xét và BCTC Riêng lẻ quý III/2026

Việc trích lập các quỹ được TPBank thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng và Điều lệ TPBank. Từ ngày 01/8/2025, TPBank trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ bằng 10% lợi nhuận sau thuế (số dư tối đa bằng vốn điều lệ) và Quỹ dự phòng tài chính bằng 10% lợi nhuận sau thuế sau khi trừ khoản trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

2.1.5. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Ngày 24/4/2026, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua phương án chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 5% và phương án tăng vốn điều lệ năm 2026 dưới hình thức phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức với tỷ lệ 15%. Ngày 12/8/2026, Hội đồng quản trị TPBank ban hành Nghị quyết số 28/2026/NQ-TPB.HĐQT triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Ngày 10/9/2026, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có Công văn số 8301/NHNN-QLGS chấp thuận việc tăng vốn điều lệ của TPBank; ngày 18/9/2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có Công văn số 9274/UBCK-QLCB về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TPBank. Theo Thông báo số 1958/TB-SGDHCM ngày 28/9/2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền là ngày 05/10/2026. Ngày 05/10/2026, TPBank hoàn tất phát hành 416.088.023 cổ phiếu để trả cổ tức, vốn điều lệ của TPBank tăng lên 31.901.348.960.000 đồng (Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 111/2026/TPB.HĐQT ngày 08/10/2026); ngày 12/10/2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có Công văn số 10121/UBCK-QLCB về việc tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TPBank. Ngày 14/10/2026, TPBank đã thanh toán cổ tức bằng tiền tỷ lệ 5%. Ngoài các nội dung trên, kể từ ngày 31/12/2025 đến thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, TPBank không có biến động lớn nào khác có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính.

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Hợp nhất				Riêng lẻ			
		Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	9 tháng đầu năm 2026	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	9 tháng đầu năm 2026
1. Chỉ tiêu về vốn									
Vốn điều lệ (*****)	*Tỷ đồng*	26.420	27.740	27.740	27.740	26.420	27.740	27.740	27.740
Vốn tự có	*Tỷ đồng*	44.225	56.342	58.019	59.165	44.124	49.066	51.477	52.555
Tỷ lệ an toàn vốn	%	13,15%	14,35%	13,32%	12,77%	13,12%	12,81%	12,14%	11,68%
2. Chất lượng tài sản									
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	3,29%	2,93%	3,75%	4,73%	3,29%	2,95%	3,77%	4,76%
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,52%	1,29%	1,86%	2,10%	1,52%	1,29%	1,87%	2,12%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	61,88%	62,13%	64,55%	57,91%	61,88%	62,95%	65,44%	58,68%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	96,2%	95,5%	93,5%	92,8%	96,2%	96,1%	94,5%	93,3%
3. Khả năng thanh khoản									
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân (*)	%	n/a	n/a	n/a	n/a	16,3%	17,6%	20,7%	22,3%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn (**)	%	n/a	n/a	n/a	n/a	19,0%	18,9%	26,8%	24,6%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (**)	%	n/a	n/a	n/a	n/a	67,64%	68,80%	70,76%	65,34%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh									
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (***)	%	21,16%	22,55%	18,37%	19,94%	21,14%	22,76%	20,67%	21,41%

Chỉ tiêu	Đơn vị	Hợp nhất				Riêng lẻ			
		Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	9 tháng đầu năm 2026	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	9 tháng đầu năm 2026
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân (***)	%	2,00%	2,08%	1,67%	1,79%	2,00%	2,06%	1,77%	1,81%
Thu nhập lãi cận biên (NIM) (***)	%	3,58%	3,12%	2,83%	2,96%	3,58%	3,13%	2,87%	2,96%
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (***)	%	1,60%	1,67%	1,33%	1,42%	1,60%	1,65%	1,41%	1,44%
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (***)	%	16,90%	18,08%	14,64%	15,83%	16,89%	18,19%	16,52%	17,01%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	*Đồng/cổ phiếu*	2.187	2.668	1.259	2.092	n/a	n/a	n/a	n/a
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập (****)	%	24,32%	29,06%	33,61%	35,67%	24,31%	29,25%	31,36%	33,78%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế (****)	%	44,26%	45,04%	53,17%	47,68%	44,24%	45,68%	46,71%	43,15%

(*) Chỉ tiêu do TPBank tính toán theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về xếp hạng tổ chức tín dụng, trên cơ sở số liệu tài chính riêng lẻ.

(**) Các chỉ tiêu được TPBank tính toán theo Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung), trên cơ sở số liệu tài chính riêng lẻ.

(***) Các chỉ tiêu năm 2024, năm 2025, 6 tháng đầu năm 2026 và 9 tháng đầu năm 2026 được TPBank tính toán thống nhất theo phương pháp quy định tại Thông tư số 21/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; các chỉ tiêu 6 tháng đầu năm 2026 và 9 tháng đầu năm 2026 đã được quy đổi theo năm.

(****) Thu nhập dịch vụ là thu nhập từ hoạt động dịch vụ (trước khi trừ chi phí hoạt động dịch vụ); tổng thu nhập là tổng thu nhập hoạt động; thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ là lãi thuần từ hoạt động dịch vụ.

(*****) Tại ngày 30/9/2026, vốn điều lệ của TPBank là 27.740.468.730.000 đồng. Ngày 05/10/2026, TPBank hoàn tất phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết số 28/2026/NQ-TPB.HĐQT ngày 12/8/2026; vốn điều lệ của TPBank tăng lên 31.901.348.960.000 đồng.

n/a: Không áp dụng.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: *Không có.*

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành

Công ty TNHH KPMG là tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2024, năm 2025 và soát xét báo cáo tài chính riêng lẻ, hợp nhất giữa niên độ năm 2026 của TPBank. Ý kiến kiểm toán và kết luận soát xét đối với các báo cáo tài chính này đều là ý kiến chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024:

Báo cáo tài chính riêng lẻ: Theo Báo cáo kiểm toán số 24-02-00185-25-1 ngày 27/3/2025 của Công ty TNHH KPMG: "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

Báo cáo tài chính hợp nhất: Theo Báo cáo kiểm toán số 24-02-00185-25-2 ngày 27/3/2025 của Công ty TNHH KPMG: "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025:

Báo cáo tài chính riêng lẻ: Theo Báo cáo kiểm toán số 25-02-00094-26-1 ngày 30/3/2026 của Công ty TNHH KPMG: "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

Báo cáo tài chính hợp nhất: Theo Báo cáo kiểm toán số 25-02-00094-26-2 ngày 30/3/2026 của Công ty TNHH KPMG: "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét:

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ: Theo Báo cáo soát xét số 25-02-00110-26-1 ngày 14/08/2026 của Công ty TNHH KPMG: "Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Ngân hàng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ."

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Theo Báo cáo soát xét số 25-02-00110-26-2 ngày 14/08/2026 của Công ty TNHH KPMG: "Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực

và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ."

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm

❖ **Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Tổ Chức Phát Hành**

- [3]Theo Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm ngày 22/05/2026 của Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Đầu tư Việt Nam (VIS Rating), kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với TPBank như sau:
  - + Xếp hạng Tín nhiệm Dài hạn Nhà Phát hành: AA-.
  - + Triển vọng Xếp hạng: Ổn định.
- Tổ chức xếp hạng tín nhiệm: VIS Rating.
- Thời điểm xếp hạng tín nhiệm: Ngày 22/05/2026.
- VIS Rating không phải là người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành.

❖ **Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Trái Phiếu**

Không có.

Theo khoản 2 Điều 19 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 8 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ, trái phiếu phát hành của tổ chức tín dụng không thuộc trường hợp phải được xếp hạng tín nhiệm.

Kết quả xếp hạng nêu trên là kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Tổ Chức Phát Hành, không phải kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Trái Phiếu.

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

[3] *https://visrating.com/ket-qua-xep-hang-tin-nhiem/bao-cao/202605_tpb_rating_announcement_vn.137.html*

5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Riêng lẻ - Năm 2026	
	Kế hoạch	Tăng/giảm so với năm 2025 (*)
Thu nhập lãi thuần	16.589	24,09%
Lợi nhuận trước thuế	10.000	9,86%
Lợi nhuận sau thuế	8.000	10,00%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần	48,23%	-6,18%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	17%	-1,2%
Tỷ lệ chia cổ tức	20%	5%

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất - Năm 2026	
	Kế hoạch	Tăng/giảm so với năm 2025 (*)
Thu nhập lãi thuần (**)	-	-
Lợi nhuận trước thuế	10.300	11,58%
Lợi nhuận sau thuế	8.240	11,32%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần (**)	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	16,65%	-1,43%
Tỷ lệ chia cổ tức	20%	5%

Nguồn: TPBank. Thu nhập lãi thuần và lợi nhuận thực hiện năm 2025 dùng để so sánh theo BCTC riêng lẻ và hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán.

(*) Các chỉ tiêu số tiền được so sánh bằng tỷ lệ tăng/giảm; các chỉ tiêu dạng tỷ lệ được so sánh bằng mức chênh lệch giữa tỷ lệ kế hoạch năm 2026 và tỷ lệ thực hiện năm 2025.

(**) Kế hoạch năm 2026 trên cơ sở hợp nhất được xây dựng đối với các chỉ tiêu lợi nhuận; chỉ tiêu thu nhập lãi thuần được xây dựng trên cơ sở riêng lẻ.

❖ **Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch:**

Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026 đã thông qua các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026 tại Nghị quyết số 01/2026/NQ-TPB.ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026, gồm: tổng tài sản hợp nhất 600.000 tỷ đồng; tiền gửi khách hàng và phát hành giấy tờ có giá 391.000 tỷ đồng; dư nợ cho

vay và chứng khoán nợ do tổ chức kinh tế trong nước phát hành 360.000 tỷ đồng; tỷ lệ nợ xấu dưới 2,5%; lợi nhuận trước thuế hợp nhất 10.300 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế riêng lẻ 10.000 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 có thể được điều chỉnh phù hợp với diễn biến thị trường và định hướng điều hành của Ngân hàng Nhà nước.

❖ **Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia lợi nhuận/cổ tức nêu trên:**

- **Cơ sở xây dựng kế hoạch:**

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của TPBank được xây dựng trên cơ sở dự báo kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu tín dụng của nền kinh tế tiếp tục cải thiện; đồng thời bám sát định hướng điều hành của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước về ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng.

Kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng dựa trên các động lực chính gồm: tăng trưởng tín dụng phù hợp với hạn mức được Ngân hàng Nhà nước giao; tối ưu cơ cấu tài sản nợ - tài sản có nhằm duy trì hiệu quả biên lãi ròng (NIM); gia tăng nguồn thu ngoài lãi từ hoạt động dịch vụ, thanh toán, bảo lãnh, tài trợ thương mại, kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm tài chính; đồng thời kiểm soát hiệu quả chi phí hoạt động và chi phí dự phòng rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- **Về kế hoạch kinh doanh**

+ **Đối với phân khúc khách hàng cá nhân**, TPBank tiếp tục mở rộng tệp khách hàng theo các phân khúc chiến lược, tăng cường phân nhóm khách hàng để xây dựng sản phẩm và giải pháp phù hợp; trong đó chú trọng nhóm khách hàng trẻ, hộ kinh doanh và khách hàng tiếp cận thông qua các nền tảng số, đối tác và hệ sinh thái.

Ngân hàng tiếp tục nâng cấp các sản phẩm cho vay theo hướng đơn giản hóa quy trình, rút ngắn thời gian phê duyệt và tăng cường tích hợp trên các kênh số; từng bước mở rộng phạm vi phê duyệt tự động đối với các nhóm khách hàng được chuẩn hóa và có cơ sở dữ liệu phù hợp. Hoạt động thẻ tiếp tục được phát triển thông qua mở rộng phát hành thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ trực tuyến và tích hợp các chương trình ưu đãi, tiện ích với các đối tác trong hệ sinh thái.

Đối với huy động vốn bán lẻ, TPBank định hướng tăng trưởng tiền gửi không kỳ hạn (CASA) thông qua mở rộng tệp khách hàng nhận lương, khách hàng doanh nghiệp SME sử dụng dịch vụ trả lương và khách hàng có chất lượng tốt, kết hợp các gói sản phẩm và chính sách phù hợp với từng phân khúc.

+ **Đối với phân khúc khách hàng doanh nghiệp**, Ngân hàng tập trung phát triển các sản phẩm tín dụng phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp, ưu tiên khách hàng có nền tảng tài chính tốt và các ngành, lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của Chính phủ như xây dựng hạ tầng, viễn thông và công nghệ, sản xuất, xuất khẩu, logistics, năng lượng và các lĩnh vực ưu tiên theo chính sách điều hành; đồng thời mở rộng tệp khách hàng xuất nhập khẩu, doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Chính sách khách hàng doanh nghiệp được triển khai theo hướng phân khúc sâu theo ngành nghề, địa bàn và chuỗi giá trị. TPBank tiếp tục phát triển các gói giải pháp tích hợp giữa tín dụng, quản lý dòng tiền, bảo lãnh, thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại nhằm đáp ứng toàn diện nhu cầu tài chính của khách hàng. Bên cạnh đó, Ngân hàng tăng cường các hoạt

động tạo thu nhập ngoài lãi, đồng thời đẩy mạnh số hóa và tự động hóa quy trình cung cấp dịch vụ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng và hiệu quả vận hành.

+ **Đối với phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn**, TPBank định hướng tập trung khai thác các nhóm khách hàng mục tiêu, bao gồm doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong các lĩnh vực viễn thông, dầu khí – xăng dầu, điện và khoáng sản; các định chế tài chính như công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán; doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực năng lượng, hạ tầng công nghệ số, hạ tầng giao thông và các doanh nghiệp bất động sản có chủ đầu tư, dự án đáp ứng tiêu chí của Ngân hàng; đồng thời mở rộng khai thác các tập đoàn, nhóm khách hàng lớn và doanh nghiệp sản xuất có quy mô hoạt động lớn.

  Trên cơ sở đó, Ngân hàng phát triển các giải pháp tài chính phù hợp với nhu cầu của từng khách hàng, bao gồm tín dụng, trái phiếu, tài trợ thương mại và các sản phẩm thị trường tài chính; đồng thời cung cấp các công cụ phái sinh phù hợp nhằm hỗ trợ khách hàng quản lý rủi ro lãi suất, tỷ giá và các rủi ro tài chính khác.

+ **Đối với hoạt động nguồn vốn và đầu tư,** TPBank tiếp tục mở rộng quan hệ với các ngân hàng và định chế tài chính trong và ngoài nước, đồng thời tăng cường công tác phân tích, dự báo chính sách tiền tệ và diễn biến thị trường để phục vụ công tác quản lý nguồn vốn, thanh khoản và hoạt động đầu tư.

  Ngân hàng tiếp tục phát triển khách hàng cá nhân và doanh nghiệp đối với các sản phẩm ngoại hối, sản phẩm cấu trúc và chuyển tiền; đồng thời nghiên cứu, phát triển các kênh thanh toán, giải pháp thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại phù hợp với nhu cầu của khách hàng và các định chế tài chính.

- **Quản lý rủi ro:**

+ TPBank tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro theo các chuẩn mực Basel và yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, trong đó tập trung triển khai các yêu cầu theo Thông tư số 14/2025/TT-NHNN, đồng thời thực hiện tính toán, theo dõi các chỉ tiêu thanh khoản như tỷ lệ bảo đảm khả năng chi trả (LCR), tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR) và các chỉ tiêu an toàn khác theo quy định và lộ trình áp dụng.

+ Ngân hàng định hướng xây dựng hệ thống quản trị rủi ro chủ động và thống nhất trên toàn hệ thống, tăng cường kết nối thông tin và phối hợp giữa các đơn vị quản trị rủi ro với đơn vị kinh doanh nhằm nâng cao khả năng nhận diện, cảnh báo sớm và xử lý rủi ro. Công tác giám sát danh mục tín dụng được thực hiện theo khách hàng, ngành nghề và lĩnh vực; kết hợp thực hiện kiểm tra sức chịu đựng (stress test), quản lý rủi ro môi trường – xã hội và phát triển tín dụng xanh. TPBank đồng thời tiếp tục hoàn thiện các mô hình đo lường rủi ro tín dụng, hệ thống chấm điểm (scorecard) và công tác kiểm định mô hình phục vụ hoạt động cấp tín dụng và quản trị danh mục.

- **Về chính sách nhân sự:**

TPBank tiếp tục bảo đảm nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu phát triển kinh doanh, nâng cao chất lượng tuyển dụng và rà soát cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả; trong đó ưu tiên nguồn lực cho lực lượng kinh doanh trực tiếp và tối ưu nhân sự tại các bộ phận hỗ trợ.

Ngân hàng tiếp tục triển khai các chương trình quy hoạch, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ nguồn, cán bộ tiềm năng; đồng thời chú trọng đào tạo về văn hóa doanh nghiệp, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI), phương pháp quản trị linh hoạt (Agile) và các năng lực phục vụ quá trình chuyển đổi. Công tác đào tạo tập trung vào phát triển đội ngũ quản lý kế cận, nâng cao năng lực kinh doanh và quản lý kinh doanh, xây dựng khung năng lực và lộ trình đào tạo đối với các nghiệp vụ

cốt lõi, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả và trải nghiệm đào tạo.

- **Duy trì định hướng ngân hàng số:** TPBank tiếp tục xác định công nghệ và chuyển đổi số là một trong những nền tảng phục vụ hoạt động kinh doanh và nâng cao hiệu quả vận hành.
  + Đối với hạ tầng công nghệ và an ninh bảo mật, TPBank tiếp tục hiện đại hóa hạ tầng theo hướng sẵn sàng cho điện toán đám mây, nâng cấp kiến trúc mạng và mở rộng kết nối diện rộng; tăng cường giám sát, phát hiện và xử lý sự cố an ninh mạng, bảo mật giao diện lập trình ứng dụng (API) và quản lý định danh, quyền truy cập.
  + Đối với lớp ứng dụng, Ngân hàng tiếp tục tự động hóa quy trình phát triển và vận hành hệ thống, ứng dụng dữ liệu nhằm giảm thao tác thủ công, tăng khả năng cảnh báo sớm và kiểm soát rủi ro.
- **Phát triển mạng lưới hoạt động:**

TPBank tiếp tục rà soát và đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống mạng lưới, các điểm giao dịch và mô hình kinh doanh tại từng đơn vị để thực hiện điều chỉnh phù hợp. Song song với mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch truyền thống, Ngân hàng tiếp tục khai thác hệ thống LiveBank nhằm mở rộng khả năng phục vụ khách hàng và tối ưu chi phí vận hành.

Trong năm 2026, TPBank dự kiến tiếp tục rà soát, quy hoạch hệ thống LiveBank phù hợp với nhu cầu thị trường và hiệu quả của từng địa điểm, hướng tới quy mô khoảng 460–470 điểm LiveBank.

- **Tối ưu hệ sinh thái – các công ty con:**

TPBank tiếp tục kiện toàn mô hình quản trị và cơ chế phối hợp với các công ty con, công ty liên kết nhằm khai thác hiệu quả hệ sinh thái tài chính của Ngân hàng. Việc phối hợp giữa Ngân hàng và các đơn vị trong hệ sinh thái được định hướng theo nguyên tắc phát huy thế mạnh của từng đơn vị, mở rộng cơ hội kinh doanh và cung cấp các giải pháp tài chính đa dạng cho khách hàng, đồng thời bảo đảm quản trị rủi ro và tuân thủ các quy định của pháp luật.

- **Tăng cường nguồn vốn, tối ưu chi phí hoạt động:**

TPBank tiếp tục thực hiện kỷ luật ngân sách trên toàn hệ thống, thường xuyên rà soát cơ cấu chi phí và hiệu quả sử dụng nguồn lực để triển khai các biện pháp tiết kiệm, tối ưu chi phí phù hợp với mục tiêu kinh doanh.

Bên cạnh đó, Ngân hàng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, số hóa và tự động hóa quy trình nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm các công việc thủ công và tối ưu nguồn lực. TPBank đồng thời tăng cường đánh giá hiệu quả của các chương trình chuyển đổi số, hoàn thiện cơ sở dữ liệu và năng lực phân tích nhằm hỗ trợ công tác quản trị, nhận diện các khoản chi phí hoặc đầu tư chưa hiệu quả và nâng cao chất lượng ra quyết định.

❖ **Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận:**

Với tư cách là tổ chức tư vấn cho đợt chào bán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong ("**TPS**") đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách thận trọng, hợp lý các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của TPBank trên cơ sở hồ sơ, tài liệu do TPBank cung cấp và các thông tin được công bố theo quy định.

Trên cơ sở các báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc soát xét, kết quả hoạt động kinh doanh trong những năm gần đây, năng lực quản trị điều hành, vị thế trên thị trường, công tác quản trị rủi ro và định hướng phát triển của TPBank, TPS nhận thấy Ngân hàng duy trì được sự tăng trưởng về quy mô hoạt động, hiệu quả kinh doanh và nền tảng vốn. Các kế hoạch kinh doanh và định

hướng phát triển của TPBank được xây dựng trên cơ sở tình hình hoạt động hiện tại và định hướng phát triển của Ngân hàng.

Căn cứ các thông tin đã thu thập và kết quả phân tích, đánh giá, TPS cho rằng kế hoạch kinh doanh, chiến lược phát triển và khả năng tạo lợi nhuận của TPBank có cơ sở thực hiện, với điều kiện không phát sinh các biến động bất lợi đáng kể của môi trường kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính – tiền tệ, chính sách quản lý hoặc các yếu tố bất khả kháng có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Ngân hàng.

Các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ của tổ chức tư vấn, trên cơ sở các thông tin, tài liệu được cung cấp và công bố tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch cùng các phương pháp phân tích tài chính thông thường. Các nhận xét này không cấu thành sự bảo đảm của TPS đối với kết quả hoạt động trong tương lai của TPBank, khả năng thanh toán Trái Phiếu hoặc giá trị của Trái Phiếu. Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán được trình bày tại Phần IX của Bản Cáo Bạch này. Nhà đầu tư cần tự xem xét, đánh giá các thông tin tại Bản Cáo Bạch và các yếu tố rủi ro có liên quan trước khi quyết định đầu tư.

6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 (ba) năm tiếp theo

TPBank dự kiến chào bán Trái Phiếu ra công chúng thành tối đa 05 (năm) đợt trong giai đoạn 2026–2027 với tổng giá trị theo mệnh giá tối đa 15.000 tỷ đồng, kỳ hạn 10 năm, là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, không có bảo lãnh thanh toán và là nợ thứ cấp được thiết kế nhằm đáp ứng các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo Thông tư số 14/2025/TT-NHNN; chi tiết được trình bày tại Mục 4 Phần VI Bản Cáo Bạch này. Ngoài chương trình chào bán nêu trên, TPBank chưa có kế hoạch chào bán trái phiếu ra công chúng trong 03 năm tới; các đợt chào bán trái phiếu cụ thể của mỗi năm tiếp theo sẽ được Hội đồng quản trị TPBank xem xét, thông qua căn cứ vào tình hình cân đối vốn của Ngân hàng và tình hình thị trường.

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Dưới đây là các thông tin chi tiết về Trái Phiếu chào bán ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành và các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu chào bán. Trái Phiếu được điều chỉnh bởi các điều khoản và điều kiện theo các nội dung quy định tại Phần VI này (sau đây gọi chung là "Các Điều Kiện Trái Phiếu").

Với việc đăng ký mua Trái Phiếu và/hoặc nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, và trở thành chủ sở hữu Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung và quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan của văn bản này.

Trái Phiếu được chào bán thành nhiều đợt. Việc tổ chức Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu, lấy ý kiến bằng văn bản và xác định kết quả biểu quyết được thực hiện chung trên tổng số Trái Phiếu đang lưu hành của tất cả các Đợt Chào Bán; nghị quyết, quyết định được thông qua có hiệu lực đối với toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành.

Các thuật ngữ và/hoặc các cụm từ viết hoa sử dụng, trình bày trong Bản Cáo Bạch, Các Điều Kiện Trái Phiếu này sẽ có ý nghĩa như sau:

- **"Tổ Chức Phát Hành"**: có nghĩa là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong, gọi tắt là **"TPBank"**.

- **"Trái Phiếu"**: có nghĩa là trái phiếu tăng vốn cấp 2 do TPBank chào bán ra công chúng theo Nghị Quyết Phương Án Phát Hành và Bản Cáo Bạch này; không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, không có bảo lãnh và có đặc điểm thỏa mãn Các Điều Kiện Trái Phiếu.
- **"Trái Phiếu đang lưu hành"**: có nghĩa là trái phiếu tăng vốn cấp 2 do TPBank đã phát hành ra công chúng theo Nghị Quyết Phương Án Phát Hành và Bản Cáo Bạch này và chưa được Tổ Chức Phát Hành mua lại, thanh toán đầy đủ tiền gốc, tiền lãi hoặc hủy theo Các Điều Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật.
- **"Nghị Quyết Phương Án Phát Hành"**: có nghĩa là Nghị quyết số 35/2026/NQ-TPB.HĐQT ngày 23/09/2026 của Hội đồng quản trị TPBank thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán và việc niêm yết Trái Phiếu phát hành ra công chúng và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
- **"Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu"**: có nghĩa là hợp đồng cung cấp dịch vụ đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, quy định quyền, nghĩa vụ và phạm vi đại diện của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu thuộc tất cả các Đợt Chào Bán theo Bản Cáo Bạch này, và mọi thỏa thuận, phụ lục sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm.
- **"Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu"**: có nghĩa là các hình thức mua bán, cho, tặng, thừa kế, trao đổi hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật làm thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu.
- **"Người Sở Hữu Trái Phiếu"**: có nghĩa là tổ chức, cá nhân sở hữu hợp pháp một hoặc nhiều Trái Phiếu, được ghi tên trong Sổ Đăng Ký (trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC) hoặc trong danh sách người sở hữu trái phiếu được quản lý tại VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC).
- **"Nhà Đầu Tư"**: có nghĩa là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước được phép mua Trái Phiếu theo quy định của pháp luật.
- **"Những Người Sở Hữu Trái Phiếu"**: có nghĩa là tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu, được xem xét với tư cách tập thể khi thực hiện quyền biểu quyết hoặc thông qua nghị quyết đối với Trái Phiếu.
- **"Sổ Đăng Ký"**: có nghĩa là sổ ghi nhận thông tin về Người Sở Hữu Trái Phiếu, số lượng Trái Phiếu sở hữu và các thông tin liên quan khác, do Tổ Chức Phát Hành lập và quản lý trước khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC.
- **"Đợt Chào Bán"**: có nghĩa là một đợt chào bán Trái Phiếu cụ thể trong phương án phát hành Trái Phiếu ra công chúng thành nhiều đợt giai đoạn 2026–2027 của Tổ Chức Phát Hành, được thông báo chi tiết tại Bản thông báo phát hành tương ứng.
- **"Bản thông báo phát hành"** hoặc **"Bản thông báo chào bán"**: là Bản thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng của từng Đợt Chào Bán, do Tổ Chức Phát Hành công bố theo khoản 3 Điều 25 Luật Chứng khoán, nêu rõ các thông tin cụ thể về khối lượng, lãi suất, kỳ hạn và các điều kiện chào bán của đợt đó, phù hợp với nguyên tắc, điều kiện đã công bố tại Bản Cáo Bạch.
- **"Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán"**: có nghĩa là Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Tổ Chức Phát Hành đối với việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng theo Bản Cáo Bạch này.
- **"Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu"**: có nghĩa là cuộc họp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng tương ứng.

- **"Ngày Làm Việc"**: có nghĩa là bất kỳ ngày nào trừ các ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày nghỉ lễ, Tết tại Việt Nam, kể cả nghỉ bù và bất kỳ ngày nào mà các ngân hàng tại Việt Nam được phép hoặc bắt buộc đóng cửa theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- **"Ngày Phát Hành"**: đối với từng mã Trái Phiếu, có nghĩa là ngày kết thúc việc thu tiền mua Trái Phiếu của đợt chào bán có mã đó.
- **"Ngày Đáo Hạn"**: đối với từng mã Trái Phiếu, có nghĩa là ngày tròn 10 (mười) năm kể từ Ngày Phát Hành của mã đó.
- **"Ngày Đăng Ký Cuối Cùng"** hoặc **"Ngày Chốt Danh Sách"** có nghĩa là:

i. Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC: (i) là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc ngày mua lại hoặc ngày đến hạn khác (nếu có); hoặc (ii) là Ngày Làm Việc do Tổ Chức Phát Hành thông báo để xác định danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quyền tham dự Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tham gia ý kiến bằng văn bản hoặc các trường hợp khác cần xác định danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu.

ii. Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSDC: là Ngày Làm Việc được Tổ Chức Phát Hành ấn định theo quy định của pháp luật và của VSDC để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được nhận quyền thanh toán vào ngày đến hạn thanh toán đó hoặc được thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến Trái Phiếu.

iii. Ngày Làm Việc được xác định theo quy chế của VSDC để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không có quyền ấn định Ngày Chốt Danh Sách đó.

- **"Ngày Xác Định Lãi Suất"**: đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là ngày TPBank ban hành Bản thông báo phát hành của đợt chào bán tương ứng; đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo, là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó.
- **"Ngày Thanh Toán Lãi"**: đối với từng mã Trái Phiếu, có nghĩa là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn của mã đó.
- **"Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại"**: là ngày Tổ Chức Phát Hành thực hiện mua lại Trái Phiếu trước hạn theo Mục 14 Phần VI Bản Cáo Bạch này, được xác định tại Thông Báo Chào Mua.
- **"Văn Kiện Trái Phiếu"**: bao gồm Bản Cáo Bạch này và các bản thông tin cập nhật Bản Cáo Bạch; Nghị Quyết Phương Án Phát Hành; Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu; Bản thông báo phát hành của từng đợt chào bán; và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn kiện nêu trên được thông qua theo thẩm quyền và trình tự áp dụng đối với từng văn kiện.
- **"Tài Khoản Phong Tỏa Nhận Tiền Mua Trái Phiếu"**: có nghĩa là tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của từng Đợt Chào Bán nêu tại Mục 18 Phần VI Bản Cáo Bạch này.

Ngoài ra, một số từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng (và các Luật sửa đổi, bổ sung các Luật trên) và các văn bản pháp luật, văn bản hướng dẫn khác có liên quan (nếu có).

1. Tên Trái Phiếu:

Trái phiếu TPBank phát hành ra công chúng nhằm bổ sung vốn cấp 2 giai đoạn 2026–2027.

Mã Trái Phiếu trước khi niêm yết của từng đợt chào bán như sau:

Đợt chào bán	Mã Trái Phiếu trước khi niêm yết
Đợt 1	TPBC12601
Đợt 2	TPBC12602
Đợt 3	TPBC12701
Đợt 4	TPBC12702
Đợt 5	TPBC12703

Mã Trái Phiếu nêu trên được Tổ Chức Phát Hành sử dụng để định danh Trái Phiếu của từng đợt chào bán và được nêu tại Bản thông báo phát hành của đợt tương ứng. Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, mã chứng khoán do VSDC cấp là mã chính thức của Trái Phiếu.

2. Loại Trái Phiếu

2.1 Loại Trái Phiếu

Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, không có bảo lãnh thanh toán và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của TPBank. Trái Phiếu là nợ thứ cấp được thiết kế nhằm đáp ứng các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo Thông tư số 14/2025/TT-NHNN.

Toàn bộ 150.000.000 Trái Phiếu chào bán theo Nghị Quyết Phương Án Phát Hành là một loại Trái Phiếu; số lượng của từng đợt, từng mã chỉ là phần phân bổ trong tổng số lượng của loại Trái Phiếu này.

Trái Phiếu được phát hành và thanh toán bằng Đồng Việt Nam dưới hình thức bút toán ghi sổ.

2.2 Các tính chất khác của Trái Phiếu

(i) Trong trường hợp TPBank bị phá sản, giải thể hoặc thanh lý, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi TPBank đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác.

(ii) Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi khi đến hạn thanh toán lãi Trái Phiếu và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.

(iii) Người Sở Hữu Trái Phiếu không được sử dụng quyền yêu cầu thanh toán Trái Phiếu để bù trừ nghĩa vụ tài chính của chính mình đối với TPBank.

3. Mệnh giá: Mệnh giá Trái Phiếu là 100.000 VND/Trái Phiếu (một trăm nghìn đồng một Trái Phiếu).

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

4. **Tổng số lượng trái phiếu chào bán: Trái Phiếu được chào bán trong tối đa 05 (năm)** đợt chào bán với tổng số lượng Trái Phiếu được chào bán tối đa là **150.000.000** (Một trăm năm mươi triệu) Trái Phiếu, **cụ thể như sau:**

Đợt chào bán	Số lượng Trái Phiếu chào bán dự kiến ban đầu (Trái Phiếu)	Tổng mệnh giá chào bán dự kiến ban đầu (tỷ đồng)	Kỳ hạn	Thời điểm dự kiến bắt đầu chào bán
Đợt 1	30.000.000	3.000	10 năm	Quý IV/2026
Đợt 2	30.000.000	3.000	10 năm	Quý IV/2026
Đợt 3	30.000.000	3.000	10 năm	Quý I – Quý II/2027
Đợt 4	30.000.000	3.000	10 năm	Quý II – Quý III/2027
Đợt 5	30.000.000	3.000	10 năm	Quý III/2027
Tổng	**150.000.000**	**15.000**		

Nguyên tắc chuyển tiếp phần chưa phân phối hết: số lượng 30.000.000 Trái Phiếu và tổng mệnh giá 3.000.000.000.000 đồng tại mỗi dòng của Bảng trên là kế hoạch chào bán dự kiến ban đầu của từng đợt. Trường hợp một đợt không phân phối hết, phần chưa phân phối hết có thể được chuyển sang đợt chào bán liền sau và cộng vào kế hoạch chào bán dự kiến ban đầu của đợt đó, với điều kiện đáp ứng đồng thời các điều kiện (i) đến (iv) dưới đây; phần không đáp ứng điều kiện chuyển tiếp không được tự động chuyển sang đợt chào bán khác. Mỗi đợt chào bán sau chỉ được thực hiện sau khi đợt chào bán liền trước kết thúc.

Việc chuyển tiếp số Trái Phiếu chưa phân phối hết phải đồng thời bảo đảm: (i) số lượng Trái Phiếu chào bán của mỗi đợt không vượt quá phần chưa phát hành của tổng số lượng 150.000.000 Trái Phiếu đăng ký chào bán; (ii) tổng mệnh giá Trái Phiếu dự kiến chào bán của từng đợt sau khi cộng số Trái Phiếu chuyển tiếp không vượt quá vốn chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính hợp nhất của TPBank, không bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát; (iii) thời gian chào bán của mỗi đợt không vượt quá 90 ngày, trừ trường hợp được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gia hạn theo quy định của pháp luật, và khoảng cách giữa hai đợt chào bán liền kề không quá 12 tháng; và (iv) tổng số đợt chào bán không vượt quá 05 đợt; số Trái Phiếu chưa phân phối hết sau khi kết thúc Đợt 5 không được chuyển tiếp sang đợt chào bán khác theo Nghị Quyết Phương Án Phát Hành.

5. **Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: Tổng giá trị Trái Phiếu được chào bán theo mệnh giá tối đa là 15.000.000.000.000 VND (Mười lăm nghìn tỷ** đồng), chi tiết tại Mục 4 Phần VI này.

Theo kế hoạch chào bán dự kiến ban đầu, giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá của mỗi đợt chào bán từ Đợt 1 đến Đợt 5 là 3.000 tỷ đồng, tương đương 6,21% vốn chủ sở hữu hợp nhất của TPBank không bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày 30/09/2026 (48.312,467 tỷ đồng), theo BCTC hợp nhất quý III/2026. Tỷ lệ nêu trên được xác định trên cơ sở giá trị chào bán

dự kiến ban đầu của từng đợt là 3.000 tỷ đồng và chưa bao gồm giá trị Trái Phiếu chưa phân phối hết được chuyển tiếp từ đợt chào bán liền trước (nếu có).

6. Kỳ hạn Trái Phiếu:

Trái Phiếu có kỳ hạn 10 năm, tính từ Ngày Phát Hành của mã Trái Phiếu tương ứng.

7. Lãi suất:

7.1 Trái Phiếu có lãi suất thả nổi ("Lãi Suất"), cụ thể như sau:

Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên Độ

Trong đó:

+ **"Lãi Suất Tham Chiếu"** để xác định Lãi Suất là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo mức công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn ngân hàng nêu trên tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân.

  Trường hợp một ngân hàng nêu trên công bố nhiều mức lãi suất cho cùng kỳ hạn 12 tháng, mức được sử dụng là mức thấp nhất được công bố.

  Trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất không lấy được mức công bố của một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) ngân hàng nêu trên, Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng còn lại; trường hợp không lấy được của tất cả các ngân hàng nêu trên, Lãi Suất Tham Chiếu là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam thông thường, trả sau, kỳ hạn 12 tháng do TPBank công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất.

  Lãi Suất Tham Chiếu được xác định lại cho từng Kỳ Tính Lãi của từng mã Trái Phiếu.

+ **"Biên Độ"** được xác định trên cơ sở tình hình thị trường, khả năng chấp nhận và nhu cầu vốn của TPBank tại thời điểm phát hành, phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ. Biên Độ lãi suất tối đa theo Phương án phát hành là 4,1%/năm. Biên Độ cụ thể của từng mã Trái Phiếu tại từng Đợt Chào Bán do Tổng Giám đốc quyết định trước khi triển khai Đợt Chào Bán đó và được công bố tại Bản thông báo phát hành của Đợt Chào Bán tương ứng, đảm bảo không vượt quá biên độ lãi suất tối đa theo Phương án phát hành đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

  Lãi suất và nguyên tắc xác định lãi suất Trái Phiếu cụ thể đối với từng đợt chào bán được công bố trong Bản thông báo phát hành của từng đợt chào bán.

7.2 Trong trường hợp pháp luật có quy định áp dụng trần lãi suất đối với Trái Phiếu thì:

(i) nếu quy định áp dụng trần lãi suất này không có hiệu lực áp dụng hoặc không bắt buộc áp dụng đối với Lãi Suất đã được quy định tại điểm 7.1 Mục này thì Lãi Suất sẽ tiếp tục được áp dụng theo quy định tại điểm 7.1 Mục này;

(ii) nếu quy định áp dụng trần lãi suất này có hiệu lực áp dụng đối với Lãi Suất và Lãi Suất đã được quy định tại điểm 7.1 Mục này vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì Lãi Suất sẽ là mức lãi suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật; và

(iii) nếu quy định áp dụng trần lãi suất này có hiệu lực áp dụng đối với Lãi Suất nhưng Lãi Suất được quy định tại điểm 7.1 Mục này không vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì Lãi Suất là mức lãi suất được xác định như tại điểm 7.1 Mục này.

7.3 Vào mỗi Ngày Xác Định Lãi Suất, Tổ Chức Phát Hành xác định Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi tương ứng theo nguyên tắc quy định tại điểm 7.1 Mục 7 Phần VI.

Tổ Chức Phát Hành thực hiện thông báo kết quả xác định Lãi Suất cho VSDC và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thời hạn, phương thức và trình tự phù hợp với quy định của pháp luật, quy chế của VSDC và Các Điều Kiện Trái Phiếu tại từng thời điểm. Tổ Chức Phát Hành đồng thời công bố Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi tiếp theo trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành chậm nhất 02 (hai) Ngày Làm Việc trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó.

Đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên, Lãi Suất được xác định và công bố theo Bản thông báo phát hành của Đợt Chào Bán tương ứng. Kết quả xác định Lãi Suất của Tổ Chức Phát Hành được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu của mã tương ứng, trừ trường hợp có sai sót rõ ràng trong việc tính toán hoặc xác định Lãi Suất.

8. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc:

a. Kỳ hạn trả lãi của Trái Phiếu:

"Kỳ Tính Lãi": là khoảng thời gian để xác định tiền lãi Trái Phiếu, với kỳ trả lãi định kỳ 12 tháng một lần kể từ Ngày Phát Hành. Cụ thể:

(i) đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên: là khoảng thời gian từ Ngày Phát Hành (bao gồm) đến Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên (không bao gồm);

(ii) đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo: là khoảng thời gian từ Ngày Thanh Toán Lãi liền trước (bao gồm) đến Ngày Thanh Toán Lãi kế tiếp (không bao gồm); và

(iii) đối với Kỳ Tính Lãi cuối cùng: là khoảng thời gian từ Ngày Thanh Toán Lãi liền trước (bao gồm) đến Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn, tùy trường hợp (không bao gồm).

b. Kỳ hạn trả gốc của Trái Phiếu: Tiền gốc Trái Phiếu được thanh toán một lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc vào ngày mua lại trước hạn đối với phần Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại theo Mục 14 Phần VI Bản Cáo Bạch này. Đối với phần Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn theo Mục 14 Phần VI Bản Cáo Bạch này, tiền lãi của Kỳ Tính Lãi cuối cùng được thanh toán vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và nằm trong giá mua lại quy định tại Mục 14.1 Phần VI Bản Cáo Bạch này.

Để làm rõ, trường hợp Ngày Thanh Toán Lãi, Ngày Đáo Hạn, ngày mua lại trước hạn hoặc ngày đến hạn thanh toán khác không phải là Ngày Làm Việc thì việc thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu được thực hiện vào Ngày Làm Việc liền sau ngày đó. Trừ trường hợp quy định tại đoạn dưới đây, Người Sở Hữu Trái Phiếu không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là Ngày Làm Việc.

Nếu Ngày Đáo Hạn, Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn thanh toán gốc khác không phải là Ngày Làm Việc thì đối với mỗi Trái Phiếu đến hạn thanh toán gốc do mình sở hữu, Người Sở Hữu Trái Phiếu tiếp tục được hưởng lãi tính trên tiền gốc Trái Phiếu đó theo Lãi Suất áp dụng trong Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán khoản tiền gốc đó, cho giai đoạn tính từ và bao gồm ngày đến hạn đó đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán thực tế, tính trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

c. Phương thức thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu: Tiền lãi và tiền gốc Trái Phiếu sẽ được thanh toán bằng cách chuyển khoản vào tài khoản được đăng ký của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc phương thức khác theo quy chế của VSDC (đối với Trái Phiếu đã lưu ký tại VSDC).

d. Tiền lãi:

(i) Tiền lãi Trái Phiếu được xác định trên số ngày thực tế của Kỳ Tính Lãi, trên cơ sở một năm có 365 ngày, theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi Trái Phiếu} = \text{Tổng mệnh giá Trái Phiếu nắm giữ tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng} \times \text{Lãi Suất áp dụng trong Kỳ Tính Lãi đó} \times \frac{\text{Số ngày thực tế của Kỳ Tính Lãi}}{365}$$

(ii) Nếu khoản tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán mà không phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu, khoản tiền gốc Trái Phiếu bị chậm thanh toán tiếp tục được hưởng lãi theo Lãi Suất áp dụng tại Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán khoản tiền gốc đó, tính trên cơ sở một năm có 365 ngày, kể từ (và bao gồm) Ngày Đáo Hạn, Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày Trái Phiếu được tuyên bố đến hạn theo Mục 11 Phần VI Bản Cáo Bạch này, tùy từng trường hợp, cho đến (nhưng không bao gồm) ngày khoản tiền gốc chậm thanh toán đó được thanh toán đầy đủ cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

(iii) Nếu khoản tiền lãi của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán (ngoại trừ trường hợp quy định tại điểm e Mục 8 Phần VI này) mà không phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu, khoản tiền lãi Trái Phiếu chậm trả tiếp tục được hưởng lãi theo Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi phát sinh khoản tiền lãi đó, tính trên cơ sở một năm có 365 ngày, kể từ (và bao gồm) ngày khoản tiền lãi đó đến hạn thanh toán cho đến (nhưng không bao gồm) ngày khoản tiền lãi chậm thanh toán đó được thanh toán đầy đủ cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

(iv) Trường hợp Tổ Chức Phát Hành đã chuyển tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu nhưng Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được vì lý do không thuộc lỗi của Tổ Chức Phát Hành thì Tổ Chức Phát Hành sẽ theo dõi riêng số tiền đó và thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu chậm nhất vào Ngày Làm Việc kế tiếp kể từ ngày lỗi được xử lý; số tiền này không được tính lãi trong thời gian chưa được thanh toán.

(v) Đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu chưa lưu ký Trái Phiếu tại thành viên lưu ký của VSDC, tiền gốc, tiền lãi Trái Phiếu được chuyển khoản vào tài khoản của Người Sở Hữu Trái Phiếu; phí chuyển khoản do Tổ Chức Phát Hành chịu nếu tài khoản nhận tiền mở tại Tổ Chức Phát Hành, và do Người Sở Hữu Trái Phiếu chịu nếu tài khoản nhận tiền mở tại tổ chức tín dụng khác, được khấu trừ vào số tiền Người Sở Hữu Trái Phiếu được nhận trước khi chuyển khoản. Trường hợp Trái Phiếu đã được lưu ký tại VSDC, việc thanh toán tiền gốc, lãi Trái Phiếu được thực hiện theo quy định của VSDC.

(vi) Các khoản thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu là số tiền còn lại sau khi đã khấu trừ thuế theo quy định của pháp luật (nếu có), theo Mục 19 Phần VI Bản Cáo Bạch này. Tổ Chức Phát Hành không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp khoản thuế đã khấu trừ.

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

e. Ngừng thanh toán tiền lãi

(i) Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ ("**Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán**"). Việc Tổ Chức Phát Hành ngừng thanh toán tiền lãi theo quy định tại câu trên sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Các Điều Kiện Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào. Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành tạm ngừng thanh toán tiền lãi là "**Kỳ Tạm Ngừng**" thanh toán tiền lãi đó. Việc TPBank thực hiện quyền ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo không làm thay đổi các mốc Ngày Thanh Toán Lãi đã được xác định theo Ngày Phát Hành của mã Trái Phiếu tương ứng.

(ii) Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán sẽ không được nhập vào gốc Trái Phiếu và được hưởng lãi kể từ (và bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tạm Ngừng cho đến (nhưng không bao gồm) ngày thanh toán thực tế cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (là ngày Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán).

(iii) Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán được Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu vào Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên sau Kỳ Tạm Ngừng mà việc thanh toán không làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có Ngày Thanh Toán Lãi đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.

(iv) Lãi Suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán là Lãi Suất của Kỳ Tạm Ngừng đó (mức lãi suất này không thay đổi trong suốt giai đoạn tạm ngừng thanh toán tiền lãi), tính trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

9. Giá chào bán: Bằng mệnh giá Trái Phiếu là 100.000 VND/Trái Phiếu (một trăm nghìn đồng một Trái Phiếu).

10. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động:

Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp TPBank bị phá sản, giải thể hoặc thanh lý, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi TPBank đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác. Trái Phiếu phát hành cùng một Đợt Chào Bán tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

11. Quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

11.1. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu:

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên trong Sổ Đăng Ký do Tổ Chức Phát Hành quản lý (trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC) hoặc trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tại VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC) sẽ là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu đó.

Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ có các quyền cơ bản như sau:

a. Được nhận các khoản thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu có liên quan;

b. Được chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế và thực hiện các hình thức chuyển quyền sở hữu khác theo quy định của pháp luật và quy chế của VSDC.

Để làm rõ:

- Trái Phiếu chỉ được chuyển nhượng sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC và được đưa vào giao dịch trên HNX. Trong khoảng thời gian từ khi kết thúc mỗi Đợt Chào Bán đến khi Trái Phiếu của đợt đó được đưa vào giao dịch trên HNX, Trái Phiếu không được chuyển nhượng, trừ các trường hợp chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật và quy chế của VSDC. Để làm rõ, trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, Trái Phiếu không được chuyển nhượng, chuyển quyền sở hữu; sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC và trước khi được đưa vào giao dịch trên HNX, việc chuyển quyền sở hữu chỉ được thực hiện qua VSDC theo quy định của pháp luật và quy chế của VSDC. Việc chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho người mua được Tổ Chức Phát Hành thực hiện trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán theo khoản 6 Điều 26 Luật Chứng khoán.
- Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC và/hoặc được niêm yết tại HNX, việc chuyển giao và ghi nhận quyền sở hữu Trái Phiếu sẽ theo quy định của VSDC, quy định của HNX và quy định của pháp luật có liên quan.

c. Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký được quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, trừ trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu đã ủy quyền cho Tổ Chức Phát Hành làm thủ tục lưu ký tập trung. Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, việc cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu chỉ áp dụng đối với Trái Phiếu chưa lưu ký hoặc trong trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan, quy định của VSDC và HNX (nếu áp dụng). Việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và thay đổi thông tin đối với Trái Phiếu chưa lưu ký tại VSDC được thực hiện theo quy định của Tổ Chức Phát Hành;

d. Quyền khi xảy ra các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành:

Khi xảy ra một trong các sự kiện dưới đây, mỗi sự kiện được gọi là một **"Sự Kiện Vi Phạm":**

(i) Không thanh toán: Tổ Chức Phát Hành không thanh toán tiền gốc và/hoặc tiền lãi Trái Phiếu khi đến hạn theo Các Điều Kiện Trái Phiếu và việc không thanh toán đó vẫn chưa được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn thanh toán, trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền lãi theo quy định tại điểm e Mục 8 Phần VI Bản Cáo Bạch này; hoặc

(ii) Mất khả năng thanh toán: Tổ Chức Phát Hành bị mất khả năng thanh toán hoặc lâm vào tình trạng khác làm phát sinh quyền yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản, và tình trạng này không chấm dứt hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc; hoặc

(iii) Phá sản, giải thể: có quyết định của tòa án hoặc nghị quyết/quyết định của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ Chức Phát Hành, và quyết định hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra.

Theo đó:

- Khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm nêu tại Điểm (i) trên đây, Người Sở Hữu Trái Phiếu, thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và trên cơ sở nghị quyết hợp lệ của Người Sở Hữu Trái

Phiếu, có quyền khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam yêu cầu Tổ Chức Phát Hành tuân thủ nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và/hoặc tiền lãi Trái Phiếu đến hạn, phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng dân sự hiện hành.

- Khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm nêu tại Điểm (ii) trên đây, Người Sở Hữu Trái Phiếu, thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và trên cơ sở nghị quyết hợp lệ của Người Sở Hữu Trái Phiếu, có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam mở thủ tục phá sản đối với Tổ Chức Phát Hành, nếu pháp luật về phục hồi, phá sản có liên quan cho phép.

Khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm nêu tại Điểm (iii) trên đây (bất kể Sự Kiện Vi Phạm nêu tại Điểm (i) hoặc Điểm (ii) đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không), bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản, được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo, cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn. Ngay sau khi nhận được thông báo của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại điểm này và xác minh được thông tin về việc sự kiện nêu trên đã xảy ra, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành, những Người Sở Hữu Trái Phiếu khác và các bên liên quan khác (nếu có) để tuyên bố Trái Phiếu đến hạn. Trong trường hợp này, toàn bộ tiền gốc, tiền lãi lũy kế và các khoản tiền khác (nếu có) theo Trái Phiếu được coi là đến hạn ngay lập tức và Tổ Chức Phát Hành phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành với giá mua lại bằng mệnh giá Trái Phiếu cộng với tiền lãi lũy kế chưa thanh toán và các khoản tiền khác (nếu có) theo Trái Phiếu tính đến ngày mua lại, tính theo công thức tại điểm d Mục 8 Phần VI Bản Cáo Bạch này.

Để làm rõ, trong mọi trường hợp, việc thanh toán đối với Trái Phiếu phải tuân thủ tính chất nợ thứ cấp và thứ tự ưu tiên thanh toán quy định tại Mục 10 Phần VI Bản Cáo Bạch này.

e. Được tham dự Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu và biểu quyết tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu và được lấy ý kiến và biểu quyết về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Văn Kiện Trái Phiếu.

Trình tự, thủ tục tổ chức Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu và lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản được quy định tại Quy chế tổ chức hội nghị và lấy ý kiến của Người Sở Hữu Trái Phiếu (Phụ lục 01 của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Phụ lục 6 Bản Cáo Bạch này) ("Quy Chế Hội Nghị").

Theo Quy Chế Hội Nghị: (i) một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 10% tổng số Trái Phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trở lên được quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu, yêu cầu lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản và kiến nghị bổ sung vấn đề vào chương trình họp (chủ tọa phải chấp thuận và bổ sung kiến nghị hợp lệ vào chương trình họp, trừ trường hợp nội dung kiến nghị vi phạm pháp luật, trái với Điều lệ của Tổ Chức Phát Hành hoặc không thuộc thẩm quyền quyết định của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu); (ii) mỗi Trái Phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết tương ứng với 01 (một) quyền biểu quyết; (iii) Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được tiến hành khi có Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% tổng số Trái Phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trở lên tham dự; nghị quyết, quyết định tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bằng hình thức lấy ý kiến được thông qua khi được Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% tổng số Trái Phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết chấp thuận, trừ trường hợp Các Điều Kiện Trái Phiếu quy định tỷ lệ cao hơn; (iv) Người Sở Hữu Trái Phiếu được nhận bản sao biên bản Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc biên bản kiểm phiếu và văn bản tổng hợp các quyết định trong thời hạn 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc kết thúc thời hạn nhận ý kiến; (v) trường hợp Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập do xuất phát từ vi phạm của Tổ Chức Phát Hành và nghị quyết, quyết định của Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua hợp lệ, toàn bộ chi phí

hợp lý để tổ chức Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu do Tổ Chức Phát Hành chịu trách nhiệm thanh toán hoặc hoàn trả cho người triệu tập.

f. Có quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành giữ bí mật thông tin liên quan đến số dư Trái Phiếu và các giao dịch của Người Sở Hữu Trái Phiếu trừ khi Tổ Chức Phát Hành phải tiết lộ các thông tin đó theo quy định của pháp luật;

g. Các quyền khác theo các quy định của pháp luật hiện hành, Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu có liên quan.

11.2. Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu:

a. Tiếp cận đầy đủ nội dung thông tin công bố của Tổ Chức Phát Hành; tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch Trái Phiếu; hiểu rõ và tuân thủ quy định về đầu tư, giao dịch trên thị trường chứng khoán;

b. Có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ thuế phát sinh từ thu nhập chịu thuế hoặc bất kỳ khoản thanh toán nào mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của pháp luật;

c. Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Phát Hành để hoàn thành việc đăng ký, lưu ký tập trung, niêm yết Trái Phiếu;

d. Lập tức thông báo cho Tổ Chức Phát Hành nếu Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị mất cắp, thất lạc hoặc phát hiện có lỗi, sai sót. Người Sở Hữu Trái Phiếu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thiệt hại hoặc mất mát gây ra khi không lập tức thông báo theo quy định tại điểm này;

e. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua hợp lệ theo Các Điều Kiện Trái Phiếu và Quy Chế Hội Nghị, kể cả trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không tham dự Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu, không gửi phiếu lấy ý kiến hoặc biểu quyết không tán thành;

f. Trường hợp yêu cầu triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc yêu cầu lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu, việc chịu chi phí tổ chức được xác định theo Quy Chế Hội Nghị; riêng yêu cầu lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu phải kèm bảo đảm về chi phí tổ chức theo yêu cầu hợp lý của Tổ Chức Phát Hành; chịu và ứng trước phí, chi phí tố tụng khi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thay mặt Người Sở Hữu Trái Phiếu khởi kiện hoặc yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Tổ Chức Phát Hành theo nghị quyết hợp lệ của Người Sở Hữu Trái Phiếu; việc bên thua kiện chịu án phí, chi phí tố tụng (nếu có) thực hiện theo bản án, quyết định có hiệu lực của tòa án và quy định của pháp luật;

g. Các nghĩa vụ khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu, Văn Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật.

11.3. Trường hợp thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu:

Đối với Trái Phiếu đã được phát hành, trừ điều kiện về Đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo khoản 4 Điều 24 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, các điều kiện, điều khoản của Trái Phiếu chỉ được thay đổi khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây theo khoản 6 Điều 7 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP: (i) được cấp có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành thông qua; (ii) được số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% tổng số Trái Phiếu đang lưu hành trở lên chấp thuận, ngoại trừ các điều khoản Trái Phiếu được phép thay đổi theo Phương án phát hành đã được công bố trong Bản Cáo Bạch; (iii) thông tin về việc thay đổi được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổ Chức Phát Hành, Sở giao dịch chứng khoán.

12. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

12.1. Tên Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP ("UPSC")

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Hapro, số 11B Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 6666 Fax: (024) 3944 8071

12.2. Trách nhiệm cơ bản của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu số 01/2026/HĐĐDNSHTP/TPB-UPSC ngày 24/09/2026 với Tổ Chức Phát Hành:

- Giám sát việc tuân thủ các cam kết của Tổ Chức Phát Hành trong hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu;
- Làm trung gian liên lạc giữa Người Sở Hữu Trái Phiếu, TPBank và các tổ chức có liên quan; tiếp nhận và chuyển tiếp chính xác, đầy đủ, kịp thời thông tin chính thức, yêu cầu, phản ánh hoặc khiếu nại thuộc phạm vi đại diện;
- Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp phát hiện Tổ Chức Phát Hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Phối hợp tổ chức hội nghị hoặc lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu khi phát sinh theo pháp luật hoặc Văn Kiện Trái Phiếu và thực hiện phần việc thuộc trách nhiệm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo nghị quyết hợp lệ;
- Xác minh thông tin về Sự Kiện Vi Phạm, gửi thông báo tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và thay mặt Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện quyền khởi kiện hoặc yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định tại điểm d Mục 11.1 Phần VI Bản Cáo Bạch này;
- Các công việc và nhiệm vụ khác của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của pháp luật và/hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu.
- Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được thay đổi khi được số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% tổng số Trái Phiếu đang lưu hành trở lên chấp thuận theo khoản 4 Điều 24 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Trường hợp thay đổi các điều khoản khác tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, việc thay đổi phải đồng thời được cấp có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành thông qua.

13. Cam kết về bảo đảm: Trái Phiếu không có bảo lãnh thanh toán và không được bảo đảm bằng tài sản.

14. Việc mua lại Trái Phiếu trước hạn

14.1. Mua lại Trái Phiếu trước hạn theo quyết định của Tổ Chức Phát Hành:

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Tổ Chức Phát Hành được mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu trước Ngày Đáo Hạn với điều kiện sau khi thực hiện việc mua lại vẫn bảo đảm các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu của các quy định pháp luật có liên quan (nếu có). Tổ Chức Phát Hành báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để giám sát theo quy định tại Thông tư số 14/2025/TT-NHNN.

a. Tổ Chức Phát Hành có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) mua lại trước hạn một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành theo một trong hai phương thức sau:

(i) Mua lại định kỳ: Tại mỗi Ngày Thanh Toán Lãi, kể từ (và bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên (tròn 01 năm kể từ Ngày Phát Hành), Tổ Chức Phát Hành có thể thực hiện mua lại trước hạn một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu. Theo đó, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại phần Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại theo đề nghị của Tổ Chức Phát Hành.

Trường hợp Tổ Chức Phát Hành chào mua lại một phần Trái Phiếu đang lưu hành của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu theo tỷ lệ cụ thể thì mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại một phần số lượng Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành tương ứng với tỷ lệ đó theo Thông Báo Chào Mua;

(ii) Mua lại theo thỏa thuận: Tổ Chức Phát Hành được quyền đề nghị mua lại trước hạn một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành tại bất kỳ thời điểm nào sau Ngày Phát Hành. Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền chấp thuận hoặc từ chối đề nghị mua lại của Tổ Chức Phát Hành.

b. Giá mua lại:

(i) Đối với mua lại định kỳ, giá mua lại bằng 100% mệnh giá cộng khoản lãi phải thanh toán đến Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, tính theo công thức tại điểm d Mục 8 Phần VI Bản Cáo Bạch này, cộng Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán và lãi phát sinh trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán chưa được thanh toán (nếu có) theo điểm e Mục 8 Phần VI Bản Cáo Bạch này, và được nêu tại Thông Báo Chào Mua;

(ii) Đối với mua lại theo thỏa thuận, giá hoặc nguyên tắc xác định giá do Hội đồng quản trị phê duyệt tại phương án mua lại và được Người Sở Hữu Trái Phiếu tham gia chấp thuận, phù hợp với Bản Cáo Bạch và pháp luật áp dụng.

c. Trình tự, thủ tục thực hiện mua lại trước hạn:

(i) Để thực hiện việc mua lại trước hạn Trái Phiếu nêu trên, trên cơ sở phương án mua lại được Hội đồng quản trị phê duyệt, Tổ Chức Phát Hành ban hành và công bố thông báo chào mua Trái Phiếu trước hạn ("Thông Báo Chào Mua") cho Người Sở Hữu Trái Phiếu và thực hiện thủ tục chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thời hạn, trình tự quy định của pháp luật và quy chế của VSDC. Thông Báo Chào Mua nêu số lượng Trái Phiếu chào mua lại, giá mua lại, phương thức mua lại, nguyên tắc xác định số lượng Trái Phiếu sẽ mua lại của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu và Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại.

(ii) Trong trường hợp mua lại trước hạn định kỳ, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại phần Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại theo Thông Báo Chào Mua.

(iii) Trong trường hợp mua lại trước hạn theo thỏa thuận, Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện thủ tục đăng ký bán lại một phần hoặc toàn bộ số lượng Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành theo Thông Báo Chào Mua, theo quy định sau:

Trong trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu mà Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại bằng hoặc thấp hơn tổng số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành chào mua lại theo Thông Báo Chào Mua, Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại toàn bộ số lượng Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại theo số lượng Trái Phiếu mà Người Sở Hữu Trái Phiếu đó đăng ký bán lại.

Trong trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu mà Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại vượt quá tổng số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành chào mua lại theo Thông Báo Chào Mua, Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại Trái Phiếu từ tất cả (Những) Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại Trái Phiếu theo tỷ lệ, cụ thể:

Số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành mua lại từ mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu = (Số lượng Trái Phiếu mà Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại x Tổng số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành chào mua lại) / Tổng số lượng Trái Phiếu mà tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại

(iv) Để làm rõ, trong các trường hợp Tổ Chức Phát Hành thực hiện mua lại một phần Trái Phiếu trước hạn, số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành thực tế mua lại từ mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị (nếu có phần lẻ phát sinh) nhằm bảo đảm tổng số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành mua lại từ tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu không vượt quá tổng số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành chào mua lại nêu tại Thông Báo Chào Mua.

(v) Bất kỳ Trái Phiếu nào do Tổ Chức Phát Hành mua lại theo Mục này sẽ không được tính vào số phiếu được quyền biểu quyết trong Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc trong trường hợp Lấy Ý Kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập để quyết định những vấn đề liên quan đến Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

(vi) Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn theo Mục 14 Phần VI Bản Cáo Bạch này hoặc đến Ngày Đáo Hạn chỉ bị hủy bỏ sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán đầy đủ cho Người Sở Hữu Trái Phiếu tiền gốc, tiền lãi (bao gồm Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán và lãi phát sinh trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán, nếu có) của Trái Phiếu đó; Trái Phiếu đã bị hủy bỏ không được phát hành lại hoặc bán lại. Việc hủy đăng ký số Trái Phiếu tương ứng tại VSDC được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của VSDC. Trường hợp mua lại trước hạn một phần Trái Phiếu đã niêm yết, Tổ Chức Phát Hành thực hiện thay đổi đăng ký niêm yết theo Điều 118a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, được bổ sung bởi khoản 45 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP; số Trái Phiếu không được mua lại tiếp tục lưu hành theo Các Điều Kiện Trái Phiếu. Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) tự động hết hiệu lực kể từ thời điểm Tổ Chức Phát Hành hoàn thành nghĩa vụ thanh toán đối với Trái Phiếu tương ứng.

14.2. Mua lại Trái Phiếu trước hạn trong các trường hợp khác: Thực hiện theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

Trừ trường hợp xảy ra Sự Kiện Vi Phạm được quy định tại Bản Cáo Bạch và Trái Phiếu được tuyên bố đến hạn theo trình tự quy định tại Bản Cáo Bạch, Người Sở Hữu Trái Phiếu không có quyền yêu cầu TPBank mua lại hoặc thanh toán Trái Phiếu trước Ngày Đáo Hạn. Việc TPBank không thực hiện quyền mua lại trước hạn theo phương thức định kỳ hoặc theo thỏa thuận không cấu thành vi phạm nghĩa vụ của TPBank theo Trái Phiếu.

15. Phương thức phân phối

Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối trực tiếp cho Nhà Đầu Tư tại trụ sở chính, các chi nhánh/phòng giao dịch của TPBank trên phạm vi toàn quốc và/hoặc qua kênh giao dịch điện tử của TPBank theo thông tin được công bố tại Bản thông báo phát hành của Đợt Chào Bán tương ứng.

Việc phân phối Trái Phiếu chỉ được thực hiện sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán và thực hiện công bố Bản thông báo phát hành, Bản Cáo Bạch chính thức theo khoản 5 Điều 41 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 19 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành phân phối Trái Phiếu một cách công khai, công bằng và bảo đảm thời hạn đăng ký mua cho Nhà Đầu Tư theo đúng quy định của pháp luật. Thời hạn đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt Chào Bán tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày bắt đầu nhận đăng ký mua được công bố tại Bản thông báo phát hành của đợt đó. Thời hạn phân phối Trái Phiếu được thực hiện theo khoản 4 Điều 26 Luật Chứng khoán và khoản 2 Điều 28 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Trường hợp tại ngày kết thúc đăng ký mua Trái Phiếu, tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép chào bán trong Đợt Chào Bán thì Tổ Chức Phát Hành phải phân phối hết số lượng Trái Phiếu được phép chào bán cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp này, nếu số lượng Trái Phiếu được phân phối cho một Nhà Đầu Tư thấp hơn số lượng Trái Phiếu đăng ký mua tối thiểu quy định tại điểm c Mục 16 Phần VI của Bản Cáo Bạch này thì Nhà Đầu Tư đó vẫn được xem là đã đăng ký mua thành công với số lượng Trái Phiếu được phân phối.

Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua bằng hoặc nhỏ hơn số lượng Trái Phiếu được phép chào bán trong Đợt Chào Bán thì Tổ Chức Phát Hành sẽ phân phối cho mỗi Nhà Đầu Tư số lượng Trái Phiếu bằng 100% số lượng Trái Phiếu mà Nhà Đầu Tư đó đăng ký mua.

Việc chào bán Trái Phiếu theo Bản Cáo Bạch này không có bảo lãnh phát hành và không có đại lý phân phối.

16. Đăng ký mua Trái Phiếu

a. Thời hạn đăng ký mua: theo Mục 15 Phần VI của Bản Cáo Bạch này. Thời gian nhận đăng ký mua và thời gian nhận tiền mua Trái Phiếu cụ thể của từng Đợt Chào Bán được Tổ Chức Phát Hành công bố tại Bản thông báo phát hành của Đợt Chào Bán đó.

b. Đối tượng được đăng ký mua Trái Phiếu: tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật.

c. Số lượng Trái Phiếu đăng ký mua tối thiểu:

(i) Số lượng Trái Phiếu tối thiểu mà mỗi Nhà Đầu Tư phải đăng ký mua trong từng Đợt Chào Bán do Tổng Giám đốc quyết định trước khi triển khai Đợt Chào Bán đó và được công bố tại Bản thông báo phát hành của Đợt Chào Bán tương ứng.

(ii) Trường hợp Nhà Đầu Tư đăng ký mua với số lượng thấp hơn số lượng Trái Phiếu đăng ký mua tối thiểu nêu trên, phiếu đăng ký mua của Nhà Đầu Tư đó không hợp lệ và Nhà Đầu Tư đó không được phân phối Trái Phiếu; số tiền Nhà Đầu Tư đã nộp được hoàn trả toàn bộ, không tính lãi, theo điểm g Mục này.

d. Phương thức đăng ký mua và thanh toán tiền mua Trái Phiếu: Nhà Đầu Tư đăng ký mua Trái Phiếu và chuyển khoản tiền mua Trái Phiếu vào Tài Khoản Phong Tỏa Nhận Tiền Mua Trái Phiếu theo quy định của Tổ Chức Phát Hành nêu tại Bản thông báo phát hành. Việc đăng ký mua Trái Phiếu chỉ được xem là hoàn thành khi Nhà Đầu Tư đã đăng ký mua và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu trong thời hạn theo quy định của Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp Nhà Đầu Tư đã đăng ký mua Trái Phiếu nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua Trái Phiếu trong thời hạn theo quy định của Tổ Chức Phát Hành thì việc đăng ký mua Trái Phiếu được xem như không có giá trị và Nhà Đầu Tư được xem là không đăng ký mua Trái Phiếu và/hoặc đăng ký mua không thành công.

e. Thời hạn chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu: Việc cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện theo quy định tại điểm 11.1 Mục 11 Phần VI Bản Cáo Bạch này. Tổ Chức Phát Hành chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán, phù hợp với hình thức đăng ký, lưu ký của Trái Phiếu.

f. Quyền lợi của Nhà Đầu Tư: Nhà Đầu Tư đã đăng ký mua và thanh toán tiền mua Trái Phiếu theo quy định trên đây sẽ được ghi tên trong Sổ Đăng Ký với tư cách là Người Sở Hữu Trái Phiếu kể từ Ngày Phát Hành, được Tổ Chức Phát Hành chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái

Phiếu theo quy định nêu trên và được hưởng các quyền và lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu kể từ Ngày Phát Hành theo quy định của các Văn Kiện Trái Phiếu.

g. Thời hạn và cách thức hoàn trả tiền mua Trái Phiếu: Tổ Chức Phát Hành sẽ hoàn trả cho Nhà Đầu Tư số tiền chênh lệch còn lại giữa số tiền mua Trái Phiếu mà Nhà Đầu Tư đã thanh toán vào Tài Khoản Phong Tỏa Nhận Tiền Mua Trái Phiếu và số tiền mua Trái Phiếu tương ứng với số lượng Trái Phiếu mà Nhà Đầu Tư được phân phối trong Đợt Chào Bán:

(i) Thời hạn hoàn trả: trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tài Khoản Phong Tỏa Nhận Tiền Mua Trái Phiếu của Đợt Chào Bán tương ứng được giải tỏa. Tài khoản phong tỏa chỉ được giải tỏa sau khi kết thúc Đợt Chào Bán, Tổ Chức Phát Hành báo cáo kết quả Đợt Chào Bán và có thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả Đợt Chào Bán theo khoản 5 Điều 8 và khoản 9 Điều 41 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

(ii) Cách thức hoàn trả: Tổ Chức Phát Hành chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà Đầu Tư được ghi tại phiếu đăng ký mua Trái Phiếu theo mẫu do Tổ Chức Phát Hành công bố cho Đợt Chào Bán tương ứng.

17. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu

Lịch trình phân phối cụ thể của từng Đợt Chào Bán được Tổ Chức Phát Hành công bố tại Bản thông báo phát hành của Đợt Chào Bán đó theo tình hình thực tế của từng Đợt Chào Bán, bảo đảm thời hạn đăng ký mua tối thiểu 20 (hai mươi) ngày và thời gian chào bán của mỗi Đợt Chào Bán không quá 90 (chín mươi) ngày theo khoản 2, khoản 4 Điều 26 Luật Chứng khoán và khoản 2 Điều 28 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Trên cơ sở các thời hạn đăng ký mua và phân phối nêu trên, Tổ Chức Phát Hành dự kiến lịch trình phân phối Trái Phiếu của từng đợt chào bán như sau:

17.1. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 1:

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến
1	Tổ Chức Phát Hành nhận Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán có hiệu lực	T1
2	Tổ Chức Phát Hành công bố Bản thông báo phát hành Đợt 1 và Bản Cáo Bạch	T1 đến T1+7 Ngày Làm Việc ("**T1'**")
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 1	T1' đến T1' + 20
3.1	Thời hạn bắt đầu nhận đăng ký mua Trái Phiếu và nộp tiền mua Trái Phiếu	T1'
3.2	Thời hạn cuối cùng nhận đăng ký mua Trái Phiếu và nhận tiền mua Trái Phiếu	T1' + 20
4	Ngày Phát Hành (ngày kết thúc thu tiền mua Trái Phiếu Đợt 1)	T1' + 20
5	Tổ Chức Phát Hành báo cáo kết quả Đợt Chào Bán 1 cho UBCKNN và công bố thông tin về kết quả Đợt Chào Bán	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến
6	Chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư, phù hợp với hình thức đăng ký, lưu ký của Trái Phiếu	Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán

Ghi chú: Trường hợp Đợt 1 chưa phân phối hết, phần chưa phân phối hết có thể được chuyển sang đợt chào bán liền sau theo nguyên tắc và điều kiện chuyển tiếp tại Mục 4 Phần VI Bản Cáo Bạch này.

Đối với mỗi Đợt Chào Bán từ Đợt 2 đến Đợt 5, sau khi kết thúc Đợt Chào Bán liền trước, Tổ Chức Phát Hành gửi UBCKNN tài liệu bổ sung theo khoản 2 Điều 29 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, trong đó bao gồm: (i) tài liệu về tình hình của Tổ Chức Phát Hành (nếu có thay đổi); và (ii) Bản thông tin cập nhật Bản Cáo Bạch cập nhật các thông tin thay đổi (nếu có) (gọi chung là "Tài Liệu Triển Khai"). Khoảng cách giữa Đợt Chào Bán sau với Đợt Chào Bán liền trước không quá 12 (mười hai) tháng. Đợt Chào Bán sau chỉ được thực hiện sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được văn bản của UBCKNN về việc nhận được Tài Liệu Triển Khai và công bố thông tin về Tài Liệu Triển Khai và Bản thông báo phát hành của Đợt Chào Bán đó.

17.2. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 2:

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến
1	Ngày UBCKNN có văn bản về việc nhận được Tài Liệu Triển Khai của Đợt 2	T2
2	Tổ Chức Phát Hành công bố Tài Liệu Triển Khai và Bản thông báo phát hành Đợt 2	T2 đến T2+7 Ngày Làm Việc ("**T2'**")
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 2	T2' đến T2' + 20
3.1	Thời hạn bắt đầu nhận đăng ký mua Trái Phiếu và nộp tiền mua Trái Phiếu	T2'
3.2	Thời hạn cuối cùng nhận đăng ký mua Trái Phiếu và nhận tiền mua Trái Phiếu	T2' + 20
4	Ngày Phát Hành (ngày kết thúc thu tiền mua Trái Phiếu Đợt 2)	T2' + 20
5	Tổ Chức Phát Hành báo cáo kết quả Đợt Chào Bán 2 cho UBCKNN và công bố thông tin về kết quả Đợt Chào Bán	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán
6	Chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư, phù hợp với hình thức đăng ký, lưu ký của Trái Phiếu	Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán

Ghi chú: Trường hợp Đợt 2 chưa phân phối hết, phần chưa phân phối hết có thể được chuyển sang đợt chào bán liền sau theo nguyên tắc và điều kiện chuyển tiếp tại Mục 4 Phần VI Bản Cáo Bạch này.

17.3. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 3:

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến
1	Ngày UBCKNN có văn bản về việc nhận được Tài Liệu Triển Khai của Đợt 3	T3
2	Tổ Chức Phát Hành công bố Tài Liệu Triển Khai và Bản thông báo phát hành Đợt 3	T3 đến T3+7 Ngày Làm Việc ("**T3'**")
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 3	T3' đến T3' + 20
3.1	Thời hạn bắt đầu nhận đăng ký mua Trái Phiếu và nộp tiền mua Trái Phiếu	T3'
3.2	Thời hạn cuối cùng nhận đăng ký mua Trái Phiếu và nhận tiền mua Trái Phiếu	T3' + 20
4	Ngày Phát Hành (ngày kết thúc thu tiền mua Trái Phiếu Đợt 3)	T3' + 20
5	Tổ Chức Phát Hành báo cáo kết quả Đợt Chào Bán 3 cho UBCKNN và công bố thông tin về kết quả Đợt Chào Bán	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán
6	Chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư, phù hợp với hình thức đăng ký, lưu ký của Trái Phiếu	Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán

Ghi chú: Trường hợp Đợt 3 chưa phân phối hết, phần chưa phân phối hết có thể được chuyển sang đợt chào bán liền sau theo nguyên tắc và điều kiện chuyển tiếp tại Mục 4 Phần VI Bản Cáo Bạch này.

17.4. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 4:

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến
1	Ngày UBCKNN có văn bản về việc nhận được Tài Liệu Triển Khai của Đợt 4	T4
2	Tổ Chức Phát Hành công bố Tài Liệu Triển Khai và Bản thông báo phát hành Đợt 4	T4 đến T4+7 Ngày Làm Việc ("**T4'**")
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 4	T4' đến T4' + 20
3.1	Thời hạn bắt đầu nhận đăng ký mua Trái Phiếu và nộp tiền mua Trái Phiếu	T4'
3.2	Thời hạn cuối cùng nhận đăng ký mua Trái Phiếu và nhận tiền mua Trái Phiếu	T4' + 20
4	Ngày Phát Hành (ngày kết thúc thu tiền mua Trái Phiếu Đợt 4)	T4' + 20
5	Tổ Chức Phát Hành báo cáo kết quả Đợt Chào Bán 4 cho UBCKNN và công bố thông tin về kết quả Đợt Chào Bán	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán
6	Chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư, phù hợp với hình thức đăng ký, lưu ký của Trái Phiếu	Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán

Ghi chú: Trường hợp Đợt 4 chưa phân phối hết, phần chưa phân phối hết có thể được chuyển sang đợt chào bán liền sau theo nguyên tắc và điều kiện chuyển tiếp tại Mục 4 Phần VI Bản Cáo Bạch này.

17.5. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 5:

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến
1	Ngày UBCKNN có văn bản về việc nhận được Tài Liệu Triển Khai của Đợt 5	T5
2	Tổ Chức Phát Hành công bố Tài Liệu Triển Khai và Bản thông báo phát hành Đợt 5	T5 đến T5+7 Ngày Làm Việc ("**T5'**")
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 5	T5' đến T5' + 20
3.1	Thời hạn bắt đầu nhận đăng ký mua Trái Phiếu và nộp tiền mua Trái Phiếu	T5'
3.2	Thời hạn cuối cùng nhận đăng ký mua Trái Phiếu và nhận tiền mua Trái Phiếu	T5' + 20
4	Ngày Phát Hành (ngày kết thúc thu tiền mua Trái Phiếu Đợt 5)	T5' + 20
5	Tổ Chức Phát Hành báo cáo kết quả Đợt Chào Bán 5 cho UBCKNN và công bố thông tin về kết quả Đợt Chào Bán	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán
6	Chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư, phù hợp với hình thức đăng ký, lưu ký của Trái Phiếu	Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán

18. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu

Tiền mua Trái Phiếu của từng Đợt Chào Bán được chuyển vào tài khoản phong tỏa dưới đây ("Tài Khoản Phong Tỏa Nhận Tiền Mua Trái Phiếu") theo khoản 3 Điều 26 Luật Chứng khoán. Tài khoản này được mở tại ngân hàng khác hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài không phải là người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành và không trùng với tài khoản thanh toán của Tổ Chức Phát Hành, theo khoản 3, khoản 4 Điều 8 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Tên chủ tài khoản	:	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong
Số tài khoản	:	80003951905
Ngân hàng nơi mở tài khoản	:	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

19. Các loại thuế có liên quan

Các loại thuế liên quan đến Trái Phiếu được xác định dựa trên quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm phát sinh các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu. Những nội dung tóm tắt dưới đây là những phân tích dựa trên các quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các Nhà Đầu Tư. Một số Nhà Đầu Tư có thể phải tuân thủ theo các quy định riêng. Vì vậy, các Nhà Đầu Tư nên tham khảo ý kiến của các chuyên gia về thuế và các quy định của pháp luật về thuế có liên quan đến việc sở hữu và chuyển nhượng Trái Phiếu áp dụng riêng đối với từng trường hợp cụ thể.

Thuế thu nhập cá nhân

Đối với thu nhập nhận được từ Trái Phiếu do các tổ chức trong nước phát hành: Căn cứ khoản 3 Điều 3, khoản 1 Điều 12 và Điều 22 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 ngày 10/12/2025, có hiệu lực từ ngày 01/07/2026, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2026/QH16 ngày 24/4/2026, và điểm b khoản 3 Điều 9, khoản 1 Điều 55, Điều 67 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026, thu nhập từ lãi Trái

Phiếu là thu nhập từ đầu tư vốn; nhà đầu tư cá nhân nắm giữ chịu mức thuế suất 5% (năm phần trăm) trên số tiền lãi nhận được, áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

Đối với thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu: Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 3, khoản 2 Điều 13 và khoản 2 Điều 23 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 và khoản 2 Điều 10, Điều 54 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP, thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu là thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, chịu mức thuế suất 0,1% (không phẩy một phần trăm) trên giá chuyển nhượng theo từng lần chuyển nhượng, áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

Đối với thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là Trái Phiếu: Căn cứ khoản 9 Điều 3, Điều 18 và Điều 26 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15, thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là chứng khoán thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân với thuế suất 10% trên phần giá trị vượt trên 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo từng lần phát sinh; đối với cá nhân không cư trú, áp dụng đối với thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với Nhà Đầu Tư là doanh nghiệp Việt Nam, thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xác định và tính thuế theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành. Thuế suất và các trường hợp miễn thuế, ưu đãi thuế được áp dụng theo quy định tương ứng đối với từng doanh nghiệp.

Đối với Nhà Đầu Tư là doanh nghiệp nước ngoài thuộc diện tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ trên doanh thu, nghĩa vụ thuế đối với lãi Trái Phiếu và chuyển nhượng Trái Phiếu thực hiện theo điểm e, điểm g khoản 3 Điều 12 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP và điểm k, điểm l khoản 4 Điều 7 Thông tư số 20/2026/TT-BTC, cụ thể:

Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ lãi Trái Phiếu được xác định theo tỷ lệ 5% (năm phần trăm) trên doanh thu tính thuế từ lãi Trái Phiếu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xác định theo tỷ lệ 0,1% (không phẩy một phần trăm) trên doanh thu tính thuế từ chuyển nhượng Trái Phiếu.

Thuế giá trị gia tăng

Lãi Trái Phiếu và hoạt động chuyển nhượng Trái Phiếu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng theo khoản 9 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn có liên quan.

Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân

Đối với tiền lãi Trái Phiếu: Tổ Chức Phát Hành, với tư cách là tổ chức trả thu nhập, khấu trừ thuế thu nhập cá nhân trước khi trả lãi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu là cá nhân theo khoản 1 Điều 55 và Điều 67 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP.

Đối với thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu, việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng được thực hiện theo khoản 2, khoản 4 Điều 56 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP như sau: (i) Trái Phiếu giao dịch thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán: công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản lưu ký, công ty quản lý quỹ nơi cá nhân ủy thác danh mục đầu tư khấu trừ và nộp thuế; (ii) Trái Phiếu đã đăng ký tập trung tại VSDC nhưng không giao dịch thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán: công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản lưu ký khấu trừ và nộp thuế; (iii) Trái Phiếu chưa đăng ký tập trung tại VSDC: cá nhân chuyển nhượng trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế.

20. Thông tin về các cam kết

Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng, Tổ Chức Phát Hành cam kết:

a. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư

- Tổ Chức Phát Hành đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật về điều kiện phát hành Trái Phiếu.
- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn ở các cam kết về (i) điều kiện chào bán, phát hành Trái Phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật, (ii) việc thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu theo các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu tại Bản Cáo Bạch, (iii) việc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư liên quan đến Trái Phiếu và (iv) các điều kiện khác được nêu cụ thể tại Bản Cáo Bạch và các tài liệu thuộc hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng.
- Không có khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 (một) năm.
- Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xoá án tích.

b. Cam kết về thực hiện niêm yết trái phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán

Tổ Chức Phát Hành cam kết đăng ký Trái Phiếu tại VSDC và niêm yết toàn bộ Trái Phiếu được phân phối thành công của mỗi Đợt Chào Bán trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán theo khoản 2 Điều 29 Luật Chứng khoán.

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Toàn bộ số tiền thực tế thu được từ chào bán Trái Phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện hệ số an toàn vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng của TPBank, cụ thể là khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp, trên cơ sở bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của TPBank.

Tổ Chức Phát Hành không chào bán Trái Phiếu nhằm mục đích huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư do Tổ Chức Phát Hành làm chủ đầu tư.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ chào bán trái phiếu

Số tiền thực tế sử dụng là số tiền thu được từ Trái Phiếu được phân phối thành công và được giải tỏa theo quy định pháp luật, nhưng tổng cộng không vượt quá 15.000.000.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền thực tế thu được từ các đợt chào bán nhằm bổ sung nguồn vốn cấp 2, cải thiện hệ số an toàn vốn và phục vụ nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp của TPBank theo kế hoạch từng đợt như sau:

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

Đợt	Kỳ hạn	Số tiền chào bán dự kiến ban đầu (đồng)	Mục đích sử dụng	Thời gian sử dụng dự kiến
1	10 năm	3.000.000.000.000	Cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp	Trong vòng 01 năm kể từ ngày số tiền của đợt chào bán tương ứng được giải tỏa theo quy định pháp luật
2	10 năm	3.000.000.000.000	Cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp	Trong vòng 01 năm kể từ ngày số tiền của đợt chào bán tương ứng được giải tỏa theo quy định pháp luật
3	10 năm	3.000.000.000.000	Cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp	Trong vòng 01 năm kể từ ngày số tiền của đợt chào bán tương ứng được giải tỏa theo quy định pháp luật
4	10 năm	3.000.000.000.000	Cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp	Trong vòng 01 năm kể từ ngày số tiền của đợt chào bán tương ứng được giải tỏa theo quy định pháp luật
5	10 năm	3.000.000.000.000	Cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp	Trong vòng 01 năm kể từ ngày số tiền của đợt chào bán tương ứng được giải tỏa theo quy định pháp luật

Số tiền 3.000.000.000.000 đồng tại mỗi dòng là số tiền chào bán dự kiến ban đầu của từng đợt.

Việc phân bổ số tiền thu được giữa cho vay khách hàng cá nhân và cho vay khách hàng doanh nghiệp được thực hiện theo nhu cầu giải ngân thực tế trong từng thời kỳ, không xác lập thứ tự ưu tiên cố định giữa hai nhóm khách hàng; nguyên tắc này áp dụng cho cả trường hợp thu đủ số tiền dự kiến và trường hợp số tiền thực tế thu được thấp hơn dự kiến. Việc phân bổ nêu trên không làm thay đổi mục đích sử dụng vốn đã được Hội đồng quản trị thông qua.

Trường hợp số tiền thực tế thu được từ một Đợt Chào Bán thấp hơn số tiền chào bán dự kiến ban đầu, Tổ Chức Phát Hành cân đối từ các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của TPBank để đáp ứng nhu cầu cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp, phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của TPBank.

Các khoản phí, chi phí liên quan đến Đợt Chào Bán (phí tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán và tư vấn niêm yết, phí đại diện người sở hữu trái phiếu, phí đăng ký, lưu ký, niêm yết, phí tài khoản phong tỏa và các chi phí khác) do Tổ Chức Phát Hành chi trả và không trừ vào số tiền thu được từ Đợt Chào Bán.

Trong thời gian chờ giải ngân và trong thời hạn sử dụng vốn nêu tại Bảng trên, số tiền tạm thời chưa sử dụng có thể được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gửi tại ngân hàng thương mại hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài, hoặc mua chứng chỉ tiền gửi do ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành, bảo đảm an toàn, hiệu quả và phù hợp với nội dung

công bố tại Bản Cáo Bạch. Việc bố trí tạm thời này không làm thay đổi mục đích cuối cùng là cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp.

2. Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ Đợt Chào Bán

Nguồn thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu gồm dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, thu hồi gốc và lãi các khoản cho vay và các nguồn vốn hợp pháp khác của TPBank.

Lãi Trái Phiếu được thanh toán định kỳ 12 tháng một lần theo các điều kiện của Trái Phiếu tại Phần VI Bản Cáo Bạch này, trừ trường hợp ngừng trả lãi theo quy định tại Mục 8 Phần VI. Gốc Trái Phiếu đang lưu hành được thanh toán 100% tại Ngày Đáo Hạn của từng mã Trái Phiếu. Đối với Trái Phiếu được mua lại trước hạn, việc thanh toán thực hiện theo phương án mua lại được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Dự kiến nguồn thu dự phóng từ danh mục cho vay từ nguồn vốn thu được từ chào bán Trái Phiếu được dùng để thanh toán các khoản gốc, lãi Trái Phiếu như sau:

Đợt 1:

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	Lãi suất đầu ra/lãi suất cho vay dự kiến (%/năm)	Dư nợ cho vay bình quân dự kiến từ nguồn vốn Trái Phiếu	Thu nhập lãi từ danh mục cho vay dự kiến
Năm 1	10,0%	3.000	300
Năm 2	10,0%	3.000	300
Năm 3	10,0%	3.000	300
Năm 4	10,0%	3.000	300
Năm 5	10,0%	3.000	300
Năm 6	10,0%	3.000	300
Năm 7	10,0%	3.000	300
Năm 8	10,0%	3.000	300
Năm 9	10,0%	3.000	300
Năm 10	10,0%	3.000	300

Đợt 2:

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	Lãi suất đầu ra/lãi suất cho vay dự kiến (%/năm)	Dư nợ cho vay bình quân dự kiến từ nguồn vốn Trái Phiếu	Thu nhập lãi từ danh mục cho vay dự kiến
Năm 1	10,0%	3.000	300
Năm 2	10,0%	3.000	300
Năm 3	10,0%	3.000	300
Năm 4	10,0%	3.000	300
Năm 5	10,0%	3.000	300
Năm 6	10,0%	3.000	300
Năm 7	10,0%	3.000	300
Năm 8	10,0%	3.000	300
Năm 9	10,0%	3.000	300
Năm 10	10,0%	3.000	300

Đợt 3:

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	Lãi suất đầu ra/lãi suất cho vay dự kiến (%/năm)	Dư nợ cho vay bình quân dự kiến từ nguồn vốn Trái Phiếu	Thu nhập lãi từ danh mục cho vay dự kiến
Năm 1	10,0%	3.000	300
Năm 2	10,0%	3.000	300
Năm 3	10,0%	3.000	300
Năm 4	10,0%	3.000	300

Năm	Lãi suất đầu ra/lãi suất cho vay dự kiến (%/năm)	Dư nợ cho vay bình quân dự kiến từ nguồn vốn Trái Phiếu	Thu nhập lãi từ danh mục cho vay dự kiến
Năm 5	10,0%	3.000	300
Năm 6	10,0%	3.000	300
Năm 7	10,0%	3.000	300
Năm 8	10,0%	3.000	300
Năm 9	10,0%	3.000	300
Năm 10	10,0%	3.000	300

Đợt 4:

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	Lãi suất đầu ra/lãi suất cho vay dự kiến (%/năm)	Dư nợ cho vay bình quân dự kiến từ nguồn vốn Trái Phiếu	Thu nhập lãi từ danh mục cho vay dự kiến
Năm 1	10,0%	3.000	300
Năm 2	10,0%	3.000	300
Năm 3	10,0%	3.000	300
Năm 4	10,0%	3.000	300
Năm 5	10,0%	3.000	300
Năm 6	10,0%	3.000	300
Năm 7	10,0%	3.000	300
Năm 8	10,0%	3.000	300
Năm 9	10,0%	3.000	300
Năm 10	10,0%	3.000	300

Đợt 5:

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	Lãi suất đầu ra/lãi suất cho vay dự kiến (%/năm)	Dư nợ cho vay bình quân dự kiến từ nguồn vốn Trái Phiếu	Thu nhập lãi từ danh mục cho vay dự kiến
Năm 1	10,0%	3.000	300
Năm 2	10,0%	3.000	300
Năm 3	10,0%	3.000	300
Năm 4	10,0%	3.000	300
Năm 5	10,0%	3.000	300
Năm 6	10,0%	3.000	300
Năm 7	10,0%	3.000	300
Năm 8	10,0%	3.000	300
Năm 9	10,0%	3.000	300
Năm 10	10,0%	3.000	300

(Trường hợp một đợt chưa phân phối hết, phần chưa phân phối hết được xử lý theo nguyên tắc và điều kiện chuyển tiếp tại Mục 4 Phần VI Bản Cáo Bạch này. Vì vậy, dư nợ cho vay của mỗi đợt có thể thay đổi theo giá trị Trái Phiếu phát hành thực tế của đợt đó.)

Các giả định như sau:

- Năm được tính kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu của mỗi đợt;
- Số tiền thu được từ mỗi Đợt Chào Bán được giải ngân cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp theo danh mục gồm nhiều khoản vay có kỳ hạn khác nhau. Tiền gốc thu hồi từ các khoản vay đến hạn được tiếp tục giải ngân cho vay mới theo mục đích sử dụng vốn nêu tại Bản Cáo Bạch này, theo đó dư nợ cho vay từ nguồn vốn Trái Phiếu được duy trì tương ứng với giá trị Trái Phiếu đang lưu hành của đợt đó. Tại Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Phát Hành sử dụng tiền thu hồi gốc từ danh mục cho vay nêu trên và các nguồn vốn hợp pháp khác để thanh toán gốc Trái Phiếu;
- Lãi suất đầu ra/lãi suất cho vay giả định là 10,0%/năm và không thay đổi trong suốt kỳ hạn Trái Phiếu. Mức giả định này được xác định theo nguyên tắc thận trọng, thấp hơn tỷ lệ thu nhập lãi cho vay trên dư nợ cho vay khách hàng bình quân của TPBank trong quý II/2026 quy đổi theo năm, khoảng 10,5%/năm, theo số liệu báo cáo tài chính riêng lẻ quý I/2026 và báo

cáo tài chính riêng lẻ giữa niên độ năm 2026 đã soát xét. Lãi suất cho vay thực tế được xác định theo chính sách cho vay của TPBank trong từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật;

- Trái Phiếu không được mua lại trước hạn và được lưu hành đến Ngày Đáo Hạn.

Dự kiến kế hoạch thanh toán nợ của TPBank như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	Chỉ tiêu	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	Đợt 5
Thời gian phát hành dự kiến		Quý IV/2026	Quý IV/2026	Quý I – Quý II/2027	Quý II – Quý III/2027	Quý III/2027
Giá trị Trái Phiếu dự kiến phát hành thành công		3.000	3.000	3.000	3.000	3.000
2027	Dự kiến lãi Trái Phiếu	285	285	0	0	0
2028	Dự kiến lãi Trái Phiếu	285	285	285	285	285
2029	Dự kiến lãi Trái Phiếu	285	285	285	285	285
2030	Dự kiến lãi Trái Phiếu	285	285	285	285	285
2031	Dự kiến lãi Trái Phiếu	285	285	285	285	285
2032	Dự kiến lãi Trái Phiếu	285	285	285	285	285
2033	Dự kiến lãi Trái Phiếu	285	285	285	285	285
2034	Dự kiến lãi Trái Phiếu	285	285	285	285	285
2035	Dự kiến lãi Trái Phiếu	285	285	285	285	285
2036	Dự kiến lãi Trái Phiếu	285	285	285	285	285
	Gốc Trái Phiếu	3.000	3.000	0	0	0
2037	Dự kiến lãi Trái Phiếu	0	0	285	285	285
	Gốc Trái Phiếu	0	0	3.000	3.000	3.000

Các giả định như sau:

- Trái Phiếu không được mua lại trước hạn và được lưu hành đến Ngày Đáo Hạn;
- Lãi Suất Tham Chiếu giả định là 5,4%/năm và không thay đổi trong suốt kỳ hạn Trái Phiếu; Biên Độ giả định là 4,1%/năm; lãi suất Trái Phiếu tương ứng là 9,5%/năm. Biên Độ 4,1%/năm là mức Biên Độ tối đa theo Phương án phát hành; Tổ Chức Phát Hành sử dụng mức này để xây dựng kế hoạch thanh toán nợ theo nguyên tắc thận trọng. Biên Độ thực tế của từng Đợt Chào Bán có thể thấp hơn mức tối đa, tùy thuộc tình hình thị trường tại thời điểm chào bán.

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI: Không có.

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

Trụ sở: Tầng 8, Tòa nhà Hapro, số 11B Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 6666 Fax: (024) 3944 8071

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KPMG

Trụ sở: Tầng 46, Keangnam Landmark 72, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3946 1600 Fax: (024) 3946 1601

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Trụ sở: Tầng 12, Tòa nhà Doji, số 5 Lê Duẩn, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (028) 3911 8014 Fax: (028) 3911 8015

TỔ CHỨC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM

CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP HẠNG TÍN NHIỆM ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Trụ sở: Phòng 2709, tầng 27 - Tháp Tây, tòa nhà Lotte Center Hà Nội, 54 Liễu Giai, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3388 6000

2. Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong ("**TPS**"), với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn cho đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("Tổ Chức Phát Hành"), đưa ra ý kiến như sau:

Việc rà soát được thực hiện trên cơ sở các tài liệu, thông tin và số liệu do Tổ Chức Phát Hành cung cấp, xác nhận và các nguồn thông tin công khai phù hợp tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch.

Tổng giá trị Trái Phiếu dự kiến chào bán ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành là 15.000 tỷ đồng theo mệnh giá, chia thành 05 đợt, bằng khoảng 47,0% vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành tại ngày 27/10/2026. Số tiền thu được từ các đợt chào bán được Tổ Chức Phát Hành sử dụng theo mục đích và kế hoạch nêu tại Phần VII và Phần VIII của Bản Cáo Bạch này.

Trên cơ sở các thông tin về Tổ Chức Phát Hành, phương án chào bán Trái Phiếu, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt chào bán, cùng với các thông tin về tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính – tiền tệ và thị trường chứng khoán tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch, TPS nhận định phương án chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành là có tính khả thi, với giả định không xảy ra các sự kiện bất thường hoặc bất khả kháng nằm ngoài khả năng kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành có ảnh hưởng trọng yếu đến việc thực hiện đợt chào bán.

Tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch, Tổ Chức Phát Hành sở hữu 51% vốn điều lệ của TPS.

Ý kiến này không cấu thành bất kỳ sự bảo đảm hoặc bảo lãnh nào của TPS đối với giá trị của Trái Phiếu, khả năng thanh toán gốc, lãi và các nghĩa vụ khác của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu, cũng như sự thành công của đợt chào bán.

3. Ý kiến của các chuyên gia về Đợt Chào Bán

Không có.

X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch, Tổ Chức Phát Hành không có thông tin quan trọng khác ngoài các thông tin đã được trình bày tại Bản Cáo Bạch này mà Tổ Chức Phát Hành xét thấy có thể ảnh hưởng trọng yếu đến quyết định của Nhà Đầu Tư.

(Phần còn lại của trang được chủ ý để trống)

XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2026

Đại diện của Tổ Chức Phát Hành

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIÊN PHONG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIÊN PHONG

ĐỖ MINH PHÚ

TỔNG GIÁM ĐỐC	KẾ TOÁN TRƯỞNG
NGUYỄN HƯNG	LÊ CẨM TÚ

Đại diện của Tổ Chức Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

NGUYỄN TRỌNG THANH

XII. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Giấy phép thành lập và hoạt động (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

Phụ lục 2:

(i) Nghị quyết số 35/2026/NQ-TPB.HĐQT ngày 23/09/2026 của Hội đồng quản trị TPBank thông qua Phương án phát hành, Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán và việc niêm yết Trái Phiếu phát hành ra công chúng, kèm Phụ lục I và Phụ lục II;

(ii) Nghị quyết số 38/2026/NQ-TPB.HĐQT ngày 29/09/2026 của Hội đồng quản trị TPBank về việc thông qua sửa đổi, bổ sung một số nội dung về đợt phát hành Trái Phiếu TPBank ra công chúng;

(iii) Nghị quyết số 39/2026/NQ-TPB.HĐQT ngày 29/09/2026 của Hội đồng quản trị TPBank thông qua Bộ hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu TPBank ra công chúng.

Phụ lục 3: Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/04/2026.

Phụ lục 4:

- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán, kèm Thư ủy quyền ngày 01/01/2025 của Công ty TNHH KPMG;
- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, kèm Thư ủy quyền ngày 01/01/2026 của Công ty TNHH KPMG;
- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét;
- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý III/2026.

Phụ lục 5: Văn bản cam kết số 4561/2026/TPB.TGĐ ngày 24/09/2026 về việc thực hiện nghĩa vụ của Tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác.

Phụ lục 6: Hợp đồng đại diện người sở hữu Trái Phiếu số 01/2026/HĐĐDNSHTP/TPB-UPSC ngày 24/09/2026 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Công ty Cổ phần Chứng khoán UP, áp dụng cho Chương trình trái phiếu TPBank chào bán ra công chúng nhằm bổ sung vốn cấp 2 giai đoạn 2026–2027.

Phụ lục 7: Văn bản ủy quyền số 21A/2026/TPS-UQ ngày 01/10/2026 của Công ty cổ phần Chứng khoán Tiên Phong.

Signature Not Verified
Ký bởi: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIÊN PHONG
Ký ngày: 13/11/2026 16:03:28